

# Mikhail Kalashnicov

Từ ngưỡng cửa ngôi nhà khác



đến công tháp Spaxki

## HUYỀN THOẠI AK-47

tve-4U  
CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tạp chí Roman. Gazeta

## **HUYỀN THOẠI AK-47**

**Tác giả: Mikhail Kalashnicốp**

**Dịch giả: Đỗ Quyên**

**Số trang: 460**

Nguồn: Tạp chí Roman Gazeta

Đánh máy: macbupda, dongadoan

Biên tập: Văn.Cường

Tạo ebook (04/05/16): QuocSan



## SỰ NGHIỆP CỦA KALASNHICÓP



Cái nhìn của anh ta đây bí hiểm.

Trong các cuộc nói chuyện tôi thường cảm thấy ngoài sự kính trọng sâu sắc đặc biệt; ngoài mỗi thiện cảm hầu như vô tận, thường có ở thế giới Ả rập phương Đông, trong mắt anh ta còn ẩn giấu không chỉ mối quan tâm chân thành mà cả nỗi buồn thân ái.

Mọi chuyện cùng một lúc đã được giải thích rõ.

Hầu như vào những giây phút cuối cùng của cuộc chia tay ở sân bay Ero-riiat, cặp mắt của người thiếu tá bánh trai bông sáng bừng lên anh nói hăng hái, sôi nổi. Người phiên dịch đây kinh nghiệm của chúng tôi phải cố gắng lắm mới dịch kịp: “Thưa ngài Kalasnhicóp, có khi nào ngài nghĩ rằng ngài cần phải thay đổi tín ngưỡng không?... Theo khái niệm của Kitô giáo thì ngài là một kẻ phạm tội vĩ đại... Ngài phải chịu trách nhiệm về hàng ngàn, hàng vạn các vụ giết người trên khắp thế gian này. Địa ngục từ lâu đã giành sẵn chỗ cho ngài rồi. Ngài sẽ không được tha thứ, dù cho có nhiệt tâm cầu khẩn nhà tiên tri Chúa Giêsu của ngài. Có phải thế không? Chẳng lẽ ngài lại đồng ý thế ư? Nếu ngài theo đạo Hồi, thì lại là chuyện khác. Chẳng giấu giếm gì, từ lâu tôi đã đề ý tới ngài, ngài là một tín đồ đạo Hồi chân chính. Thuở sinh thời ngài sẽ trở thành ngọn cờ của cả thế giới Ả rập, đến khi thời hạn trên trần thế giành cho ngài kết thúc, Đức thành Ala sẽ đón tiếp ngài như một vị anh hùng. Ngài xứng đáng được hưởng vinh quang ấy, thưa ngài Kalasnhicóp! Đây không phải ý kiến của riêng tôi. Các vị tu sĩ cao siêu của chúng tôi cũng tán thành ý kiến đó. Một vài tu sĩ còn biết những gì tôi vừa nói với ngài... Lòng nhân từ của Đức Ala là vô hạn. Vâng, sẽ là như thế!”

Mười năm về trước tôi đã “rửa tội” trước khi ra nước ngoài, tôi đã được nghe không biết bao nhiêu những câu nói không ngờ tới nhất, nhưng quả thực tôi không hề nghĩ tới những lời nói trên. Một cách vô thức tôi dè dặt chuyển sang giọng nửa đùa:

- Đây có phải là lời đề nghị chính thức không?

Anh ta sôi nổi đáp lại rằng, tôi đã hiểu không cần phiên dịch. Người phiên dịch chỉ còn biết khẳng định một ý nghĩ đã thoáng qua trong đầu tôi: “Ừ, hãy cứ coi là như thế!”

Cũng như mọi người Nga, trong trường hợp này để từ chối một cách lịch sự, tôi trì hoãn quyết định bằng một cách hứa hẹn với giọng biết lỗi.

- Để tôi suy nghĩ ạ!

Người thiếu tá nâng hai bàn tay để ngửa dưới cằm, mắt ngược lên bầu trời oi ả lầm nhảm: “Ala achar!...

Bimilliac!”

Câu nói này tôi cũng hiểu không cần phiên dịch: “Lạy Đức Ala vĩ đại!... Ý nguyện của Người là tất cả!”

- Có lẽ anh phải suy nghĩ nghiêm túc thật đấy! – Với vẻ mặt đăm chiêu cố ý, người phiên dịch còn khá trẻ tỏ ra thông cảm, khi chúng tôi bước lên thang chiếc “Boing”.

Tôi nói một câu đùa vui thân ái mong làm dịu đi ấn tượng nặng nề có thể gây ra bởi lời tuyên bố khô, lạnh của người thiếu tá Xêút về chỗ đứng chân sắp tới của tôi. Tôi bắt đầu phụ họa với anh ta: Tôi sẽ nghiên cứu, tôi nói là, tôi sẽ nghiên cứu vấn đề này. Chúng tôi ngồi vào ghế, hoàn toàn hài lòng với nhau, và hài lòng với những ngày qua ở cuộc triển lãm vũ khí bộ binh ở Eros-Riiat... Người phiên dịch cùng với các thành viên khác trong đoàn đã kịp nhám nháp một, hai ngụm cônhắc mừng cho cất cánh an toàn, mừng cho thời tiết bay tốt, giờ đã hòa vào câu chuyện chung, còn tôi, “tín đồ Hồi giáo chân chính”, lại kiên đề, và vô tình tách ra đơn độc. “Chịu trách nhiệm về hàng ngàn, hàng vạn các vụ giết người trên thế gian này...”.

Có biết bao nhiêu lời buộc tội tương tự như vậy dành cho tôi thời gian qua mà tôi phải đọc: bằng tiếng Nga và các bản dịch tiếng nước ngoài, hoặc nghe trên radiô, trên tivi và cả khi ngồi đối mặt với nhau. Thế nhưng người phản đối tôi này, chỉ trong một thời gian quen biết ngắn ngủi, nhiều lần tôi đã thấy rõ không chỉ là một chuyên gia sản xuất trong công việc của mình, mà còn là một người có học vấn rộng.

Khi nói chuyện về “tội lỗi” của tôi, anh ta đã khéo léo lái câu chuyện từ lĩnh vực đạo đức, tinh thần sang lĩnh vực thuần túy tôn giáo, một lĩnh vực mà tôi cũng như nhiều đồng bào tôi không thiết tha lắm... Và tôi không những không sẵn sàng tranh luận với anh ta, thậm chí không dự định tiếp thu những điều anh ta nói ra với một biểu hiện đầy đủ.

Nhiều người cùng thế hệ tôi, trong đó có tôi quan niệm về vấn đề tôn giáo với một sự tôn kính thâm kín trong lòng, pha chút sợ hãi. Sự tôn kính đó phần lớn ta có thể hiểu đó là sự nối tiếp nào đó với khái niệm tôn vinh chính bố mẹ, tổ tiên xa xưa của chính mình, và nói chung, với lịch sử của Tổ quốc. Nhưng cuộc sống quá khứ không đơn giản chút nào với những phương châm cứng nhắc, thường xuyên căng thẳng, có phần luôn phải cố gắng nỗ lực thực hiện tập trung hướng tới một mục đích, một vấn đề cụ thể nào đó, đã làm cho chúng ta trở thành những kẻ vô thân chính công, đến mức chẳng có lúc nào để nhìn vào một chân lý hiển nhiên là: không có Chúa Trời. Với một lòng đố kỵ vô thức và kèm theo là một nỗi buồn vô thức, tôi thường suy nghĩ và tự vấn mình: thế ra mi chỉ thích thú duy nhất có một việc là thiết kế súng ống à? Cái việc gây hại cho những việc khác...

Thú thật là, những ý nghĩ đó luôn ở trong tôi.

Một ngày trước khi rời Ijepesk để sang Ảrập Xêút tôi có mời Tfgênhi Vaxilieievich, một thợ nguội có kinh nghiệm, một trong những người tham gia đội chế tạo AK-47 đầu tiên, lên phòng làm việc của tôi. Chúng tôi nói chuyện về công việc xong xuôi thì Tfgênhi bỗng nhớ ra: “Tôi cứ nhớ mãi câu chuyện mà các xạ thủ kể cho nghe. Có một đại tá đã luống tuổi từ Mátxcova đến thăm trường bắn. Tâm trạng ông không được vui, ông nói với các chiến sĩ thế này: trông các cậu xách khẩu súng máy mà chán, cứ như thằng dở hơi xách bị đi khát thực. Cầm súng phải cho ra cầm súng chứ! Giá mà được thấy khẩu trung liên khạc đạn trong chiến đấu!... Chiến sĩ Vólôđia đã từng ở Apganixtan về, nói: Tốt hơn hết là bố không nhìn thấy cảnh này! Đặt cái chụp tai xuống, Vólôđia đi khỏi. Hôm sau cậu ta kể cho các bạn mình nghe trường hợp cả một đơn vị quân ta rơi vào ổ phục kích của địch. Như mọi khi, chúng chỉ có ba khẩu trung liên, súng chính do ta sản xuất, thế mà đê bẹp cả đội quân ta... Sau đó đi đêm, các cậu biết bao nhiêu xác chết không?... Sáu mươi bảy!”

Xong câu chuyện, Tfgênhi Vaxilieievich cứ nhìn tôi mãi, với cặp mắt thật buồn!... Thế đấy, từ lâu chúng tôi đã ở lứa tuổi mà mỗi người đã đến lúc phải nghĩ đến và chăm sóc phần hồn của mình.

Và còn hơn thế nữa, nếu như cả đời, chỉ làm mỗi việc chế tạo vũ khí giết người.

Như thế, chính người thiếu tá Xêút ấy, không biết mình đã gieo hạt vào nơi đã được cày xới từ lâu.

Người của ta đã rút khỏi Ápganixtan, nhưng chiến tranh ở đó vẫn tiếp diễn. Gần đây, tôi đã được nghe kể rằng: Vẫn như xưa, trên khắp đất nước Ápganixtan, loại cửa hàng duy nhất mở cửa vào “thứ sáu – thiêng liêng” là cửa hàng bán AK. Hầu như mỗi tỉnh có thủ lĩnh riêng, mỗi tỉnh có luật lệ riêng, nhưng có một luật chung ấy là: riêng vũ khí bạn có thể mua cả vào ngày thiêng của Chúa.

Giá như người thiếu tá nó với tôi sớm hơn, thì thế nào tôi chả hỏi anh về những đặc điểm này của đạo Hồi ngày nay... Hay là chính vì thế mà anh cố ý để lui câu chuyện mãi tới phút cuối cùng?

Tôi nhớ lại, cách đây mười lăm năm ở ngoại ô Mátxcova có mở một khóa huấn luyện sĩ quan cao cấp cho các học viên từ các nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang phát triển, thực chất đây là cuộc hội tụ các

ting hoa quân sự của các nước Á-Phi thân thiện với ta. Tôi và các nhà thiết kế vũ khí bộ binh chủ chốt khác được mời về giảng bài. Trong một lần giảng, chưa kịp kết thúc bài, thì một học viên châu Phi người săn chắc, tay cầm lá cờ nhỏ: “Bộ trưởng quốc phòng Môđambích”. Ông ta nói: “Tôi muốn cảm ơn và nhắc nhà công trình sư đáng kính rằng: hình khẩu súng của ông được in trên lá cờ nước cộng hòa trẻ tuổi chúng tôi. “Khẩu súng” tượng trưng cho cuộc chiến đấu giành tự do của chúng tôi – cuộc chiến đấu chống lại ách áp bức của bọn đế quốc nước ngoài. Bên cạnh khẩu súng là cuốn sách mở – tượng trưng cho cuộc đấu tranh chống nạn mù chữ, và cái cuốc, tượng trưng cho sức lao động được giải phóng...”.

Tôi thật nở gan nở ruột khi nhận vật kỷ niệm đầy ý nghĩa ấy...

Nhưng cách đây không lâu, theo yêu cầu của các cộng tác viên của Viện bảo tàng AK-47 tương lai (Viện bảo tàng đã được quyết định xây dựng ở thành phố Ijesk chúng tôi) tôi lục lại giấy tờ trong khu lưu trữ và toàn bộ vật kỷ niệm... Tôi tìm thấy lá cờ Môđambích và bất giác thờ dài cay đắng.

Có thể những bài báo tào bạo những năm gần đây đã hoàn thành sứ mệnh của mình?... “Sự nghiệp của Kalasnhicốp vẫn sống và chiến thắng: AK được in hình trên quốc huy của sáu nước”. “Cỡ 5,45, cỡ chết người: Apganixtan – Bacu – Đubôxaru”. Sợi dây chỉ dẫm máu nổi mảnh đất Apganixtan, thủ đô Azécbaizan và thành phố nhỏ ở Môđàvia. Sợi chỉ này cuộn thành hình viên đạn cỡ 5,45mm đang dùng cho khẩu tiểu liên Kalasnhicốp...”, “Vật thiêng Kalasnhicốp”; làm thế nào để dọa người dân trung lưu Nam Phi?... hãy chỉ cần nói một từ – “Kalashicốp”, thế là sẽ có hiệu quả. Ở đây thậm chí còn xuất hiện một từ mới, đồng nghĩa với động từ giết người – “ây-kây” – “AK”...

Muốn hay không muốn, tất cả những điều trên sẽ gắn với tôi mãi mãi như mảnh đạn cũ nằm trong người. Thường ngày ta bận rộn, lao động vất vả, lo âu suy nghĩ ta tạm quên “nó” nhưng “nó” vẫn cứ treo lơ lửng trong bạn, “đông cứng” trong mô thần kinh của bạn từ lâu... Nhưng nếu nó bỗng nhiên “cựa quậy” dữ dội? Đã có lần người Mỹ viết rằng “trung sĩ Nga vũ trang cho cả “khối Vácsava”. Phải chăng những “công tích” ngày nay của tôi thực sự phù hợp với quân hàm cấp tướng đang đeo?

Những năm gần đây tên truyền hình Nga chiến trận ngập những bộ phim ít tập, dài tập, hoặc dài vô tận kể về những “bố già” và về các cuộc thanh toán, phân chia khu vực dẫm máu của các băng đảng mafia quốc tế. Xem những phim này tôi không chịu nổi, thế nhưng đôi khi tình tò mò nghề nghiệp đã thắng thế. Bất kên nào cũng thấy cảnh bắn giết nhau khủng khiếp, thế một cách vô thức, tôi để ý xem bọn chúng, quân giết người ấy nó dùng “mẫu” súng nào? Thôi thì không thiếu kiểu nào, nhưng thẳng thừng sờ thì nhất thiết là dùng khẩu AK thân thuộc. Đôi lúc tôi nghĩ, nếu tất cả lũ quái thai này mà tập trung lại với nhau, thì sẽ thành một đội quan đông đảo biết bao nhiêu và khủng khiếp chừng nào!

Thế nhưng những gì đang làm xảy ra trong cuộc sống thực ngày nay còn khủng khiếp hơn nhiều so với điện ảnh.

Năm 1941, tôi – anh lính xe tăng bị thương đi nằm viện. Hàng đêm tôi bị những cơn đau ác mộng giày vò. Sáng dậy, với tờ giấy và cái bút chì trong tay, tôi vẽ khẩu tiểu liên tương lai của mình, thế là quên hết những giấc mơ đêm và dịu đi cả nỗi đau ngày... Đây không chỉ là kiểu tự vệ của riêng tôi, thời đấy có biết bao chiến sĩ như tôi đã vùng đứng lên với niềm khát khao cháy bỏng được bảo vệ Tổ quốc! Lúc ấy tôi đâu có nghĩ được bản thiết kế khẩu súng mới sẽ đưa những cơn ác mộng trở lại dưới dạng khác.

Bây giờ nghĩ lại, cũng phải thôi, không thể khác được. Thật bất hạnh nếu anh không có nghề nghiệp gì; không phải người làm vườn, không phải kỹ sư nông nghiệp, không phải bác sĩ thú y, như một trong những ông bạn thân của tôi... Còn tôi – người chế tạo vũ khí – điều đó đã nói lên tất cả, rõ ràng. Chỉ có điều là trước kia tôi không nghĩ được rằng vị trí của người ta ở thế giới bên kia không phụ thuộc vào bản chất, tư cách cá nhân, mà phụ thuộc vào nghề nghiệp của anh ta.

Có thể – tôi nghĩ – quả thật lối thoát duy nhất cho tôi là đạo Hồi?... Tôi không biết, liệu đạo Hồi có cứu rỗi được cuộc sống dưới âm phủ, – nếu như có cuộc sống ấy thật, – hay không. Nhưng nó có thể đảm bảo sự thanh thản trong lòng trên trần thế thì chính xác. Dù những ảo tưởng có xa vời đến mấy, con người ta lại thường hay xây dựng cho mình một pháo đài mà không một thứ vũ khí nào có thể đánh chiếm được. À, mà có thể, nếu ta nhìn kỹ hơn chúng ta với người Ả-rập, quả thật, cũng hợp nhau?

Dù tôi là người Nga mắt xanh, nguồn gốc từ vùng Altai xa xôi trải dài đến Cuban, chúng tôi vẫn là những người họ gần với những người dân miền núi Capcơ, thế mà từ Capcơ đến vịnh Pecxich, đến Iran, đến phương Đông Ả-rập, nói chung chẳng còn bao xa. Có thể đây là bộ nhớ di truyền của tôi được truyền lại từ bộ nhớ đời cụ kỵ, làm cho nét mặt của người Ả-rập có thiện cảm này xuất phát từ truyền thống quan hệ hữu hảo có từ hàng ngàn năm?

Con người bản tính vốn hữu hảo. Ở đây tôi chợt nghĩ: Phải chăng sự chăm sóc chân thành cho bạn là không đáng quý?... Thế còn khi ở trong nước có ai nói và nói bao giờ tôi lần cuối về phần hồn?... Hay

chúng ta lãng quên?... Hay là không được thừa nhận?

Nói gì thì nói, người thiếu tá Arập Xêút đã chạm vào nỗi đau của tôi: “Thủ tướng Aicập bị bắn chết bởi khẩu súng AK-47 Nga”. “Tên Kalas được đặt cho các bé trai mới sơ sinh đang là cái mốt ở Nam Phi”.

Bạn thử nghĩ xem: các chú bé này là ai?... chúng là những đứa con bất đắc dĩ, không chờ đợi và ngoài dự đoán của tôi. Hay ngược lại, là biểu trưng chung của sự tha hóa, côi cút tràn ngập hành tinh?

Thế còn bộ phim video “Kalasnhicôp đi săn” của các nhà báo Anh có giá trị gì? Giá như đổi lại cái tên thì sẽ phù hợp biết bao nhiêu. “Đi săn Kalasnhicôp”. Nhưng mọi uẩn khúc, mọi sự thật về bộ phim này, tôi và một số bạn tôi chỉ biết khi vô tình được chứng kiến cuộc thăm của những người làm truyền hình từ đài BBC ở thành phố Ijepsk chúng tôi. Thế nhưng nhiều người khác đã xem bộ phim này đều khẳng định, hàng trăm triệu người xem truyền hình trên khắp các châu lục đều chung nhau một ý nghĩ duy nhất: nhà sáng chế Nga này không chỉ là tên tội phạm chiến tranh bất trị – mà còn là một con quái vật!

Và dẫu sao thì sự kiện ở Ero-riat, cũng chẳng quan trọng gì, nhưng vẫn buộc tôi trước khi bay nước phải suy nghĩ lại nhiều vấn đề, và bỗng dưng phải nhìn nhiều sự vật bằng con mắt khác.

Không loại trừ chính cuộc nói chuyện với người thiếu tá Ả-rập ở sân bay đã trở thành giọt nước cuối làm tràn đầy ước vọng của tôi muốn kể lại các tư liệu về mình, về đồng đội, về Tổ quốc đau thương và về hành tinh chìm trong khói lửa chiến tranh liên miên của chúng ta... Cuối cùng thì tôi cũng không chỉ nghĩ đến cá nhân mình. Trong dân gian vốn vẫn có câu: Kiên nhẫn là mẹ thành công. Nhưng do công tín, chỉ cho mình là phải, chúng ta đã chia thế giới này thành hai phe ta và địch, còn chủ nghĩa vị kỷ quái đản đã đẩy biết bao con người có nghị lực vào việc biến thiên đường trên trái đất thành hỏa ngục chung cho mọi người. Tôi bắt đầu suy nghĩ về cuốn hồi ký từ đã khá lâu, nóng lòng vì nó, đến nỗi gác lại tất cả các công việc nào có thể, để ngồi vào bàn, bên tờ giấy trắng, không phải để vẽ lại một chi tiết nào đó mà để viết, viết...

Trong suốt cuộc đời, tôi đã phải trả lời biết bao bức thư: hàng trăm, hàng ngàn người gửi đến tôi... Lúc ấy tôi nghĩ rằng, sao mình không cố gắng viết một bức thư lớn, cùng một lúc gửi đến mọi người?

Nhưng trong cuộc sống thường vẫn phải có những công việc và kế hoạch nữa. Lúc thì việc thiết kế lúc thì công việc sản xuất đòi hỏi, muốn hay không muốn lại phải cho bản thảo vào cặp buộc lại, để lên đường xa làm nhiệm vụ. Trong nhiều năm, trong ngăn kéo bàn, tôi để các trang viết về các thời kỳ khác nhau của cuộc đời và các đoạn văn rồi được viết một hơi vào những ngày đau khổ không lối thoát, hoặc vào những lúc phẫn chán...

Đến bao giờ tôi mới có thể hợp nhất lại những trang viết đó, mới có thể “lắp ráp” các “phôi” đơn chiếc quý giá đối với tôi này thành một “sản phẩm” hoàn thiện?... Đôi khi tôi cứ tưởng tượng rằng con đường để xuất bản cuốn hồi ký cũng xa vời và đầy trắc trở y như con đường để sản xuất hàng loạt mẫu vũ khí nào đó. Mỗi lần tiêu phí mất bao nhiêu thời gian! Nhưng khi đó tôi còn trẻ, chịu đựng được.

Ước nguyện viết một tác phẩm văn học đặc biệt cháy bỏng trong tôi còn bởi một sự kiện đặc biệt: tôi làm quen với nhà nghiên cứu lịch sử vũ khí Mỹ: Etrard Edward Clinton Izel. Bạn có thể tưởng tượng tôi đã hỏi hợp thể nào khi cầm trong tay cuốn sách dày cộp của ông: “Lịch sử khẩu tiểu liên AK-47”. Ngoài bìa in dòng chữ “Hơn mười năm nhà sử học quân sự E.C. Ezel hoạt động trình thám, luồn sau vào lớp vỏ bọc bí mật bao quanh cuộc đời Kalasnhicôp”. Thế đấy, tôi nghĩ, mình có trong tay tất cả các quân bài – mà lại im lặng!

Trong một bức thư, Izel đề nghị: “Viện Smithson có ý định xây dựng một bộ phim video tư liệu khoa học về những nhà phát minh kỹ thuật hiện đại. Tôi muốn ông mời tôi sang bên để cùng trò chuyện với ông. Người của chúng tôi sẽ quay video cuộc nói chuyện của chúng ta. Nếu ông nhất trí, tôi rất mong được ông cho biết đặc điểm quá trình sáng tạo để trở thành một nhà sáng chế, những động cơ, phương pháp, điều kiện làm việc nào giúp định hướng tư duy và khả năng của nhà sáng chế. Ngoài ý nghĩa về một khoa học và về con người, thì những hiểu biết về các lĩnh vực trên sẽ có giá trị lớn trong việc giáo dục thế hệ trẻ, và tôi chò rằng nó cũng giúp cho việc thúc đẩy phát triển sự hiểu biết lẫn nhau, tôn trọng lẫn nhau giữa nhân dân hai nước chúng ta. Trong chương trình này đã quay xong về Yougin Stoner mà ông đã biết. Có lẽ sẽ còn có các nhà chế tạo vũ khí hiện đại xuất sắc khác nữa.

Tôi không ngạc nhiên về tài năng tổ chức của Edward, ông mang sang nước Nga một nhóm lớn cộng tác viên được trang bị đến tận răng những phương tiện kỹ thuật video, kỹ thuật điện ảnh... tôi thường nghĩ đến câu nói của ông: có giá trị đối với thế hệ trẻ.

Trong khi đó, thì một câu nói cửa miệng của con cái chúng ta vẫn ngày ngày đập vào tai ta: “Pepsi là sự lựa chọn của thế hệ mới!”

Thế đấy...

Khi đã kết luận, Izel ép tôi viết cuốn sách về bản thân. Có một số đoạn tôi viết được là nhờ có sự kiên trì của con người không biết mệt mỏi này.

Giờ thì ông không còn nữa. Có thể ông mất vì làm việc quá căng thẳng, mong muốn hết sức để trong một thời gian không dư dật mà số phận đã dành cho ông làm được nhiều nhất.

Lúc bấy giờ tôi đã viết xong chương “hộp đen”. Chương này kể về những ngày bi đát của gia đình tôi vào những năm “bản cùng hóa nông dân” và về một số các chi tiết thời thơ ấu của tôi mà trước kia bản thân tôi vì mục đích tự vệ không dám nhớ đến.

Khi cuốn sách tự bạch đã được tin trên giấy, tôi càng suy nghĩ căng thẳng hơn: đã đến thời được nói tất cả những gì đã xảy ra trong đời tôi chưa, có thể nói hết sự thật chưa? Và nó chung có cái thời ấy hay không?

Tuy nhiên thời gian, năm tháng trôi qua không thể giữ kín mọi chuyện được mãi, ngược lại báo chí “Tự do” rất hăng hái sục sâu vào những năm mà hoạt động của tôi hoàn toàn được giữ kín: “Bàn tay của Elsin đã vươn tới Kalashnicốp”, “Con người và khẩu súng”, “Huyền thoại cuối cùng về kỹ thuật vũ khí”, “Kalashnicốp – người Bỉ”, “Hạ giá quần áo cho người nghèo”.

Thư từ gửi cho tôi tăng đến mức không thể viết thư trả lời hết được, mặc dù tôi vẫn coi đó là trách nhiệm của mình

Đã lâu lắm rồi, khi còn niên thiếu, tôi đã làm thơ, làm nhiều thơ, sáng tạo cả những trường ca nữa. Lúc đó hình như tôi có biết thế nào là cảm hứng sáng tác... thế nhưng sự việc lại diễn ra theo hướng khác, sự nghiệp thơ ca cao cả đó lại giúp tôi trong những việc khác, hoàn toàn xa lạ với thơ ca, thậm chí còn thù nghịch nữa là khác...

Đâu khoảng vào giữa những năm 60, một lần tôi được làm quen với một nhà thơ nổi tiếng, và hiện nay vẫn đang thành đạt. Chúng tôi nói chuyện rất cởi mở, bất ngờ tôi thú nhận với ông rằng tôi cũng làm thơ... “Nghĩa là anh hiểu thế nào là thơ Jambor, thế nào là thơ Côê – Ông hỏi tôi với vẻ hài hước rõ rệt – Thế còn các nhà chế tạo vũ khí thích “tiết tấu” nào? Loạt ngắn? Hay loạt dài?...”

Tôi thấy thích câu nói đùa khéo ấy và tôi hiểu rất rõ cái sắc sảo trong câu nói đó, thế nhưng còn cái giọng nói và cái nhìn đầy vẻ đắc thắng đó của ông ta...

Và, dù sao chẳng nữa, tôi vẫn quyết định đưa tác phẩm chưa được hoàn thiện của mình ra trước công chúng để phán xét. Hãy cứ để ai đó cho rằng “loạt từ” quá dài, hoặc ngược lại có người cho rằng quá ngắn và ngắt quãng. Vấn đề không phải ở đây.

Cái chính là tiếng nói của tôi nhằm trúng đích.

Nhưng điều đó không chỉ phụ thuộc vào tôi mà còn phụ thuộc vào tất cả những ai có ý định đọc những ghi chép này của tôi.

Ngày trước, lúc còn bé, sống ở quê, được nghe câu chuyện huyền thoại về các chiến sĩ đánh giáp lá cà tài ba có thể dùng tay tóm được viên đạn bay.

Thế còn việc “tóm được” lời nói là một việc vừa đơn giản hơn lại vừa phức tạp hơn.

## CHIẾC ÁO LỘT LÒNG

Tôi sinh ra và lớn lên ở Altai, làng Curia. Thế nhưng ngay từ khi biết nhận thức, tôi vẫn nhớ là gia đình tôi trước kia ở nơi khác, một vùng âm áp tôi chưa hề biết. Theo lời kể của cha mẹ tôi thì vùng ấy ví như một thiên đường đã bị mất... Ở đó mọi người sống hạnh phúc. Ở đó mọc những cây ăn quả tuyệt vời: táo, mơ, “bargamot” và “granclét”

Những quả táo, tôi có thể tưởng tượng như người ta viết trong các chuyện cổ tích, chúng giống “những quả táo thần”. Thế còn hai loại quả huyền thoại kia là quả gì? Có phải chúng đem lại niềm vui sướng cho con người?

Tôi hỏi bố mẹ sao lại chuyển đến một vùng tuyệt giá, thì cả hai người đều cười hiền từ, và trả lời gần như chung một ý: rằng hoa quả đối với con người không thể phải là chính yếu, nó chỉ là thứ ăn chơi, cái căn bản đối với mỗi người sống trên mặt đất là bánh mì. Thế mà ở đây bánh mì mọc sẵn trên cây cỏ mà – nào tôi có thấy lần nào loại cây ấy đâu?

Bí mật này của tuổi thơ tôi còn lưu giữ rất lâu, đến độ nhiều năm sau, mỗi khi nhắc đến một chi tiết nào đó của câu chuyện xưa, trong lòng tôi lại bùng lên một tình cảm thơ mộng huyền diệu. Và trong các báo cáo long trọng thời trẻ, cũng như trong các bài phát biểu chính thức mang nặng dấu ấn thời đó, tôi thường nói thế này: thật hạnh phúc nhận ra một sự thật là... Thế rồi, tôi kể ra các thắng lợi, thành tích đạt được, mặc dù cái thắng lợi đó có thật hay không không cần biết, vậy làm sao trong tôi lúc ấy có thể nào cũng thức dậy những hồi ức về một thời hạnh phúc xa xưa. Và chỉ mãi đến khi ở tuổi gần như đã trưởng thành tôi mới hiểu rằng “granclét” là một loại mận quả cực to giống “renclôt”, còn “bargamot” là giống lê ngọt quả to... Và cuối cùng tôi mới biết, thế ra là cha mẹ tôi từ làng Hạnh phúc vùng Cuban chuyển đến Altai.

Có lẽ vì mọi người trong nhà thường hay chuyện nên từ bé tôi đã biết tôi sinh ra trên đồng cỏ khô, chứ không phải trong nhà. Hôm đó mẹ tôi vừa kịp đặt xô nước gánh từ giếng về, treo đòn gánh lên một chiếc đỉnh xong, chỉ kịp đi đến đồng cỏ thì tôi đã ra đời. Lúc sinh ra, tôi rất gầy yếu, và như người nhà tôi nói, không có bệnh nào mà tôi không mắc. Có khi cùng lúc mắc hai, ba bệnh liền chữa mãi không khỏi, thoi thoi đến hết ông “y sãi” làng lại đến khắp lượt các bà lang băm trong vùng. Tôi đã suýt chết.

Khi ấy tôi lên sáu. Tôi đã ngừng thở. Bố mẹ thôi đặt chiếc lông lên mũi tôi, nó chẳng động đậy tí nào, bèn cho người đi gọi bác thợ mộc. Đến nhà, bác bẻ cành cây làm thước đo người tôi, rồi bước ra sân làm hòm... Nhưng bác chỉ vừa kịp bỏ nhát riêu đầu tiên, thì tôi bắt đầu tỉnh lại. Lại gọi bác thợ mộc vào nhà. Bác nhỏ nước bọt nói: “Thằng nhãi ranh, vát mũi chưa sạch, thế mà đã biết lừa!”

Sau này nhiều lần tôi được nghe một người làng cũ gặp tôi là nói bóng gió gợi lại chuyện tôi đã từng giả vờ ốm. Nghe nói thế về mình, đôi khi tôi rất tức, và chỉ sau này, muộn hơn, tôi mới hiểu và tha thứ cho mọi người. Mẹ tôi, Alexandra Phorôlôpa, có tất cả 19 người con, nhưng chỉ sống tám người. Tôi nhớ hồi ở Ijpsk lúc ấy mẹ tôi từ lâu đã thành cụ nội rồi, các con tôi bám lấy bà mà hỏi: Bà ơi, bà kể đi, bà có bao nhiêu người con tất cả... mẹ tôi bắt đầu đếm đốt ngón tay tính: “Gasa, Vichia, Nura, Vaxia, Nhicôlai, Ivan, Andréi, Tachiana, Ivan...”. Các cháu gái định chữa: “Ivan bà đã tính rồi, bà?”, “Không, đây là Ivan khác, – Bà nói – Ivan kia chết rồi”, “Bà đếm tiếp đi”. Bà gập ngón tay út: “Mikhain...”. Tôi là người con thứ mười của bà. Bà lại xòe hết các ngón trên hai bàn tay tính lại. “Thế còn Nhicôlai bà cũng tính hai lần?”- Các cháu gái lại hỏi. – “Cái gì?”- Nhicôlai thứ nhất cũng... “Còn sống, các cháu ạ! – Bà thở dài – Còn sống”.

Lúc này, bắt giác tôi nghĩ về gia đình người Nga chúng ta: Nó đã hình thành như thế đấy. Làm gì có kế hoạch gia đình, mọi chuyện diễn ra, đều do “trời cho” cả! Còn một khía cạnh nữa; ai cũng mong có con, hy vọng khi lớn lên chúng sẽ giúp đỡ. Mong có người làm! Chính vì thế mà chúng tôi đến vùng Altai xa xôi: “Đi tìm đất”.

Ngày nay hoàn toàn khác: Mỗi cặp vợ chồng chỉ có một con, hoặc có khi người mẹ sống độc thân...

Mọi thứ chỉ dồn cho mình nó, mọi sức lực cạn kiệt vì nó, nhưng nó được bằng một trong số 15-18 đứa con kia không?

Giờ ta lại trở về làng Curia của chúng tôi. Có một chi tiết, có thể không kém phần quan trọng trong tiểu sử của tôi: “Từ khi còn bé tí, đến tuổi thiếu niên nhiều lần tôi được nghe mẹ tôi thì thầm đầy bí ẩn với hàng xóm, rằng “Thằng Misa nhà tôi sau này sẽ sướng lắm đấy, nó đẻ ra trong chiếc áo sơ mi hạnh phúc vào giờ tốt. Tôi sẽ giữ cẩn thận!- Nói rồi mẹ tôi chỉ vào chỗ chiếc đèn thờ và tượng thánh trên bàn thờ – Ở đấy!”

Và một lần, cơ hội hiếm có đã đến, chỉ có một mình ở nhà, tôi kéo chiếc bàn lại gần bàn thờ, đặt chiếc ghế đầu lên trên, leo lên tháo bức tượng thánh trên ra. Tôi nghĩ trong đấy sẽ có cái áo hạnh phúc mà không hiểu sao mọi người lại giấu tôi. Bè mấy cái đinh con lên cho thẳng, tôi tháo miếng đập sau bức tượng ra, nhưng ngoài lá kim loại đồng và những bông hoa giấy, không có gì nữa cả. Sau này bố tôi lôi tôi xuống



“cho mấy cái thất lung” và đe: “Giờ mày đã biết cái gì ở đây chưa... Giờ đã hiểu chưa?”. Tuy nhiên phải thú thật là, đối với tôi trận đòn hôm ấy vẫn chưa rõ lý do: làm hỏng tượng thánh hay vì tội tò mò.

Bây giờ, từ xa nhìn lại, khi mà nhiều tình tiết trong đời tôi hình như không phải ngẫu nhiên xảy ra, mở mang ý nghĩa điềm báo nào đó thì đôi khi tôi bỗng nhớ lại: vậy bức tượng thánh ấy là gì nhỉ?... Sau đó tôi đã lao động quên mình, cẩn thận làm lại tất cả như cũ, nhưng rồi cũng chẳng có thời gian rỗi để mà ngắm nhìn chính hình tượng Chúa... Và sau đó bức tượng biến đi đâu mất, và tôi cũng không tìm thấy “chiếc áo hạnh phúc” của mình.

Vài năm trước đây, khi nói chuyện về chiếc áo bí ẩn này, một người quen tốt bụng của tôi nói thế này: “Ông Mikhain Timôphêvich ạ, giờ tôi mới hiểu bí mật của các thành công trong sáng chế của ông. Chẳng hạn, trước kia theo tục lệ của người Cherkes, thì bố mẹ thế nào cũng đem đốt hoặc chôn xuống đất cái áo ấy, để cho đứa trẻ trở nên bình thường như các bạn đồng trang lứa, không có những khác biệt và ưu thế riêng biệt gì vượt trội. Còn ông, chính là một mẫu hình của nền dân chủ nhân dân: không hề có bất cứ một hình thức nguy tạo nào. Mẹ ông đã không làm như mọi người, bà cụ đã thương ông, giấu kín cái áo, bắt chấp tục lệ. Thế nên, ông phải mang ơn mẹ mình, cụ Aléxchandra Phorôlôpna, mãi mãi sau này!”

Cũng có thể như thế. Quả thật, tôi mang ơn mẹ tôi nhiều lắm.

Tôi đã là một đứa bé ốm yếu, bệnh tật, nhưng lại thích chơi với các bạn lớn hơn, bằng tuổi các anh tôi. Tôi thường ra sức cố gắng để không thua kém ai, chơi bình đẳng với cả đội. Ước vọng này có lúc đã dẫn đến những hậu quả đáng buồn.

Khoảng sáu – bảy tuổi, tôi vẫn ngăm ganh tị với các bạn mình có đôi giày trượt băng làm lấy bằng gỗ, bịt sắt hoặc “đóng móng” bằng một đoạn dây sắt lưới để. Cuối cùng thì tôi cũng thực hiện được ước mơ của mình: anh cả đã làm cho tôi đôi giày trượt băng như thế! Buộc xong đôi giày gỗ vào ủng, tôi khập khiễng đi ra phía sông. Lần đầu tiên trong đời, tôi biết thế nào là trượt băng, cứ một chân trượt một chân đẩy tôi đi, và cứ thế, tôi trượt thẳng xuống lỗ đục thông xuống băng... Nếu không có cái mũ bông to của anh cả tôi xòe ra như cái dù căng gió thì tôi đã chết chìm. Tôi ôm mũ, người chìm xuống nước đến thẳng lưng kêu to, nhưng các bạn tôi lại còn kêu to hơn, gọi người đến cứu.

Bây giờ tôi không còn nhớ mọi người đã lôi tôi lên và mang về nhà như thế nào... Bố mẹ tôi lột hết quần áo ướt của tôi ra, đẩy tôi lên mặt bếp lò kiểu Nga, trong đó sấy lúa kiều mạch. Hơi ấm từ lúa nhanh chóng truyền sang tôi, một lúc sau người tôi ướt đầm mồ hôi, nhưng bố mẹ vẫn cứ tiếp tục giữ một thời gian ở trên lò, vì sợ tôi mắc bệnh lao phổi. Mọi việc đã xong xuôi: những hạt lúa nóng ẩm đã làm được công việc tốt lành là xông hơi lần ấy cho tôi thật kỹ. Sau này, mỗi khi bị lạnh ở ngoài mặt trận, lúc nằm viện hệ thống sưởi ấm kém, lúc đi câu cá sau chiến tranh, chỉ cần nghĩ đến lần xông ấy là đã thấy ấm lòng. Nhưng lại có cái giờ là tôi không biết trượt băng. Tôi đã thử nhiều lần và hoàn toàn không hiểu tại sao, không thể trượt nổi, giày tự làm không nói làm gì, kể cả giày chính hiệu “Nàng Bạch Tuyết”, “Canada”... cũng không trượt được. Nhân nhắc tới nước, có lẽ nên kể luôn câu chuyện tôi đã lập “kỷ lục” lặn như thế nào.

Con sông nhỏ Lôchépca chảy qua làng tôi không rộng và không sâu, nhưng hay dờ chứng bất thường và có những chỗ nguy hiểm, những vực nước sâu, đến cả người lớn cũng phải sợ. Mặt nước nhìn lặng lẽ yên tĩnh, nhưng nó đã từng mang đi nhiều mạng người. Thường thì bọn chúng tôi tránh xa những vực nước ấy. Nhưng chúng không chỉ đe dọa mà còn hấp dẫn, thu hút chúng tôi nữa!... Và một lần chúng tôi tắm ở một đoạn sông không xa vực lắm, tôi đã không kim được, để trôi xuôi vào vùng xoáy. Đáng lẽ phải cố để ngoi lên, tôi lại thích thú hụp xuống thêm sâu hơn, sâu hơn nữa. Xuống đến đáy sông tôi ngồi bó gối, co rúm người, uống nước, khi mở mắt ra thì thấy phía trước có đám cỏ giầy mọc, lá của chúng rạp rờn, uốn lượn lên trên. Thật khó nói, tôi đã ở trong trạng thái sững sờ ấy bao lâu... Và bỗng nhiên, với óc tưởng tượng của trẻ con, tôi hình dung ra mẹ tôi đang khóc bên rất đông họ hàng, xúm giềng đến đưa tang đứng thành vòng chặt cứng quanh tôi.

Ai cũng bảo rằng: tại ma xui, quỷ khiến lôi kéo thằng Misa xuống vực, chứ nó không thể tự bơi đến đấy... Tất cả những điều đó tôi đã hình dung ra và cảm thấy như có thực! Rồi sau đó điều gì xảy ra tiếp theo tôi không còn nhớ.

Nghe kể lại rằng, vớt được tôi lên bờ, mọi người đặt tôi lên một chiếc chăn mỏng, nâng lên khỏi mặt đất, lặc đi lặc lại đánh vông để xô nước ra... Khi bố mẹ tôi chạy đến thì tôi đã hoàn toàn hồi tỉnh. Sự cố này đã để lại dấu ấn trong đời tôi, khiến cho đến tận bây giờ tôi vẫn không biết bơi. Bao nhiêu lần bơi tập, bao nhiêu năm vẫn thế, không vượt qua được cái khuyết tật bực mình này... chỉ mới bơi được năm, mười mét đã hoảng sợ ngoái lại nhìn bờ như nhìn một báu vật thiêng liêng rồi... Đồng thời lúc nào tôi cũng có cảm giác bên dưới là một khoảng sâu thăm thẳm. Thật khó tưởng tượng được rằng, một người đã trưởng thành lại không thể vượt qua nỗi sợ hãi đã trải qua một lần thoi thơ ấu. Nhưng đó là sự thật.

Còn một ký ức tuổi thơ nữa: bệnh đậu mùa. Lúc tôi gần năm tuổi thì bị đậu, khắp người đậu mọc dày, suốt ngày đêm ngứa ngáy không yên. Không chịu nổi, tôi cứ muốn cào nát những cái nốt nhỏ trên người. Bố mẹ tôi cứ đe nẹt luôn mãi: “Bỏ tay ra!... mà mà cào nát đậu là rồi mai sẽ rồ như con Xônhia ấy!” Xônhia là cô bé hàng xóm mặt rỗ chẳng rỗ chịt cứ y như cái bàn xát khoai. Nhưng có lúc ngứa quá không chịu nổi, tôi đành chấp nhận giống... Xônhia cũng được... bố mẹ tôi thấy thế liền trói tay tôi lại. Mặc dù bố mẹ tôi đã hết sức cố gắng và tôi đã cắn răng chịu khổ, chịu sở, nhưng dấu vết của căn bệnh vẫn còn lại trên mặt tôi.

Về những năm tháng tuổi thơ, cho dù có khó khăn vất vả bao nhiêu chăng nữa, mỗi khi nhớ lại, suốt đời tôi vẫn thấy bồi hồi xao xuyến... Từ năm bảy tuổi đến chín tuổi, hàng xóm đã mượn tôi dắt ngựa làm đồng. Sáng sớm đi làm khi mặt trời mọc, đến tối mịt mới đi ngủ. Ở Altai giữa mùa hè tối mịt nghĩa là 11 giờ tối. Đêm mùa hè chỉ như một thoáng qua, ngắn ngủi... Lúc ấy tôi không thể tưởng tượng được rằng đến bao giờ mới được ngủ chán mắt. Từ sáng sớm đến đêm, tôi ngồi trên lưng ngựa cày hoặc bừa, cứ nhìn mãi lên trời và lấy làm ngạc nhiên: sao mặt trời lại đi chậm chạp thế?

Chính bản thân chủ tôi làm việc đến “sáu bàn chân”, đương nhiên tôi cũng phải làm theo thế...

Sáng sớm tinh mơ, khi mặt trời vừa lên, bóng tối cứ ai đều trải dài trên mặt đất, sau đó khi mặt trời bò lên dần, lên dần thì bóng người cũng ngắn lại... Đồng hồ lúc ấy không có, giờ nghỉ trưa tính theo độ dài của bóng nắng. Khi nào bóng tối co ngắn lại bằng đúng sáu bàn chân tôi, thì mới đến giờ nghỉ. Càng gần đến trưa tôi lại càng nhiều hy vọng, cố tính mãi: một này, hai này!... Cuối cùng tôi reo lên sung sướng, báo tin cho ông chủ, sáu rồi!

Giờ nghỉ chiều cũng quy định “sáu bàn chân”. Từ khi mặt trời vượt đỉnh đầu, bóng ngả về phía trước lại dài bằng sáu bàn chân thì... ạy Trời! Lúc này cái nóng bức chưa hề giảm, còn các con ruồi, con mòng thì lại đeo bám càng dữ dội hơn...

Sau này, đôi khi tôi buồn bã nghĩ rằng: có thể chính vì hồi bé tôi chỉ mong sao cho bóng mình thật ngắn, nên sau này lớn lên tôi không có tầm vóc cao! Thực sự con người tôi đã ăn sâu vào đất, trước khi bắt đầu lê đôi chân không, sáu lần sang phải, sáu lần sang trái... Có biết bao nhiêu ý nghĩ hăng say và ngây thơ đi qua cái đầu nhỏ con đặt trong cái thời “sáu bàn chân” cực nhọc ấy của tôi. Đã có bao nhiêu bài hát tôi đã hát từ khi mặt trời lên đến khi mặt trời lặn! Tôi hát để khỏi buồn ngủ và khỏi ngã ngựa. Nhưng đôi khi bài hát cũng không giúp gì được: tôi đã ngã hai lần xuống bừa. Thật may, đôi ngựa mừng vì có cơ để nghỉ đã dừng lại ngay, và bắt đầu đuổi ruồi, muỗi. Đôi lúc, thợ cày đi sau phát hiện ra tôi ngủ gật, liền cho một roi để tôi tỉnh táo trở lại.

Chẳng phải giấu giếm làm gì, nhiều lần tôi đã khóc... Thế nhưng, thật sung sướng biết bao, khi làm xong trở về nhà! Bạn bè cùng lứa nhìn tôi với vẻ ganh tị trong lòng, chúng nó nghĩ tôi cao hơn hẳn một cái đầu, và già dặn kinh nghiệm sống. Tôi tự hào về điều đó, thầm nghĩ: “Minh biết phải khó nhọc thế nào mới kiếm được miếng bánh mì. Chứ các cậu, còn non nớt lắm...”

Có thể vào những ngày nóng bức, công việc nhà nông vất vả, tôi đã hát nhiều, hay nói đúng hơn đã gào hét cỡ bao nhiêu bài hát, nên từ bấy đến nay tôi luôn hát một mình một giọng. Vâng, có lẽ thiên nhiên không phú cho tôi “đôi tai nghe nhạc”, nên tôi hoàn toàn không có nhạc cảm.

Lần ấy, khi tôi đã là chủ gia đình, nghe giọng hát tuyệt trần của ca sĩ nhỏ tuổi người Ý Rôbetinô Lôretti, tôi nói với các con gái: “Các con có nghe thấy không, trẻ con người ta hát hay đến thế!” Các con tôi trả lời: “Chúng con có gien âm nhạc đâu mà hát được như thế!” Một lời ám chỉ nhẹ nhàng và hoàn toàn có căn cứ. Mặc dù vậy khi có một mình, tôi vẫn khe khẽ hát những bài dân ca Nga cổ. Tôi rất thích các điệu dân ca, đặc biệt do các dàn đồng ca nổi tiếng trình diễn hay do các nghệ sĩ có chất giọng dân gian mệnh mệnh hát. Được nghe băng ghi các bài hát của ca sĩ tuyệt vời Lidia Ruxlanôva đối với tôi thực sự là một ngày hội.

Nhớ lại tuổi thơ là nhớ lại những buổi đi chơi đêm. Thông thường những gã trai lớn hơn hẹn ngày giờ đi. Chúng tôi tập trung thành nhóm năm – sáu người một. Thịnh thoảng tôi cũng được đi, trong hội “người lớn” ấy chỉ có tôi là trẻ con. Tôi rất tự hào về điều đó, nó chứng tỏ tôi rất được tin cậy. Các bạn bè cùng lứa rất ghen tị với tôi – bởi ai chẳng muốn ban đêm được ở ngoài thảo nguyên, nghe những câu chuyện kể say mê đến hút hồn, để rồi có khi thao thức cho đến sáng không ngủ.

Thường là thế này: sau khi đến chỗ hẹn, buộc chân ngựa, thả ra bãi cỏ non tươi mênh mông dưới bầu trời sao sáng, rộng. Chúng tôi ngồi quanh đống lửa, bàn luận các sự kiện trong tuần, hát hò, kể những câu chuyện “rùng rợn”... Đến lúc phải có một trong các cuộc vui tối ở làng, các gã lớn hơn cử hai người một ngựa phóng về làng. Trước khi đi họ dặn tôi: hãy nhanh nhanh mà đi ngủ nhé!

Nói dễ thật!... Tiếng vó ngựa vừa im ắng thì một nỗi sợ hãi khủng khiếp bao trùm lấy bạn... Lúc thì nghe như có tiếng sói hú; lúc thì như có bóng đen nào đó lừ lừ tiến về phía bạn; lúc thì bỗng nhiên cảm

thấy dưới nệm cỏ có rấn bò; lúc thì tưởng tượng ra tiếng gào thét của ma quỷ! Và thế là tôi cứ co rúm người lại sợ hãi, căng thẳng nghe ngóng, lo lắng nhìn quanh và chỉ biết tự an ủi một điều: các bạn ấy sắp về rồi...

Và, cuối cùng cho đến tận quá nửa đêm mới nghe tiếng họ về. Lúc ấy mới thấy nhẹ nhõm trong lòng, và thật sự hạnh phúc. Ngay đến tận giờ tôi vẫn coi mình lúc ấy là một anh hùng: một mình dám đối mặt với bao nỗi sợ hãi trong đêm tối giữa thảo nguyên! Nhưng tôi sẽ không bao giờ kể lại cho ai sự thật về những ảo ảnh ma quái trong đêm ấy. Các bạn lớn về rồi, còn chuyện trò thì thảo mãi, gần sáng mới lăn ra ngủ. Những cuộc chơi đi của họ đương nhiên là đi giấu, nhưng cha mẹ vẫn đoán biết, và làm ra vẻ không phát hiện ra...

Khi còn niên thiếu, đứa trẻ nào cũng bắt chước người lớn, không cần biết điều đo tốt hay xấu. Vào những buổi tối mùa đông dài dằng dặc, khi ngoài trời gió bão, những người bố – chủ gia đình thường đến chơi với bố tôi. Họ tỉ tê chuyện trò về quá khứ, họ mơ ước về tương lai, đôi khi kéo dài đến tận bình minh. Bọn trẻ chúng tôi thì nằm trên ổ nín thở nghe những lời luận bàn, những câu chuyện xảy ra có thật với họ. Nếu như chúng tôi không nghe thấy hết, hoặc không hiểu hết những gì họ thầm thì với nhau thì cũng chẳng sao. Chúng tôi thích thú ngắm nhìn họ – những người đàn ông Xibêri lực lưỡng, và khát khao nắm bắt, nuốt hết một cái gì đó rất riêng trong các thói quen, trong các động tác, điệu bộ và cung cách giao tiếp với nhau cả họ.

Ông láng giềng thường đến nhà tôi chơi là một người đàn ông vạm vỡ, cao lớn đi lại khoan thai. Miệng ông luôn tỏa khói thuốc, trông đến nghẹt thở. Quan sát ông, tôi giấu kín sự thèm khát trong lòng. Đặc biệt tôi rất thích kiểu hút thuốc của ông, rất đặc biệt, hoàn toàn không giống người khác. Rút gói thuốc ra, ông kẹp vào giữa hai ngón tay trái, hai ngón tay khác giữ một mẩu giấy báo. Tay phải lấy một dúm thuốc trong túi ra và quấn lại thành điếu rồi dùng môi kẹp lấy điếu thuốc. Ông từ từ rút que diêm trong túi ra, gác chân trái lên gối chân phải, rồi bằng một động tác dứt khoát ông quẹt diêm vào đế ủng. Thời điểm quyết định này làm cho tôi khoái trá đến tột cùng. Với trí tượng tượng của trẻ con, tôi hình dung ra bức tranh mới: không phải ông, mà chính tôi biết châm thuốc kiêu ấy, làm mọi người xung quanh phải kính phục! Ôi, tôi mong chóng thành người lớn làm sao! Tôi mong được hút thuốc làm sao! Tôi sẽ hút giống hệt ông láng giềng. Và rồi tôi không thể chờ lâu thế được...

Một hôm, đứng giữa bè bạn cùng lứa, tôi đã thử “vẽ” lại bức tranh ấy. Tôi lấy ít lá khô quăn như điếu thuốc “thật”, rồi cũng... trịnh trọng rút diêm từ túi ra như ông láng giềng, choẹt... không cháy vào đế ủng. Đứng vào lúc quan trọng nhất, hấp dẫn nhất, không thành công đáng xấu hổ ấy, thì anh cả tôi xuất hiện! Anh ấy cầm tay tôi, lôi về vách bếp. Tôi hiểu toàn bộ tình trạng thảm hại của mình nhưng vẫn cứ bần khoăn một ý nghĩ: sao anh tôi biết chỗ “bí mật” ấy? Tại sao anh ấy đến nhìn trộm mà không ai biết? Lời “giảng giải” của bố tôi đã đạt được ý nghĩa giáo dục; cho đến khi trưởng thành, tôi không hề hút thuốc dù chỉ một lần. Bố tôi không áp dụng biện pháp đặc biệt nào như những người khác đã làm. Có trường hợp như thế này: khi phát hiện ra đứa trẻ hút thuốc tự cuốn, bố nó hoặc anh nó bắt nó hút cho đỡ điếu thuốc, rồi cầm lấy và giở đầu đang cháy vào lỗ tai hoặc lỗ mũi đứa trẻ... Phải nói là biện pháp quá khắc nghiệt, nhưng cũng có tác dụng giáo dục!

Tất nhiên cũng không nên nghĩ rằng vì trình độ văn hóa thấp mà thời đó cha ông chúng ta đã dùng những biện pháp ấy.

Tôi nhớ rõ những buổi tối dài lê thê vào những ngày mùa thu xấu trời, hoặc vào những ngày bão tuyết mùa đông. Gió đập vào kính cửa sổ mang theo những hạt mưa li ti, nhưng bông tuyết ướt... Rồi sau đó bắt đầu tiếng gió hú gào rú triền miên. Con bão tuyết từ thảo nguyên tự do tràn vào, đập lên tường như muốn giật tung cửa ra để xông vào nhà... Tấm ván khô trên gác thượng kêu có két cứ như có người đi trên đó... Ừ, cứ việc đi. Ta không sợ.

Bố tôi miệng tùm tùm cười, nửa nằm nửa ngồi trên giường đã trải khăn, chúng tôi tùm tùm xung quanh ông. Ngọn đèn dầu hòa tỏa sáng. Nhưng ngọn lửa từ bếp lò hắt ra còn sáng hơn. Những vệt sáng phản chiếu từ các khe cánh cửa lò bằng gang in lên trên tường... Mẹ tôi ngồi bên chiếc giá đỡ bằng gỗ trên có cuộn len lông cừu to tướng, lúc thì phân loại len trong các ngón tay, lúc thì chải len cho trơn. Các chị tôi ngồi cạnh, người thì xe sợi người thì quay guồng sợi. Chị cả Gasa ngồi đan len, còn anh Vích-to ngồi dưới đèn, tay cầm sách đọc “diễn cảm” – chỉ có đọc kéo dài như ngâm thơ thì bố tôi mới ưa – cho chúng tôi nghe về “mảnh ruộng chưa gặt” hoặc đọc truyện về bảy người đàn ông “ngồi với nhau và tranh luận; ở nước Nga ai là người sống vui vẻ và sung sướng?”

Có lẽ đối với Vích-to, việc đọc thơ thuộc về trách nhiệm hơn là ý thích của bản thân anh: đôi lúc hình như anh nghĩ trầm ngâm về việc gì đó, đọc ngắt ngứ. Trong nhà im phăng phắc... Và Gasa bỗng hòa nhịp, đọc thuộc lòng tiếp bài thơ, còn cha tôi khẽ nâng bàn tay ra hiệu cho Vích-to rằng: bây giờ thì hãy yên, để

Gasa đọc!

Chị Gasa, một người con gái cần cù, hay lam hay làm và thông minh nữa!... Giờ đây việc đi lại thăm hỏi nhau chẳng đơn giản chút nào: cả sức khỏe không cho phép, và tiền vé tàu xe – muốn hay không muốn buộc ta phải suy nghĩ... Lần cuối chị em chúng tôi gặp nhau đã cách đây gần năm năm. Lúc ấy chị tôi đã tám mươi tám tuổi. Bà ca thán với chúng tôi là hoàn toàn “hông còn chân”, đi lại khó khăn... thế nhưng khi nhớ lại ba phần tư thế kỷ trước khi đại gia đình chúng tôi còn ở chung một chỗ, bà đã từng đọc thơ Nêcraxốp... Thì bà dựa vào ghế đứng lên giọng hân hoan lại đọc, đọc lâu... Thấy thế các con gái tôi và đứa cháu trai bắt đầu sửa lại tư thế ngồi cho thoải mái hơn, nói: xem ra bà Gasa vẫn còn “kể chuyện” lâu...

Còn khi ấy, trong những buổi tối bão tuyết nếu Gasa dừng đọc, thì bố tôi lại khe khẽ hát... Chờ một chút mẹ tôi cũng hòa giọng theo, và mời cả nhà cùng hát, trừ tôi. Ai cũng bảo: “Misa hát chán ngoài đồng rồi, để khi nào nó hát một mình”. Thế là mọi người cùng hát mới vui làm sao!

Thôi thì “Baican thiêng liêng, Baican lấy lòng”, “Bão gâm, sấm nổ”, “kẻ lãng du chạy từ Xakhalin”... Rồi bài “Chàng trai Kozăc phi ngựa qua thung lũng, qua miền Capcado”, không hiểu sao, là bài làm tôi rung động nhất.

Mắt bố tôi nhoáng nước khi ông bắt đầu hát bài “Miền Capcado” và cả tôi nữa chẳng hiểu sao cũng thấy xót trong lòng – y như người lớn.

Khi bắt đầu đi học tôi đã biết đọc, biết viết. Điều này có lẽ do lợi thế của gia đình đông con: hoặc anh chị lớn hơn dạy, hoặc tự học lỏm, miễn là không tụt lại sau “người lớn”

Cô giáo đầu tiên của tôi là Dinaida Ivanôpna, một phụ nữ đẹp, trung tuổi, có giọng nói nhẹ nhàng, âu yếm. Chúng tôi đều coi cô như người mẹ thứ hai của mình, và ai cũng mong ước được cô khen. Cô thật kiên nhẫn và rộng lượng dạy dỗ chúng tôi, những đứa trẻ nông thôn rất khác nhau về thể chất cũng như về khả năng trí tuệ.

Dinaida Ivanôpna đến thăm từng nhà học sinh, em xét hoàn cảnh gia đình, việc học ở nhà, sở thích từng học sinh, quan hệ bạn bè của học sinh. Nói chuyện với phụ huynh, cô không áp đặt mà chỉ thận trọng đưa ra những lời khuyên về phương pháp giáo dục. Cô thật thương yêu học sinh và mong muốn ai cũng thông minh và tốt bụng. Thật khó nói là ai yêu cô Dinaida hơn: chúng tôi – học trò của cô hay là bố mẹ chúng tôi. Uy tín của cô ở làng tôi là tuyệt đối. Nhiều trường hợp bố mẹ chỉ cần nói đứa con phạm lỗi rằng: “Rồi bố sẽ nói với cô giáo!”, chỉ thế là đủ để đứa trẻ nhận ra lỗi của mình.

Cô giáo đã thành công cho chúng tôi các cuộc đi chơi thú vị, kết hợp với nhiều trò chơi hấp dẫn để giáo dục mỗi quan hệ tốt đẹp và tôi trọng lẫn nhau của học sinh. Trong các cuộc đi chơi, các bạn gái được giao nhiệm vụ nhẹ hơn so với các bạn trai, còn việc thực hiện nhiệm vụ được giao, thì cô đòi hỏi mọi người phải chấp hành một cách cẩn thận đặc biệt.

Vào mùa đông, giữa các tiết học cô thường hướng dẫn chúng tôi múa vòng tròn. Chúng tôi nắm tay nhau tạo thành vòng tròn nhỏ hơn ở trong. Vòng lớn chuyển động theo chiều kim đồng hồ, vòng nhỏ chuyển động ngược lại. vòng lớn vừa đi vừa hát “Ta gieo hạt, ta gieo hạt...”, còn vòng nhỏ thì hát “Còn ta giẫm nát, ta giẫm nát...”. Trong mọi trò chơi trẻ con trong các giờ nghỉ, bao giờ cô Dinaida cũng cùng chơi với chúng tôi.

Lòng yêu mến đối với lao động của người nông dân, tính tự lập cao, giúp đỡ người lớn là những nội dung gắn liền với công tác giáo dục trong nhà trường chúng tôi thời ấy.

Tôi cũng có mối tình đầu “trẻ con” với cô bé Dina xinh đẹp. Dina là một nữ sinh được giáo dục tốt, thông minh, chu đáo, người có vở sạch chữ đẹp của lớp. Chẳng giấu gì, lúc đó tôi rất muốn được giống Dina!

Trường chúng tôi hồi đó phát động phong trào “Mỗi học sinh nuôi một con vật theo phương pháp khoa học”. Khi biết Dina nuôi một con bê, tôi xin bố mẹ cho nuôi con bê sắp đẻ nhà tôi. Tôi gặp may, chẳng bao lâu nhà tôi có bê con. Tôi thật sung sướng báo với cô giáo, để cô ghi khẩu phần ăn cho bê trong hai tuần tới. Bố mẹ cho phép tôi đặt tên cho con bê. Tôi gọi nó là “Người đẹp”. Quả thật nó xứng đáng với tên gọi này: mình nó đen tuyền, giữa trán điểm nốt đốm trắng xinh xinh và cặp mắt trông thật khôn ngoan và triu mến. Tôi đã đăng ký thi đua: “Ai có con vật tốt nhất”.

Cô Dinaida thường xuyên kiểm tra xem chúng tôi có vi phạm định mức cho ăn và “hướng dẫn chăn nuôi gia súc sơ sinh theo khoa học” hay không. Và một lần cô đến nhà tôi kiểm tra, cô nói: “Tôi không đến một mình, có người giúp việc đi cùng”. Tôi thật ngỡ ngàng và vui sướng khi nhìn thấy cô bạn gái của mình cạnh cô giáo. Dina đứng đấy, mặt đỏ tung bừng vì giá lạnh mùa đông, hay vì bối rối và cố là ra vẻ quan trọng? Cô ấy chỉ có một lần, làm ra vẻ như vô tình nhìn sang phía tôi. Lúc ấy trong lòng tôi rạo rục niềm xao xuyến, khiến không thể tập trung tư tưởng được để báo cáo thành tích của mình.

Mẹ tôi đã hiểu cả, giúp tôi giới thiệu con bê của tôi với khách. Cô Dinaida hỏi mẹ tôi trả lời. Tôi và Dina cả hai đều bối rối, chỉ biết đứng lặng im. Cô bé với vẻ thích thú đặc biệt cứ ngắm nghía mãi “Người đẹp” mà không một lần ngó sang phía tôi.

Trước khi về, cô Dinaida có lời khen tôi, còn Dina thì nói lí nhí: “Bạn nuôi... con bê tốt thật”. Tôi đỏ mặt... Tôi nghĩ, thế là tôi và Dina đã tỏ tình. Và mẹ tôi cũng hiểu như thế. Ôm Dina, mắt nhìn sang tôi, mẹ tôi nói đầy ý nghĩa “Đây là công của nó cả, của Misa nhà chúng tôi đấy!” Chia tay xong, khách đi khỏi, tôi lặng lẽ, không để cho ai thấy, vào chuồng đứng bên cửa sổ nhìn mãi theo họ...

Tình bạn thời niên thiếu của chúng tôi kéo dài không lâu... Một lần vào cuối mùa hè, khi tôi đi làm đồng về, mẹ tôi, như vô tình, nói rằng Dina cùng với gia đình đã chuyển sang làng khác cả rồi... Tôi không muốn tin vào điều này!

Sau này tôi mới biết, gia đình Dina bị buộc phải chuyển chỗ ở, tôi sẽ kể rõ hơn trong chương “Chiếc hộp đen”. Còn ở chương này tôi sẽ viết về việc gia đình chúng tôi sắp phải chuyển đi Xibêri xa xôi.

Năm tháng trôi qua. Từ một cậu thiếu niên mơ mộng tôi đã trở thành một chàng trai – vẫn mơ mộng... Tốt nghiệp Trung học, tôi suy nghĩ về số phận tương lai: làm gì đây? Không hiểu sao mọi người đều cho rằng, số phận tôi đã được định đoạt từ trước: dứt khoát tôi sẽ trở thành một nhà thơ.

Từ năm lớp ba tôi đã làm thơ. Thật khó nói rằng trong suốt thời gian đi học tôi đã viết được bao nhiêu: thơ ca, tranh biếm họa, và thậm chí cả kịch mà có vở đã được diễn ở trường. Quyên sở tay và cái bút chì là những người bạn đồng hành thường xuyên suốt ngày đêm của tôi. Đôi khi, bất ngờ tôi thức giấc giữa đêm khuya, rút sổ tay và bút từ gối ra viết mờ trong đêm tối những dòng thơ mà sáng hôm sau phải cố gắng lắm mới đọc được.

Trong số các bạn bè, tôi được công nhận là nhà thơ nổi tiếng nhất làng. Nhưng, như sau này cuộc sống đã chỉ rõ, tôi đã phụ hy vọng của bạn bè đồng hương.

Thật hết sức ngạc nhiên đối với mọi người, tôi trở thành “nhà kỹ thuật”. Tuy nhiên lòng say mê sáng tác sau này vẫn theo tôi suốt cả cuộc đời.

Thời gian trong quân ngũ, tôi đã sáng tác được một số bài thơ gửi cho báo quân đội. Những bài thơ ấy đã được in. Sau đây vào năm 1940, tôi được cử đi Kiếp dự cuộc gặp mặt các nhà văn trẻ trong quân đội.

Tôi còn nhớ trên chủ tịch đoàn có các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng thời đó tham dự. Hội nghị tiến hành phân tích các tác phẩm của các nhà văn trẻ. Có nhiều ý kiến nghiêm túc, nhưng cũng có cả những ý kiến khôi hài. Các nhà văn – chiến sĩ trẻ nhiều lần nhất loạt cười vui vẻ khi từ trên sân khấu nêu ra những sáng tác còn non nớt của chính họ. Nhưng cũng có những người, mặc dù vốn từ vựng không lớn, nhờ có đôi cánh tưởng tượng phong phú mà đã bay đi quá xa cứ tưởng mình đã sáng tác được “tuyệt tác” thật sự. Tôi còn nhớ phòng họp nổ tung một trận cười, khi được nghe đọc một tác phẩm của một chàng trai người Tula so sánh người yêu vừa đẹp người lại đẹp nét của mình với chiếc áo xamôva Tula yêu quý của anh.

Nhưng mọi điều đó không làm méch lòng các tác giả trẻ, vì mọi sự đánh giá, phân tích đều có tính giáo dục, bổ ích và chân thành. Cũng có những tác phẩm viết hay gần như nhà văn chuyên nghiệp

Tôi phải thú nhận rằng, lòng đam mê sáng tác của tôi theo năm tháng có giảm dần, nhưng không hề mất hẳn. Khi đã trở thành công trình sư nổi tiếng, đôi khi tôi “cho ra đời” những bài thơ hài hước, đa phần vào những dịp lễ hội long trọng hay những ngày kỷ niệm của bạn bè.

Năm 1972, vợ chồng tôi bay đến Tula để nhận học vị tiến sĩ khoa học kỹ thuật phong cho tôi do có “một loạt các công trình”. Trong suốt thời gian bay, tôi và vợ tôi đã trao đổi riêng những câu thơ hài hước. Vợ tôi thỉnh thoảng cũng làm thơ và trong giới bạn bè được phong là một “nhà thơ gia đình”.

Chiếc máy bay mà chúng tôi bay nhỏ xíu, rung mạnh, nhưng điều mà chúng tôi quan tâm lại là: liệu các đồng chí Tula đã cân nhắc kỹ chưa, liệu chúng tôi có “bảo vệ” được không, hay là chúng tôi phải về tay trắng. Thế là tôi viết lên tờ giấy:

Ầm ầm tiếng rú phi cơ  
Vang lên khắp chốn, nghĩ là chuông thi  
Tiếp sao “con rệp” Tu la  
“Ô kê”! “Đóng móng” hay ta ta ra rìa?

Đối với người Tula thì đề tài về người nghệ nhân thuận tay trái trong truyện của Leskov đóng móng ngựa bằng những chiếc đinh “bọ chét” tuyệt vời của anh là một đề tài rất đáng tự hào. Người Ijepsk chế tạo vũ khí chúng tôi cũng không chịu kém. Hàng thế kỷ chúng ta đã cùng nhau ganh đua trong nghề thủ công và cả những câu châm ngôn cửa miệng. Trong thời gian chuẩn bị sản xuất hàng loạt tiểu liên AK-47, đại diện quân đội Voinarôxki làm việc cùng chúng tôi ở Ijepsk, sau ông chuyển về Tula. Nhân ngày sinh lần thứ 50 tôi có viết tặng ông bài thơ:

Ngày trước ông cùng tôi  
Thủ súng ngoài khe đồi  
Tula nay bạn mới  
Tim “rệp” cũ cho đời  
Ông tìm rồi sẽ thấy  
Trên móng ngựa sáng ngời  
Những chiếc đinh không gỉ,  
Mang đến tự quê tôi,

Bàn tay người thợ giỏi  
Giữ chữ tín từng giờ  
Cho mỗi chiếc đinh sắt  
Ký hiệu chữ I-zờ (Izexpk)

Cuộc “bảo vệ” đã thành công. Các nhà bác học Tula nhất trí và thân ái phong tặng học vị tiến sĩ kỹ thuật cho tôi. Tôi thật sung sướng khi được dự cuộc picnic tổ chức ngay sau khi bảo vệ. Thật là một cuộc chiêu đãi cả thế giới! Nếu không phải cả thế giới, thì cũng cho cả Tula, đúng là như vậy!

Nhưng sao tôi lại kể chuyện về chuyến đi Tula và về vợ tôi ngay sau câu chuyện buồn về mối tình đầu không thành ấy?... Thường thì những tình cảm ban đầu trẻ con rồi sẽ chuyển sang mối tình “thật sự” khi trưởng thành và chuyển sang người vợ – người bạn... Hóa ra phân tình cảm của người vợ – người bạn đã vô tình gọi đến mối tình trước, thời trẻ trung của mình?

Tôi không biết điều gì đã xảy ra với Dina, khi cô cùng với gia đình buộc phải rời quê hương bán quán để đến một vùng xa lạ ở phương Bắc xa xôi... Cachia từ lâu cũng đi ở một nơi khác, còn xa hơn nữa.

Sự thống nhất mọi mặt, sự cô đơn được dung hòa đã lên tiếng trong tôi? Hay đây là một ý tưởng đối lập với con người tôi? Kể cả những bài thơ không thành của tôi nữa...

Sự thật thì có thể tôi đã thành nhà thơ nếu như không có chiến tranh...

Những năm tuổi thơ, tôi rất mê say kỹ thuật. Kiếm được bộ phận máy móc hỏng nào đó, là tôi dành thời gian để tìm hiểu nghiên cứu... Đầu tiên tôi mang về nhà, giấu kín chắc chắn trên gác, rồi lựa thời cơ mang xuống, lấy dụng cụ của bố trong kho mang máy ra khỏi nhà. Ở đó tôi vặn, tôi xoay, tháo: tôi rất háo hức muốn biết, chi tiết này đã làm việc như thế nào và tại sao giờ nó lại không làm việc? Thường thì tôi không chữa được máy hỏng. Trường hợp chữa được, thì tôi hết sức hài lòng và tự hào vì mình đã trở thành người chiến thắng!

Tất nhiên người nhà tôi cũng biết những mày mò bí mật của tôi. Nhưng tôi chỉ tự nói ra khi nào có kết quả. Như thế sẽ đỡ xấu hổ vì thời gian bỏ ra vô ích, trong khi việc nà, việc đồng cả nhà làm không xuê! Thời gian đó tôi cảm thấy ngoài máy móc ra tôi chẳng thích việc gì khác.

Vài tháng sau khi về Curia, tôi và Gavorin cùng ở trạm máy kéo, tôi bắt tay vào nghiên cứu khâu “braoning” mà Gavorin mang theo từ quê! Tôi trịnh trọng, cẩn thận mở gói giẻ bọc “cái gì đó” xa lạ với tôi: thật đáng sợ và thật thú vị! Tay tôi run run bắt đầu tháo cái đồ vật kỹ thuật – huyền diệu ấy. Các chi tiết đều bị gỉ, nhưng tôi tháo ra khá nhanh. Trước mắt tôi mở ra cả một thế giới máy móc mới – thế giới vũ khí! Hình như tất cả các chi tiết của khâu Braoning đều hoàn hảo, đều được tạo thật đơn giản và thật đẹp. Tôi dùng gạch đập nhỏ mài những chỗ bị han gỉ sạch sẽ, rồi lắp lại, rồi lại tháo ra và lắp lại. Cầm khâu súng trong tay, tôi khát khao muốn bắn thử, kiểm tra sự hoạt động của nó. Nhưng lấy đâu ra đạn, không biết Gavorin có không?... Hoặc có nhưng anh ấy không dám đưa vì biết khả năng tôi có thể chữa được súng. Tôi đành giấu khâu súng lẫn vào đồng đồ đạc cũ. Nhưng có ai đó đã đánh hơi được nó.

Ít hôm sau, một người công an đến nhà tôi. Sáng hôm sau, tôi đã phải ngồi trong phòng giam có song sắt. Trước sau tôi chỉ khẳng định một điều: “Tôi không hề có khâu súng lục nào cả!”

Bây giờ nghĩ lại, mới thấy thời ấy phức tạp thật... Mà cũng phải thú nhận rằng việc đó không chỉ do lỗi của tôi mà lỗi của cả gia đình tôi nữa... Các chị tôi đến thăm và mang đồ ăn cho tôi đã khéo léo để nói mong nộp cái của bất hạnh ấy đi. Nhưng tôi đứng vững, không thay đổi ý kiến.

Bị giam mấy ngày mà tôi tương như vô tận. thỉnh thoảng tôi lại có ý định chạy trốn. Tôi bắt đầu vạch kế hoạch hành động, nhưng chẳng bao lâu sau thấy rằng không thể thực hiện nổi được.

Tôi nhớ lại những bài thơ của mình, đọc thành tiếng và cay đắng nghĩ rằng: “Sao cuộc sống lại đẩy mình vào lĩnh vực thi ca dẫu dằng sang tư duy kỹ thuật khắc nghiệt thế?”.

Sau này nhớ lại, hồi ấy tôi đã mất mấy năm mày mò gian khổ với ý định chế tạo một động cơ vĩnh cửu. Thế rồi, tôi không sao hiểu nổi, tại sao lại không thể đưa nó vào trạng thái làm việc được? Tôi đưa cho mọi người xem các bộ phận của máy ai cũng nhất trí bảo: nó sẽ làm việc.

Chính trên cơ sở này tôi đã kết thân với một giảng viên vật lý tuổi đã kha khá, mà sự có mặt của ông ở vùng chúng tôi là một bí ẩn. Ông tách riêng những học sinh có năng lực kiến thức riêng và gọi tên theo lối cổ, tôi được ông gọi là Kalasnhcóp Mikhain Timôphêep. Đương nhiên ông là cố vấn kỹ thuật chính của tôi và đồng thời là người phản biện nghiêm túc nhất. Một hôm, sau khi lục xem mọi chi tiết tháo rời của chiếc động cơ tương lai mà tôi mang đến trường, và xem xong các “bản vẽ” của tôi, thầy trầm ngâm nói: “Mikhain Timôphêep, em có hiểu những bộ óc nổi tiếng nhất thế giới từ khá lâu đã có những ý kiến rằng

không thể chế tạo được động cơ vĩnh cửu... Thế nhưng em lại cố chứng minh điều ngược lại!”

Một số người biết tôi từ lâu, thường khẳng định rằng: Tôi có một đặc điểm bẩm sinh bộc lộ rất sớm từ lúc còn trẻ, đó là không chỉ biết chứng minh lẽ phải của mình mà còn biết “truyền bá” và thực hiện nó bằng chính tấm gương sáng của mình. Có lẽ là như thế thật. Nhưng liệu tôi có tiến được xa không, khi mà chỗ tôi ở cách ga xe lửa gần nhất cũng mấy chục cây số, khi mà mỗi “mảnh đất” đều phải đi xin, đi đổi, hoặc phải mua... Lại nhớ, hồi bé tôi mỗi cô đi tìm “quả bánh mì” trên cây, trong khắp rừng lân cận, và nay tôi như còn chó săn, lùng sục tìm kiếm sắt thép phế thải không còn thiếu góc ngách nào!

Ngày nay thì ta thấy khắp nơi hàng núi sắt thép, phế liệu, thậm chí cả ở những nơi không bao giờ có bàn chân người đặt tới, bạn cũng có thể giẫm phải chiếc cầu sau cắm trong đất của một chiếc xe xích chà hiệu sao lại nằm ở đây. Trong những lần đi xa, tôi thích ngắm nhìn qua cửa sổ toa tàu, và mỗi lần gần đến một ga nào đó, dù là ga xép, tôi cứ nháp nhôm ngó xem kho sắt thép phế liệu của họ ở chỗ nào?... Có lúc nhìn thấy chiếc cần cầu to đang nâng cả một đồng sắt, bạn có tin không, tôi nghe thấy tiếng thở dài của chính mình: giá mà thả đồng của cái này vào sân nhà mình ở Curia nhỉ. Không, tôi sẽ không để ngoài sân! Tốt nhất để gần ngưỡng cửa rồi mình tự tay xem xét, khuôn từng cái móc vào nơi cất giấu bí mật thân thuộc.

Người ta nói rằng trong mỗi con người có mặt phức hệ phá hoại, nó bắt đầu biểu hiện gần như từ khi lọt lòng, khi đứa trẻ biết phá đồ chơi... Không phải thế! Trước khi bắt đầu xây dựng, mỗi đứa trẻ bình thường đều muốn biết thế cái này làm thế nào?... Vật trong tay này có cấu tạo ra sao? Còn kết quả đạt đến đâu, thì lại là việc khác. Bởi vì ngay cả trong xưởng, những người thợ bậc cao khi sửa chữa cho bạn một vật gì đó cũng có thể đứt tay cơ mà. Vậy nên ở đây không thể nói phức hệ phá hoại tác động mà là phức hệ công bằng lên tiếng.

Tôi tin chắc chắn rằng, tuổi thơ là thời gian của những phát minh vĩ đại. Thời gian để con người khám phá ra các bí mật kỳ lạ. Nếu trong thời gian này, con trẻ theo ý muốn của chúng ta suốt ngày ngồi bên tivi hay trò chơi điện tử, thì đó không chỉ là một việc rất dở, mà còn là có tội. Các phương tiện ấy chẳng qua cũng chỉ là một cái ống kính vạn hoa nào đấy, là một trong các cửa sổ nhỏ hẹp nhìn ra thế giới – mà thế giới thì rộng mở, bao la bát ngát vô cùng!

Có biết bao nhiêu sắt thép bị bỏ quên, không ai chú ý đến, bị giẫm bẹp cong queo, han gỉ dưới chân chúng ta...

Đôi lúc tôi cứ muốn kêu thật to để thật nhiều, thật nhiều các bé trai ở nước Nga chúng ta nghe thấy. Các cháu yêu quý! Các cháu đừng ghen tị với các bạn có đồ chơi đắt tiền, được bố mẹ giàu có mua cho. Các cháu hãy nhặt miếng sắt vụn dầy bụi dưới chân lên, phải rửa sạch nó, đánh số cho nó, sưởi ấm cho nó trong đôi bàn tay của mình, bằng hơi thở của mình. Nó sẽ biết ơn các cháu... Các cháu đừng nghĩ rằng mọi thứ trên đời đã được phát minh hết, đã được làm hết cả rồi. Có thể cha ông các cháu không chú tâm, mà cũng có thể do ác tâm của ai đó đã dẫn các cháu vào một khu rừng rậm rịt mà sau này các cháu phải phấn đấu gian khổ mới vượt được ra. Hãy dũng cảm lên, các cháu!... Đây là lời kêu gọi của một vị công trình sư già, một ông tướng đầu đã bạc gửi tới các cháu.

Lúc đó tôi ngồi trên chiếc ghế băng thô ráp, in bóng song sắt cửa sổ, đã không biết bao nhiêu lần vô đầu suy nghĩ: tại sao động cơ vĩnh cửu của tôi không làm việc?

Tôi cố gắng tháo nó ra trong tưởng tượng và sắp xếp tất cả các chi tiết trước mặt... Nhưng, bỗng nhiên chúng bắt đầu thay hình đổi dạng và dần dần biến thành một vật gì đó trông rất quen. Vật gì nhỉ... tôi chợt hiểu đây không phải là các chi tiết của động cơ vĩnh cửu mà nó là các bộ phận của chính khẩu “braoning” đã làm tôi mắc nạn.

Sự việc ấy xảy ra nhiều lần với tôi. Cứ như là một ảo ảnh: lúc thì các chi tiết hiện lên với cá đường viền rõ nét, lúc thì tự nhiên biến mất chỉ để lại bóng dáng trong trí nhớ phai mờ.

“Mày điếc à? – Giọng người trực ban đưa tôi ra khỏi trạng thái u mê – Lên gặp thủ trưởng hỏi cung!”

Ông thủ trưởng nói là ông ta biết chắc chắn rằng tôi cất giữ vũ khí. Có thể trước đó tôi không biết rằng điều này bị cấm, nhưng sau khi được công an giải thích rõ tôi đã hiểu hậu quả gì đang chờ tôi...

- Cháu đã hiểu chưa?

Vâng, tôi đã hiểu ra nhiều điều – tôi nghĩ thế, và mãi về sau này vẫn nghĩ thế. Sau đó người thủ trưởng bảo:

- Thế thì hãy đi và cố gắng sửa chữa sai lầm. Đi ngay, không chậm trễ.

Hóa ra trên đời còn có nhiều người tốt!... Và thế là cho đến tận giờ tôi vẫn không biết những người bảo vệ trật tự ở làng quê chúng tôi hồi đó, thực chất họ chờ đợi gì ở tôi.



Tôi quyết định không về nhà, mà đến nhà chị tôi, chính làng mà tôi bị giam. Lúc đi vào làng, tôi có cảm giác như là có ai đó đi theo sau, có ai đó để ý từng bước tôi đi.

Đến nhà, tôi không dám mở cửa ngay, cứ nghĩ là thế nào người công an đến bắt tôi hôm trước cũng có mặt trong nhà. Vào nhà, không thấy người công an đâu, mà chỉ thấy chị Anna tôi khóc, mừng cuống quýt vì tôi đến bất ngờ, rồi chị ra sức đồ dành thuyết phục tôi đem nộp khẩu súng. Ngay tối hôm đó Xecgây xuất hiện. Bàn bạc xong, chúng tôi quyết định đi ngay Kazaxctan, đến chỗ anh trai Xecgây.

Tôi chuẩn bị cho chuyến đi dự định vào sáng hôm sau. Tôi không còn nhớ tại sao hôm ấy lại chỉ có mình chị tôi ở nhà, rõ thật may! Tôi cố gắng thu xếp nhanh chóng và không cho chị biết. Nhưng giấu thế nào được. Chị hiểu hết và ra sức cản trở, khóc mãi. Tôi không biết làm thế nào để chị yên, bèn bảo nếu tôi không trốn đi ngay thì sẽ lại bị bắt, có thể bị bắn và cả gia đình bị đi đày. Tôi nhấn mạnh đến tình thế vô vọng, không lối thoát. Chị hiểu, lau nước mắt, rồi giúp tôi chuẩn bị đi xa.

Để bí mật đi khỏi làng, tôi và Gavorin ngủ cùng một chỗ, sáng sớm đi bộ ra ga. Đêm, chị tôi dậy mấy lần ra đường ngắm trời, đoán thời tiết sáng sớm. Đánh thức chúng tôi dậy, chị bảo: “Thời tiết thế này thì đi thế nào được!” Quả thật suốt đêm ngoài trời có bão tuyết.

Ai đã từng sống ở Altai đều biết mùa đông ở vùng này khắc nghiệt thế nào. Có khi chỉ trong một đêm, gió dồn tuyết lại thành đống che kín cả ngôi nhà.

Tìm cách giữ chân chúng tôi, chị rán bánh xèo rất nhiều (chị biết tôi rất thích bánh xèo) và đồ dành: “Có mà ăn thêm mỗi người một chiếc nữa! Đi đường xa biết đến lúc nào mới được ăn?” chị tôi cứ dùng dằng không muốn chia tay, hy vọng biết đâu đây chúng tôi thay đổi ý định, ở lại. Còn chúng tôi lại muốn nhanh chóng kết thúc cảnh chia tay bịn rịn này, nên giục nhau lên đường. Mặc xong quần áo, đứng bên ngưỡng cửa chuẩn bị đi, thì bỗng nhiên chị tôi nhìn tôi chăm chú rồi cười: “Ừng em rách thế kia, đi làm sao được. Có mà ngồi sưởi trên bếp lò. Lấy đôi mới của chị mà đi, để đôi cũ lại cho chị”. Chia tay chúng tôi xem, chị Anna còn đứng bên ngưỡng cửa ngóng theo chúng tôi mãi.

Thật khó lòng mà tìm được nước mắt khi phải vĩnh viễn rời xa quê hương yêu dấu, rời xa những người ruột thịt gần gũi của mình. Nhưng chúng tôi đã là những người trưởng thành đứng trước một quyết định nghiêm túc như thế, không muốn để lộ cái yếu đuối của mình ra ngoài. Hai anh em mỗi người quay mặt ra một phía, lặng lẽ chùi mắt...

Chúng tôi lặng lẽ đi một lúc, ngó quanh, sợ bị truy đuổi. Chẳng bao lâu chúng tôi biết rằng, xung quanh chỉ có thảo nguyên mông mênh tuyết trắng và trên trời là những đám mây xám nặng nề trôi.

Đút tay vào túi quần, tay tôi chạm vào cái mát lạnh dễ chịu của kim loại, cái vật mang đến cho tôi niềm vui sướng lẫn nỗi khổ đau, bất hạnh – loại vũ khí đầu tiên mà tôi làm quen. Khẩu “Braoning” được chuyển qua tay hai anh em mấy lần. Chúng tôi hiểu giữ nó trong người bây giờ là nguy hiểm, phải vứt bỏ nó xuống khe rạch nào đó gần nhất. Nhưng vứt thế nào? Nếu giấu dưới tuyết thì mùa xuân tuyết tan và lộ ra hết, người ta không để yên cho chúng tôi.

Chúng tôi quyết định bắn súng tiễn biệt. Gavorin có khoảng 20 viên đạn Braoning. Bắn xong, chúng tôi tháo khẩu súng ra từng bộ phận, rồi ném rải rác mỗi thứ một nơi cách xa nhau, xuống các khe rạch ngập tuyết trên thảo nguyên. Ném xong chỉ tiết cuối cùng, tôi cảm thấy nhẹ hẫng cả người, như vừa trút bỏ được gánh nặng trên vai. Lúc này chúng tôi cảm thấy bị mất một cái gì đó quý báu, thân thuộc vô cùng. Chúng tôi đi lâu trong lặng yên. Mỗi người xúc động theo cách riêng của mình. Lại những giọt nước mắt ngưng ngừng không muốn để ai thấy. Chúng tôi rảo bước như chạy trốn những xúc động của chính mình.

Đi bộ nhanh, người nặng lên quá mức, như trên người gió thổi ngược ném vun vút những bông tuyết sắc vào mặt. Đi mỗi lúc khó khăn hơn. Quần áo bị phủ một lớp băng mỏng cứng, bắt đầu khó cử động, đi lại. Bão tuyết mỗi lúc một tăng. Muốn giơ tay lên mặt để gạt tuyết hoặc che gió cũng khó khăn. Tuyết che kín đường, chúng tôi phải đi mò, thường bị chệch đường ngã dúi dụi xuống tuyết xốp. Bão tuyết vẫn gầm rú dữ dội. Không thể nói chuyện với nhau bình thường được. Mỗi khi cần trao đổi với nhau điều gì, chúng tôi phải dừng lại, đứng sát lại với nhau để nói. Gavorin có đọc ở đâu đó trong sách nói rằng khi bão tuyết lớn, kéo dài thì người phải nán trong tuyết chờ khi bão thuyên giảm mới đi. Nếu không, ở ngoài trời lâu, bão không biết bao giờ giảm, có thể sẽ bị chết.

Chúng tôi hoàn toàn không còn khái niệm gì về phương hướng, đi mò tìm chỗ có nhiều tuyết xốp để làm hang trú ẩn. Khi không cần, mỗi lần bị ngã chúng tôi tức tối, giơ thì tìm mãi vẫn không có chỗ nào nhiều tuyết xốp để dừng chân, đi trên cánh đồng cứ như đi trên những tảng đá. Chúng tôi đi dò dẫm từng gò tuyết, từng cái hố một.

Nếu lúc này trên đường đi, phát hiện được cái hang gấu, có lẽ chúng tôi sẽ chui tọt luôn vào không cần suy nghĩ, cốt để tránh cơn bão tàn ác này. Nhưng chúng tôi đã đến được chỗ tuyết xốp, chúng tôi tụt xuống

sâu, sâu nữa, ngập luôn trong tuyết. Dừng lại, chúng tôi bắt đầu sửa sang hang trú ẩn. Đôi bàn tay gàn như bị tê cứng, cào bới tuyết thật khó, đôi chân nặng, cứng trong đôi ủng đóng băng giảm nền hết sức vất vả. Tôi hỏi đùa anh bạn, xem trong sách có hướng dẫn cần phải hoàn thiện bên trong hang thế nào không?

Thế là chúng tôi đã làm xong cái “hang gấu” cho mình. Chúng tôi ngồi áp sát ào nhau trong hang để giữ hơi ấm. Nói chuyện ít. Rồi con buồn ngủ kéo đến. Gavorin lại nhớ đoạn trong sách viết: “Khi người ta bị rét công, dứt khoát sẽ không kim được con buồn ngủ. Đây sẽ là giấc ngủ cuối cùng của người đó”. Nếu chúng tôi cũng bị như thế, thì suốt mùa đông sẽ không ai tìm thấy được. Chỉ vào mùa xuân, khi tuyết bắt đầu tan, chúng tôi mới từ từ lộ ra, như mọc từ dưới tuyết lên. Nếu như trước đó chưa hóa thành môi cho thú ăn thịt.

Để chống lại con buồn ngủ, chỉ nói chuyện, thì không có hiệu quả. Bởi vì nếu người nói không ngủ thì người nghe sẽ ngủ. Chỉ còn cách cả hai cùng hát đồng ca mới mong tránh được lời cảm dỗ “chộp mắt một tý”. Thảo nguyên Altai trong những giờ phút chờ thời tiết tốt đã được nghe biết bao nhiêu là bài hát. Chương trình ca hát của chúng tôi không dự tính trong một thời gian dài như thế, nên chúng tôi cứ coi như được khán giả yêu cầu ra hát lại, đã hát hai ba lần.

Đến lúc giọng đã khản đặc, chúng tôi định đứng dậy ra ngó xem thời tiết bên ngoài và thử xem liệu chúng tôi đã bị công trong cái mộ chưa. Nhưng đứng dậy, sau một thời gian dài ngồi như thế, đâu phải dễ. Gavorin dựa vào tôi hết sức đứng dậy, đôi chân run như cây sậy. Và bỗng nhiên tôi nghe thấy tiếng kêu gàn như điên của Gavorin: “Hàng rào! Hàng rào kia! Tớ nhìn thấy hàng rào!” Tôi không tin vào tai mình nữa.

Khi chính mắt tôi nhìn thấy hàng rào, tôi ghen ngào sung sướng đến nghẹt thở, bắt giắc nước mắt trào ra. Tôi không xấu hổ vì sự yếu đuối này. Vâng, đây là những giọt nước mắt sung sướng: chúng tôi chỉ cách hàng rào nghĩa là chỉ cách ngôi nhà của ai đó có hai, ba trăm mét.

Chúng tôi xăng xái vượt ra khỏi chỗ trú ẩn, ráng hết sức mới đến được mục tiêu tha thiết – ngôi nhà gỗ nông dân tuyết chắn gàn ngập mái. Người chủ nhà tốt bụng, có lẽ đã quen với mọi sự bất ngờ có thể xảy ra vào những khi thời tiết như thế này, hầu như không ngạc nhiên, khi thấy chúng tôi quần áo bị đóng băng cứng đờ xô vào nhà. Ngay lập tức chúng tôi ngồi phịch xuống ngưỡng cửa và cảm thấy ngay hơi ấm mong đợi bao lâu tỏa ra từ bếp lò đang đỏ lửa.

Trong khi chúng tôi đang cởi quần áo bị băng cứng và ùng ra, thì chủ nhà cho mang vào một thùng gỗ to đầy tuyết. Ông bà chủ với cử chỉ chăm sóc thật cảm động, lau rửa chân tay tê dại của chúng tôi, nói “Các cháu cố chịu đựng chút nữa, mọi sẽ ổn cả thôi mà!” Chưa bao giờ chúng tôi bị đau buốt, công rét đến như thế, cứ muốn kêu lên nhưng đành cắn răng chịu đựng.

Sau khi cho ăn và uống nước chè đặc xong, chủ nhà mới hỏi chúng tôi là ai và đi đâu? Tất nhiên chúng tôi không thể nói thật hết được. Chủ nhà chắc cũng hiểu thế, không cần vặn thêm và bảo chúng tôi ở lại qua đêm. Chúng tôi vui sướng nhận lời.

Đêm đã về khuya, tựa lưng vào thành lò sưởi nóng, bỗng nhiên tôi cảm thấy luồng hơi ấm dễ chịu chảy khắp cơ thể rồi hòa với lớp sương mù mềm, ấm... Lần đầu tiên trong đời, tôi bị mê man bất tỉnh. Ông bà chủ nhà tốt bụng một lần nữa lại tắt bật, lo lắng cho tôi... Hôm sau thời tiết vẫn xấu. Đi trong thời tiết như thế hóa có là người điên. Chúng tôi đành phải ở lại đợi thêm vài ngày.

Cuối cùng thì trời cũng lặng gió sáng sủa, chúng tôi cảm ơn ông bà chủ tốt bụng, tiếp tục đi xa. Khi đến gần ga đường sắt chúng tôi sợ bị truy đuổi, nên đi riêng từng người một, và tránh lọt vào mắt công an. Nhưng sự đề phòng ấy hóa ra không cần thiết. Không có ai truy tìm chúng tôi cả.

Trên tàu đi về ga đích, nằm ở tầng ba (chỗ để hành lý và người không vé) chúng tôi bàn luận về các sự kiện đã xảy ra. Bỗng dưng chúng tôi lặng buồn, nhớ nhà, nhớ người thân ruột thịt, chỉ mong nhanh chóng báo tin về để mọi người an tâm. Chúng tôi hẹn nhau, đến nơi ổn định chỗ ở xong, thì sẽ viết thư về nhà, gửi qua bà con họ hàng xa.

Chúng tôi đến ga Matai, Cazăcxan, tìm đến xưởng hỏi thăm anh trai Gavorin. Anh không ngờ chúng tôi đến trong mùa đông, khi các trường đang học, nhưng nghe chúng tôi giải thích không được rõ ràng lắm, anh hiểu không có cách gì khác, cần phải giúp chúng tôi.

Khi về đến nhà, anh bảo: “Thôi thế này, giờ thì các cậu cứ ở đây đã. Vợ chồng anh sẽ ở trên xe. Rồi chúng mình cũng sẽ tìm được cho các cậu chỗ ở”. Tôi nghĩ bụng hay là mình nghe nhầm: ở “trên xe” là ở thế nào? Hóa ra là rất nhiều cán bộ nhân viên xưởng hòa xa sống ở trên các toa tàu, hay như ở đây người ta gọi là “buồng sưởi”.

Chúng tôi vào toa – “căn hộ” được ngăn ra thành các phòng nhỏ bằng các tấm chắn treo. Trong điều

kiện như vậy nhưng có bàn tay phụ nữ sắp xếp, nên ta vẫn thấy hơi ấm của một căn nhà. Bên thành toa là một chiếc ấm nhỏ trên phủ khăn trải bàn trắng, bên chậu rửa mặt treo một chiếc khăn thô, cạnh cửa sổ trên giá đỡ có một chậu hoa đang mọc, rồi khung kính với các tấm ảnh đã mờ vì thời gian và bụi khói đầu tàu. Mở hé chiếc chắn, chúng tôi bước vào bên trong “phòng”. Ở đây kê chiếc giường sắt, có đủ chăn, đệm, ga, gối. Tóm lại, căn hộ là căn hộ!

Sau khi thu xếp gọn gàng “trên xe”, chúng tôi mới kể hết ngọn ngành câu chuyện phiêu lưu vừa qua. Tiếp đến là thảo luận vấn đề muôn thuở: “Sống tiếp thế nào đây?”. Chúng tôi thống nhất với nhau, sáng hôm sau cả ba cùng lên gặp xưởng trưởng xin việc làm.

Cuộc sống lao động của tôi bắt đầu. Gavorin đã qua khóa huấn luyện được nhận làm kế toán viên, còn tôi làm nhân viên kiểm kê cùng ở phòng kế toán. Chúng tôi được phân chỗ ở trong một toa có ghế nằm được gọi rất oai là “Nhà dành cho cán bộ nhân viên kỹ thuật”. Chúng tôi bắt tay vào công việc thật hăng hái, thật tích cực. Chúng tôi cố gắng trong một thời gian nhanh nhất nắm vững chức trách được giao. Bao quanh chúng tôi là một bầu không khí thiện chí và sự quan tâm mà chúng tôi cảm thấy ngay từ đầu. Điều đó đã giúp chúng tôi nhiều trong công việc. Chúng tôi thật sự hài lòng về cuộc sống mới đã bén rễ ở nơi đây. Chỉ biết nói rằng: chúng tôi đã gặp may.

Sau mấy tháng làm việc, tôi nhận được quyết định điều lên phòng chính trị làm Bí thư đoàn thanh niên phụ trách kỹ thuật.

Phòng tổ chức bảo tôi nộp hai cái ảnh mới. Tối hôm ấy tôi lấy chiếc ảnh cũ của tôi ra ngắm kỹ: hai má lõm sâu...

Rất vui là ảnh in ra trông tôi rắn chắc khỏe mạnh, riêng về mặt thì như người ta nói đùa: gạch đập không vỡ. Trên ảnh, đôi mắt của bí thư Đoàn phòng chính trị đoạn đường sắt Xibêri – Turkêxtan thật nghiêm nghị, như muốn nói: chớ có lại gần.

## NHỮNG NĂM LÀ LÍNH

Mùa thu năm 1938, tôi được gọi nhập ngũ vào Hồng quân công nông.

Ở địa điểm tập trung, tôi ghen tị nhìn các bạn cùng tuổi được gọi vào các binh chủng không quân, hải quân, pháo binh và thiết giáp. Nhưng thông thường những người được lấy vào cá binh chủng đó đều là những người vạm vỡ “vai năm tấc rộng” – tôi làm sao mà sánh được với họ!

Nhưng tôi lại gặp may.

Ngày nay chúng ta đã đưa vào sử dụng quá nhiều những từ ngoại lai và những khái niệm có vẻ như hiện đại nhất. Ngoài những từ đã làm chán ngấy mọi người như “đa nguyên luận” rồi “đồng thuận”; lại còn “cởi mở”, khoan dung”- thôi thì không thiếu từ gì nữa!

Người ta thay đổi hết thần tượng phương Tây này sang thần tượng phương Tây khác. Ta chỉ nghe thấy rặt những tên: Carrêgi, trường cao đẳng Havvard.

Vào thời ấy đã có những thần tượng khác và những từ khác, nhưng cả lúc ấy và bây giờ tôi sẵn lòng trả lại hết những của lạ này chỉ để đổi lấy một câu chuyện thần thoại duy nhất và chàng ngốc Ivan. Đã gần một trăm năm chúng ta kiên nhẫn chịu đựng để người ta giày xéo xuyên tạc các khái niệm như là ý thức tự giác của nhân dân, tâm hồn Nga, tính cách Nga. Người ta chỉ nhắc đến những khái niệm đó vào lúc hiểm nguy chung – Như là Xtalin đã khơi dậy trong cuộc chiến tranh Vệ quốc; thế nhưng cũng không nên lợi dụng để đầu cơ một cách trơ trẽn đến thế.

Nhìn lại quá khứ để một lần nữa (không biết lần thứ bao nhiêu rồi!) đánh giá mọi việc một cách tỉnh táo. Tôi không thể không cảm ơn số phận đã dành cho tôi một sự giáo dục truyền thống dân tộc dựa trên nền tảng uy tín thiêng liêng và vững chãi của các nhà kinh điển Nga: Puskin, Gôgôn, Lecmôntốp, Nêcraxôép... Tất cả những tác giả còn lại chỉ là những người kế tục họ. Sự hun đúc truyền thống dân tộc này, không chỉ làm nền tảng tinh thần vững chắc cho cuộc sống mà còn là tấm giấy thông hành để tiến cao chiếm lĩnh các lĩnh vực mà không một Carnêgi, một Habbard nào cùng với những động sự của họ có thể giúp được.

Đối với tôi, một thanh niên còn rất trẻ, thật nhẹ nhàng và sung sướng được tiếp xúc với các thợ máy xe hòa lớn tuổi, những con người tuyệt vời lái những đoàn tàu siêu nặng trên những tuyến đường xa, với những người thợ sửa chữa tài năng nhiều kinh nghiệm và những bạn bè cùng lứa mới vào làm ở đêpô xe hòa... Tình bạn với họ sau này đã sưởi ấm suốt đời tôi, và chỉ cần một mẩu tin ngắn cũng đủ làm tôi phấn khởi, chưa nói đến những bức thư kể tỉ mỉ thì tôi luôn tìm cách trả lời ngay, dù cho có bận bịu thế nào chăng nữa. Chính tình bạn đó, ngoài những cái khác ra, đã dạy cho tôi tình yêu đối với nỗi, mà sau này không thể rời xa tôi được nữa, đôi với công việc sau chiếc bàn nguội đơn giản, đồng thời không chỉ dạy tôi những những bài học đầu tiên mà còn hướng tới bí quyết chính của nghề: tay nghề – đó chính là sự sáng tạo lừng khời.

Khi tôi đến địa điểm tập trung để gặp người phụ trách ủy ban tuyển quân, thực sự tôi cảm thấy không chỉ có mình tôi, mà còn có bao nhiêu con người tuyệt vời khác cũng đến, họ là những đồng chí của tôi.

Tôi nói rằng từ bé tôi rất yêu máy móc kỹ thuật, và cũng có biết chút ít về chúng. Thế còn đáng người thấp bé thì để cho người nào lực lưỡng to lớn mà tôi cùng phục vụ xe tăng sẽ được rộng rãi hơn.

Tôi được điều về đại đội huấn luyện lái xe tăng. Chúng tôi được huấn luyện về binh khí kỹ thuật, cũng như các môn quân sự khác, trong đó có huấn luyện đội ngũ. Các cán bộ chỉ huy rất chú ý uốn nắn tư thế, tác phong, trang phục, đi đều trong đội ngũ, biết hát các bài hành khúc. Tóm lại là dạy việc thực hiện chuẩn xác các chức trách theo điều lệnh.

Một lần ở Igiepxk khi Cachia – vợ tôi – đã mất, mọi việc nhà đều do do Natasa, con gái út tôi, đảm đương, tôi và thằng cháu ngoại Igor quyết định tặng Natasa một món quà nhỏ, chúng tôi sẽ tự nấu một bữa trưa liên hoan. Việc đầu tiên là gọt khoai tây. Khi mới bắt đầu, Igor đã hỏi: “Ông học bao giờ mà gọt nhanh thế, chẳng ai kịp ông!”

Tôi hỏi lại: “Sao lại ở đâu?... Ở Hồng quân chứ ở đâu. Khi ông bị phạt phải làm dưới nhà bếp!”

Thời gian phục vụ trong quân ngũ cứ thế trôi qua: các buổi lên lớp học khí tài, nghiên cứu mọi chi tiết cơ bản của xe tăng và vũ khí. Cái chủ yếu đối với người thợ máy – lái xe, và có lẽ đối với tất cả tổ lái, là nắm vững: “binh khí” và sử dụng thành thạo trong mọi điều kiện. Học lý thuyết kết hợp với thực hành lái, và bắn các loại vũ khí.

Trong thời gian học tập này, tôi đã chú ý ngay đến sự bất tiện khi bắn trung liên TT (Tôcarép Tula), loại này mới được trang bị cho bộ đội tăng.

Loại súng máy này quay tự do không phân biệt bắn ở ngoài công sự tự nhiên hay bắn qua khe hẹp trong

xe bọc thép. Mà phải nạp đạn lại, trong khi hộp đạn dung tích nhỏ.

Tôi bỗng nhớ lại khẩu “braoning” bất hạnh của mình và những bài học đầu tiên về vũ khí liên quan với nó... Sử dụng được! Tôi đã làm được “bộ gá” giúp cho khi bắn qua khe trong tháp xe dễ ngắm hơn, nghĩa là có hiệu quả hơn. Hộp đạn tôi đề nghị cải tiến có cấu tạo độc đáo hơn và cũng được thông qua.

Tôi làm việc say mê, vào xưởng lúc nào cũng được, miễn là bảo đảm giờ học càng ngày càng nặng.

Lý do là vì tháng 5 năm 1970 Ghêôcghi Konxtantinôvich Giucốp trở thành tư lệnh quân khu đặc biệt Kiép. Uy tín và tên tuổi của vị tướng Nga vĩ đại này, ngày nay buộc ta phải lục lại trong trí nhớ những chi tiết mà khi nhắc lại ta thấy đều qua rồi.

Còn một đặc điểm nữa nổi bật trong mùa hè và mùa thu năm 40 có liên quan trực tiếp đến việc G.K. Giucốp trở thành Tư lệnh quân khu là công tác phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa được tiến hành rất tích cực và được quan tâm. Trong trung đoàn chúng tôi đã tổ chức một gian trưng bày đặc biệt. Trên đó có treo các tờ rơi ghi các chuyên mục vấn đề nêu ra cho các nhà sáng kiến đơn vị tham gia giải quyết. Mỗi chuyên mục có tính định hướng thực tế trước hết nhằm vào việc cải tiến sử dụng và bảo dưỡng khí tài và trang bị. Các cán bộ chỉ huy đảm bảo duy trì và phát triển bằng mọi cách, bầu không khí sáng tạo trong trung đoàn chúng tôi.

Đáng tiếc là ngày nay tôi đã quên mất tên những người đã đảm bảo cho chúng tôi luôn luôn có điều kiện để tham gia vào các cuộc thi tìm tòi sáng tạo thật đặc sắc hồi đó.

Điều này có lẽ liên quan đến những đặc điểm của “bộ nhớ” của tôi. Khi có thể rút ra ngay được từ trong bộ nhớ đó một chi tiết kỹ thuật nhỏ bé nhất nào đó mà có lẽ bạn chẳng bao giờ cần đến cả. Như là đi ngược lại ý muốn, bộ máy đó lưu giữ lại những tính năng kỹ thuật của các loại vũ khí mà từ lâu thế giới không còn dùng để bắn nữa. Thế nhưng những gì liên quan đến việc nhớ mặt, nhớ tên người, thì quả là tôi có lỗi. Trí nhớ chỉ lưu giữ từng đoạn hồi ức rời rạc nhất.

Vào một ngày mùa hè nóng nực, đại đội chúng tôi trở về từ trung tâm huấn luyện. Hình như bụi thao trường luôn lách qua cả vỏ bọc thép thấm vào tận bên trong. Cả tiểu đội phải ra sức lao động để cho từng chi tiết, từng cơ cấu bóng loáng như mới.

Vào lúc ấy đại đội trưởng, một người đầy nghị lực vẫn thường xuyên nêu ra các ý tưởng để chúng tôi tìm tòi sáng tạo, gọi tôi ra khỏi hàng và nói chuyện. Ông cầm lấy tay tôi thân mật như một người cha rồi hỏi:

- Misa này, cháu đã đến xem thông báo trên giá trưng bày chưa? Thế nào cháu cũng phải xem người ta viết gì ở đó. Thông báo đề nghị những người thợ lành nghề tham gia cuộc thi chế tạo chiếc đồng hồ đo rất cần cho những người lính xe tăng chúng ta. Chắc cháu sẽ quan tâm đến vấn đề này. Mà cháu cũng sẵn có kinh nghiệm.

Cần phải ghi công xứng đáng cho đại đội trưởng chúng tôi, vì ông là người biết rõ đặc điểm cá nhân của từng người chúng tôi, ông biết đi sâu vào tâm hồn con người, biết chạm đúng vào sợi dây tình cảm cần thiết nào đó trong tâm hồn con người. Ông là người phát hiện rất nhanh niềm say mê “sắt thép” của tôi, nguyện vọng tìm hiểu sâu sắc chúng, và cả những dự định rụt rè thiết kế cái gì đó của tôi. Tôi chưa kịp đến đại đội báo cáo, thì đại đội trưởng gặp tôi trên đường đã đưa tôi vào tham gia cuộc thi chế tạo máy đếm quán tính để xem số lượng thực tế số đạn bắn ra từ pháo. Tôi không đi sâu vào chi tiết, chỉ nói rằng chiếc máy đếm này giúp tăng hỏa lực bắn tập cho bộ đội xe tăng.

Trong kho lưu trữ của tôi, thật may mắn, còn giữ được tờ nhận xét gần 50 năm về trước của các chuyên gia về chiếc máy do tôi chế tạo: “Máy đếm đơn giản trong chế tạo và hiệu quả trong sử dụng”. Có lẽ đây là sự thừa nhận chính thức đầu tiên về hoạt động sáng chế mới mạnh mẽ của tôi. Tôi nhớ lại với lòng biết ơn người đại đội trưởng đầu tiên của tôi đã biết nhận ra thiên hướng sáng tạo kỹ thuật trong con người một chiến sĩ Hồng quân gầy gò, xương xẩu như tôi. Và người không chỉ nhận ra, mà còn tạo điều kiện cho tôi phát triển.

Tôi đặc biệt chú ý đến mục đề nghị thi hành tham gia thiết kế đồng hồ định vị sự làm việc của động cơ xe tăng có tải và chạy không. Những chữ sau được in đậm: “Việc chế tạo chiếc đồng hồ nói trên có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với các chiến sĩ xe tăng”

Ý tưởng chế tạo chiếc đồng hồ đó đã cuốn hút tôi. Đại đội trưởng đã đến giúp tôi. Ông tạo điều kiện cho tôi tính toán vào giờ tự học, đưa tôi lên xưởng đồng hồ của trung đoàn, tôi thường ở đó vào thời gian rỗi sau khi ăn tối. Tôi không kể lại chi tiết việc chế tạo đồng hồ. Tôi chỉ muốn nói là tôi đã hoàn thành xong trong mấy tháng.

Không biết ai là người sung sướng hơn: tôi hay đại đội trưởng khi tôi báo cáo với ông kết quả này. Tôi

xin phép cho thử đồng hồ trên xe tăng của mình. Đồng hồ được lắp vào nhanh chóng. Phải thừa nhận rằng chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi xác định được rằng đồng hồ hoạt động một cách chắc chắn và định vị chính xác sự làm việc của động cơ xe tăng khi có tải và khi chạy không.

Chiếc đồng hồ được quyết định gửi lên các chuyên gia của quân khu để thẩm định. Trung đoàn trưởng ký lệnh cử tôi lên ban tham mưu quân khu công tác. Tôi không biết rằng lần đi Kiép ấy tôi đã vĩnh viễn chia tay với đơn vị thân yêu của tôi. Tất nhiên tôi không thể biết được. Tôi dự tính sau vài ngày tôi sẽ trở về. Tôi biết mọi người: cả đại đội và cả trung đoàn đang chuẩn bị cho cuộc tập trận lớn trước mắt. Nhưng tôi đã không được dự cuộc tập trận. Việc chế tạo chiếc đồng hồ đã được báo lên đại tướng G.K. Giucốp. Ông ra lệnh cho người chế tạo lên gặp ông.

Tôi rụt rè bước vào phòng làm việc của vị tướng lừng danh, người anh hùng của các trận đánh trên sông Khankhin-Gôn. Khi đứng trước thủ trưởng báo cáo có mặt, giọng tôi lạc đi. Và có lẽ nhận ra tâm trạng tôi lúc đó, ông mỉm cười. Về nghiêm khắc trên khuôn mặt rộng của ông biến mất, chỉ còn lại cách nhìn tốt lành đầy thiện chí.

Tư lệnh không phải chỉ có một mình. Trong phòng làm việc còn có một số tướng lĩnh và sĩ quan nữa. Tất cả đều chăm chú xem bản vẽ và cái đồng hồ.

- Tôi muốn nghe đồng chí Kalasnhicốp – G.K. Giucốp quay về phía tôi. – kể cho chúng ta nghe về nguyên lý hoạt động và công dụng của chiếc đồng hồ.

Thế là lần đầu tiên trong đời tôi được báo cáo trước một ủy ban đường bệ như thế về sáng kiến của mình. Tôi đã nói một cách chân thành về những mặt mạnh, mặt yếu của chiếc đồng hồ.

Về sau này, trong suốt năm mươi năm hoạt động sáng chế đã nhiều lần bảo vệ các mẫu vũ khí mới chế tạo, bảo vệ các quan điểm của mình, phải tranh đấu giành quyền thực hiện các ý tưởng thiết kế vào cuộc sống, và cũng nhiều khi bị phản bác. Thế nhưng, vì hồi hộp, bản báo cáo đầu tiên này của tôi, có phần lộn xộn đã ghi sâu trong ký ức tôi suốt đời.

Tư lệnh kết luận rằng chiếc đồng hồ quán tính này có cấu tạo độc đáo, và đương nhiên cho phép kiểm tra tuổi thọ của động cơ xe tăng với độ chính xác cao. Điều đó cho phép nâng cao trình độ sử dụng khí tài, tạo ra khả năng tiến hành có hiệu quả các biện pháp nhằm tiết kiệm nhiên liệu và vật liệu bôi trơn. Tóm lại là chế phẩm của tôi được đánh giá cao.

Sau cuộc nói chuyện với Tư lệnh, tôi được cử đến trường Trung cấp kỹ thuật tăng Kiép. Xưởng trường có nhiệm vụ sản xuất hai mẫu đồng hồ đo thí nghiệm và thử toàn diện trên các xe chiến đấu. Trong một thời gian ngắn nhiệm vụ đã được hoàn thành.

Lần thứ hai tôi lại được gặp Đại tướng Giucốp, sau khi tiến hành thử nghiệm xong. Lần này thời gian làm việc ngắn hơn lần trước. Tư lệnh biểu dương tôi vì có sáng kiến tốt và tuyên bố tặng thưởng tôi một món quà có giá trị là chiếc đồng hồ. Sau đó tôi được cử đến một đơn vị thuộc quân khu Mátxcova để tiến hành thử nghiệm so sánh.

Chiếc đồng hồ được tặng tôi không còn giữ. Nhưng một lần nhà báo Kixelép, trong bức thư gửi tôi, đã nhắc lại những ngày không quên vào cuối năm 1940 ấy. Chả là khi tìm tư liệu lưu giữ, nhà báo vô tình đọc được bài kể lại buổi Đại tướng Tư lệnh quân khu Giucốp tiếp chiến sĩ Kalasnhicốp trong tờ “Hồng quân” của quân khu.

Ngày nay, khi mà xung quanh tên tuổi tôi, muốn hay không muốn, người ta đã thêu dệt biết bao nhiêu huyền thoại các kiểu, trong đó có câu chuyện: vào năm bốn một, khi mà nước Nga đang trải qua những ngày tháng khó khăn nhất, Kalasnhicốp đã được nguyên soái Giucốp gọi lên và lệnh: Quân đội đang cần một loại tiêu liên chất lượng cao!

Cốt truyện này được người nước ngoài rất ưa thích, mà đầu tiên cũng bởi tại một nhà báo nào đó trong nước đã “thêm mắm, thêm muối” rằng vị nguyên soái vĩ đại, với tình cảm cha con, thân mật vỗ vai trung sĩ mà rằng: “Con trai cưng, ta hy vọng vào con!”

Tất nhiên, suy diễn như thế là có hại, bởi dần dần chính bản thân Kalasnhicốp sẽ quen với câu chuyện cảm động này và vỗ ngực kể toáng lên khắp nơi, rằng: năm bốn một nguyên soái gọi tôi lên và nói: các chiến sĩ đang đợi ở cậu loại vũ khí đầy hy vọng...

Đối với tôi sự việc hoàn toàn không thế, mà hơi khác; lúc bấy giờ một anh lính trơn như tôi đứng trước một vị tướng tiếng tăm như thế, thì không thể tránh khỏi sự hồi hộp, lo sợ, đan xen với tình cảm ngưỡng mộ, tôn kính và một chút tự hào về phát minh của bản thân, nhưng... cũng hải lắm chứ, nhờ bỗng nhiên các vị tướng thông thái mà Tư lệnh quân khu triệu tập đến kia, kết luận rằng sáng kiến của tôi quá thô sơ, không có ý nghĩa thì sao?

Và còn một điều nữa.

Tất nhiên, trong cuộc tìm kiếm người đỡ đầu theo ý muốn chủ quan hay ngoài ý muốn chủ quan về sau này đã nhiều lần tôi suy nghĩ về Ghêoocghi Konxtantinôvích Giucốp. Vâng, trước khi được ông, đã có nhiều người giúp đỡ, khuyên răn, ủng hộ với tất cả khả năng và tấm lòng. Nhưng riêng Ghêoocghi Konxtantinôvích, thì ông đã hoan nghênh, một cách thiết thực nhất. Kể từ khi được gặp ông, cuộc đời tôi đã có những bước ngoặt lớn: tôi, một anh lính phục vụ theo niên hạn, trước chiến tranh không lâu mới bước vào con đường thiết kế gian nan này, mà nay đã có chiếc máy đo đưa đi thử ngoài chiến trường, đảm bảo chất lượng được cá chuyên gia quân sự kỹ tính thông qua và giới thiệu để sản xuất hàng loạt.

Tôi không trở về đơn vị cũ, theo lệnh của Tổng cục trưởng Tổng cục tăng – thiết giáp tôi được điều về nhà máy chế tạo ở Leningrát. Tại đây, sau khi sửa chữa các bản vẽ thi công, chiếc máy đo được đưa vào sản xuất hàng loạt. Khi ấy là mùa xuân năm 1941...

Ở Leningrát, lần đầu tiên trong tôi dậy nên những cảm xúc lạ kỳ: cảm xúc của cái “tôi” tư hữu, cảm xúc của một nhà sáng chế, sinh ra được cái “của tôi!” Tôi thật sùng sảng đến ngỡ ngàng, khi nhìn thấy các chi tiết mà tôi từng vất óc suy nghĩ giờ đây được người khác làm thật hào hứng và đầy chất lượng! Hầu như chi tiết nào làm xong, tôi cũng muốn nâng niu trên tay và ngắm nghía không biết chán.

Mẫu máy đo chế thử của tôi đã được thử thành công trong điều kiện của phòng thí nghiệm nhà máy. Trong bản thuyết trình gửi về Tổng cục tăng – thiết giáp Hồng quân công nông do chủ nhiệm thiết kế nhà máy kí, có ghi rõ: so với chiếc máy đo hiện hành, mẫu mới đơn giản hơn về thiết kế, độ tin cậy cao hơn, trọng lượng và kích thước nhỏ hơn. Cuối bản thuyết trình, kết luận như sau: “Dựa trên cơ sở máy đo do đồng chí Kalashnicốp đề nghị, có thiết kế đơn giản và đạt kết quả tốt trong thí nghiệm, tháng bảy năm nay nhà máy đã hoàn thiện các bản vẽ thi công và chế tạo mẫu để thử toàn diện, lần cuối trước khi cho sử dụng trong các xe đặc dụng”.

Thật đáng tiếc việc thử toàn diện đã không được tiến hành. Bản thuyết trình được ký ngày 24 tháng 6 năm 1941 – hai ngày sau khi phát xít Đức tấn công Liên Xô. Cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại bắt đầu.

Vài ngày sau, tôi tạm biệt nhà máy, tạm biệt các công nhân, kỹ sư đã trở thành thân thiết với tôi trong quá trình cộng tác căng thẳng vừa qua. Tôi nhớ suốt đời lời tạm biệt của chủ nhiệm thiết kế lúc chia tay:

- Anh bạn trẻ hãy chiến đấu thật tốt. Chiếc máy của bọn chúng mình nhất định sẽ hoàn thành, sau khi chúng ta nhanh chóng chiến thắng quân thù.

Khi ấy chúng tôi nuôi một niềm tin cháy bỏng vào “chiến thắng nhanh chóng” của chúng ta. Hầu như tất cả chúng tôi đều đinh ninh tin tưởng rằng chúng ta sẽ chiến đấu hoàn toàn phù hợp với học thuyết quân sự Xô viết “tôn thất ít ngay cả ở trên lãnh thổ nước ngoài”.

Trên đường đi về đơn vị, tôi cũng nghĩ thế. Nhưng biết tìm đơn vị ở đâu?

Đài đưa tin thành phố Xtrui miên Tây Ucraina nơi đơn vị tôi trú quân đã rơi vào tay quân địch.

Trên đường tìm đơn vị, tôi đã gặp một trường hợp xảy ra khá bất ngờ và thú vị. Đến gần Khácốp, tàu chúng tôi dừng lại ở một ga. Kiểm tra xong giấy tờ một số bước xuống sân ga. Nhân viên đường sắt nhắc chúng tôi chú ý kéo ghế tàu.

Trên sân ga lúc ấy, rất nhiều chiến sĩ tập trung lên tàu. Mọi người vội vã lên tàu để chiếm chỗ, tiếng í ới gọi nhau khắp nơi. Bỗng nhiên tôi nghe thấy một giọng nói quen quen. Chưa kịp định hướng tiếng nói từ đâu thì thấy một đoàn tàu hàng, toa trần phủ bạt nổi hình xe tăng, ngay trên đường tàu bên cạnh. Trên một toa tôi thấy đồng chí chuẩn úy lực lượng trưởng xe chúng tôi đang đứng, người rất thích tiếng kêu tích tắc của chiếc đồng hồ quả quýt do ông nội, người đã tham gia thế chiến thứ nhất để lại.

Tôi gọi giật giọng Chuẩn úy và lao nhanh đến toa anh đứng, hai anh em gặp nhau bất ngờ, chúng tôi lặng đi, một lúc sau mới tỉnh lại, chỉ biết xuýt xoa vỗ vai nhau. Hóa ra, trước chiến tranh không lâu, các lái xe của đơn vị đi Ural để nhận khí tài mới. Riêng xe chúng tôi không bỏ sung lái xe mới, đợi tôi về, nên buộc trưởng xe phải đến nhà máy nhận xe.

Thế là cuộc chiến đã đưa anh em về cùng trung đoàn chúng tôi gặp nhau trên đường. Và, tôi nhận vào đơn vị mới ở ngay một ga nhỏ gần Khácốp. Trong khi tôi mãi mê tay bắt mặt mừng với anh em cùng đơn vị thì đoàn tàu của tôi đã rời khỏi sân ga, mang theo chiếc áo khoác và cái va ly của tôi. Cũng may là giấy tờ tôi mang theo người và xung quanh tôi là đồng đội cả.

Khi biên chế vào đơn vị, tôi được chỉ định làm trưởng xe, và được phong quân hàm Thượng sĩ. Tiểu sử tôi lật sang trang mới: trang mặt trận.

Bây giờ thật khó nhớ lại từng giai đoạn chiến đấu một. Giai đoạn đầu như đã rõ, quân đội Xô viết ở tình

thể bất lợi, trong nhiều trường hợp, có thể nói là bị đát. Tiểu đoàn chúng tôi đôi lúc không rõ mình đang chiến đấu ở đâu: ở hậu phương địch hay đang ở tiền duyên. Liên tiếp hành quân cơ động, lúc thì tổ chức đánh vào sườn địch các trận tấn công ngăn ngừa, nhưng ác liệt, lúc thì lui về phía quân ta. Phần lớn chúng tôi được tung vào những nơi bộ binh ta gặp khó khăn.

Tôi không phải chiến đấu lâu. Vào đầu tháng 10 năm 1941, trong một trận đánh gần Brianxk tôi bị thương nặng. Khi ấy trong một đợt phản kích, đại đội tôi xông vào cạnh sườn quân Đức, đã đụng phải đại đội pháo binh địch. Chiếc xe tăng đầu tiên bị bắn cháy là xe đại đội trưởng. Sau đó, bất tỉnh lịnh trong tai tôi vang dội tiếng nổ to, trước mắt bùng lên ngọn lửa chói sáng dữ dội...

Tôi không rõ đã bất tỉnh bao lâu, có lẽ là khá lâu và khi tỉnh dậy thì đại đội đã rút ra. Ai đó định cởi áo cho tôi. Vai trái và tay trái cảm giác như của người khác. Tiếng ai đó thoảng qua như trong giấc mơ:

- Thăng này tốt số thật!

Vai trái tôi đã bị mảnh đạn văng ra từ trong xe xuyên thủng. Tay trái không cử động được. Tôi lơ mơ không rõ điều gì đã xảy ra với tôi và xung quanh tôi. Hóa ra, người bác sĩ trưởng mà tôi cảm thấy rất già xác định tôi bị đập thương

Tiểu đoàn trưởng ra lệnh chuyển số bị thương nặng về đại đội quân y. Nhưng nó ở đâu, khi chính chúng tôi đang ở trong hậu phương của địch? Tôi xin ở lại, nhưng không được.

Lúc đầu, 15 chiến sĩ bị thương, chúng tôi được chở trên chiếc xe tải, có bác sĩ và nữ y tá đi hộ tống. Tôi chỉ còn nhớ tên người lái xe là Còlia. Có lẽ chính vì anh là chỗ dựa chắc chắn cho chúng tôi trên đường đi, lúc ấy phần lớn chúng tôi không tự do đi lại được.

Xe đi đến chập choạng tối, thì đến gần một làng, bác sĩ cho xe dừng lại, và cứ ba người đi được gồm trung úy bị hỏng tay, lái xe Còlia và tôi vào làng trình sát xem có quân Đức hay không. Cả ba được trong bị súng ngắn và súng trường. Mới vào, trong làng rất yên tĩnh, hoang vắng. Những ngôi nhà gỗ đen sẫm, ụ tịch, có cảm giá trong mỗi ngôi nhà đều ẩn náu, rình rập mối nguy hiểm nào đó. Và quả thật, trên đường làng bỗng vang lên một tràng liên thanh hướng về phía chúng tôi. Chúng tôi nằm ép mình xuống đất, bò qua cánh đồng khoai tây trở lại rừng.

Bỗng nhiên, từ phía chiếc xe tải đổ có tiếng súng liên thanh nổ. Anh trung úy rít qua kẽ răng: “Quân chó đê. Nó bắn bằng tiểu liên đây – giá mà ta có lấy một khẩu”. Tôi kẹp khẩu súng trường TT giữa hai đầu gối, dùng tay phải lên quy lát.

Chúng tôi lom khom qua các bụi cây, tiến về phía súng.

Tôi không hiểu điều gì sẽ xảy ra, nếu chúng tôi đến sớm độ hai – ba phút. Còn lúc này thì bọn Đức đi trên các xe mô tô ba bánh đã mất hút sau chỗ ngoặt của con đường rừng. Trước mắt chúng tôi là một cảnh hãi hùng!... Nhưng người nào trèo xuống được thì bị bắn chết dưới đất, còn những người nằm trong thùng xe thì bị lê dẫm lỗ chỗ khắp thi thể.

- Chúng mình mà không đi, khéo cũng bị! – Còlia lẩm bẩm giục mọi người đi nhanh.

Chúng tôi lại chạy, núp trong cả bụi cây nghe ngóng, lấy sức chạy tiếp, tránh xa con đường rừng. Khi trời đã về đêm, chúng tôi quyết định nghỉ lâu hơn, rồi lại đi tiếp. Chúng tôi đi rất chậm và mệt mỏi. Vết thương trên vai tôi nhức nhối dữ dội, đôi lúc làm tôi mê man, bất tỉnh, lúc tỉnh thì thấy cảm đang tì vào chiếc tay áo khoác khô cứng của Còlia... Cậu ta đã bế tôi đi? Hay là lúc tôi lao đảo sắp ngã, thì Còlia đã kịp ôm choàng lấy tôi. Tình trạng sức khỏe của trung úy cũng không khá hơn tôi. Trong một lần nghỉ lấy sức, Còlia nhìn thấy một bác nông dân già đi ngoài bìa rừng, trong tay có một bọc nhỏ. Ông là người làng bên, ra đồng tuốt ít lúa mạch đem về cứu đói cho gia đình. Tất cả lương thực, thực phẩm của gia đình đã bị quân Đức cướp sạch. Thu hoạch vụ mùa ngoài đồng, không được phép: cánh đồng lúa thuộc quyền “nước Đức Đại đế”.

Thật xót xa khi phải nhai từng hạt lúa mà người nông dân bóc cho mỗi người một nắm vào lòng bàn tay.

Sau đó người nông dân tốt bụng ấy dẫn chúng tôi đi trên con đường rừng nhỏ, cỏ mọc um tùm vì lâu không có người qua lại, tìm đến nhà một người thầy thuốc ở cách đó cỡ 15 kilômét.

Chúng tôi đi mãi, khi rừng bắt đầu thưa dần thì người dẫn đường dừng lại bảo: “Bây giờ trời đã sáng, các anh không được mạo hiểm. Từ đây đến con đường dẫn vào làng chỉ còn 300 mét. Đợi đêm xuống lúc ấy mới ra đường cái đi về phía nam”. Chỉ cách tìm nhà người thầy thuốc xong, bác nông dân chào chúng tôi và quay trở lại.

Lại một ngày chờ đợt căng thẳng, mệt mỏi, cảm thấy như là mặt trời đứng nguyên một chỗ, không chịu



lặn xuống sau canh rừng xa. Trong lòng chúng tôi lo lắng, chẳng được yên, muốn ngủ mà không thể ngủ nổi...

Khi bóng đêm trùm xuống, chúng tôi đi ra đường, thận trọng nghe ngóng từng tiếng động, lần theo con đường rừng ngoằn ngoèo dẫn vào làng tìm người giúp đỡ. Chúng tôi đi suốt đêm, rạng sáng vẫn chưa vào trong làng được. Lại phải chờ đến tối.

Nhận ra nhà người thầy thuốc, chúng tôi tìm cách tiếp cận, ần núp và tiến hành quan sát, thay nhau nghỉ ngơi. Đến chiều chúng tôi mới phát hiện ra, trong làng không có quân địch, mà dân cư thì hầu như đã bỏ đi hết: vườn tược hoang vắng, mọi nơi yên tĩnh, không người qua lại. Chúng tôi quyết định cứ Côlia luôn qua vườn vào nhà người thầy thuốc để trình sát. Hai anh em ở ngoài nạp đạn cho hai khẩu súng lục, đề phòng nếu gặp nguy hiểm thì yểm hộ cho Côlia rút ra.

Côlia chạy an toàn đến ngôi nhà người thầy thuốc và vào khuất trong đó. Bắt đầu những phút chờ đợi hồi hộp, lo âu, không biết liệu Côlia có ra được không?

Cuối cùng thì cũng nghe thấy tiếng huýt gió ngắn ám hiệu quy ước của chúng tôi vọng tới từ phía bên. Chúng tôi đáp lại tín hiệu trả lời. Hai ba phút sau, Côlia xuất hiện, mang theo một bọc thức ăn. Chúng tôi mở gói thức ăn, còn Côlia thì kể lại mọi chuyện xảy ra trước mắt: “Các anh ơi, thế mới gọi là con người. Thật sự là một con người! Một con người Nga chân chính!”

Gói thức ăn được mở ra, chúng tôi thật ngạc nhiên vô cùng. Trên mặt tờ báo đã ố vàng, như là khăn trải bàn, là nửa ổ bánh mì nướng lấy, ba củ khoai tây luộc, hai quả táo và một gói muối nhỏ! Vì Côlia đã được chủ nhà mời ăn trong nhà rồi, nên số mang ra là dành cho hai chúng tôi. Khi chúng tôi ăn thì Côlia kể cho chúng tôi nghe về người thầy thuốc. Ông tên là Nhicôlai Ivanovich, có ba người con đang chiến đấu ngoài mặt trận. Bọn Đức đã mấy lần đến nhà và gọi ông sang ban quân quản làng bên trình diện, nên ông khuyên chúng tôi hãy thận trọng. Kôlia đã nói rõ để Nhicôlai Ivanovich hiểu rằng, nếu không được sự giúp đỡ của thầy thuốc thì không thể đi nổi.

Đến chiều tối thì chúng tôi đến nhà Nhicôlai Ivanovich. Ông đã chờ sẵn chúng tôi, từ tứ kéo rèm che kín hết các cửa sổ, chuẩn bị sẵn sàng dụng cụ y tế, bông, băng... Với tình cảm yêu thương, triu mến như người cha, ông lấm bầm xót xa lau rửa vết thương, băng bó cẩn thận cho chúng tôi. Làm xong ông nói nhẹ nhàng, nhưng kiên quyết: “Các cháu không được đi ngay bây giờ! Vết thương không gây chết người, nhưng rất nguy hiểm và nên tuân thủ chế độ bất động, ít nhất là hai ba ngày... Bác sẽ giấu các cháu trong kho củ khô. Bác không để các cháu đi trong tình trạng như thế này!” Và không đợi câu trả lời của chúng tôi, ông nói liền: “Cứ thế các cháu nhé. Mời các cháu vào phòng bệnh!” – Nói rồi ông dẫn chúng tôi vào kho củ khô. Tôi như ngất ngây đắm chìm trong hương củ khô thân thuộc, triu mến.

Nhicôlai Ivanovich chúc chúng tôi ngủ ngon, và như là thấy mình có lỗi không để chúng tôi ngủ trong nhà, ông nói thêm: “Mùa hè các chàng trai nhà bác thích ngủ trong kho củ khô lắm”.

Tôi nằm đây, trong mùi hương củ khô bỗng sống lại tuổi thơ xa vắng đã lùi xa tự bao giờ. Nhớ nhà, nhớ cha mẹ, người thân, gieo vào lòng tôi một câu hỏi buồn: rồi điều gì sẽ xảy ra với tôi? Liệu tôi có sống sót trong cuộc chiến tranh khùng khiếp này không? Mẹ ơi, mẹ có sao không? Các con trai của mẹ đều đi chiến đấu, còn lại mẹ một mình. Những ngày tháng khó khăn gian khổ này, chắc các chị gia đình ở gần đây chẳng thể nào lại để mẹ ở một mình... Tôi đem theo những ý nghĩ buồn, thương ấy chìm vào giấc ngủ...

Sáng sớm cả làng vẫn còn ngủ, ông y sĩ đã đánh thức chúng tôi dậy. Ông mang vào kho thức ăn cả ngày, hai xô nước ấm và cả một chồng sách báo cũ mà phần lớn là sách báo ngành y. Ông khám lại vết thương của chúng tôi và băng bó lại. Khi đi ra ông dặn, để tránh nghi ngờ, ban ngày ông sẽ không vào kho, đến đêm ông sẽ khám lại kỹ hơn.

“Sách đây, hãy đọc đi nhé! – Ông khuyên – Nó sẽ cần cho các cháu đấy”.

Khi ấy, chúng tôi thật vô ý, không hỏi họ ông, người đã cứu giúp chúng tôi là gì? Và cũng không biết các con ông chiến đấu ở đơn vị nào? Những sự kiện ấy không chỉ để sau này kể lại mãi mãi, mà còn ghi nhớ đời đời!

Ban ngày chúng tôi đọc sách báo, làm quen với các vấn đề y học, lo lắng bàn luận diễn biến tình hình xảy ra cùng nhau tìm cách thoát vòng vây, trở về đơn vị. Ban đêm Nhicôlai Ivanovich kể cho chúng tôi nghe về tình hình trong làng và tình hình chiến sự của quân ta. Hồi ấy những tin tức quân sự thật đáng buồn.

Chúng tôi ở lại hai ngày trong kho củ khô. Đêm thứ ba thì Nhicôlai Ivanovich cho chúng tôi đi. Ông gói cho chúng tôi thức ăn cho hai ngày đường, dự trữ bông băng, còn iốt, rồi dẫn chúng tôi đi qua vườn ra đường làng, chỉ cho chúng tôi hướng đi đến mặt trận gần nhất. Chúng tôi ôm ông, cảm ơn tấm lòng đôn

hậu và sự giúp đỡ của ông, rồi chia tay. Chúng tôi đi xuyên rừng, hoặc qua những vùng hẻo lánh không có đường, không có người qua lại, mỗi lúc một khó khăn vất vả hơn. Cũng như trước, chúng tôi đi đêm, ngày nghỉ, cố gắng ăn dè xén, tiết kiệm thực phẩm. Nhưng cũng chỉ đủ ăn được ba ngày. Cái đói buộc chúng tôi phải tìm đến quả dại, lá rừng, nấm tươi... Cái đói là vậy, còn cái khát hành hạ cũng không kém. Trong rừng chỉ tìm được những vũng nước tù nhỏ, mà uống vào lập tức bị đau bụng dữ dội.

Tình thế lại càng trở nên phức tạp khi chúng tôi phát hiện ra suốt thời gian chúng tôi đi trên đường, xung quanh đều yên tĩnh vắng lặng. Hình như chúng tôi đi ngày càng xa mặt trận chứ không phải ra mặt trận... Điều đó lại càng làm cho chúng tôi lo lắng, ủ dột. Chúng tôi không tìm cách xác định phương hướng chính xác, mà chỉ giữ hướng đi về phía đông. Đôi lúc tôi lại ngất xỉu, và tỉnh lại khi cảm đặng phải vai cứng như gỗ của Côlia.

Mãi đến ngày thứ bảy chúng tôi mới tìm đến được khu vực của quân ta ở gần thành phố Trupthepsk. Chúng tôi kiệt sức vì đói và mệt lả, bông băng các vết thương rách nát, bần thui, nhưng mặt mày thì hả hê sung sướng khi được làm “tù binh” của quân ta. Sau khi hỏi han, tìm hiểu không lâu, thủ trưởng đơn vị cho tôi và trung úy, hai người bị thương về bệnh viện, còn Côlia được bổ sung vào đơn vị lái xe...

Tháng 6 năm 1996 tôi nhận được phong thư của đại sứ Nga tại Thụy Sĩ Andrei Xtêpanốp. Tôi đã sang thăm Thụy Sĩ trước đó một tháng, và lúc đó vẫn còn giữ nguyên những ấn tượng về tất cả những gì đã thấy ở đó. Nhưng ấn tượng mạnh nhất không phải là ở đó người ta dùng sampun gội đầu để làm mọi việc, từ việc rửa con đường nối hai thành phố sạch tinh với nhau đến việc tắm cho bò trên bãi cỏ... Cái làm tôi cảm động là ở chỗ khác: người dân Thụy Sĩ đã tôn vinh chân thành và sâu sắc nhà chỉ huy quân sự của chúng ta: Alêxanđr Vaxilievích Xuvôrôp. Người dân ở đây gìn giữ một cách cảm động nhưng kỷ niệm về vị tướng và những người lính Nga hai trăm năm trước đã vượt qua dãy núi Anpơ hiểm trở, đánh thắng quân thù đem lại vinh quang sáng chói đời đời. Một sự kiện đã xảy ra từ ngàn ấy năm!

Ở Thụy Sĩ về đến Ijjepe, tôi đến thư viện thành phố. Trên đường đi tôi tự trách mình: Bởi đâu nên nổi hình tượng người hùng thân yêu của tôi thuở thanh niên sôi nổi, một hình tượng yêu quý của mọi người dân Nga trong những năm chiến tranh khốc liệt với quân Đức, nay hầu như đã lặn chìm, lặn lẽ vào phần đời còn lại của đời tôi. Nếu còn nhớ lại, thì cũng chỉ thoáng qua, mà đôi khi nhờ vào bánh xe quảng cáo nhỏ nhằng nào đó khơi gợi. Thế mà, ở đất nước xa lạ kia, người ta lại trân trọng, nhiệt tâm hồi tưởng lại hình tượng người lính Nga đến thế.

Lúc này tôi hỏi mượn cả cuốn “Khoa học chiến thắng” và cả “Những bức thư” của Xuvôrôp – tóm lại là tất cả những gì về người ta tôn vinh người lính, viết về người lính.

Về nhà, tôi lật từng trang cuốn sách mỏng “Khoa học chiến thắng” và tự hỏi mình: Nhà thiết kế, mi có xấu hổ không?

“Mỗi người chiến sỹ phải hiểu được hành động của mình. Là người lính thì phải khỏe mạnh, dũng cảm, kiên quyết, trung thực”.

Đây cũng chính là những lời giáo huấn mà tôi vẫn ấp ủ.

Tôi cắt chiếc bì thư dày cộp, và rút ra bức thư riêng của đại sứ Xtêpanốp, một cuốn tạp chí của Thụy Sĩ, những bài báo cắt rời, kèm theo các bản dịch sang tiếng Nga... Có lẽ phải trực tiếp gặp ông đại sứ để bày tỏ sự kính trọng và cảm ơn ông, một con người lịch sự, tinh tế và rất đáng tin cậy.

Trên một bài báo có cái tit lớn đập ngay vào mắt: “Ông già và khẩu tiểu liên”.

Ông già là tôi, còn khẩu tiểu liên, đương nhiên là khẩu AK. “Ông Mikhail Timmôphêvích Kalasnhicốp 77 tuổi, người phát minh ra khẩu tiểu liên cùng tên, trong khuôn khổ chuyến thăm năm ngày tại Thụy Sĩ, hôm thứ sáu đã đến Anderomat, thủ phủ của Uri. Tại đây ông đã thăm trường bắn trung tâm, viện bảo tàng và tượng đài kỷ niệm các chiến sỹ “Xuvôrôp”.

Tiếp đến là bài báo thứ hai: “Mikhail Kalasnhicốp; người Nga nổi tiếng ở Anderomat”.

“Vào thứ bảy – chủ nhật vừa qua, quân đoàn chủ lực số Năm quân đội Thụy Sĩ và trường bắn bộ binh sơn cước trung tâm ở Anderomat đã tiếp một vị khách đặc biệt. Đó là thiếu tướng Nga về hưu Mikhail Kalasnhicốp.

Đại tá Phrax Gonôx đại diện trường bắn và đại úy Mác Bauman đại diện quân đoàn Năm đã nhiệt liệt hoan nghênh vị khách quý và những người cùng đi trên mảnh đất Nga bên tượng đài kỷ niệm các chiến sỹ Xuvôrôp ở Söllennen. Tên tuổi “Kalasnhicốp” nổi tiếng trên toàn thế giới. Mikhail sinh năm 1919, vào những năm của thập kỷ 40 đã sáng chế ra loại vũ khí đã đi vào lịch sử quân sự dưới cái tên “tiểu liên Kalasnhicốp, cỡ 7,62mm, kiểu 1947. (AK)”. Nhà thiết kế người Nga do có nhiều công lao đã được tặng thưởng nhiều huân chương của Liên Xô.

Trong chương trình đi thăm của vị khách Nga có cả phần trưng bày vũ khí bộ binh ở khu trại Altkirok. Stêphan Egenviler sĩ quan tùy tùng quân đoàn Năm cho biết, trong cuộc trưng bày sẽ có những vật mẫu quý hiếm, thậm chí có cả mẫu đặc biệt hiếm từ năm 1817.

Mikhain Kalasnhicôp đã hoàn thành chuyến thăm của mình ở Uzertal, ở đây ông đã thăm những nơi kỷ niệm về Xuvôrôp, sau đó ông trở về đèo Xanh-Gôtar”.

Và, bỗng nhiên trong tôi xuất hiện cái cảm giác sắc bén của lưỡi dao mới mài, cái cảm giác về ý thức tội lỗi. Nhưng không phải lỗi trước vị đại nguyên soái, không...

“Thân mình dù lâm nạn, nhưng đồng đội vẫn còn”.

Ông già Kalasnhicóp ơi, liệu ông có thể đến được Xanh-Gôtar với khẩu tiểu liên nổi tiếng của mình không, nếu như năm 41 không có người nông dân già đã bốt cho vào tay anh nắm lúa mạch đen... Nếu như không có người y sĩ làng băng bó vết thương cho anh và giấu anh trong “phòng bệnh” chứa cỏ khô của mình?... Nếu không có chú Còlia trẻ, người lái xe không biết mệt, bị địch bắn nát xe, mình đâm mồ hôi, chạy về báo với anh: “Ồi, thế mới là người!... Một Người Nga chân chính!”

Biết bao nhiêu người đã hy sinh thân mình, để cho đồng đội được còn như vậy?

Nhưng sau này người ta sẽ kể gì về chúng tôi?

“Người lính vẫn còn sống...”

Ở quân y viện Elekx, sau khi khám cho tôi, người bác sĩ già lẩm bẩm:

- Sao cậu lại để vết thương thế này? – Rồi, ngay sau đó ông đổi giọng – Bị bao vây à?

- Vâng, gần như thế.

- Đành phải giữ cậu lại một thời gian ở đây.

Nằm trong phòng bệnh ngày lại ngày tôi bồn chồn lo lắng về những gì đã xảy ra với tôi. Trong đầu tôi chất chồng những ý nghĩ: khẩu tiểu liên tự động của ta ở đâu? Thứ vũ khí lợi hại bắn nhanh, nhẹ và ít hỏng hóc ấy. Trong phòng bệnh có đủ các binh chủng: tăng, bộ binh, pháo binh và công binh. Đôi khi nổ ra các cuộc tranh luận về những ưu điểm, thiếu sót, mặt mạnh, mặt yếu của vũ khí nào đó. Tôi không tham gia nhiều vào các cuộc tranh luận ấy, nhưng trong đầu vẫn giữ lại một số ấn tượng nhất định. Tôi rất thích thú lắng nghe những người đã trực tiếp sử dụng tiểu liên trong tấn công, trong căn phá các đợt xung phong ác liệt của kẻ thù về phía chiến hào của ta. Chính họ là người biết rõ nhất sự hoạt động, tác dụng của loại vũ khí cơ động này như thế nào trong đánh gần. Sau những cuộc tranh luận ấy, trong quyển sổ riêng của tôi xuất hiện những bản vẽ phác thảo mới. Tôi tìm đến sách vở, tài liệu, tôi suy nghĩ về mối liên quan lẫn nhau giữa các bộ phận của khẩu tiểu liên tự động. Tôi lập riêng cho mình một bảng tổng hợp các mẫu vũ khí tự động khác nhau, lịch sử ra đời, quá trình chế tạo chúng và so sánh tính năng kỹ – chiến thuật của chúng.

Tình hình chiến sự ngoài mặt trận càng xấu đi, thì các cuộc tranh luận lại càng sôi nổi hơn.

- Súng tiểu liên loại tốt, đó là thứ vũ khí cần thiết của bộ binh – Anh lính trinh sát nằm giường bên mở đầu cuộc tranh luận với giọng đau buồn cố hữu. – Mỗi người một khẩu! Chỉ có thế mới mạnh được.

- Ủ, cái khẩu tiểu liên của cậu thì mạnh thật. Nhưng ta hãy lấy cự ly ngắm bắn để xét. Không thể so sánh với súng trường được, chẳng hạn súng trường kiểu MOXIN có cự ly bắn 2000m còn kiểu Tocareps tự động thì cự ly bắn là 1500m. Thế còn tiểu liên ППД? Được 500m là cùng. – Anh lính công binh nằm cạnh cửa sổ nổi nóng.

Về chuyện này sau tôi sẽ kể tiếp. Chủ yếu mãi đến những năm sau chiến tranh, số phận mới run rui cho tôi được gặp các nhà thiết kế F.V.Tôcarép, V.A.Điôchiarép và G.X.Spagin. Còn bây giờ thì, với cây bút chì và tờ giấy trong tay, lúc thì ở trong phòng bệnh, lúc thì ở ngoài hành lang quân y viện, tôi cùng với một trung úy lính dù thảo luận với nhau về các bộ phận của các loại vũ khí tự động do các nhà vũ khí chúng ta chế tạo. Chúng tôi nhận thức được tài năng sáng tạo và tư duy vũ khí của họ và mong muốn được thử sức tìm tòi con đường riêng của mình để chế tạo thử một mẫu trung liên mới. Những kinh nghiệm thu được từ sách vở tài liệu, từ các cuộc trao đổi với người trung úy rõ ràng là chưa đầy đủ, chỉ có tính chất bổ sung thêm kiến thức. Tôi rất muốn được kiểm tra trên thực tế những ý định thiết kế của mình bằng cách thực hiện chúng trên kim loại.

Vết thương của tôi lành một cách chậm chạp. Tay cử động còn khó. Các bác sĩ đã cố gắng chạy chữa hết sức và rồi họ quyết định cho tôi ra viện, cho phép nghỉ dưỡng thương vài tháng để chữa tiếp. Thú thật là quyết định ấy bất ngờ và đáng tiếc với tôi, nó không phù hợp với thời chiến.

Nhưng các bác sĩ thì vẫn một mực quyết định: Cần phải chữa vết thương ở vai một cách lâu dài để phục hồi khả năng làm việc của cánh tay. Nhận được giấy nghỉ phép, tôi thu vén số đồ dùng ít ỏi của người lính, gói ghém cẩn thận cuốn sổ tay cùng với các ghi chép về vũ khí, các bản vẽ và các công thức vào một tờ báo. Tôi về nghỉ dưỡng thương ở làng quê nhỏ bé của tôi thuộc vùng Altai. Anh trung úy dù, chống nạng đưa tiễn tôi đến cuối hành lang.

- Đùng buồn nhé, Misa, rồi cậu còn có dịp trở lại mặt trận chiến đấu – Anh nháy mắt thân thiện – Và nhất định mang theo khẩu tiểu liên chứ? Cố gắng đạt kết quả tốt nhé. Và cho gửi lời hỏi thăm bà con xóm

giềng. Nhớ chuyện lời hỏi thăm nhé!

Tôi đã không chuyển lời hỏi thăm được! Vì tôi không đến Curia. Ngồi trong toa tàu ngột ngạt, chật ních, tôi ngó ra cửa sổ đầy bụi bẩn. Ngoài kia là phong cảnh mùa đông u ám, trong lòng tôi chỉ quân quanh một ý nghĩ về cấu tạo của khẩu súng tương lai. Đã rất chật rồi, bỗng nhiên lại thấy mọi người xung quanh dồn lại, không còn chừa quây được, giống như hồi còn trẻ vẫn gọi đùa là “ép mỡ”... Tôi muốn đứng dậy, vì bên vai bị thương đau dữ dội; và tôi bỗng hiểu tại sao mọi người dồn ép nhau: lấy chỗ đứng cho người kéo đàn mù.

Có lẽ anh cũng ở quân y viện ra: anh mặc một bộ quân áo lính, đôi kính đen bám trên khuôn mặt khô gầy. Ngồi yên vị xong trong góc ghế, anh kéo đàn dạo, rồi với giọng khàn khàn, chát chứa buồn đau, anh giật giọng hát:

Kìa quân Đức tràn đến tận Xmôlen!...  
Bốn mặt xe tăng, bốn mặt quân thù  
Còn người lính Nga, với đôi khẩu súng trường  
Từ chiến hào xốc tới.

Tiếng đàn chùng xuống rồi tắt lịm, nhưng người hát thì cứ lặp đi lặp lại mãi một điệp khúc, càng lúc càng diễn cảm hơn, buồn hơn và vô vọng hơn: Với khẩu súng trường!... Chỉ với khẩu súng trường! Xốc tới... Xốc tới... Xốc tới!...

Dưới cặp kính đen, hai dòng nước mắt chảy tràn, còn trong giọng hát chứa một nỗi hoán hận không cùng!

Tiếng đàn lặng đi, còn tiếng anh lại gầm lên trong nghẹn ngào: Với-khẩu-súng-trường... Xốc tới... Xốc tới... Xốc tới...

Đến lúc này, tiếng đàn lại cất lên, ban đầu còn khe khẽ nức nở, nhưng sau đó bỗng vút lên dữ dội chưa từng thấy và giọng hát của người lính mù cũng hòa quyện vào dòng âm thanh cảm giận đó.

A ha ha... Trúng rồi, Lũ khốn...

Xung quanh tôi tiếng thở dài, tiếng trò chuyện lao xao trở lại, còn tôi cứ nhìn mãi ra cửa sổ mà trong lòng, mắt nhìn không thấy, nhưng tai thì đang lắng nghe dòng âm thanh nào đó thật quen thuộc văng vẳng đâu đây, phải rồi đó là tiếng va đập của bánh xe sắt lặp đi lặp lại như nhắc nhở tôi; “Matai!... Matai!...”

Đèpô xe hỏa ở Kazăcxtan... Ở đó tôi đã được học nhiều điều sau này đã rất có ích trong quân đội. Ở đó, có các bạn cũ của tôi, những người thợ tài ba, khéo léo! Chỉ có họ mới hiểu và giúp tôi hoàn thành được nhiệm vụ nặng nề trước mắt.

“Matai!... matai!... Matai!...” bánh xe gõ nhịp.

Thế là tôi đã có mặt ở đêpô xe lửa Matai và đang đứng trước người phụ trách. Lúc thì ông đọc giấy tờ của tôi, lúc thì ông nhìn vào cánh tay quấn băng. Rõ thật may mắn, tôi và ông lại cùng họ với nhau: Kalasnhicôp, điều đó cũng cho tôi thêm sức mạnh, và hơn thế nữa: bỗng dưng tôi cảm thấy trong giọng nói của ông có cái âm hưởng đặc biệt nào đó...

Áy là ngày nay chúng ta đã làm mất hết một cách nhục nhã và hèn kém cái tình cảm gắn gũi thiêng liêng đoàn kết, thống nhất mọi người trong những năm chiến tranh khốc liệt, đã giúp ta làm nên chiến thắng... Lúc bấy giờ cái tình cảm thống nhất ấy là một tấm lá chắn không thể xuyên thủng được. Không cần biết anh là ai: là người Nga, người Tacta, người Utmur hay là người Iacút... Trên chiến trường, máu chúng ta cùng đổ, hòa trong tình cảm thống nhất vĩ đại của mọi người cùng sống trên lãnh thổ mệnh mông của nước Nga. Tôi còn nhớ, tôi đã trình bày một cách rất phần chân và đầy tin tưởng với ông xưởng trưởng về ý định táo bạo của mình là chế tạo loại vũ khí tương lai. Tôi lật giở từng trang sổ ghi chép và các bản vẽ giải thích cho ông... tôi nói với ông rằng, tôi đã kịp trao đổi với nhiều anh em “nhà”, và mọi người đều hứa giúp đỡ tôi. Đương nhiên là giúp vô tư, không phải trả tiền. Tất cả vì sự nghiệp chung, vì ngày hội chung của mọi miền.

Tôi cảm thấy ý tưởng của mình đã dần dần được ông chú ý, và sự kiên trì thuyết phục của tôi đã không để cho ông có thời gian từ chối. Cuối cùng, ông thở dài như trút được gánh nặng, và nói với vẻ như người đã quyết định rồi:

- Tôi biết lấy người đầu cho đồng chí? Nhiều anh em phải ngủ lại ngay trong phân xưởng, trên các bàn thợ, trên các đầu máy, để tranh thủ thời gian, khỏi phải đi về, mà cậu thì lại chỉ làm được có một tay. Chỉ có một cách thế này: Giúp cậu về công việc làm, còn công nhân thì không cắt hẳn được, vẫn phải làm việc chính của họ. Thế còn những việc gì, ai làm thì phải trao đổi cụ thể với từng người. Cậu tự trao đổi hay tôi

đi hỏi?

Việc này tôi có thể thu xếp được, trước chiến tranh tôi đã quen biết tất cả các thợ cả. Còn về phía xưởng trưởng thì đây là một chiến công: đang lúc khó khăn khắc nghiệt như thế mà ông dám cho phép chế tạo loại vũ khí “mật” trong các phân xưởng của mình. Tôi thật vô cùng biết ơn ông!... Có thể chính ông là người đỡ đầu đầu tiên của tôi, trước khi khẩu AK ra đời một thời gian lâu... Và tên khẩu súng “Kalasnhicóp” mà giờ đây khắp nơi nhắc đến không chỉ là tên tôi mà còn là tên “người đỡ đầu” của nó... Trong khi đó có biết bao cái tên khác, tên của người Nga và tên của những người dân tộc khác vẫn cùng tồn tại bên nhau!

Nhưng lúc ấy chúng tôi đâu có nghĩ tới vinh quang.

Tôi và ông Kalasnhicóp – xưởng trưởng quyết định thành lập nhóm chế tạo thử gồm: thợ nguội lắp ráp, thợ tiện – phay, thợ hàn điện, và một người thí nghiệm. Tôi cho rằng ngần ấy người là đủ để chế tạo mẫu. Các công việc liên quan đến tính toán kỹ thuật tôi chịu trách nhiệm. Lúc ấy tôi thật quá ngây thơ, không hiểu được rằng các công việc mà người thiết kế gọi là hoàn thiện bản vẽ ấy, phức tạp và rắc rối biết chừng nào. Sau cuộc nói chuyện với xưởng trưởng đêpô tôi đến gặp ngay chỉ huy trưởng ủy ban quân sự khu và trình bày ý định của mình.

Lúc ấy tôi thật khó tin là ông lại tán thành!

Các công nhân đêpô sốt sắng hưởng ứng việc giúp đỡ anh lính chế tạo vũ khí mới. Nhiều anh em công nhân sẵn sàng làm cả đêm. Tôi thật sung sướng khi được biết trong số anh em công nhân có người quen cũ từ lâu của tôi. Anh tên là Giênhia Craptrencô, trước chiến tranh tôi với anh đã cùng làm việc ở đêpô. Mặc dù tôi với anh ấy không thân thiết với nhau, nhưng tôi vẫn còn nhớ, anh vốn là một người tốt bụng, tận tâm. Anh có thể sản xuất được các chi tiết đòi hỏi óc sáng tạo cao trên máy tiện và máy phay. Sau khi tôi chuyển công tác sang phòng chính trị ở đoạn đường sắt, tôi và anh vẫn thường xuyên gặp nhau.

Trong quá trình làm việc này sinh ra những khó khăn: soạn thảo bản vẽ thi công cho các chi tiết, cụm chi tiết và toàn bộ mẫu nói chung. Chúng tôi đề nghị phòng kỹ thuật giúp đỡ. Thế nhưng ở đó chỉ có phụ nữ làm việc, họ không có một chút khái niệm gì về cấu tạo vũ khí, mặc dù vậy họ vẫn rất mong muốn làm hết sức mình giúp chúng tôi có bản vẽ.

Phụ nữ vẫn cứ là phụ nữ! Những chi tiết họ vẽ ra được đặt tên theo những hình dáng rất dịu dàng và gần gũi “con én”, “con thỏ”, “con cá”.

Có một chi tiết máy mới mà mọi người gọi là “mu-gic” (tức là người đàn ông). Nghe lạ tai, tôi hỏi: Tên gì mà kỳ thế?

Chị nhóm trưởng nheo nheo mắt, khẽ lắc đầu rồi nói nhỏ:

- Các ông chồng chúng tôi ra mặt trận cả. Hai người đã hy sinh. Còn những người khác thì đêm ngày mong đợi. Họ nhớ đấy... Cậu thông cảm cho chị em...

Trong lần lắp thử đầu tiên, đã phát hiện ra nhiều chi tiết không chính xác về kích thước và thậm chí sai lạc xa so với ý định. Việc cần chỉnh lại nhiều khi đòi hỏi sự khéo léo đặc biệt. Một trong những người có bàn tay vàng mà tôi không thể quên được, đó là người thợ hàn điện Macarenkô. Anh nổi tiếng về tài hàn đắp, anh đã hồi phục được biết bao chi tiết đã bị loại. Các mối hàn của anh chính xác, đẹp cứ như làm đồ kim hoàn. Thật là một người thợ tài năng.

Dần dần hình thành được các cụm chi tiết và các bộ phận được lắp ráp. Thật khó mà nói hết được những khó khăn trở ngại không lường trước được, mà chúng tôi đã vấp phải khi làm việc. Khóa nòng khi bắn thử luôn luôn hoạt động không đúng vị trí. Buộc phải sửa lại bản vẽ hộp khóa nòng mấy lần. Hóa ra hành trình của khóa nòng hơi ngắn phải làm lại. Một lần anh thợ hàn điện hỏi tôi:

- Có phải người chế tạo ra khẩu trung liên Macxim đã mất năm năm ròng để gọt, rửa sản phẩm của mình?

- Ông ấy không gọt, rửa khẩu súng, mà gọt, rửa các chi tiết của nó. Bởi vì máy móc như của chúng ta đây, ông không có, còn hàn thì chỉ dám mơ ước. – Tôi nói – Hơn nữa ngày nay chẳng ai cho ta thời gian những năm năm để chế tạo một khẩu trung liên nhẹ. Các chiến sĩ cần ngay bây giờ...

Giênhia hích nhẹ vào bên vai khỏe của tôi:

- Mà anh em công nhân của chúng ta mới tuyệt vời làm sao!

Quả thật là như thế. Cả những người công nhân quen biết và không quen biết, những người trẻ hơn và những người từ lâu đã đáng tuổi bố, cặp mắt trũng sâu như cụ già: mọi người sau hai ca làm việc đều đến hỏi tôi: Ngày, công việc thế nào, tốt cả chứ? Có cần giúp gì không? Cần gì cứ nói nhé!

Sau ba tháng làm việc căng thẳng, có thể nói là quá sức, chúng tôi đã cho ra đời khẩu trung liên nhẹ thử nghiệm đầu tiên. Khẩu súng được làm trong một căn phòng làm việc nhỏ của dépô xe hỏa. Chúng tôi để nó trên chiếc bàn nguội, đen dầu mỡ. Còn phải làm gì tiếp với khẩu súng, đó lại là một vấn đề mới mà chúng tôi hoàn toàn tin rằng, đã làm được một việc rất quan trọng và rất cần thiết, góp phần nhỏ bé vào công cuộc đánh thắng quân Đức xâm lược. Mỗi chúng tôi nâng khẩu trung liên nhẹ, số Một trong tay mà lòng rung rung xúc động. Với tình cảm thân thương của người cha, chúng tôi ngắm nghía, vuốt ve màu đen bóng ánh thép của nó rồi trịnh trọng chuyển sang người khác. Chúng tôi rất đỗi tự hào về công việc của mình.

Hôm trước đó tôi đã nhận được vài trăm viên đạn ở ủy ban quân sự khu. Chúng tôi để một thùng cát lớn, ngay trong phòng lắp ráp và bắn thử, chỉnh súng. Chao ôi! Tiếng súng nổ đã kéo mọi người bỏ công việc đổ xô đến chỗ chúng tôi. Vì thế chúng tôi phải lắp hệ thống đèn và chuông báo đặc biệt để tổ chức bắn đêm. Số đạn còn lại sau khi bắn chỉnh, chúng tôi dùng để bắn kiểm tra độ chụm, bắn phát một và bắn liên thanh. Chúng tôi cảm thấy kết quả thu được không tồi.

Sau một thời gian cân nhắc, lãnh đạo đã cho phép tôi, trung sĩ Kalasnhicóp – mang khẩu súng mẫu đến ủy ban quân sự tỉnh Alma-Ata để báo cáo...

Trên sân ga, hầu như tất cả những ai đã tham gia chế tạo khẩu súng đều ra tiễn. Có lẽ ai cũng hồi hộp lo lắng không biết chúng tôi đã làm mọi việc chuẩn xác cả chưa, hay còn nhầm lẫn, sai sót ở khâu nào? Tuy thế, khi nói ra thì ai cũng khẳng định một cách chắc chắn rằng mẫu của chúng ta là tốt, không nghi ngờ gì về chất lượng chế tạo cả. Anh em, bạn bè thì nhau khuyên nhủ và chúc tụng tôi lên đường may mắn. Và hầu như tất cả mọi người đều dúi vào vali một gói quà nhỏ cho tôi. Tôi xúc động rung rung nước mắt, cảm ơn mọi người đã giúp đỡ và quan tâm hết sức đối với tôi.

Tàu chuyển bánh. Tôi đứng nguyên bên cửa sổ độ vài ga nhớ lại và phân tích các sự kiện những tháng vừa qua: chiến tranh, bị thương, bị vây, quân y viện, và cuối cùng một ý tưởng táo bạo, quá sức đã ra đời và được thực hiện. Khi tôi quay trở lại chỗ ngồi, thì thấy bên cạnh vali có một gói to, trong để tờ giấy: “Đây là quà của cả đội tặng Mikhail, chúc bạn khỏe mạnh và đừng cảm”, phía dưới dòng chữ là chữ ký của các thành viên “đội đặc biệt”.

Toa tàu chật cứng hành khách. Phần lớn là quân nhân và hầu như tất cả đều bị thương: người thì chống nạng, người thì tay áo buông thõng, người thì ngực đầy huy chương. Cả tôi cũng vậy, lúc ấy tay trái tôi vẫn còn băng. Những người ngồi cạnh thấy người đi tiễn tôi đông, liền gạn hỏi: “Cậu là ai thế? Huân chương huy chương không thấy, mà sao nhiều người đưa tiễn thế? Sao lại vinh dự thế? Ai nói chuyện gì với cậu mà lâu thế? Người có tuổi hơn cả là bố hay anh cậu?”

- Đây là đốc công trưởng của dépô. Ông ấy đối với tôi như cha đẻ. Ông ấy tài lắm, chi tiết nào của đầu máy ông ấy cũng có thể chế tạo được.

- Thế cậu cũng làm ở ngành đường sắt à? Sao lại đeo phù hiệu binh chủng tăng?

- Vì mình chính là lính xe tăng mà!

Alma-Ata, thủ đô của Kazaxstan, nay là một nước có chủ quyền, chiếm một vị trí đặc biệt trong trái tim tôi. Trước khi nhập ngũ vào quân đội, khi còn làm ở phòng chính trị đoạn đường sắt, tôi vẫn thường xuyên có mặt ở đây. Đây là điểm xuất phát của con đường đầy gian nan, trắc trở đưa tôi đến công việc sáng chế vũ khí bộ binh. Trong những năm chiến tranh, nhiều nhà máy, cơ quan khoa học, trường học từ phần châu Âu của đất nước đã sơ tán về đây. Trường đại học hàng không Mátxcova, một trong số đó, đã cộng tác, giúp tôi được gặp gỡ và tư vấn với các chuyên gia chế tạo vũ khí.

Về điều này tôi sẽ nói sau.

Thật vất vả tôi mới đến được ủy ban quân sự tỉnh, gặp trực ban, xin gặp chỉ huy trưởng. Trong phòng tiếp khách có rất đông quân nhân đeo quân hàm các cấp của nhiều binh chủng quân đội.

Ngay cạnh cửa vào phòng làm việc của chỉ huy trưởng ủy ban quân sự có một chiếc bàn lớn, ngói sau bàn là một sỹ quan tùy tùng trẻ đáng vẻ quan trọng. Tôi báo cáo người sỹ quan theo đúng thể thức: rằng thượng sĩ Kalasnhicóp trong thời gian dưỡng thương đã chế tạo được một mẫu vũ khí mới, có mang theo, đề nghị được báo cáo cho chỉ huy trưởng ủy ban quân sự biết. Các sự kiện diễn ra tiếp theo quá nhanh, đến nỗi tôi chưa kịp hiểu đầu đuôi ra sao cả, thì đã thấy mình ở trong một gian phòng nhỏ ngột ngạt khóa trái ở ngoài, mà có thể là phòng giam... Khẩu “trung liên nhẹ số Một”, và thậm chí cả chiếc xanhtuya quân sự cũng phải để lại.

Mỗi lần có người được “thả ra”, tôi lại nhờ gọi hộ cho tôi số điện thoại... này nhờ nói giúp rằng Misa Kalasnhicóp mong chờ sự giúp đỡ!

Gần trưa ngày thứ tư thì vẫn chính người sỹ quan đã gây ra cho tôi biết bao nhiêu phiền toái ấy, xuất hiện

ở cửa phòng. Anh đưa trả tôi chiếc xanhtuya và khẩu trung liên rất nhã nhặn bảo tôi:

- Thưa đồng chí thượng sĩ, xin đồng chí hãy xuống sân, xe đang chờ đồng chí. Nhưng trước hết xin hãy sửa sang lại tư thế. Tôi bước xuống cầu thang, ra sân. Ở đó, quả thật, có một chiếc xe con màu đen. Người sĩ quan chỉ tay về phía cửa xe. Bây giờ đến lượt tôi ngạc nhiên: sao lại có vinh dự ấy?

Ngồi vào xe, tôi hỏi người đi cùng, anh ta trả lời:

- Tôi được lệnh đưa đồng chí đến gặp Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Bôn-sê-vích Kazácxtan Kaisigulóp.

- Thế đồng chí Kaisigulóp làm gì?- Tôi hỏi dè dặt.

Người dẫn đường không chỉ ngạc nhiên, mà thậm chí còn phật lòng:

- Sao lại làm gì? Phụ trách công nghiệp quốc phòng, chứ còn làm gì!

Anh ta chẳng giải thích gì hơn nữa. Tôi ngồi đây trong xe mà cứ như không phải là mình, tôi hình dung: Chào nhé Iô-xif Nhicô-laievich!... Chào nhé Cópchép!

Hồi trước chiến tranh Cópchép là trợ lý phụ trách thanh niên của phòng chính trị. Trước khi vào quân đội mấy tháng, chúng tôi đã cùng làm việc với nhau, anh đã từng chỉ dẫn, giúp đỡ, ủng hộ tôi... Khi tôi từ quân y viện về Matai hỏi thăm bạn cũ, thì được biết anh đã lên làm việc trong ủy ban kiểm tra Đảng, thực thuộc ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Kazácxtan, tôi có số điện thoại cơ quan của anh.

Đồng chí Kaisigulóp tất nhiên, hiểu ngay là khẩu súng được chế tạo trong điều kiện thủ công, cần phải hoàn thiện hơn nữa và lập tài liệu kỹ thuật một cách cơ bản cho nó, và có thể sản xuất một vài mẫu nữa hoàn thiện hơn. Nhưng làm ở đâu?

Ông nhắc máy điện thoại, nói chuyện với ai đó. Rồi quay sang phía tôi, ông nói:

- Tôi mời trưởng khoa trường đại học hàng không Mátxcova, kỹ sư quân sự bậc hai Kazacóp, một người am hiểu về vũ khí đèn dây gặp tôi, để hai đồng chí làm việc với nhau. Các sinh viên khoa trên của khoa sẽ giúp đồng chí thiết kế kỹ thuật, tính toán và lập bản vẽ. Ở đó đồng chí sẽ giải quyết tốt hơn mọi vấn đề liên quan đến việc hoàn thiện và chế thử các mẫu thử nghiệm. Trong việc này họ có khá nhiều kinh nghiệm, và trang thiết bị ở đó cũng tốt. Tôi đã có dịp ở đó nhiều lần và biết nhiều các chuyên gia, các nhà khoa học làm việc ở trường.

Cuộc nói chuyện rất thân tình, thiện chí và tin cậy. Thậm chí không thể tin được rằng, trước đó mấy giờ tôi vẫn còn cay đắng nghĩ đến công việc không thành, nghĩ đến số phận tôi có thể sẽ xoay vần sang hướng hoàn toàn khác. Mà quả thật, những bước ngoặt trong cuộc đời người, đôi khi thật đột ngột.

Cửa phòng làm việc mở, một sĩ quan mặc quân phục mùa hè bước vào. Đồng chí Kaisigulóp giới thiệu tôi:

- Đồng chí Anđrêi Ivanôvích, đề nghị đồng chí đỡ đầu đồng chí thượng sĩ. Những gì mà đồng chí ấy trình bày theo tôi là thú vị và có triển vọng. Các đồng chí hãy cùng chế tạo mẫu, giúp nhà phát minh trẻ. Trong quá trình làm việc hãy thông báo cho tôi biết. Đặc biệt khi bắt đầu công việc hoàn thiện, bản thử phải báo cho tôi biết. Các đồng chí đừng quên là tôi muốn là người đầu tiên được bắn thử khẩu tiểu liên của các đồng chí. Xin chúc các đồng chí thành công.

Nếu nói rằng, lúc đó tôi tràn ngập niềm vui sướng thì chưa đủ. Tôi như được chấp cánh bay lên không trung. Tôi muốn hát. Nhưng tôi ngồi yên trong xe, nhìn Kazacóp ghi chép gì đó vào sổ tay. Chúng tôi đi đến trường. Bây giờ thì đã đến lúc tôi nghĩ, mình có thể làm được mọi việc cần thiết.

Nhà trường cho thành lập một đội công nhân (tên gọi đầy đủ là “đội công nhân đặc biệt của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Kazácxtan”) có nhiệm vụ hoàn thiện tiếp khẩu tiểu liên. Trong đội có giảng viên trường Epghênhi Pêtrôvich Eruxlanóp và một số sinh viên khóa trên kết hợp làm việc trong phòng thí nghiệm của khoa. Tuổi trẻ và lòng say mê công việc đã xích chúng tôi lại gần nhau và thành bạn bè thân thiết. Linh hồn của đội là Xecgêi Côxtin, một người làm việc không biết mệt và rất tỷ mỉ, cẩn trọng trong việc giải quyết các vấn đề kỹ thuật. Sau này ông đã trở thành giáo sư, đào tạo nhiều thế hệ học trò. Vichiaxlap Cutrinxi đã giúp chúng tôi rất nhiều trong việc nắm vững kỹ thuật thiết kế và vẽ, sau này ông cũng trở thành giáo sư, phó tiến sĩ khoa học kỹ thuật. Chúng tôi đã trở thành những người bạn tốt của nhau. Tình bạn của chúng tôi bền chặt cho đến ngày nay. Tôi lại nhớ đến Ivan Xakian một người sôi nổi, nhiệt tình...

Trong các xưởng sản xuất – học tập của trường có nhiều thợ cả lành nghề bậc cao. Nhiều người trong số đó đã làm đơn tình nguyện ra mặt trận nhiều lần. Thợ nguội – mẫu Kikhain Philipôvich Andriepxki (anh là người chế tạo các đường, khuôn rập, dụng cụ chuyên dùng và tham gia lắp mẫu chế thử), thợ phay



Cônxtantin Akimovich Gudim, thợ tiện Nhicôlai Ignachievich Patutin, thợ gò Mikhail Grigorievich Trernomorex những người thợ lành nghề trên đã dành cho chúng tôi sự giúp đỡ quý báu vô cùng trong việc hoàn thiện mẫu chế thử. Khi công việc gần đến giai đoạn cuối, thì các nhân viên của khoa “cắt gọt kim loại, máy công cụ, và dụng cụ”, trưởng phòng thí nghiệm Vaxili Ivanovich Xuxlốp và Kar Karlôvich Kandl người Latvia cũng tham gia vào công việc.

Việc hoàn thiện mẫu chế thử đã diễn ra tương đối nhanh, đương nhiên là do nhà trường đã dành cho chúng tôi những người thợ có chuyên môn cao. Khi cần phải bắn thử để kiểm tra, chúng tôi đã tổ chức vào ban đêm trong phân xưởng dụng cụ. Chúng tôi dựng đứng những tấm gỗ vào một góc nhà sau đó xếp các thùng cát chắc chắn phía sau; khẩu súng được cố định trên một êtô, cò súng được nối với một sợi dây rỗng sang phòng bên cạnh. Chúng tôi bắn vài phát một. Nếu sau đó cần phải chỉnh, mà chủ yếu là giữa các chi tiết, thì chúng tôi tự làm lấy, ngay trên chiếc êtô ấy. Xong lại bắn. Cứ thế cho đến sáng.

Sau đó đem bắn thử ngoài thành phố, trong núi. Khi đã xác định được khẩu súng máy làm việc tốt, độ chụm không kém, chúng tôi quyết định báo cáo cho đồng chí Bí thư Ban chấp hành Trung ương biết. Thật ra thì cũng không có sự thay đổi nào lớn hơn về thông số vì ở trường bắn không có dụng cụ đo cần thiết. Đồng chí Kaisigulốp đến cùng với một thiếu tướng. Thiếu tướng là người đầu tiên kiểm tra chức năng và chất lượng làm việc của khẩu trung liên nhẹ, mà anh em trong đội đặc biệt gọi là ППК. Đánh giá sự làm việc của khẩu súng, thiếu tướng chỉ nói có một từ:

- Tốt!

- Sự đánh giá của nhà quân sự như thế là khá cao đấy, – Kaisigulốp tiến lại gần – Còn đánh giá đó có sát thực hay không, tôi muốn tự mình kiểm tra. Nhà sáng chế trẻ nghĩ thế nào? Không phản đối chứ?

Ông bắn thử khẩu súng với sự thích thú đặc biệt, và hình như ông rất hài lòng về nó. Ông mãi mê bắn đến nỗi, chỗ đạn chúng tôi mang theo hết lúc nào không biết. Đến lúc ấy ông mới đứng dậy, cảm ơn mọi người vì đã hoàn thành tốt công việc. Riêng với tôi, ông nói:

- Đồng chí đã lao động một cách tuyệt vời. Tuy nhiên ý kiến của chúng tôi không phải là quyết định cuối cùng. Chúng tôi chỉ có thể cùng chia sẻ niềm vui vì thành tích của các đồng chí. Ý kiến quyết định thuộc về các chuyên gia vũ khí bộ binh. Thế nên, đồng chí Kalasnhicốp hãy chuẩn bị đi Xamarcan. Hiện nay học viện pháo binh mang tên Đzerzinxki đang ở đó – Và ông quay về phía Cazacôp, nói – Andrei Ivanovich, đồng chí hãy viết thư giới thiệu gửi Hội đồng quân sự quân khu Trung Á và giáo sư Blagônvarốp ở Xamarcan. Tôi sẽ ký.

Những phố nhỏ phương Đông ồn ã bởi những tiếng nói khác nhau của thành phố cổ Xamarcan đã làm tôi choáng ngợp. Tiếc là tôi không thể xem kỹ các nhà thờ Rêgixtan và chiêm ngưỡng vẻ kiêu diễm của giáo đường Biphi-Khanum, cũng không kịp thăm mộ Timuar. Về sau tôi mới có dịp tới thăm. Còn lúc ấy tôi đang vội đến gặp giám đốc học viện. Nhà bác học nổi tiếng này, người đầu tiên đã tổng hợp những kinh nghiệm thiết kế vũ khí bộ binh tự động và nghiên cứu kết quả thống nhất hóa những kinh nghiệm đó, sẽ nói gì với tôi?

Tôi báo cáo thiếu tướng giám đốc và chuyển thư giới thiệu cho ông, Anatôli Arcadieievich đọc xong, nói:

- Thư giới thiệu, được rồi. Tôi muốn xem khẩu súng mẫu.

Đặt mẫu súng lên bàn làm việc của thiếu tướng, tôi bắt đầu giải thích cấu tạo của chúng, chỉ các bản vẽ và giới thiệu kết quả bắn thử. Ông chăm chú nghe, nhìn, rồi bất ngờ tự mình, tháo khẩu trung liên. Ông làm rất nhanh và tự tin, cứ như là đã biết nó từ trước và thông thạo cấu tạo của nó. Trong lòng tôi bỗng dậy lên một tình cảm ganh tị. Tuy vậy, khi thấy vị tướng tóc đã bạc, một trong những người có uy tín nhất trong lĩnh vực công việc mà tôi đeo đuổi, quan tâm sâu sắc đến đứa con của tôi, thì tôi cảm giác vinh dự. Ông là nhà lý thuyết cỡ lớn. Tôi vẫn nhớ thuộc lòng đặc tính của loại trung liên nhẹ ППК mà ông viết trong cuốn sách về vũ khí tự động: “Súng trung liên nhẹ thiết kế để dùng đạn súng lục, đó chính là sự khác biệt chủ yếu của nó so với súng trường tự động, nó có lợi thế về trọng lượng, thuận tiện khi mang vác, có thể bắn tự động; hộp đạn khá lớn nhưng phạm vi hiệu lực thì rất hạn chế”.

Giờ đây vị tướng, gần như là trọng tài chính, sẽ nói gì về “lợi thế” của khẩu Matai của chúng tôi?

Bày tách riêng từng chi tiết một trên bàn, vị tướng bắt đầu hỏi tôi về những khó khăn gặp phải khi chế tạo chúng. Ông thật ngạc nhiên khi biết rằng tôi không được học chuyên ngành vũ khí và “khẩu trung liên nhẹ số Một” nằm trước mặt ông được chế tạo ở xưởng đêpô hỏa xa. Ông còn hỏi thêm một số câu hỏi mà hình như chẳng liên quan gì đến sự hiện diện của tôi ở đây: về gia đình tôi, về công tác trước khi vào quân đội, và hiện nay về cuộc sống ngoài mục tiêu. Tôi không “báo cáo” mà kể chuyện về mọi mặt cho vị tướng đang lắng nghe tôi nói, như là kể với người bạn vong niên của mình.

Anatôli Arcadiévich Blagônvarốp là một người tinh tế, có tri thức. Ông đã chinh phục tôi bởi lòng nhân từ, bởi sự sốt sắng tham gia không chỉ vào số phận khẩu súng mẫu mà còn tham gia vào cả số phận đời tôi.

Nói chuyện với ông mà tôi cứ tưởng khi nào đấy, đã từ lâu rồi, từ những ngày thơ ấu hạnh phúc, tôi đã thấy ông, đã biết ông – và nay, cuối cùng chúng tôi đã gặp lại nhau.

Anatôli Arcadiévich bảo tôi “chịu khó ngồi chờ một chút” rồi ngồi xuống bàn bắt đầu viết cái gì đó, thỉnh thoảng lúc thì nhìn sang phía tôi, lúc thì nhìn vào các chi tiết trên bàn.

Tôi cảm thấy ông viết rất lâu mới xong. Rồi cho gọi thư ký, một cô gái Ucraina trẻ, mắt đen, ông nói: “Hãy cố gắng đánh máy gấp cái này cho tôi”. Tôi nóng ruột muốn biết ông viết gì trong “tờ phán quyết” ấy? Nhưng ông lại nói tiếp câu chuyện cũ đang bỏ dở. Ông khuyên tôi nên đọc nhiều các tài liệu về vũ khí chuyên ngành (mãi rồi tôi mới được làm quen với tài liệu này ở ngay trong trường ông), phải phân đấu nghiên cứu không được tất cả, thì tối thiểu cũng phải được phần lớn nội dung tài liệu về những gì đã làm được trong lĩnh vực này trước đó. “Không làm được cái cũ thì không làm được cái mới tốt được!”

Lúc này cô thư ký bước vào, đặt lên bàn văn bản đã đánh máy xong. Ông đọc lại xong, ký tên phía dưới. Ông cho vào phong bì mấy tờ giấy: rồi tự ghi địa chỉ bên ngoài bì. Ông đưa cho tôi hai tờ. Tôi định đọc lướt nhanh nội dung, nhưng vì hồi hộp cứ lẩn dòng nọ sang dòng kia, nên chả hiểu gì cả. Cứ như là đọc bản án – được sống hay là phải chết. Còn vị tướng thì bắt chặt tay tôi nói nhẹ nhàng: “Hai tờ này là của đồng chí, đồng chí thượng sĩ, còn phong bì thì gửi cho Tư lệnh quân khu Trung Á. Chúc đồng chí thành đạt trong sự nghiệp khó khăn này. Chúc lên đường may mắn”.

Với tâm trạng hết sức hồi hộp, tôi bước ra khỏi phòng làm việc của giám đốc Học viện, đến gần cửa sổ và bắt đầu đọc. Đây là hai văn bản khác nhau. Tôi chưa bao giờ được đọc loại giấy tờ tương tự như thế. Đây là giọng nói của người cha, nhưng lại hàm chứa sự tôn trọng khác thường đối với một hiệp sĩ trẻ như tôi. Tôi đọc và cảm động đến nghẹn ngào trong cổ. Tôi cố kìm mình lại để bước ra ngoài với bộ mặt bình thản, nghiêm nghị mà một người lính phải có.

Đã về đến khách sạn, tôi vẫn còn đọc đi đọc lại mãi hai tờ giấy. Cả hai đều in trên mẫu chung của Học viện và thuộc loại giấy tờ rất quan trọng. Và quả thật những văn bản này đã đóng vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp sáng chế của tôi. Tôi vẫn còn giữ chúng trong tài liệu lưu trữ của tôi. Tôi muốn sao lại toàn bộ ở đây những giấy tờ trên để minh chứng cho mối quan hệ khách quan, trung thực, quan tâm của Anatôli Arcadiévich đối với những người mà ông phát hiện ra có “tia lóe sáng của một tài năng”.

Đây là thư gửi về Kazácxtan của giám đốc Học viện:

“Kính gửi đồng chí Kaisigulóp, Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Kazácxtan.

Đồng kính gửi đồng chí Đancóp phó chủ nhiệm pháo binh Quân khu Trung Á, phụ trách hậu cần.

Nhận xét về khẩu trung liên nhẹ do đồng chí Kalasnhicóp M.T thiết kế.

Mặc dù do tính phức tạp và một loạt tính năng khác biệt so với tiêu chuẩn kỹ thuật, mẫu súng chưa thể áp dụng rộng rãi được, song phải ghi nhận là đồng chí Kalasnhicóp có một phát minh xuất sắc, đã thực hiện được một công việc hết sức khó khăn, và to lớn với một nghị lực phi thường. Trong công tác này đồng chí Kalasnhicóp đã tỏ rõ là một người tự học đầy tài năng. Tôi cho rằng, nên cử đồng chí Kalasnhicóp đi học để có học vấn kỹ thuật. Đây là bước đầu, phù hợp với nguyện vọng cá nhân và điều kiện thời chiến.

Ngoài ra, tôi cho rằng cần phải tuyên dương khen thưởng đồng chí Kalasnhicóp vì những việc đã làm.

Phụ chú: in thành hai bản.

Ngày 8 tháng 7 năm 1942. Ký tên.

Văn bản thứ hai, gửi Hội đồng quân sự quân khu Trung Á và bản phôtô gửi cho tôi, người thiết kế mẫu súng cũng thật đáng chú ý.

“Đồng chí thượng sĩ Kalasnhicóp trong thời gian nghỉ dưỡng thương đã thiết kế, chế tạo được mẫu súng trung liên nhẹ, mang đến Học viện pháo binh xin ý kiến nhận xét. Mặc dù mẫu súng vì lý do cấu tạo phức tạp và không đáp ứng được những yêu cầu về tính năng – chiến thuật nên không thể đưa vào sản xuất. Tuy nhiên, căn cứ vào tính sáng tạo phi thường, cùng nghị lực và công sức bỏ ra cũng như một loạt các giải pháp kỹ thuật độc đáo đã áp dụng... ta có thể nói rằng đồng chí Kalasnhicóp là một người tự học đầy tài năng, cần được tạo điều kiện học kỹ thuật. Nếu được đưa vào đúng quỹ đạo, đồng chí Kalasnhicóp có thể sẽ trở thành một nhà thiết kế giỏi. Tôi cho rằng có thể khen thưởng cho mẫu thiết kế và đề nghị cử đồng chí Kalasnhicóp đi học kỹ thuật”.

Có lẽ để tăng thêm tính thuyết phục, dưới chữ ký ông viết đầy đủ tất cả các chức danh: nhà hoạt động khoa học – kỹ thuật công huân, giáo sư – tiến sĩ kỹ thuật, thiếu tướng pháo binh Blagônvarốp.

Thế là, năm 1942 Anatôli Arcadiévich Blagônvarốp đã đưa tôi vào “quỹ đạo cần thiết” và mãi sau nhiều năm, ông lại gặp tôi trên một điểm giao nhau khó khăn của quỹ đạo ấy, đến lúc đó ông mới có thể tin rằng tôi đang đi theo quỹ đạo này như thế nào. Viết đến đây, tôi thêm được kể ngay về cuộc gặp quý báu này đối với tôi, nhưng việc gì cũng phải có giờ của nó, ta sẽ gắng chờ.

Ở Tasken, trung tướng Curbatkin, Tư lệnh quân khu đã tiếp tôi.

- Nào, nào, để tôi xem giáo sư Blagônvarốp kính mến viết gì về mẫu súng của đồng chí – Ông rút tờ giấy từ phong bì ra – Tức là cử đồng chí học thiết kế à? Việc này cần thiết đây. Nhưng phải hoãn lại một thời gian đã. Tôi cho rằng trước hết phải cải tiến khẩu súng. Vậy thì hãy cứ tự học trong quá trình công tác thực tế đã.

Tư lệnh một lần nữa xem lại bức thư của giám đốc Học viện, rồi quay sang sĩ quan thanh tra về sáng chế:

- Khi thảo quyết định, đồng chí nhớ đưa vào mục thưởng tiền cho đồng chí thượng sĩ. Thứ nữa là, chuẩn bị giấy tờ cần thiết để cử đồng chí Kalasnhicốp đi công tác Mátxcova.

- Đi Tổng cục pháo binh à?- Người thanh tra hỏi lại.

- Đúng, đồng chí sẽ viết thư giới thiệu gửi Tổng cục pháo binh, lời lẽ cho tình cảm vào, bớt bớt khuôn sáo đi. Đồng chí thượng sĩ là đại diện của quân khu Trung Á về vang của chúng ta, chứ không phải từ đơn vị không tên nào.

- Thế đồng chí nhập ngũ từ đâu?- Trung tướng quay lại phía tôi.

- Báo cáo đồng chí Tư lệnh, từ Alma-Ata ạ.- Thế hả? Tốt lắm, nhà thiết kế trẻ sinh ra từ Turkêxtan. Hy vọng đồng chí sẽ phát huy truyền thống về vang của quân khu.

Dần dần với năm tháng, tôi mới sáng tỏ ra rằng, trong phát minh của tôi không chỉ tích tụ niềm khát vọng cháy bỏng của tất cả chiến sĩ chúng ta có được thứ vũ khí xứng đáng để bảo vệ Tổ quốc, mà còn phản ánh sức sáng tạo của nhân dân.

Tôi tin rằng: AK-47 là thể hiện ý chí đó.

Hãy để nó trở thành đài kỷ niệm chung cho tất cả chúng ta – những chiến sĩ có tên và không biết tên.

Hãy để nó trở thành biểu tượng cho sự thống nhất của nhân dân vào thời điểm khó khăn của Tổ quốc.

Tôi không biết đường đến trường bắn. Đến được đó là một việc phức tạp, vì xung quanh khu vực này có cả một hệ thống bảo vệ đặc biệt. Trong khi trường phòng sáng chế còn đang suy nghĩ, đưa tôi đến trường bắn bằng cách nào tiện nhất, thì có một người trung tuổi, trên ngực áo đeo mẽ đay bước vào phòng.

Trường phòng đứng dậy đón khách, chào hỏi, rồi nói giọng vui mừng:

- Xecgây Gavrilôvich, hôm qua đồng chí đã làm thủ tục ra trường bắn, cho tôi gửi đồng chí thượng sĩ. Có đồng chí thì đồng chí ấy mới đến đây được, không ai đụng đến, và cho ra khỏi xe được.

- Nhất trí thôi. Đi hai người vui lắm. Đường xa đấy. nào ta hãy làm quen với nhau, đồng chí thượng sĩ. Tên và phụ danh tôi, đồng chí biết rồi. Còn họ – là Ximônốp. – Ông chìa tay ra cho tôi.

Ximônốp!... Đây là một trong những nhà thiết kế hàng đầu của chúng ta. Tên tuổi ông trước chiến tranh bất kỳ quân nhân nào cũng biết: Ông là người sáng chế ra khẩu súng trường ABC.

Hồi đầu chiến tranh, khi xe tăng Đức xuất hiện bất ngờ tung hoành gây hoảng loạn cho ta, người ta kể một huyền thoại rằng: Theo lệnh riêng của Stalin, sau 22 ngày đêm liên không ngủ, Ximônốp đã chế tạo được mẫu thứ nhất của khẩu súng chống tăng ПТРС. Đây là một vinh hạnh đối với Xécgêi Gavrilôvich, vì thực tế thì đến tận cuối cuộc chiến tranh, người Đức vẫn chưa giải quyết xong vấn đề vũ khí chống xe tăng Liên Xô.

Tôi phải nói ngay rằng, từ ngày đầu mới làm quen cho đến tận khi ông mất, chúng tôi vẫn có quan hệ tốt với nhau. Trong cuộc đời tôi Ximônốp chiếm một vị trí đặc biệt. Ông luôn sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của tôi, đi sâu vào thực chất vấn đề, không bao giờ tỏ ra cách biệt về tuổi tác và tất nhiên, cả về kinh nghiệm giữa ông và tôi. Trong toa tàu, chúng tôi nói chuyện với nhau. Ông thật giản dị và dễ gần trong giao tiếp. Ông kể cho tôi nghe về căn cứ trong trường bắn, ông khuyên tôi nhất thiết phải đến thăm bảo tàng vũ khí trong căn cứ, ở đó có trưng bày các hệ thống vũ khí đã chế tạo ở trong và ngoài nước, hệ thống nào, vì lý do gì không được trang bị, chỉ là mẫu thử...

Ximônốp đột nhiên nheo mắt, cười hỏi:

- Cậu hãy nói cho mình nghe: cậu thích tháo lắp máy không?

- Còn phải nói!- Tôi reo lên! Tháo, lắp, lại tháo, rồi lại lắp, nắm vững từng cái tai, cái rãnh, từng chỗ lõm, từng cái vòng đệm, từng con vít đều phải hiểu cặn kẽ để biết tác dụng, và sự làm việc của nó như thế nào nào.

- Khi đến trường bắn, đầu tiên cậu hãy tháo – lắp từng mẫu một. Khi nào cả tay và mắt đã thông thạo kết cấu của chi tiết, thì lúc ấy cậu sẽ hiểu được nhiều hơn, tốt hơn, lúc đó sẽ hoàn chỉnh mẫu của mình dễ hơn.

- Nhất định tôi sẽ làm như vậy – Tôi hứa với Ximônốp.

- Đó là việc mà ai cũng phải làm! Chẳng hạn... Cậu đã khi nào phải chui từ xe tăng ra và bắn trả bằng súng lục chưa? Thế đấy... trước chiến tranh thì không nói làm gì!

Đến trường bắn chúng tôi chia tay nhau. Và chỉ gặp lại nhau, cũng chính ở đây, khi cuộc chiến tranh Vệ quốc đã kết thúc. Lúc ấy chúng tôi vừa là đồng đội vừa là đối thủ của nhau, cùng có mẫu vũ khí tương tự – cácbin tự động nạp đạn – đưa ra Hội đồng xét duyệt. Trong cuộc thi đua sáng tạo ấy của các nhà thiết kế, Xécgêi Garvilôvich đã thắng. Đó là năm 1943, khi súng cácbin của chúng ta lúc đó chuyển sang dùng cỡ đạn mới. Đây chính là giai đoạn mới trong việc chế tạo vũ khí bộ binh tự động. Súng cácbin tự nạp đạn CKC-45 cỡ đạn 7,62mm của Ximônốp có lẽ người nào cũng thấy rồi, không thấy gần, thì cũng thấy từ xa, không thấy trên tivi, thì cũng thấy trên phim ảnh; và trong nhiều năm, chính những người lính gác trên vọng gác số Một cạnh lăng Lênin đã dùng loại súng này.

Theo lời khuyên của Xécgêi Garvilôvich, cứ lúc nào rảnh là tôi lại chạy sang viện bảo tàng. Bộ sưu tập vũ khí ở đây quả thật rất đa dạng. Thông qua các mẫu cụ thể, bộ sưu tập cho ta thấy rõ sự tiến triển của vũ khí. Tôi cảm trong tay những khẩu súng trường, súng cácbin, súng lục, tiểu liên, trung liên mà cứ suy ngẫm mãi một điều rằng, có biết bao nhiêu những giải pháp thiết kế khác nhau, có biết bao nhiêu những ý tưởng sáng tạo của các nhà sáng chế thật bay bổng lãng mạn không ngờ tới, và cũng có không biết bao nhiêu những mẫu trong nước và ngoài nước được thực hiện giống nhau.

Đối với tôi, được thấy trong bảo tàng nhiều mẫu chưa được thử, hoặc những mẫu nào đó vì các lý do khác nhau không được trang bị cho quân đội, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tôi nhiều lần tháo các mẫu đó ra, nghiên cứu mối quan hệ lẫn nhau giữa các bộ phận và các cơ cấu. Và mỗi lần tháo mẫu, tôi đều tìm hiểu nguyên nhân, tại sao mẫu đó không được thử, vấn đề là ở chỗ nào? Đôi lúc tôi phát hiện ra rằng, tính độc đáo không phải lúc nào cũng đem lại ích lợi. Tôi cho rằng không có một mẫu vũ khí nào trong bảo tàng nằm ngoài tầm mắt, và tầm tay tôi. Đó chính là học vấn cơ bản của tôi.

Tiếc là tôi không đủ thời gian dành cho các cuộc tham quan sâu về thiết kế như thế. Đã đến lượt thử khẩu trung liên nhẹ của tôi. Biết bao nhiêu hồi hộp và lo lắng, nhưng mẫu không có trục trặc gì lớn.

- Mẫu của đồng chí thượng sĩ làm việc không tồi, nhưng kết luận mẫu đạt, thì tôi không dám nói chắc – người kỹ sư thử, sau một loạt bắn, thờ dài nhìn nòng súng nóng đỏ, nói.

- Sao đồng chí lại nghĩ thế? Mọi việc đều bình thường cả cơ mà.

- Nếu cùng lúc trang bị nhiều loại trung liên nhẹ khác nhau sẽ tăng phí, chúng tôi đã tiến hành thử rất thành công mẫu của Xudaép. Mẫu của đồng chí không có những ưu điểm vượt trội so với mẫu của Xudaép. Đương nhiên đây chỉ là ý kiến của riêng tôi. Tuy thế, tôi vẫn hải lòng về mẫu này. Đồng chí hãy sẵn sàng nghe quyết định của Hội đồng.

Người kỹ sư thử nhiều kinh nghiệm đã chặn trước những kết luận vội vàng của tôi, và theo tôi hiểu, anh

đã có thiện ý chuẩn bị tư tưởng, tinh thần trước cho tôi.

Và sau đây là kết luận chính thức do trường phòng ủy ban pháo binh thuộc Tổng cục pháo binh Hồng quân, trung tá – kỹ sư Rôgasepki và trợ lý của ông, đại úy – kỹ sư Tremen ký; ký duyệt: trung tướng Khakhlóp, Tổng cục phó Tổng cục pháo binh, chủ tịch ủy ban pháo binh.

“Căn cứ vào biên bản của trường bắn, ngày 9 tháng 2 năm 1943 (No2734) và sau khi nghe ý kiến của tác giả, phòng 5 ủy ban pháo binh Tổng cục Pháo binh cho rằng:

1. Kết quả thử mẫu trung liên nhẹ của nhà thiết kế Kalasnhicóp đạt trung bình.

Kết luận của trường bắn về nguyên nhân hóc là điểm yếu của mẫu: “Sau khi bóp cò, kim hỏa đập nhẹ, không đủ lực làm nổ hạt nổ, vì khi nó chuyển động cùng cơ bắm tới điểm trên nhất thì bị mất năng lượng. Vấn đề là ở chỗ, lúc bóp cò thì cơ bắm còn cách điểm trên nhất 2mm, còn kim hỏa thì cách 4mm. Vì vận tốc kim hỏa bắt đầu tăng từ không, còn vận tốc cơ bắm đang ở điểm cực đại, nên kim hỏa không thể nào chuyển động kịp cơ bắm. Lý do rõ ràng nhất dẫn đến hóc đạn là lực cản phụ phát sinh từ mối hàn đắp trên ống lò xo.

2. Sửa chữa để hoàn thiện mẫu trung liên nhẹ: Tiến hành khắc phục các thiếu sót sau:a) Giảm tốc độ bắn (từ 824 viên/phút xuống khoảng 700 viên/phút) bằng cách tăng trọng lượng khớp nối thay đổi bước xoắn nòng.

b) Khắc phục bộ ngắt bị kẹt bằng cách giảm ma sát các cạnh bên của nó với hộp đạn và tăng lực lò xo.

Việc tăng đường kính lỗ thoát vỏ đạn đã được tiến hành ở trường bắn trong quá trình thử.

3. Trung liên nhẹ của Kalasnhicóp chế tạo phức tạp hơn và giá thành đắt hơn mẫu III-41 và IIIIC, hơn nữa mẫu đòi hỏi phải gia công trên máy phay, chậm hơn và máy lại khan hiếm. Do vậy, mặc dù có nhiều mặt khác bù lại (trọng lượng nhẹ, kích thước ngắn hơn, bắn phát một được, kết hợp cần gạt và chốt an toàn, thông nòng, gọn nhẹ...) nhưng mẫu của Kalasnhicóp không thể đại diện cho nhóm mẫu cùng loại, để đưa sang chế tạo, phù hợp với lợi ích sản xuất công nghiệp”.

- Đừng quá thất vọng, – Thấy tôi suy sụp tinh thần, người kỹ sư thử, an ủi – Tốt hơn hết là hãy định hướng cho một công việc mới khác nào đó bền và chắc chắn hơn.

- Tôi vẫn tin rằng mẫu súng của tôi sẽ được các chiến sĩ ngoài mặt trận dùng để đánh quân Đức. Thế mà, bây giờ...

- Cậu nghĩ rằng Điochiarep, Tôcarep, Ximônốp hoặc Xudáep không từng bị thất bại à! Trước khi chế tạo được một cái gì đó thành công, họ đã phải nhiều lần muối mặt trước những kết luận không hề thương tiếc. Hội đồng xét duyệt là tập hợp của những người khát khe mà lại! Cậu phải biết rằng, đã có nhiều mẫu không đạt của các nhà thiết kế nổi tiếng cũng có, chưa nổi tiếng cũng có đã qua tay mình. Chỉ có cái là họ không bao giờ ngã lòng, không khóc than van vi. Ngược lại, mỗi lần thất bại làm làm tăng thêm sức mạnh và khi họ đến thử lần sau đã có những mẫu tốt hơn, và đôi khi còn có hẳn một sản phẩm mới.

Những lần chuyện trò với các kỹ sư thử nghiệm, thường thường giúp tôi hiểu sâu hơn các công việc “bếp núc” của các ý tưởng thiết kế, của các công việc cải tiến, hoàn thiện, cũng như các mối quan hệ lẫn nhau. Giao tiếp với họ, luôn đem lại ích lợi, tôi hiểu rõ điều này khi tiến hành công việc hoàn thiện mẫu súng đầu tiên của mình.

Thế còn số phận khẩu trung liên nhẹ đầu tiên của tôi ra sao? Hiện nay mẫu súng này để ở Viện bảo tàng lịch sử pháo binh, công binh – công trình và thông tin liên lạc ở Leningrát. Vẫn như xưa, đôi với tôi nó là đứa con đầu lòng trong sự nghiệp thiết kế của tôi, đứa con được sinh ra trong đau khổ, trong điều kiện chiến tranh phức tạp nhất.

Trở về Tổng cục pháo binh, Vlađimir Vaxilievích Glukhóp sau khi hỏi cặn kẽ tôi về quá trình thử nghiệm, ông nói, về quan tâm:

- Giờ đồng chí làm gì tiếp?

- Nếu được phép, tôi xin tiếp tục làm súng máy xách tay.

- Ủ, thì làm súng máy. Ngay từ năm ngoái đã công bố thi thiết kế rồi đó. Duy có điều cần lưu ý là, các yêu cầu đối với mẫu rất cao. Cuộc thi sẽ có nhiều nhà thiết kế tham gia, nên sẽ có cạnh tranh quyết liệt.

Thế là tôi tham gia vào cuộc thi tiếp, để kết thúc công việc mà tôi cùng với Giênhia Kraprencô đã bắt đầu từ khi còn ở đêpô Matai: song song với việc chế tạo trung liên nhẹ, hồi ấy chúng tôi còn làm cả khẩu trung liên xách tay nữa. Tôi đã mang “bản thành phẩm” lên Alma-Ata và cố gắng tới mức có thể hoàn thiện nó trong các xưởng sản xuất – học tập của Trường đại học hàng không Mátxcova. Tuy nhiên, việc làm này không thành, vì mọi sức lực phải tập trung vào việc hoàn thiện khẩu trung liên nhẹ.

Sau khi từ Mátxcova về Taskent tôi được điều về một căn cứ của quân khu Trung Á ở Uzobekixtan. Cấp trên đã rất quan tâm đến công việc của tôi. Thời chiến, quân số tính toán từng người một, nhưng Tư lệnh quân khu vẫn dành cho tôi một số công nhân lành nghề, nhà ở, dụng cụ, vật liệu. Mối quan hệ cộng tác thật quý báu.

Và thế là, tôi lại thấy xung quanh mình những người say mê với công việc của tôi. Mọi người làm việc hết mình, hết tài năng. Trong nhóm có một thợ nguội có cái họ Đức là Kôkh. Anh được mệnh danh là người có “bàn tay vàng”. Mọi chi tiết của anh làm với một tình yêu đặc biệt, khi đập phần báng súng anh điểm cả hoa văn trang trí lên sản phẩm – điều mà trên vũ khí quân sự không được làm. Xong công việc, chúng tôi làm một chiếc thùng đặc biệt và đóng gói cẩn thận mẫu súng vào đó. Cấp trên cấp giấy tờ đi đường cho tôi và một đồng chí nữa. Chúng tôi lên đường đi Mátxcova.

Mẫu được trình lên các chuyên gia quân sự của Tổng cục pháo binh. Sau khi báo cáo Tổng cục trưởng, tôi được lệnh mang mẫu đi thử.

Từ sáng sớm đã bắt đầu. Tham gia cuộc thi có ba mẫu súng máy khác nhau – mẫu của B.A. Điochiarép, mẫu của C.G.Ximônốp và mẫu của tôi. Ba mẫu này được lọt vào vòng chung kết. Tôi sẽ không kể chi tiết về cuộc thi này. Nói vắn tắt là mẫu của tôi không qua được kỳ thi. Hội đồng thi kết luận: nó không ưu việt hơn các mẫu trước đã trang bị cho quân đội. Như vậy khẩu súng máy xách tay của tôi lại trở thành vật trưng bày của bảo tàng.

Phải thứ nhận là, thất bại này đã giáng một đòn vào lòng tự ái của tôi. Đối với Điochiarép cũng không nhẹ nhàng gì hơn, mẫu của ông cũng không được Hội đồng thi thông qua, sau nữa, cuối cùng cả mẫu của Ximônốp cũng bị loại.

Còn tôi, sau thất bại tiếp theo này, đã rút ra được cho mình kết luận: Cần phải nghiên cứu càng sâu càng tốt cả những gì đã làm được và đang làm trong lĩnh vực này. Nếu không, sẽ chẳng làm được cái gì ra trò. Vì vậy với lòng hăng say gấp bội, ngày ngày tôi lại vào viện bảo tàng của trường bắn để xem lại toàn bộ những gì đã có ở đó, thuộc lĩnh vực vũ khí bộ binh. Ngoài ra tôi còn đọc nhiều tài liệu về phương pháp thử súng như các văn bản về các cuộc thử đã tiến hành. Tôi cũng tranh thủ trao đổi với các chuyên gia thử giàu kinh nghiệm về đề tài này. Ở đâu tôi cũng tìm cách để mọi người giúp tôi trả lời câu hỏi: “Tại sao cả hai lần tôi đều chịu thất bại, sai sót ở đâu?”. Tôi muốn tự mình phải nhận ra tất cả các thiết sót của mẫu, tiếp cận với sản phẩm của mình một cách khách quan. Cần phải học cách phê phán đối với những việc mình đang làm.

Qua những năm tháng thi đua, cạnh tranh với các đồng nghiệp – thiết kế, tôi đã nhận ra rằng, trong thiết kế anh phải luôn nghĩ đến tính tiện lợi khi sử dụng, hay như bây giờ người ta thường nói: Tính tiện lợi trong khai thác. Mẫu phải có cấu tạo đơn giản tối đa, độ tin cậy cao trong hoạt động, không cho phép sử dụng các chi tiết kích thước nhỏ, dễ bị mất khi tháo rời v.v... chỉ có kiên trì học hỏi thông qua những lần kiểm tra, thử nghiệm và thông qua các sai lầm tôi mới xây dựng được phương pháp để áp dụng cho công việc sáng chế của mình.

Trước kia, các mẫu đầu tiên của tôi thất bại chính bởi không có những hiểu biết này, dẫn đến các mẫu làm ra không cạnh tranh nổi với các mẫu đã được trang bị. Như đã nói trong báo cáo kết quả thử, hai mẫu trung liên của tôi không được dùng để trang bị không phải vì không ưu việt hơn hẳn so với mẫu trang bị cho quân đội. Nó bị loại bởi vì không đáp ứng được các yêu cầu cơ bản đối với vũ khí chiến đấu. Đó là nguyên nhân hai lần thất bại của tôi. Tôi đã cố gắng để đạt được kết quả tốt, nhưng không nghĩ đến có một tiêu chuẩn là đơn giản và bền chắc.

Sau các thất bại đầu tiên, tôi như đứng ở ngã ba đường. Có những người khuyên tôi: “Có lẽ cậu đã đến lúc chuyển sang làm việc gì khác, thôi việc chế tạo vũ khí đi”. Bị ảnh hưởng nặng nề những câu nói của đồng đội, tôi đâm ra nghi hoặc vào khả năng sáng tạo ra một cái gì đó của chính mình. Đang ở trong tình trạng thần kinh căng thẳng, thì tôi gặp trường phòng sáng chế của ủy ban dân biểu B.B. Glukhốp đến trường bắn công tác.

- Ta đi dạo một chút nhì? – Vlađimír Vaxilevích mời tôi – Tôi có câu chuyện muốn nói với đồng chí.

Tôi chuẩn bị tinh thần nghe lời khiển trách hoặc những lời kết luận nặng nề nhất. Ông là người luôn nói thẳng mọi sự thật, dù đó là sự thật cay đắng đến mức nào và đặc biệt rất nguyên tắc trong việc đánh giá công tác của các nhà thiết kế... dù người đó có nhiều công trạng đến mức nào chẳng nữa. Còn tôi, chỉ là một người thiết kế trẻ, đã hai lần thất bại liên tiếp, biết chờ đợi gì đây?

- Lo lắng lắm hả – Glukhốp đặt tay lên vai tôi – Nếu người thiết kế biết lo lắng sâu sắc trước thất bại của mình thì đó là điều tốt. Nếu bây giờ chưa hiểu, thì sau này đồng chí sẽ hiểu. Tôi chỉ khuyên đồng chí bên cạnh sự lo lắng đau buồn đó, cần phải có thêm sự phân tích thực sự phê phán nguyên nhân thất bại. Bây

giờ ta thử xét lại một lần nữa xem, tại sao mẫu của đồng chí bằng mẫu của Điochiarép và Ximônốp, mà lại không được thử tiếp.

- Hay là, tôi không nên làm tiếp công việc thiết kế vũ khí? Vai và tay tôi hầu như đã bình thường. Tôi cần trở lại mặt trận, về đơn vị cũ...

- Xem chừng nhiệt huyết giảm sút nhiều đấy – Validimir Vaxilievich dừng lại, rút tay trên vai tôi xuống. – Ra mặt trận thì ngay ngày mai đồng chí có thể đi được. Việc này đơn giản hơn nhiều so với ở lại đây, ở hậu phương, đồng chí chế tạo được thứ vũ khí cho cả đại đội, trung đoàn, sử dụng và nói chung cho toàn mặt trận sử dụng đánh quân thù, hiệu quả tốt hơn, để góp phần nhanh chóng mang lại chiến thắng cho Tổ quốc. Thế đồng chí có biết điều này không: cả Điochiarép, cả Ximônốp, không ai dễ dàng cả. Hay Xudaép trong thành phố Leningrát bị phong tỏa đói rét, đã hoàn thiện khẩu trung liên của mình, rồi mang ra tiền tuyến để trực tiếp bắn thử, lại dễ dàng à? Anh bạn thân mến, hãy nhớ là, kinh nghiệm và kiến thức phải trải qua một quá trình tích lũy, nếu ta không lười biếng, mới có được. Vậy nên, hãy bình tĩnh và chúng ta sẽ cùng nhau phân tích xem tại sao thất bại.

Chúng tôi tiếp tục đi trên con đường có hàng cây hai bên.

- Như vậy là kết luận của Hội đồng thì nói rằng, mẫu của cậu không được thông qua để trang bị, vì không có những ưu điểm cơ bản so với các mẫu đang sử dụng.

- Đúng như thế.

- Nhưng đây là kết luận chung. Cậu phải đào sâu suy nghĩ hơn nữa. Và hãy tự xác định ngay là: Mẫu không đáp ứng được các yêu cầu chủ yếu của loại súng trung liên xách tay.

- Sao không đáp ứng ạ? – Tôi băn khoăn hỏi lại Vladimir Vaxilievich – khi thiết kế và chế tạo mẫu tất cả các điều kiện dự thi đã được tính toán kỹ.

- Đây mới chỉ là điều kiện, còn những yêu cầu mà người thiết kế phải tự đề ra cho mình. Chẳng hạn, anh đã nâng cao được sự tiện lợi trong sử dụng vũ khí chưa? Cấu tạo đã đơn giản hóa tối đa chưa? Độ tin cậy khi hoạt động có được nâng cao không? Các giải pháp trong thiết kế của đồng chí có khác biệt nhiều so với các giải pháp tiêu chuẩn không?

- Tôi đã cố gắng thiết kế không theo khuôn mẫu – tôi bắt đầu vẽ vàng kẻ ra những cái mới, theo quan điểm của tôi, mà tôi đã đưa vào mẫu của mình, khi thiết kế và hoàn thiện.

- Cái độc đáo trong thiết kế không được che khuất những yêu cầu chính đề ra cho các loại vũ khí đó. Này nhé, cậu hãy nói tôi nghe, sao hộp đạn của một khẩu trung liên xách tay chỉ chứa được có 15 viên? Cơ cấu tự động đồng chí giải quyết không tồi, nhưng đáng tiếc là nó hoạt động không đủ tin cậy, thế là toàn bộ các giải pháp thiết kế độc đáo bị xóa sạch. Còn độ chụm của mẫu thế nào? Ngoài những điều nói trên, nếu cộng thêm một số chi tiết khác không được bền vững, thì ta sẽ có một bức tranh, có thể nói là, kém vui.

Chúng tôi còn đi khá lâu trên con đường rợp bóng cây trong khuôn viên trường bắn để phân tích, tổng kết về mẫu trung liên xách tay của tôi. Cuộc nói chuyện này đem lại cho tôi nhiều điều. Bài học chủ yếu là không né tránh khuyết điểm của bản thân, có thái độ tự phê bình nghiêm túc trong việc đánh giá kết quả lao động của mình. Lúc bấy giờ tôi còn thiếu những điều này. Mọi người thường hỏi tôi cùng một câu: “Sao ông lại trở thành nhà sáng chế được, khi học vẫn còn chưa hết trung học?”

Phải thừa nhận rằng, đợi một câu trả lời đơn giản một chiều đối với câu hỏi này là khó. Tuy nhiên, theo chuẩn mực của những năm 30 thì học hết lớp chín như tôi, trước khi vào làm ở đêpô xe hỏa và trước khi nhập ngũ cũng là tương đối khá rồi. Nhưng tôi tin rằng, vấn đề không chỉ ở chỗ anh có trình độ trung cấp hay cao cấp... Vì có phải khi nào tấm bằng kỹ sư cũng xác định đúng trình độ kiến thức đâu.

Không, tôi không cho rằng không cần học tập, không cần tự hoàn thiện mình. Nếu không có kiến thức, không có học vấn, không nghiên cứu sâu sắc kinh nghiệm của người đi trước, thì sẽ không trở thành người kỹ sư, nhà thiết kế, người giáo viên, người chỉ huy được. Tuy nhiên, mọi trình độ học vấn chỉ đem lại lợi ích cho bản thân và cho Tổ quốc thân yêu, với điều kiện anh phải khẳng định được bản thân mình bằng công việc cụ thể, anh phải đề ra cho mình mục tiêu lâu dài cũng như trước mắt. Thậm chí tôi còn muốn nói thêm rằng: Ta còn cần phải quyết tâm phấn đấu để hoàn thành vượt mức những nhiệm vụ mục tiêu đã đề ra đó. Chỉ có như thế thì ta mới chinh phục được những đỉnh cao sáng tạo, mà trước kia chỉ mới nghĩ đến ta đã hoảng sợ.

Giờ tôi sẽ làm gì đây? Lòng tự ái chắt chùng lên nhau – Hãy gạt nó sang một bên – Tôi tự nhủ mình – không vì lý do gì mà đầu hàng, ta đang đi đúng hướng. Giờ của ta đã đến.

Lần trở lại những tháng năm chiến tranh, khi mà tôi tiếp tục thử sức mình lần nữa trong việc thiết kế và chế tạo khẩu cácbin tự nạp đạn, phải nói ngay rằng, tôi cũng đã bị thất bại.

Tuy nhiên, mẫu vũ khí này đã đem lại cho tôi niềm vui của những giải pháp thiết kế bất ngờ, làm nền tảng cho bước tiến mới, chất lượng hơn của tôi về phía trước. Tôi dám mạnh dạn mà khẳng định rằng nếu không có mẫu cácbin đã hoàn thiện của C.G. Ximônốp thì có thể mẫu của tôi có số phận khác rồi.

Khi ấy mẫu cácbin của Ximônốp đã hoàn thiện xong, thì tôi mới bắt tay vào chế tạo khẩu cácbin của tôi theo thiết kế của loại đạn mới năm 1943. Tôi làm việc hết sức hào hứng và say mê. Đến bây giờ tôi vẫn nhớ, để tìm giải pháp tự động nạp đạn, cố định và nhả băng đạn, tôi bố trí tay gạt nạp lại đạn, tôi đã tẩy đi tẩy lại tờ giấy vẽ oatman đến thủng lỗ. Ở đây nhà thiết kế súng tự động người Mĩ Garand đã giúp tôi. Theo kinh nghiệm của ông, tôi đã áp dụng cách nạp đạn vào cửa thu và gạt bỏ kẹp đạn không ra ngoài, đương nhiên ở dạng cải biến, vào trong thiết kế bộ nạp đạn tự động của tôi. Còn tay gạt nạp đạn lại tôi bố trí ngược, ở bên trái. Và còn một số giải pháp độc đáo khác.

Mẫu thử ở trường bắn cho kết quả tương đối tốt. Lúc ấy thiếu tướng kỹ thuật pháo binh N.N Đubôvitxki của Tổng cục pháo binh đến trường bắn, ông vẫn thường đứng đầu các Hội đồng đặc biệt xét duyệt các mẫu vũ khí bộ binh. Ông là người nóng tính, nhưng phải nói là tương đối khách quan và nguyên tắc. Đáng tiếc là, trong một số trường hợp tính nóng nảy của ông gây trở ngại cho việc đánh giá các mẫu thử của nhà thiết kế. Tôi cho rằng trường hợp ấy đã xảy ra khi ông quyết định tự mình bắn thử khẩu cácbin của tôi.

Chúng tôi đến bia và nạp đạn cẩn thận vào kẹp. Tiếng còi vang lên, tín hiệu bắt đầu bắn. N.N Đubôvitxki bắn một, hai, ba loạt... Hết đạn, kẹp đạn rỗng bay vèo ra ngoài.

Đáng lẽ phải nạp kẹp đạn mới, và bắn tiếp thì ông lại đặt khẩu súng xuống bờ chiến hào và tìm cái gì đó trên cỏ. Chúng tôi hiểu là ông tìm kẹp đạn. Tôi nói với ông không cần tìm, theo tính toán kẹp đạn tự bắn ra ngoài. Ông phủ tay mạnh:

- Tôi biết. Nhưng tôi nghĩ rằng, người lính cũng sẽ làm như tôi, nghĩ là vừa có một chi tiết nào đó văng ra và nó có thể sẽ mất, trong khi đó phải bắn tiếp!...

Ông còn phản ứng mạnh hơn khi nói về tay gạt nạp đạn lại:

- Nhà thiết kế hình dung như muốn để người bắn nhắm mắt. Cái tay gạt của đồng chí khi bắn nó cứ chạy nhảy vương mắt tôi. Hướng về phía tôi, ông kết luận dứt khoát:

- Này, nhà thiết kế trẻ Kalashnicốp! Nếu sau này đồng chí vẫn cứ đưa các chi tiết trái khoáy này vào mẫu, thì hãy quên đường đến chúng tôi đi!

Tôi hiểu, tất nhiên, đó là do nóng nảy. Có thể hiểu tâm trạng của ông lúc đó. Ông vừa thông qua mẫu cácbin của Ximônốp, bỗng nhiên lại có một anh lính mới chen vào với mẫu súng khác kiểu, gây chú ý. Tốt hơn hết là cắt bỏ, không nhận. Và ông đã quyết định như vậy.

Lúc ấy, tôi cảm thấy mình bị xúc phạm. Nhưng từ bài học cay đắng và bất công ấy, tôi đã rút ra được những kết luận cần thiết, để sau đó tiến lên một giai đoạn mới có chất lượng hơn – thiết kế và chế tạo khẩu tiểu liên AK.

Còn một điều đáng nhớ nữa là, trong thời gian làm khẩu cácbin tôi được làm quen với Alêcxêi Ivanôvích Xudaép là một trong những nhà thiết kế vũ khí bộ binh thú vị và độc đáo nhất thời gian ấy.

Ông có sức thu hút kỳ lạ bởi đức tính hồn nhiên, chân thành, khiêm tốn trong quan hệ với mọi người và là người dễ gần. A.I Xudaép không chỉ hiểu biết kỹ thuật rất uyên bác, mà còn có khả năng thấu tóm thực chất vấn đề một cách nhạy bén.

Mỗi lần nói chuyện với ông, là mỗi lần được nghe nói chuyện ngoại khóa về lịch sử vũ khí. Nhiều lần chúng tôi đã trở lại đề tài về các khẩu trung liên thất bại của tôi, chúng tôi đã phân tích hết sức kỹ càng chùng.

- Ưu điểm của khẩu trung liên nhẹ của cậu là gì? Là nó có thể bắn liên thanh và phát một. Bộ phận cò súng mẫu của tôi chỉ bắn liên thanh được. Về mặt này mẫu của cậu vượt trội. – Xudaép là người hết sức khách quan và trung thực trong cách đánh giá công việc của mình với một quan điểm phê phán – Và chắc cậu cũng nhất trí, mẫu trung liên nhẹ của cậu dễ điều khiển, làm việc ổn định hơn và độ chụm tốt hơn. Trên phần trước của nắp bảo vệ, tôi bố trí bộ phận hãm – bù trừ nhằm làm giảm va đập của các bộ phận chuyển động ở vị trí sau cùng – tức là lò xo giảm chấn của khóa nòng. Còn tại sao mẫu của tôi nhẹ hơn và quy trình sản xuất hợp lý hơn mẫu ППП-41? Phần lớn các chi tiết được sản xuất bằng phương pháp dập và hàn. Chúng tôi đã phấn đấu đạt được mức sử dụng kim loại để sản xuất ít hơn hai lần và giảm ba lần thời gian chạy máy công cụ để gia công cơ khí so với mẫu ППП. Cậu hãy tưởng tượng xem, điều đó có ý nghĩa to lớn dường nào trong điều kiện Leningrát bị vây hãm.

Tính kiên trì là một phẩm chất nữa tôi nhận thấy trong tính cách của Xudaép. Khi đã đặt ra cho mình một mục tiêu nào đó thì ông nhất quyết phải thực hiện bằng được. Ông luôn khát khao làm việc, không



thích sự thiếu chuẩn xác, không dứt khoát, không tập trung.

Cuộc sống ở trường bắn, đôi khi thấy nhẹ nhàng hơn hẳn bởi những trò đùa và những câu nói vui chẳng làm giận ai, mà có nhiều câu đã trở thành những câu cửa miệng “nội bộ”. Nhiều lần tôi đã rơi vào trường hợp đùa vui liên quan tới Cachia, vợ tương lai của tôi. Khi đó cô ấy làm nhân viên vẽ kỹ thuật ở phòng thiết kế của trường bắn, một phụ nữ có trình độ cao và rất cẩn thận. Cô hiểu rất nhanh ý đồ của người thiết kế đối với một chi tiết nào đó qua những bản vẽ phác, đôi khi không rõ ràng của chúng tôi. Đối với tôi thì cô lại càng khó làm việc, vì tôi không được đào tạo chuyên môn về thiết kế, hơn nữa khả năng vẽ của tôi lại kém... Thường thì cô không hiểu bản vẽ phác của tôi để mà vẽ. Còn tôi thì không biết giải thích một cách thành thạo. Thành ra, đôi khi phải làm chi tiết trước. Cachia lấy kích thước và lập bản vẽ sau. Những cuộc gặp gỡ thường xuyên này của chúng tôi, là đầu đề đàm tiếu bóng gió của đám bạn hữu. Sau khi biết chúng tôi yêu nhau, họ lại càng đùa, gán ghép thường xuyên hơn. Cứ bước chân vào xưởng, là lại nghe nói: Này, Cachia vừa đến tìm cậu đây. Cô ấy không hiểu bản vẽ phác của cậu, nhắn cậu đến để hỏi”. Hiểu rõ sự việc, tôi liền chạy đến phòng Cachia để hỏi. Cô ấy chả hiểu đầu đuôi ra sao cả. Tôi lúng túng đến đỏ cả mặt. Cachia cũng vậy. Anh em chỉ cần có thế.

... Như vậy là khẩu cácbin của tôi không qua được kỳ thử. Nhưng mọi ý tưởng tốt định thể hiện trong mẫu này tôi chuyển sang mẫu mới mà lúc đó đã có một số nhà thiết kế khác bắt tay vào thiết kế. Tôi muốn nói về khẩu tiêu liên chế tạo cho loại đạn mới năm 1943.

Người đi đầu thiết kế mẫu này lại là Alêcxêi Ivanôvich Xudáp.

... Năm 1945 mẫu của ông đã được sản xuất hàng loạt. Mẫu đã được thử ở trường bắn và ở đơn vị quân đội. Một trong những nhược điểm chủ yếu của nó là khối lượng lớn, đòi hỏi giảm nhẹ kết cấu. Ông tiếp tục kiên trì cải tiến mẫu. Vào thời kỳ đó, chúng tôi gặp nhau rất ít. Có lẽ trước hết là do ảnh hưởng của ông mà tôi đã tham gia vào một cuộc cạnh tranh thiết kế loại tiêu liên dùng đạn mới, cỡ nhỏ, nhỏ hơn đạn súng trường, lớn hơn đạn súng lục.

Khi tôi chỉ mới bắt đầu công việc thì Xudáp đang tiếp tục hoàn thiện mẫu của ông. Tôi cho rằng lẽ ra ông đã đạt được những thành công tuyệt vời và bổ sung thêm vào truyền thống vẻ vang của ngành vũ khí bộ binh nước ta, nếu ông không đột ngột từ trần năm 1946. Đối với cá nhân tôi, đây là một sự mất mát không thể bù đắp được. Sự nghiệp sáng chế của ông chỉ gói gọn trong khoảng bốn năm năm gì đó. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi này, ông đã đạt tới những đỉnh cao sáng tạo vũ khí, mà những nhà thiết kế khác cả đời cũng không mơ tới được.

Số phận của nhà thiết kế vũ khí thật lạ lùng thay. Khi ông chết đi, tiễn biệt ông là những loạt súng mà ông không thể ngờ tới được, không một lời điệu văn long trọng nào, không một dòng nhạc nào nhắc nhở đến những kỷ niệm về ông, chỉ có những lời than khóc đau đớn và tiếng hét kinh hoàng.

Sau khi ông mất vài năm tôi đã viết những câu thơ này:

Sương mù bao bọc đời ông

Từ trong năm tháng chiến trường xưa kia

Vụt qua như đám sao xa

Dấu vết để lại mãi là của ông.

Và cuộc thi được công bố là sẽ tiến hành bí mật, nghĩa là mọi tài liệu thiết kế trình Hội đồng được đặt bí danh, giấu tên thật, có một phong bì riêng trong đó viết rõ tên thật của nhà thiết kế nào đó. Phong bì này chỉ được bóc ra khi đã xét xong các bản thiết kế và công bố vị trí kết quả của chúng. Làm thế để việc xét duyệt được khách quan hơn và để sức nặng “của những người nổi tiếng” không gây áp lực lên quyết định của các thành viên trong Hội đồng. Mọi người tham gia trên cơ sở bình đẳng!

Tôi thật không dễ dàng gì khi quyết định tham gia cuộc thi này. Theo điều kiện cuộc thi, phải đưa trình không chỉ các bản vẽ tổng quát mà cả các bản vẽ chi tiết các cụm chính, các bản tính toán độ bền của cụm khóa nòng, xác định tốc độ bắn và một loạt các tính năng khác nữa. Nếu thiếu một trong các tài liệu nào đó, Hội đồng sẽ không nhận bản thiết kế. Bây giờ nhớ lại thời ấy, tôi khó có thể hình dung được tại sao mình lại dám bắt tay vào một việc lớn như thế, trong khi không được đào tạo chuyên môn gì cả?... Nhưng tuổi trẻ và lòng hăng say được bồi bổ từ những cuộc thi trước, đã hướng tôi đến cuộc cạnh tranh này.

Tôi đã hạ quyết tâm. Bắt đầu từ thiết kế sơ đồ... Tôi vẽ hàng trăm phác thảo qua từng chi tiết. Tôi xé bỏ những gì hôm qua còn được coi là tốt nhất, nhưng hôm nay không đạt yêu cầu. Tôi tham khảo ý kiến các chuyên gia. Và cứ như thế, ngày nọ kế tiếp ngày kia...

Sau những tuần lao động căng thẳng, trên bảng vẽ đã hình thành những nét chính của khẩu tiêu liên tương lai. Những chi tiết chủ yếu của nó đã được thiết kế chi tiết. Lúc này cấp trên đã cho một số nhân viên

vẽ kỹ thuật và kỹ thuật viên giúp tôi. Thế là lại có một tập thể sáng tạo nhỏ. Tất cả chúng tôi cháy bỏng khát vọng chiến thắng các nhà vũ khí danh tiếng, để chứng minh rằng tuổi trẻ cũng là một thế mạnh trong cuộc chạy đua. Chúng tôi làm việc không tiếc thời gian của bản thân, ở lại làm cho đến tận nửa đêm bên bản vẽ.

Lần thiết kế khẩu cácbin trước, ổ đạn bảy viên bị loại, tạo nhiều thuận lợi cho tôi thiết kế mẫu súng mới này. Chủ yếu là, như bây giờ người ta thường nói, cụm khóa rãnh nòng có nhiều ưu việt, khi thử cho kết quả tốt ai cũng thấy rõ ngoài trường bắn, đã được thay đổi một chút để dùng cho mẫu súng mới. Chính điều này đã gây được sự chú ý của các sĩ quan trường bắn đối với thiết kế mới của tôi. Mọi người đều tìm cách khuyến khích, động viên tôi kiên trì tiếp tục thiết kế mẫu mới. Họ đã góp ý, phê phán những giải pháp kỹ thuật của tôi. Khi đụng đến vấn đề lập các bản tính toán theo yêu cầu cuộc thi, thì trung tá Borix Lêôpônđôvích Kanel đã giúp tôi. Ông đã hoàn thành phần thiết kế quan trọng này giúp tôi với một trình độ nghề nghiệp cao và đặc biệt cẩn thận. Cho đến nay tôi vẫn mang ơn ông một cách chân thành và sâu sắc vì sự giúp đỡ vào thời gian hết sức quan trọng đối với tôi.

Ngày tháng trôi qua, chẳng bao lâu đã gần đến ngày nộp thiết kế. Suốt thời gian ấy, một nỗi nghi ngờ cứ xoáy trong đầu tôi: Liệu tôi có thể thi được không? Tôi có kịp không?

Nhưng rồi, cuối cùng, mọi thứ cũng đã sẵn sàng. Bản vẽ đã hoàn thành, các bảng tính toán đã xong và toàn bộ các phụ chú cần thiết cho bản thiết kế cũng đã xong xuôi. Giờ chỉ còn chọn bí danh để ký vào tất cả các tài liệu. Trước đó tôi cứ dè dặt, mê tít, ngai ngai nghĩ đến việc này. Mọi người bắt đầu cùng nghĩ bí danh. Có nhiều đề nghị khác nhau: có cả đề nghị nghiêm túc, cũng có đề nghị gây cười, cuối cùng một ai đó xuất hiện ý tưởng, lấy các vần đầu của tên và phụ danh tác giả ghép lại sẽ thành bí danh. Đó là “KIKHTIM”. Mọi người đều tán thành. Còn tôi, thì bối rối. Bởi vì chưa có ai gọi tôi, một trung sĩ trẻ, theo tên và phụ danh như vậy. Thế mà đây lại là “MIKHTIM”! Tôi tỏ ra không tán thành. Nhưng bạn bè đều thuyết phục, và tôi đành phải nghe họ. Thế là, trên gói tài liệu thiết kế gửi đi Mátxcova, trên đề địa chỉ nơi nhận, dưới địa chỉ người gửi với chữ nét đậm “MIKHTIM”.

Bản thiết kế gửi đi rồi, bắt đầu thời gian chờ đợi sốt ruột. Chưa bao giờ tôi thấy kim đồng hồ lại chuyển động chậm chạp như những ngày đó. Tất cả chúng tôi, sống trong một tâm trạng căng thẳng khủng khiếp. Quyết định có thể đến bất kỳ vào phút nào. Chúng tôi giật mình thon thót mỗi lần nghe tiếng gõ cửa...

Ngày hôm ấy tôi còn nhớ thật rõ ràng. Cánh cửa hé mở, một giọng phụ nữ nghe thật quen thuộc hỏi khẽ: “Vào được không ạ?”

Cachia vẽ mặt tươi rói bước vào phòng. Cô làm ra vẻ nghiêm chia bày tay về phía tôi: “Thay mặt phòng xin chúc mừng đồng chí, mẫu đã được duyệt”.

Tôi thở dài nặng nề, cay đắng và quay mặt đi: ừ nhỉ, những người bạn của chúng tôi, họ chẳng ngờ nghêch chút nào!... Lúc đầu họ tìm cách đưa tôi đến gặp cô ấy liên tục – cứ như để tỏ tình... Còn bây giờ thì, họ lại xúi cô ấy đến gặp tôi! Họ khéo tìm cách đùa thật! Cuối cùng cả tình sẽ biết chắc...

Cachia bối rối, nhún vai, bước ra ngoài. Tôi đứng dậy, mắt nhìn ra cửa sổ mà chẳng thấy gì hết. Trong lòng tôi sao chứa chất nhiều điều buồn tủi đến thế!... Mà sao ông trời lại run rủi cho tôi gặp những người bạn như thế?

Đúng lúc ấy thì nghe thấy tiếng chân đi rầm rập, tiếng người nói râm ran, phấn khích: “Mikhtim? Ở đâu thế?” “Nó ở đây mà – nó đang muốn ôm chặt chúc mừng đây mà!” “Không, Mikhtim giờ không quanh quẩn ở đây được!” “Chạy ngay lên tham mưu, sau đó đi luôn ra cửa hàng thực phẩm!”

Trên ban tham mưu chính thức thông báo cho tôi biết bản thiết kế có ký hiệu “Mikhtim” đã thắng lợi trong cuộc thi, và đề nghị tác giả chế tạo mẫu để tiếp tục tham gia vào cuộc thi chung kết cùng với các tác giả khác... Và cũng được giải thích luôn, sớ dĩ thông báo chúc mừng bị chậm vì mãi không tìm thấy người có cái tên lạ lùng Mikhtim... là ai.

Câu chuyện buồn cười này, tất nhiên, cả trường bắn đều biết và phải đến mấy ngày sau vẫn còn nghe nói: “Đã biết chuyện Mikhtim chưa?” “Này, Mikhtim khá nhỉ?” “Kia kia, Mikhtim, đang đi kia kìa!... Mikh-ti-im!”

Tiếng vang hạnh phúc của năm bốn sáu xa xưa.

## CAVORÓP – CŨNG LÀ “TULA”

Vào một ngày tháng năm năm bốn lăm, chiến tranh kết thúc. Ngày mà chúng ta đã chờ đợi biết bao nhiều!

Chỉ còn lại một mình nước Nhật làm sao chống lại được lực lượng quân sự của các nước Đồng minh, và mọi chuyện ở phương Đông, cũng đến hồi kết thúc. Bỗng nhiên đài phát thanh thông báo, lần đầu tiên trong lịch sử loài người, hai thành phố Hirôshima và Nacazaki đã bị ném bom nguyên tử... cơn gió ban mai đã kéo “cuộc chiến tranh lạnh” trở lại.

Đôi lúc tôi nghĩ: Thế là công toi, như cá đằm vào băng, biết bao sức lực bỏ ra, vội vội vàng vàng, một cố gắng trong chốc lát hóa thành vô ích, chả ai cần tới cả. Có thể, điều này cũng tốt? Giá như ngời ta giao cho mình thiết kế một chiếc máy liên hợp gặt đập... Hay là chiếc máy kéo.

Nhưng, hóa ra, đây chỉ là sự khởi đầu của những căng thẳng kéo theo. Không phải vô cớ mà người ta gọi tình hình vũ trang trong thời kỳ sau chiến tranh là chạy đua. Và đối với tôi, khái niệm đó có ý nghĩa trực tiếp nhất.

Các nhà sáng chế lại vội vàng thực hiện thiết kế và bắt tay vào sản xuất. Các yêu cầu về chất lượng mẫu trở nên khắt khe hơn nhiều.

Tôi chuẩn bị rời trường bắn để đi Cavoróp thuộc tỉnh Vladimír. Lý do là vì xưởng trường bắn không đảm bảo điều kiện kỹ thuật để sản xuất súng tiểu liên. Ở đó đã có một số nhà thiết kế đang thực hiện các mẫu thiết kế của mình. Trung tá kỹ sư Vladimír Xergêivích Đêikin đã giao quyết định của Tổng cục pháo binh cử tôi về nhà máy Gavoróp, nơi V.A. Điochiarép một trong những nhà thiết kế vũ khí nổi tiếng nhất lúc đó đang làm việc.

Trước khi rời trường bắn, tôi nhận được thư nhà, từ làng Curia thân yêu của tôi. Thư do chị Anna Timôphêepna viết kể lại những tin mới của làng quê. Theo lệ thường, trước hết là các tin vui. Đầu tiên là tin cậu em út của tôi Vaxili còn sống và đã trở về quê hương. Nhưng tất cả niềm vui của gia đình chúng tôi chỉ có thể. Đọc tiếp mỗi dòng chữ sau là một dòng nước mắt chảy dài. Nhà tôi đã nhận được giấy báo tử của hai anh cả Ivan và Andrêi, rồi Igor chồng chị Anna cũng không trở về, để lại cho chị tôi ba đứa trẻ mồ côi cha. Thiếu vắng họ, biết xoay sở làm sao...

Bức thư thúc dấy trong lòng tôi nhiều điều. Tôi rất muốn gặp họ hàng thân thích. Trái tim giục giã tôi trở về Altai, thế nhưng không thể nào dừng công việc một vài tuần được.

Tôi chưa đến Cavoróp bao giờ, nhưng biết chắc rằng V.A. Điochiarép, một trong những nhà thiết kế vũ khí nổi tiếng nhất đang làm việc ở đó. Và cả P.M. Gorunóp người Cavoróp cũng ở đấy. Chính tôi trước đây không lâu lắm, đã cải tiến khẩu trung liên của ông. Vì thế tôi cảm thấy Cavoróp có cái gì đã thân thuộc với tôi, và tôi sẽ sung sướng khi được đến đó. Nhưng đồng thời tôi lại ngai một điều là, ở đó mọi người đã làm việc quen với những người có uy tín cao, và quân hàm cũng cao. Điochiarép quân hàm cấp tướng, và những người khác quân hàm đều cao hơn tôi... Chả hiểu ở đó người ta có tiếp nhận một anh thanh niên lạ hoắc – chàng trung sĩ – thiết kế không có tiếng tăm như tôi không? Vì thực chất là tôi đi thi thố với một vị tướng – nhà vũ khí nổi tiếng. Thi trong căn phòng thân thuộc của ông, trong ngôi nhà của ông! Nhưng lệnh vẫn là lệnh.

Tôi thật hồi hộp khi gần đến thành phố của các nhà vũ khí lừng danh. Sự hiện diện bên cạnh tôi của đại úy Đêikin, người cùng tuổi với tôi, đại diện của Tổng cục pháo binh, đã làm tôi yên lòng. Mỗi dịp đến chỗ mới, mà có hai người cùng đi thì không có gì đáng ngại. Sau này, dần dần với năm tháng, Đêikin không chỉ là người trợ lý không thể thay thế được mà còn là người bạn lớn của tôi. Gia đình chúng tôi ở gần nhau và con cái chúng tôi lớn lên cùng nhau. Tình bạn ấy kéo dài mãi cho đến khi ông mất. Tôi nhớ mãi với lòng biết ơn ông, đã giải quyết mọi việc về tổ chức thật nhanh chóng, ngay sau khi đến. Đó là tìm người hiểu biết công việc thiết kế, và những công nhân có kinh nghiệm để giúp việc cho tôi. Thiếu những người đó, thì nhà thiết kế chính, dù có là thánh sống, cũng không thể nào hoàn thiện được sản phẩm của mình một cách hoàn hảo.

Tôi cứ lo lo trong lòng: Mình sẽ làm việc thế nào ngay bên cạnh chính là Điochiarép?

Cuối cùng tôi mới biết rằng ông làm việc ở phòng khác, phòng thiết kế của riêng ông. Trong tôi nảy sinh một tình cảm đan xen, vừa thấy an lòng nhưng đồng thời lại buồn vì nỗi... Tôi rất muốn, dù chỉ ghé mắt nhìn một lát thôi, xem nhà thiết kế trứ danh làm việc!

Nhà máy đã giới thiệu cho tôi nhà thiết kế trẻ Alêxandr Zaisép, chuyên gia hoàn thiện tài liệu kỹ thuật và chế tạo mẫu. Chúng tôi đã nhanh chóng hiểu biết lẫn nhau. Có lẽ tuổi trẻ và lòng say mê công việc đã xích chúng tôi lại gần nhau. Chúng tôi sẵn sàng ở lại nhà máy suốt ngày đêm, đặc biệt khi chế tạo những

mẫu đầu tiên. Luôn luôn có những chi tiết và cả cụm chi tiết nói chung phải thay đổi.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng được dành riêng thời gian để bản chính trong phòng bản thử, khi các nhà thiết kế và chính sủng của phòng thiết kế Diôchiarép đi khỏi. Thế là chúng tôi không gặp nhau! Mà cũng lạ thật, chúng tôi về Cavoróp đã được gần một năm mà tôi chưa một lần được gặp nhà thiết kế danh tiếng. Chúng tôi, mỗi người hoàn thiện mẫu riêng của mình, hình như bị ngăn cách bởi một hàng rào vô hình nào đó...

Tôi xuống nhà ăn muộn và bỗng nhiên nhìn thấy một cậu bé đứng lên hàng rào đang vẫy tay gọi bạn: “Này, lại đây nhanh lên! Lại mà xem, có chuyện lạ lắm”. Cậu ta nói nhỏ nhưng vẫn đủ nghe thấy. Tôi vô tình cũng lao đến chỗ tấm ván hàng rào bị long ra, nhưng chỉ kịp nhìn thấy thân màu đen của chiếc xe con dài lăm bùn đất, biến mất sau dãy nhà của nhà máy. Tôi hiểu cả, nhưng từ đôi môi khô khốc vẫn bật ra câu hỏi: – Ai thế?

Hai cậu bé gầy gò, người rất thấp, đứng chưa với tới bàn dao máy tiện, đó là các cháu thiếu nhi chăm làm, giúp đỡ thêm cho nhà máy, đất nước... Chúng nhìn tôi rất ngạc nhiên:

- Chính Diôchiarép, chứ còn ai!... Đi xe “ZIX” đấy!

Chiếc xe này do chính Xtalin tặng Diôchiarép. Người ta kể lại câu chuyện huyền thoại về chiếc xe này như sau: Thợ mộc nhà máy đã trở một cửa riêng ở bức tường gỗ của nhà văn hóa nhà máy, để cho nhà thiết kế lừng danh mặc quân phục cấp tướng, ngực đầy huân chương ngồi trên xe “Xtalin” tiến thẳng vào sân khấu. Bước từ chiếc xe “ZIX” đen ra, ông đứng thẳng người, giơ tay lên vành mũ lưỡi trai, chào công nhân, kỹ sư ngồi dưới. Người ta nói rằng, sau đó phải xem lại nóc xe: có lẽ phải trở ở chỗ nào đó, lấy chỗ đứng?... Hộ trường vang dậy tiếng vỗ tay hò reo vui sướng.

Chuyện này có thật hay không, chẳng quan trọng gì. Thế nhưng, riêng cốt lõi của câu chuyện được đồn đại trong nhân dân đó, luôn nhắc nhở tôi với một sự lo lắng, buồn rầu không hiểu vì sao... Có lẽ vì ngày nay chúng ta quá hiếm “long trọng chào” những người có đôi bàn tay chai sạn, tấm lòng đôn hậu, đầu óc sáng suốt mà những thành tích của ta mang ơn họ?

Giờ thì đã đến lúc phải nộp đơn đăng ký thử so sánh mẫu. chúng tôi làm việc thật tuyệt vời, hết sức mình. Nhưng vẫn phải hoàn thiện thêm những chi tiết nhỏ, còn những nguyên tắc chủ yếu không thay đổi. Đại diện người đặt hàng chính là Tổng cục pháo binh đã đến Cavoróp để kiểm tra xem thiết kế có được thực hiện đầy đủ hay không vào có đạt yêu cầu của cuộc thi không? Mà nội dung kiểm tra chính là đảm bảo tiêu chuẩn quy định về độ chụm, về trọng lượng, kích thước, độ tin cậy trong hoạt động, độ bền của chi tiết và cấu tạo đơn giản của mẫu tiêu liên.

Đúng vào dịp này thì xảy ra một chuyện rõ thật xấu hổ. Câu chuyện thế này. Đến phần thử cơ cấu nòng thì xạ thủ bản thử vẫn chỉ có một người đó. Anh ta bắn quen tay mãi rồi. Kết quả độ chụm đều vượt tất cả các tiêu chuẩn quy định. Chúng tôi thật hài lòng và cho rằng đây là một ưu điểm lớn của mẫu. Tôi báo cáo với đại diện của Tổng cục. Là những chuyên gia có trình độ, họ biết rằng để đạt được kết quả như vậy không phải dễ, nhưng kết quả đưa rất rất xác đáng. Chúng tôi tin vào kết quả đạt được nên rất vô tư để người xạ thủ ra về, trước khi đại diện Tổng cục đến kiểm tra. Thật nhầm to!

Đại diện Tổng cục vào kiểm tra. Và họ phát hiện ra, các chỉ tiêu về độ chụm của chúng tôi không được thừa nhận. Coi như chưa bao giờ có! Các bạn có hiểu tâm trạng của tôi lúc đó không? Không biết để đâu cho hết nỗi bức mình, xấu hổ, chán chường... Hóa ra các chỉ tiêu xuất sắc về độ chụm không phải là mẫu của chúng tôi mà là của xạ thủ đối thủ! Suốt đời tôi vẫn nhớ bài học này và không bao giờ vội tin vào kết quả đánh giá tốt sau khi thử.

Thế là chúng tôi cùng Xasa Zaisép và các công nhân hoàn thiện nhanh chóng khắc phục thiếu sót, đưa độ chụm của mẫu đạt mức quy định của cuộc thi.

Chúng tôi là đội đầu tiên đến trường bắn, nơi sinh ra bản thiết kế khẩu tiêu liên của tôi. Giờ đây bản thiết kế đó đã được thể hiện bằng sắt thép và trở lại dưới dạng mẫu thành phẩm.

Trở về những chôn quen thuộc của ngoại ô Mátxcova. Trở về với những người gần gũi, cùng công tác trong những năm chiến tranh và đặc biệt được gặp lại Cachia mong nhớ suốt gần một năm trời.

Nhưng trong lòng nặng trĩu lo âu, thấp thòm chờ đợi, sợ hãi cái kết cục buồn mà tôi linh cảm thấy. Tôi chỉ mong cho thời điểm kết thúc cuộc thử nhanh đến. nếu kết quả xấu, hãy đến nhanh lên! Không có cách gì để tránh những ý nghĩ lo lắng: Chúng tôi đã tính toán kỹ chưa, đã làm hết chưa, có bỏ sót cái gì nghiêm trọng không? Từ những suy ngẫm này bật ra các ý tưởng hoàn thiện mới. Tôi rất muốn thực hiện ngay ở đây cái ý tưởng đó, chứ không phải chịu khoanh tay, chờ đợi người khác làm cho thiết kế của mình. Số phận tôi long đong, cho nên ngày càng phải có thái độ phê phán khắt khe hơn đối với đứa con chưa phải

hoàn thiện của mình. Nhưng vào những thời điểm quan trọng như thế này, thì sự tự tin vào lẽ phải của mình rất cần thiết.

Dần dần các nhà thiết kế theo nhau đến trường bắn. V.A Điochiarép xuống xe đi thẳng không nhìn hai bên, đang suy nghĩ điều gì đó. Nhà thiết kế nổi tiếng G.X Spagin tôi nhận ra ngay khi vừa mới gặp ông trên con đường nhỏ qua khu phố nhỏ trường bắn. Tôi nhớ rõ mặt ông vì từng xem ảnh đăng trên báo. Còn khi gặp X.G Ximônốp, chúng tôi chào hỏi nhau như những người quen biết cũ từ lâu.

Trong tôi lại thoáng hiện một ý nghĩ cay độc: “Minh cạnh tranh với ai nhi? Thôi, liệu mà gói ghém đồ đạc, thế nào chả bị bật sới đầu tiên!” Thế nhưng cùng lúc đó, từ trong sâu thẳm ký ức tuổi thơ bỗng hiện lên một cảnh tượng đến cứu giúp tôi: “Chân trần, người bắn thử, chiếc áo đủ che ngực không hề xấu hổ, bởi công việc chẳng ra gì! Chính đó là con đường về vang của nhiều người”.

“Vâng, quả thật thế! – Tôi khẳng định lại cho chính mình – Không, trong thực tế chẳng có thần thánh nào xếp sẵn cỗ cho anh cả!”...

Vào những ngày chờ đợi thật nặng nề ấy, tôi thường nhớ lại thời gian thiết kế khẩu tiểu liên. Lúc ấy khẩu cácbin của tôi đang ở giai đoạn thử. Tôi cứ như cùng lúc ở hai nơi. Thành ra đôi khi xảy ra những chuyện tức cười. Có lúc đang ngồi vẽ, nghe thấy tiếng nổ tôi nhận ra tiếng khẩu súng cácbin của mình. Tôi biết phải có 10 phát đạn bắn liên tục. Tôi không đếm từng phát một. Nhưng bỗng nhiên tôi có cảm giác là bắn chưa đủ 10 viên. Nghĩa là khẩu cácbin có vấn đề. Tôi chạy lại điện thoại để hỏi. Chỗ bắn thử trả lời: “Có con nai chạy ra đường bắn, nên phải dừng lại. Chúng mình đang đứng chờ... và tranh luận với nhau. Lúc nào cậu sẽ gọi lại nữa?”.

Thường thì chúng tôi không có mặt khi thử, để không can dự vào quá trình bắn, hay như người ta thường nói, không được... nhúng tay vào... Đôi khi vì sốt ruột, không kiểm chế nổi, lén đến đứng ngoài xa, nhìn vào, mà xạ thủ đã khó chịu rồi.

Lúc ấy đành phải tìm một xô xỉnh nào đó, xa xa hướng bắn, nhưng dù ở đâu chẳng nữa thì anh vẫn cứ thấy thót tim mỗi lần khẩu súng của anh “nhả kim khâu chì”. Và cái mà anh sợ nhất là: Bỗng nhiên “giai điệu” của anh tắt lịm. Vì bắn ngắt quãng là chậm trễ mất rồi!

Thế là không chỉ thử súng mà thử cả người nữa. “Giai điệu” dừng lại nửa chừng thế là lại chạy đến điện thoại: “Có việc gì thế?” “Có gì đâu, chúng mình cãi nhau – Bên đầu dây trả lời – Thử xem cậu chạy hết bao nhiêu thời gian thì đến máy điện thoại!...”. Ôi mẹ ơi!

Tiếng súng lại dừng nổ. Tôi lại vò đầu bứt tay chạy đến hỏi: “Lại thế nào hả?” – “Chúng mình kiểm tra thính giác và nhân thể cả thần kinh cậu luôn mà... Khá đấy! Mẫu cậu tốt lắm!...”- “Thật không?!” – “Sao lại không thật, giờ thì không đùa!”

Thế là hết giận họ, và thần kinh cũng hết căng thẳng... có lẽ không thể khác được!

Tôi muốn nói thêm rằng, sau ngày bắn đầu tiên, thì những người tiến hành thử nghiệm trên trường bắn, đã có thể nói theo thứ tự những mẫu nào sẽ bị loại. Những dự đoán của họ thường là đúng. Và đối với tôi, thông tin từ họ thật là tuyệt vời: Mẫu của tôi không nằm trong số bị loại.

Trong thời gian tiến hành thử mẫu, mỗi nhà thiết kế xử sự mỗi người một kiểu khác nhau. Tôi rất thích thú quan sát Điochiarép. Mọi dáng vẻ của ông chứng minh cho điều ông không quan tâm đến bắn thử, vì ông hoàn toàn nắm vững những ý tưởng mới. Ông thường ngồi cách xa mọi người, tập trung tư tưởng vẽ cái gì đó trên cát bằng cái que hoặc cành cây. Tuy nhiên, tôi cho rằng sự bình tâm của nhà thiết kế đáng kính chỉ là giả tạo. Đơn giản là, ông muốn đối diện với chính mình.

G.X Spagin chăm chú phân tích những ghi chép về tốc độ chuyển động của bộ phận tự động nạp đạn ngay sau khi mẫu của ông bắn những viên đầu tiên, ông so sánh, đối chiếu và trầm ngâm suy nghĩ.

H.Bulkin thì ganh tị theo sát từng bước những người bắn thử, xét nét kiểm tra súng xem có được giữ sạch không, và nhất thiết phải tự mình xem xét kiểm tra kết quả bắn trên bia. Có lẽ ông nghĩ là những người cạnh tranh có thể ngấm hại ông.

Còn có một dạng nữa: Những người giấu sự hồi hộp lo lắng của mình trong các câu chuyện ồn ào với nhau. Xung quanh họ tập trung đông đúc những người ưa thích chuyện tiểu lâm, những tay kể chuyện có hạng, kể đủ các loại chuyện phiêu lưu mạo hiểm mới mẻ, chưa định hình, phần vì tôn trọng nội quy trường bắn và hơn nữa, vốn tôi có tính chịu đựng nên thường kiềm chế mọi sự lo lắng hồi hộp hướng chúng về phía khác, xa hơn. Thế là tôi trở thành mục tiêu cho những tay “thích đùa” trên. Họ cho rằng tôi là người thích nghe chuyện, chịu đựng giỏi và sẵn sàng hào hứng lôi kéo tôi vào nhóm “hay chuyện” này. Thật rõ khổ vì điều này! Thực ra thì, tôi chỉ thường xuyên tập trung chú ý vào bãi thử. Tôi nghe thấy hết, nhìn thấy hết, không có gì lọt khỏi mắt tôi... Còn khi nào cần thiết tôi mới gật đầu hoặc mỉm cười, thế đã là tra tấn

rồi, mà chỉ có thể thì mới quân tâm tới cái chính được. Có một điều thú vị là: Tôi vốn là người hài hước, rất ưa chuộng những câu nói sắc sảo và tôi vẫn thường dùng chúng, nhưng tôi luôn luôn cho rằng câu nói đùa phải có tác dụng nâng đỡ, sưởi ấm tâm hồn, hy vọng và tăng cường sức lực cho con người.

Ngay cả hiện nay tôi vẫn tâm niệm rằng hài hước là để nạp thêm năng lượng, chứ không phải như những người thích đùa chuyên nghiệp của chúng ta, họ đùa cợt khinh miệt, lăng mạ, đầu độc biết bao nhiêu người...

Khi đã trưởng thành tôi được đọc một câu của nhà bác học vĩ đại người Thụy Điển Ninx Bor: “Có những sự việc nghiêm túc thái quá thì ta lại có thể nói đùa về chúng”. Câu nói này là sự thừa nhận vai trò to lớn của nụ cười thường ngày của chúng ta, nếu không thế thì mắt ta lúc nào cũng bị chìm trong một màu âm ảm ả? Bây giờ đôi lúc tôi nghĩ, ranh giới thông minh nhất giữa cái thiện và cái ác nằm trong câu nói đùa. Câu nói đùa thông minh cần phải để phục vụ Chúa Trời, nhưng ta lại dành hẳn nó cho quỷ dữ.

Thực ra thì, tham gia vào nhóm những người thích đùa có có cái lợi lớn: Tạo cho ta thói quen nghe những kẻ ba hoa nói mà không để ý đến ý nghĩa của điều họ nói ra. Vì thế tôi chẳng nhớ những chuyện tiếu lâm và không thể tỏ ra xuất sắc trong nhóm được. Trong khi đó thường xuyên vẫn xuất hiện trong đầu tôi những câu đùa, những lời nói sắc sảo đúng lúc, và cần thiết nhất.

Có lẽ tôi phải xin lỗi bạn đọc vì lời bộc bạch lan man này. Lúc đó phải nghe những lời đùa cợt, hài hước thiếu xây dựng, tôi như bị tra tấn thử thách nặng nề, song song với cuộc thử chính...

Vâng, cuộc thử chính vẫn đang tiếp tục.

Người đầu hàng và rời trường bắn đầu tiên là Spagin. Sau khi giải mã những ghi chép đầu tiên về vận tốc chuyển động của hộp tự động nạp đạn, đối chiếu với số liệu tiêu chuẩn, ông buồn bã tuyên bố rằng, ông rời trường bắn. Sau này, ông từ chối hoàn toàn không tiếp tục tham gia vào cuộc thi nào nữa. Mẫu của Điochiarép khi bắn liên tục bị nóng quá không chịu nổi, thỉnh thoảng lại bị hóc. Thấy mẫu của mình đạt kết quả kém, ông chuẩn bị trở về Cavoróp.

Các kết quả thử cuối cùng được phân tích và xem xét ở một Hội đồng có uy tín, bao gồm đại diện của người đặt hàng là Bộ dân biểu quốc phòng, và các cộng tác viên chủ chốt của Bộ dân ủy vũ trang.

Ba mẫu được khắc phục nhược điểm để thử vòng sau, trong đó có mẫu của tôi.

Tôi chưa chan hạnh phúc, cho dù đến lúc chiến thắng hoàn toàn vẫn còn xa lắm. Bởi vì, chỉ có một trong ba mẫu giành được quyền sống. Và để đạt được kết quả tốt nhất trong cuộc thi đua này, thì không chỉ đơn giản là hoàn thiện tiếp mẫu, mà còn phải tạo ra bước nhảy vọt về chất lượng của mẫu. Cần tiếp tục đơn giản hóa các chi tiết, giảm trọng lượng mẫu, nhưng cái đó lại làm ảnh hưởng xấu đến độ chụm, đây chính là một thiếu sót lớn của mẫu. Rồi lại yêu cầu phải khắc phục khả năng bắn chậm. Tóm lại, điểm yếu của mẫu cũng khá khá. Trong số tay tôi lại xuất hiện những ghi chép, các bản tính toán, các bản vẽ phác thảo hoàn thiện mẫu.

Khi về đến nhà máy Cavoróp, thì đầu tiên tôi được chứng kiến không khí tung bừng đặc biệt, bao trùm khắp nơi trong nhà máy. Công nhân viên nhà máy vẫn còn đang sống trong tâm trạng phấn khởi, do nhà máy được trao tặng phần thưởng cao quý nhất của Tổ quốc – Huân chương Lênin. Tập thể nhà máy đã xứng đáng với phần thưởng đó vì đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cung cấp vũ khí cho không quân và bộ binh, mà ủy ban quốc phòng nhà máy đã giao. Trường phòng thiết kế V.A Điochiarép được thưởng Huân chương tướng lĩnh Xuvôrốp loại I. Tôi cho rằng phần thưởng này là hoàn toàn xứng đáng. Những gì mà ông đã làm trong những năm chiến tranh, với tư cách một nhà thiết kế, ông đã vạch ra được chiến lược về vũ khí trong thiết kế mẫu, đó thực sự là chiến công của một vị tướng. Ngoài nhiệm vụ thiết kế trong thời chiến gian khổ, sau chiến thắng vĩ đại ông lại hoàn thiện nhiều mẫu súng bộ binh trang bị cho Hồng quân.

Nhiều người đã có lý khi cho rằng, tên gọi “Tula” đã xác định cho số phận của thành phố vũ khí, bởi vì chính từ “tula” theo tiếng Tácta có nghĩa là “ống tên”. Cũng như Tula, Cavoróp trong những năm chiến tranh Vệ quốc vĩ đại đã trở thành “mũi tên thép” của nước Nga.

Huy hiệu của Thành phố anh hùng Tula

Để nói về ý nghĩa đóng góp vào việc chế tạo các hệ thống vũ khí bộ binh của các nhà thiết kế Cavoróp, ta chỉ cần nêu ra một sự kiện sau: Trong những năm chiến tranh họ đã chế tạo được chín mẫu vũ khí mới trang bị cho quân đội, không kể các công việc hiện đại hóa các hệ thống đã được sản xuất hàng loạt. Chỉ riêng từ năm 1944, nhà máy đã đưa vào sản xuất sáu mẫu vũ khí mới, trong đó có ba mẫu được sản xuất hàng loạt trên dây chuyền. Không một nhà máy cùng loại nào đạt được kết quả tương tự.

Tôi mong được gặp Xasa Zaisép nhất để chia sẻ ngay với anh về những dự định mới của tôi về cải tiến mẫu. Nhìn nét mặt tươi cười quen thuộc của Xasa tôi rất mừng. Vừa bước xuống sân ga, anh bạn đã ôm

châm lấy tôi. V.X Đêikin, cộng tác viên của tổng cục pháo binh lần này cũng đi cùng tôi từ trường bắn đến, võ vai Xasa nói:

- Xasa, cậu đừng ôm Mikhtim của chúng ta đến nghệt thở như thế. Cậu không thấy Mikhtim gầy đi bao nhiêu trong thời gian thử đấy à?

- Không sao, ở đây chúng tôi sẽ “tu chỉnh” lại anh ấy. – Xasa giang rộng tay, nhìn vào mắt tôi. – Và nếu anh ấy muốn, chúng tôi sẽ cưới vợ cho anh ấy. Con gái Cavoróp chúng tôi rất xinh, đặc biệt là ở xí nghiệp dệt-sợi.

- Ý định của cậu muộn rồi. Xasa. – Đêikin cười – Mikhtim không chỉ thắng trong cuộc thử mẫu, mà còn kịp chỉnh phục được một trái tim phụ nữ.

- Thế à? Cậu cưới vợ thật rồi à? – Zaisép reo lên ngỡ ngàng.

Tôi lặng lẽ gật đầu.

- Nếu biết sự thể như thế, chúng tôi sẽ không cho Mikhtim đi trường bắn, – Bạn tôi hướng về Đêikin thờ dài về rầu rĩ giả vờ. – Thế là chúng tôi mất một chú rể.

- Thôi, đủ rồi, – Tôi phát tay – Gờ ta nói về công việc.

Sáng hôm sau, trong cuộc họp với kỹ sư trường nhà máy, V.X Đêikin báo cáo chi tiết về chuyến đi và về nhiệm vụ phải giải quyết trong thời gian ngắn nhất “hoàn thiện khẩu tiêu liên của nhà thiết kế Kalasnhicóp”.

Tôi và Xasa Zaisép, giấu lãnh đạo, bàn nhau thực hiện một ý định táo bạo: Giả làm hoàn thiện, chúng tôi bố trí lại một cách căn bản toàn bộ khẩu tiêu liên. Sở dĩ chúng tôi dám mạo hiểm, vì điều kiện trong cuộc thi không đề cập tới việc bố trí lại mẫu. Việc đó chỉ giúp cho cấu tạo của vũ khí đơn giản hơn, độ tin cậy khi sử dụng trong điều kiện khó khăn được nâng cao hơn. Một việc đáng làm. Chúng tôi chỉ lo một điều: Liệu chúng tôi có thể thu xếp để kịp thời hạn quy định cho việc hoàn thiện mẫu hay không?

Dù sao thì chúng tôi cũng phải thông báo kế hoạch mật cho Đêikin biết. Xem xét kỹ các tính toán, các bản vẽ phác xong, không những anh ủng hộ ý tưởng của chúng tôi, mà còn cho những lời khuyên của một chuyên gia vũ khí bộ binh có kinh nghiệm. Anh là một người tuyệt vời, rất nhạy bén với những ý tưởng cải tiến, biết phát huy tính chủ động sáng tạo và nâng đỡ để phát triển nó lên. Anh đã đóng vai trò không nhỏ trong cuộc đời của nhà thiết kế và cuộc đời của chính khẩu AK-47...

Lịch đã chỉ sang năm 1947.

Phải mất hơn hai năm trời mới chế tạo được một loại vũ khí bộ binh tự động mới, sau đó nó sẽ được sử dụng hàng chục năm sau. Để so sánh tôi xin nêu một con số: Thông thường, để cho ra đời một mẫu vũ khí, kể từ khi bắt đầu đến lúc thử lần cuối, phải mất từ năm đến bảy năm. Thế nên, việc ra đời mẫu vũ khí bộ binh tự động này chỉ sau chiến tranh có hai năm, là một thành tựu có ý nghĩa lớn lao nhường nào! Để khẳng định thêm điều này, tôi xin trích dẫn ý kiến của một nhà nghiên cứu vũ khí Mỹ nổi tiếng Edward Clintôn Izel, cố vấn chính của phòng lịch sử lực lượng vũ trang, người phụ trách bộ sưu tập hòa khí của Viện bảo tàng quốc gia Mỹ. Trong một tác phẩm lớn về lịch sử phát triển vũ khí của nước ta, mà ông đã bỏ ra nhiều năm để viết, có những dòng sau: “Sự xuất hiện của khẩu tiêu liên Kalasnhicóp trên trường quốc tế là một trong những dấu hiệu chứng tỏ rằng, một kỹ nguyên kỹ thuật mới đã bắt đầu ở Liên Xô”.

Tôi phải nói thêm rằng, nhắc lại những dòng viết trên không phải là để kể công, mà tôi chỉ muốn nhấn mạnh một điều quan trọng là, năm 1947 là một năm có bước ngoặt lớn trong đời sống của đất nước, trong đó kể cả việc đảm bảo khả năng quốc phòng vững chắc trong điều kiện của “cuộc chiến tranh lạnh” đang leo thang.

... Thế là, mẫu thiết kế của tôi đã thắng trong cuộc thi đua, và được trang bị cho quân đội.

Hội đồng thi tuyển ra quyết định tạm chế tạo một đợt đầu, dùng cho các cuộc thử nghiệm mới ngoài đơn vị quan trọng hơn nhiều so với thử đối chiếu, so sánh ở trường bắn. Số phận tương lai của khẩu súng phụ thuộc nhiều vào kết quả các cuộc thử nghiệm này. Tôi được biết rằng, nhiều nhà thiết kế đã gặp rắc rối ở chính giai đoạn này. Vì kiểm tra trên thao trường quân đội, thực chất là kiểm tra trong chiến đấu và không phải mẫu nào cũng chịu đựng nổi, khi nó được các chiến sỹ, hạ sỹ quan sử dụng. Khi ấy có không được sản xuất tiếp, đợt đầu chỉ là sản xuất thử. Thậm chí, đôi khi, có những cải tiến sau khi thử, thay đổi cấu tạo mẫu cũng không giải quyết được vấn đề gì.

Lại còn một mối lo: Liệu khẩu tiêu liên có đáp ứng niềm hy vọng của chúng tôi?... Không, “óng tên” Cavoróp, một trong những “óng tên” vững bền nhất của Tổ quốc sẽ không phụ lòng tin.

## RA ĐÒI CỦA KHẨU AK-47

Khẩu tiêu liên mới dự định được sản xuất đợt đầu ở một trong những nhà máy vùng Uran, do là nhà máy động cơ của thành phố Igiepxk. Trong thời gian chiến tranh, nhà máy này đã sản xuất các sản phẩm quân sự. Nhà máy có công suất không lớn, nhưng có đội ngũ chuyên gia lành nghề. Lãnh đạo Tổng cục pháo binh nói với tôi như thế ở Mátxcova, khi dặn dò tôi trước khi lên đường đi Igiepxk. Thế là, một lần nữa tôi lại được cử đến một miền xa lạ. Cấp trên động viên ai nui tôi, hứa sẽ giúp đỡ mọi mặt cần thiết.

Lúc ấy, tôi không nghĩ rằng, tôi sẽ đến thành phố không quen thuộc, xa Mátxcova vĩnh viễn, rằng Igiepxk là trạm dừng cuối cùng trong cuộc đời sáng tạo của tôi.

Cùng đến Igiepxk có bốn người: Tôi, Đêikin, Zaisép và Xukhitxki. Trung tá – kỹ sư Đêikin là đại diện của Tổng cục pháo binh được cử đến nhà máy động cơ để hỗ trợ và giúp đỡ đề án. Zaisép được nhà máy Cavoróp cử đi. Đại úy Xukhitxki được cử đến Igiepxk làm trưởng đại diện, cũng như tôi, anh đã ở lại hẳn nơi này. Tất cả chúng tôi đều cùng một lứa, nên dễ chan hòa vui vẻ và sinh hoạt đơn giản hơn. Tất cả chúng tôi còn là “những kẻ cuồng tín vũ khí”. Vì vậy, đã quy định với nhau trước, từ khi còn ở Mátxcova rằng, trên đường đi không được “nói tất câu gì về công việc”. Nhưng, khi vừa vào cupê xong, là bắt đầu thảo luận sôi nổi ngay về công việc sắp tới. Chúng tôi lo lắng nhiều điều: mọi người ở nhà máy xa lạ sẽ đón tiếp chúng tôi thế nào? Liệu chúng tôi có thể sản xuất đợt đầu đảm bảo chất lượng hay không? Các chuyên gia Igiepxk có làm việc như các chuyên gia Cavoróp hay không?

Như mọi lần, Xasa Zaisép là người đầu tiên “bê ghi” hướng chúng tôi sang đường ray “làm việc”.

- Nếu họ cử cho mình một kỹ sư giỏi chịu trách nhiệm soạn thảo tài liệu và sản xuất thử thì tốt biết bao. Như ở Cavoróp, rất nhiều vấn đề phụ thuộc vào nhân vật này, – Zaisép không hướng vào ai cả, nói nhần nha trong tiếng bánh xe sắt đập liên tục.

- Cũng phải nói rằng, rất nhiều vấn đề còn phụ thuộc vào chính đại diện của chúng ta ở xí nghiệp – Đêikin quay lại phía đại úy Xukhitxki ngồi cạnh cửa sổ.

Cuộc nói chuyện của chúng tôi kéo dài mãi tới quá nửa đêm.

- Giờ chúng ta đến một nhà máy, nơi ta không phải tham gia vào công việc xây dựng. – Đối với chúng ta hiện nay, việc quan trọng là xây dựng quy trình công nghệ theo bước công việc, chuẩn bị trang, thiết bị để sản xuất loạt đầu tiên – Xukhitxki hướng mọi người trở về công việc sắp tới.

- Vâng, vâng, công việc sẽ đầy mình, tất nhiên là như thế. – Đêikin khẳng định lời Xukhitxki và một lần nữa lại chăm chú nhìn sang người đại diện quân sự của chúng tôi.

- Vậy thì có một đề nghị, cho anh em được tĩnh dưỡng. Đồng chí trung tá kỹ sư, cho phép tôi phát lệnh “giải tán” được chưa ạ? Xukhitxki nhồm dầy từ tầng trên.

Đêikin cười vang:

- Buổi sáng bao giờ cũng thông minh hơn buổi tối. Tất cả, đi ngủ!

Nhà máy đón tiếp chúng tôi rất chân tình. Điều phấn khởi nhất là, trước khi chúng tôi đến, lãnh đạo nhà máy đã chuẩn bị sẵn công việc cho chúng tôi, các đồng chí giới thiệu cho chúng tôi người chịu trách nhiệm về soạn thảo tài liệu kỹ thuật và sản xuất loạt thử.

- Vinôgôli Đavít Abramôvich, kỹ sư hết kế chính của nhà máy.

Cái bắt tay của ông rất chặt. Trong diện mạo ông toát ra một cái gì đó vững chãi. Ông nói không vội vàng, nhấn mạnh vào những điểm, theo lòng là quan trọng nhất.

- Chúng tôi đã thành lập một đội đặc biệt để sản xuất loạt súng thử. Tôi sẽ giới thiệu với các đồng chí những kỹ sư thiết kế công nghệ, phân tích, ngay tại chỗ làm việc. Tôi cho rằng, chúng tôi sẽ bắt đầu nghiên cứu chi tiết tài liệu kỹ thuật. Tốt nhất là phải đọc hết các bản vẽ một cách thật kỹ lưỡng, phân tích rõ ràng, chính xác. Chỉ có như thế công việc ở các phân xưởng mới nhẹ nhàng hơn.

Đavít Abramôvich cầm lấy một chiếc cặp tài liệu, nhìn vào một tờ giấy, rồi rút ra.

- Đây là bản tính toán các công việc chuẩn bị, tôi cho rằng giai đoạn này là phức tạp nhất. Trước mắt chúng ta phải tự chế tạo những gì? Dụng cụ gá lắp, khuôn dập, một phần dụng cụ cắt gọt, dưỡng. Làm gì? Ở xưởng nào? Ai làm? Các đồng chí hãy xem trong này. Năm vững toàn bộ các chi tiết càng nhanh thì công việc của chúng ta tiến triển càng nhịp nhàng hơn.

Chúng tôi thật may được làm việc với một kỹ sư thiết kế trưởng của nhà máy như thế. Ông là một nhà tổ chức xuất sắc, nắm vững quá trình sản xuất hàng loạt trang bị vũ khí cũng như quá trình sản xuất loạt thử. Ông đã thiết kế thành công toàn bộ quy trình công nghệ, bố trí trang thiết bị cho các phân xưởng, tìm máy



móc sản xuất chi tiết. Ông còn quan tâm đến vật liệu kim loại, các loại phi, khuôn. Rồi lựa chọn thợ nguội, thợ tiện, thợ phay lành nghề.

Ông còn có một đặc tính khác thường là... nói thế nào cho dễ hiểu nhỉ?... Chẳng hạn ông dẫn tôi đến gặp một kỹ sư có bàn tay vàng mà sau này là người giải quyết được nhiều việc, ông đứng giữa giới thiệu hai người với nhau, hai tay giữ lấy mỗi người một bên, rồi cứ như là muốn kéo xích họ lại gần nhau, gần lại với nhau. “Tôi đi được chưa?”- Ông cười hỏi?

Ông đi làm làm tiếp công việc của mình. Còn mối quan hệ gần bó thì ở lại... Cứ thế, dần dần ông đã gần bó tôi vĩnh viễn với mọi người, mọi nơi trong nhà máy.

Đối với tôi, một người thiết kế còn trẻ, tác giả của mẫu vũ khí đang được nhà máy chuẩn bị sản xuất là loạt thử, thì sự giúp đỡ của ông không chỉ là của người trên mà còn là của người cha ấy, thật quan trọng nhường nào.

Thấy công việc của chúng tôi tiến triển có kết quả và nhịp nhàng, tôi đánh bạo xin Đavit Abramovich cho làm một thí nghiệm nhỏ.

Trong điều kiện có thể của nhà máy, tôi rất muốn chế tạo một vài mẫu cácbin tự động theo thiết kế riêng, đã loại bỏ những “khuyết tật” mà mấy năm trước thiếu tướng công binh công trình kỹ thuật Đubovítski đã chỉ ra khi thử. Tôi còn có các bản vẽ của cả khẩu trung liên nhẹ đã cải tiến. Giờ tôi muốn hỏi Vinôkgôi xem có thể tạo được mẫu đó không?

Ông đáp ứng nhiệt tình ý tưởng này của tôi.

- Được, có thể thử làm. Chẳng cái gì lại có sẵn ngay cả. Vichiaxláp, – ông gọi một kỹ sư công nghệ lại. – Đồng chí này xem bản vẽ. Tôi thấy có nhiều điều thú vị. Ta hãy giúp đồng chí thiết kế trẻ.

Trong một thời gian rất ngắn, một số mẫu cácbin và súng máy nhẹ đã được sản xuất. Các mẫu này không được trang bị, nhưng nó cho phép chúng tôi tiếp cận với công việc sản xuất tiêu liên một cách nghiêm ngặt hơn và gợi ý một số giải pháp độc đáo để hoàn thiện quá trình sản xuất loạt thử.

Còn một điều khác, quan trọng hơn: Vinôkgôi dường như muốn cho tôi hiểu thế nào là tự do, sáng tạo.

Mặc dù công việc chế tạo loạt tiêu liên thử tiến triển tốt và không có điều gì phải phàn nàn về phía nhà máy, nhưng đôi khi tôi cảm thấy một số chi tiết, bộ phận làm chậm, tôi hỏi Vinôkgôi.

- Đavit Abramovich, chúng ta hãy tăng nhanh tốc độ chế tạo bộ phận cò súng lên.

- Không nên vội vàng, bạn trẻ ơi. Chậm tốt hơn nhanh, mà phạm sai sót sau lại phải sửa.

Nhưng chỉ được độ hai ngày sau tôi lại nài:

- Đavit Abramovich!... Thế nào, có nhanh hơn được không ạ?

Vinôkgôi ôm lấy vai tôi cười, nói: “Không vội, thì không sai!” Và ông đã đúng. Trước kia cũng thế, và nay cũng thế: Tôi coi ông như “người cha đỡ đầu” của tôi ở Igiepxk. Ông luôn sẵn sàng chia sẻ với tôi những kinh nghiệm và kiến thức của mình. Tình bạn của chúng tôi và ông chỉ đứt đoạn sau khi ông mất, sau gần ba mươi năm chúng tôi biết nhau.

Nhà thiết kế chính của nhà máy ưa sự chuẩn xác trong quyết định và hành động. Ông thuộc diện các kỹ sư – thiết kế lão thành đánh giá con người trước hết theo công việc. Biết làm việc một cách trung thực và có hiệu quả. Ông đòi hỏi rất nghiêm khắc đối với những người phạm sai lầm dù là rất nhỏ vì tác trách, câu thả. Được làm việc bên cạnh Vinôkgôi tôi được bồi bổ kinh nghiệm về cách giải quyết một cách lành nghề các nhiệm vụ của người kỹ sư – thiết kế trong điều kiện nhà máy.

Tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh về vai trò của kỹ sư thiết kế chính của nhà máy trong số phận của chúng tôi, những người thiết kế vũ khí. Chúng tôi làm việc riêng, từng người theo mẫu của mình. Cùng lúc nhà máy đều sản xuất hàng loạt mẫu của một số nhà thiết kế khác nhau. Rồi lại còn sản xuất các loạt mẫu thử nữa. Cho nên người kỹ sư thiết kế chính của nhà máy phải đi sâu vào mọi chi tiết.

Trong quá trình triển khai sản xuất và trực tiếp khi sản xuất ra sản phẩm, trong việc hoàn thiện kết cấu và trong quá trình hiệu chỉnh các bước công nghệ... Kết quả công việc phụ thuộc rất nhiều vào khả năng của người kỹ sư thiết kế chính nhà máy.

V.A. Điôchiarép luôn rất kính trọng khi nói về kỹ sư thiết kế chính của nhà máy Cavoróp. I.V. Đôngusép, một người có trình độ chuyên môn cao biết phát hiện nhanh chóng những điểm yếu trong các kết cấu. Điôchiarép nhớ lại trường hợp súng chống tăng ИТПД bị hóc vỏ đạn vào năm 1942. Một ủy ban đặc biệt đã được thành lập để phát hiện nguyên nhân hỏng hóc. I.V. Đôngusép làm việc trong thành phần ủy ban này. Ông phát hiện ra điểm yếu trong kết cấu. Và sau nhiều lần thử, ông đưa ra một số giải pháp thú

vị về kết cấu. Theo đó đã lắp găng một khớp trục bổ sung vào ổ khóa nòng, tăng độ bóng gia công chi tiết cụm khóa nòng. Hồng học được khắc phục và súng chống tăng đã làm việc tốt ngoài mặt trận trong mọi điều kiện.

Trong thời chiến chúng ta cũng được nghe nhiều lời tốt đẹp về kỹ sư thiết kế chính của nhà máy Igiepxk V.I Lavrenốp. Ông là người trung thành với sự nghiệp vũ khí, biết nhận ra một cách tinh tế mọi tình huống phức tạp khác nhau xảy ra trong mọi hoàn cảnh khi sản xuất vũ khí. Nói về ông, tốt nhất ta dẫn lời của thứ trưởng Bộ dân ủy quân trang V.N Nôvicốp trong những năm chiến tranh: “Bỗng nhiên kỹ sư thiết kế chính của nhà máy V.I Lavrenốp nhận xét không được chắc chắn lắm rằng, trong những năm trước chiến tranh đã có nhiều đề nghị cải tiến công nghệ sản xuất súng trường, đơn giản hóa các bộ phận, các chi tiết... và theo ý kiến của ông thì những đề nghị đó sẽ làm tăng tốc độ sản xuất vũ khí lên nhiều mà không ảnh hưởng đến chất lượng... Phải chăng đây chính là đầu sợi chỉ giúp ta lần gỡ ra được cả một cuộn chỉ?... Sau khi đánh giá xong toàn bộ các đề nghị cải tiến đã tích lại trong nhiều năm, chúng tôi hiểu chắc chắn rằng đây chính là lối thoát chính cho tình thế”.

Vậy là kỹ sư thiết kế chính nhà máy đã lần ra đầu mối để gỡ ra một loạt vấn đề liên quan tới việc tăng sản lượng vũ khí sản xuất ra, mà không làm giảm chất lượng sản phẩm. Đề nghị do V.I Lavrenốp đưa ra là một giải pháp của một chuyên gia lãnh nghề, hiểu biết công việc của mình đến độ nhuần nhuyễn.

Đ.A. Vinôgôli thuộc lớp kỹ sư thiết kế chính kiệt xuất của các nhà máy quốc phòng thời đó.

Phải khẳng định rằng, mọi mối quan hệ của chúng tôi đều rất tốt đẹp, nhưng loạt tiêu liên thử được sản xuất được dễ dàng thì cũng không nhưng chỉ có những khó khăn mới tỏ rõ tài năng của Abramovich. Trong những tình huống như thế, thì ông giải tỏa thần kinh căng thẳng bằng những câu nói đùa, khôn khéo dàn hòa các đám cãi nhau, tách mỗi người sang một bên, rồi bất ngờ dồn dập chất vấn từng người một là giải quyết xung đột rắc rối.

Loạt tiêu liên đã được sản xuất đúng thời gian, có chất lượng tốt. Đại diện bên quyết định, Xukhixki tiến hành nghiệm thu, kiểm tra kỹ từng cụm chi tiết và bộ phận một. Sau đó chúng tôi cùng đứng xem anh em công nhân chụm các đầu súng dựng đứng thành hình tháp để nhuộm sơn bóng đen cho các sản phẩm mới tinh này. Loạt tiêu liên đầu tiên sản xuất theo phương pháp công nghiệp, được gửi ra đơn vị quân đội để thử.

Khẩu tiêu liên được đặt tên chính thức là AK-47. Sau độ hai tháng tôi được lệnh gọi về Tổng cục pháo binh, về Mátxcova. Ở đây, tôi được biết rằng, chánh nguyên soái pháo binh N.N Vôrônốp chuẩn bị xuống đơn vị để trực tiếp xem xét sự làm việc của khẩu tiêu liên mới trong điều kiện quân đội. Tôi không nghĩ là mình lại có dịp đi cùng ông trong cùng một chuyến tàu.

Bước vào toa tàu, người đầu tiên tôi gặp là V.A Điochiarép. Hóa ra cả ông và C.G Ximônốp cũng được gọi về Mátxcova. Chúng tôi xuống đơn vị quân đội. Nguyên soái Vôrônốp ở toa công vụ bên cạnh.

- Chúng ta lại gặp nhau – Thấy tôi, Điochiarép cười hiền hậu. – Các cậu đuổi kịp cánh già chúng tôi rồi đấy! Cũng phải thôi, ngày nay mọi con đường đều rộng mở cho thanh niên, miễn là anh phải đưa ra được cái mới. Chúng mình không phật lòng đâu! Miễn là các cậu đem lại lợi ích cho Tổ quốc.

C.G Ximônốp từ toa bên cạnh bước ra. Ông đứng bên cạnh một vị tướng đáng chừng chạc, chính tề như mọi khi. Nhưng giọng nói thì đượm vẻ trầm ngâm:

- Để rồi xem “anh em chiến sĩ” sẽ nói gì với chúng ta... Phải không, Vaxiliep Alêchxiêvích? – Nói xong ông thờ dài.

Lần đi thử này, ngoài khẩu tiêu liên của tôi, còn thử cả khẩu trung liên xách tay ППД của Điochiarép và khẩu cácbin tự động của Ximônốp (CKC). Vì thế mà nguyên soái đã tập trung tất cả chúng tôi đi cùng để có thể trực tiếp nghe những đề nghị, yêu cầu của anh em chiến sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan và cũng đồng thời để ông có thể nói chuyện với chúng tôi trong những cuộc gặp đó.

Ba chúng tôi cùng đứng ngoài lối đi, chuyện trò chăng mạn mà, không rõ vì sao. Mỗi người, có lẽ, theo đôi ý nghĩ riêng về cuộc thử sắp tới, về sự đánh giá của những người lính trơn về sản phẩm của mình. Bên ngoài, những cánh rừng nhỏ và các làng mạc vun vút lao qua. Đùng một lát, chúng tôi trở về phòng.

Tôi đã chuẩn bị nằm, thì một nhân viên đường sắt không quen gõ cửa và bước vào phòng:

- Anh là thượng sĩ Kalasnhicốp? – anh ta hỏi tôi.

- Đúng thế.

- Nguyên soái cho gọi anh. Mời anh theo tôi sang phòng công vụ.

Thú thật, tôi không đoán được nguyên soái cần gì, đề tài cuộc nói chuyện về cái gì. Tôi hỏi người nhân

viên:

- Ông có gọi Điochiarép và Ximônốp không?

- Chỉ gọi mình anh.

Tôi kéo chặt chiếc xanhtuya và sửa các vết gấp trên chiếc áo varoi, lấy bàn chải đánh đôi ủng rồi bước sang toa cạnh.

- Anh vào phòng luôn đi. Ông đang đợi, – Giọng người nhân viên nói ở phía sau.

Tôi bước vào phòng, báo cáo có mặt theo đúng điều lệnh quân đội quy định cấp dưới khi đến gặp cấp trên. Nguyên soái từ sau chiếc bàn, đứng dậy chào. Dáng người ông cao lớn, tóc bạc trắng. Ông đặt bàn tay to nặng lên vai tôi:

- Đồng chí hãy ngồi xuống bàn. Hôm nay chúng ta sẽ cùng ăn trưa. Đồng chí đồng ý chứ?

Chắc hẳn ông thấy trong mắt tôi có vẻ ngỡ ngàng trước lời mời đột ngột ấy và có cử chỉ do dự, e dè nên ông khoát tay dứt khoát:- Không có gì phải ngại ngần. Chỉ đơn giản là tôi muốn nói chuyện với đồng chí về cuộc sống, về công việc làm khẩu tiêu liên, về dự định tương lai của đồng chí. Nhưng trước khi bắt đầu câu chuyện thì phải ăn đã. Chuyện trò gì nếu dạ dày trống rỗng. Phải không?... Thế nhé!

Nguyên soái trò chuyện với tôi như một người cùng cấp. Ông lắng nghe tất cả những gì tôi nói, thế là rất tự nhiên khoảng cách khi cấp dưới gặp cấp trên đã biến mất từ lúc nào không biết. Mà ở đây lại là một hạ sĩ quan được chánh nguyên soái gọi lên nói chuyện! Đức tính giản dị, và sức lôi cuốn của nguyên soái đã chiếm được cảm tình của mọi người.

Thì ra, nguyên soái đã theo dõi công việc của tôi từ cuối cuộc chiến tranh. Điều làm cho ông quan tâm, trước hết có lẽ vì sự xuất hiện đột ngột của tôi, một thượng sĩ xe tăng, trong hàng ngũ những người thiết kế – vũ khí nổi tiếng, hơn nữa lại là người có những giải pháp bất ngờ trong thiết kế vũ khí

Chánh Nguyên soái pháo binh Vôrônốp vẫn thường ký giấy công tác cử tôi đến phòng sáng chế của Bộ dân ủy quốc phòng, để đại tá trưởng phòng Glukhốp trực tiếp hướng dẫn, quản lý hoạt động của tôi và khi cần thiết thì giúp đỡ.

Chẳng hạn, năm 1944, khi tôi thiết kế, chế tạo khẩu trung liên xách tay, hoặc trong quá trình làm khẩu tiêu liên, khi phát hiện vật chế tạo không đủ, nguồn cung cấp đã hết, tôi đã lên gặp đại tá Glukhốp nhờ giúp đỡ. Đầu tiên đại tá dự định giải quyết, nhưng tài vụ đã không cấp kinh phí, đành chịu. Tôi còn nhớ, lúc trở về ban mặt ông tôi sầm lại:

- Có lẽ phải báo cáo lên chánh nguyên soái Vôrônốp. Cậu đừng ngạc nhiên, nếu ông cho lệnh gọi lên gặp.

Glukhốp gọi điện trước lên pòng tiếp, rồi đi ra khỏi phòng, làm việc một lúc lâu. Khi ông quay về trông nét mặt đã thấy vui lên nhiều.

- Chuẩn bị tư thế, chúng ta lên gặp nguyên soái. Tôi nghĩ rằng, việc cấp kinh phí tiếp cho công việc của cậu sẽ được giải quyết tích cực, tôi linh cảm thế. – Glukhốp xoa xoa lòng bàn tay, nói về hải lòng.

Cuộc gặp đầu tiên với nguyên soái tôi còn nhớ rõ. Buổi gặp bắt đầu không theo lệ thường. Ông bảo tôi đừng báo cáo áp úng về công việc làm tiêu liên của tôi lại, rồi mở cửa sách thông sang phòng bên, làm phòng nghỉ khi phải ở lại quá đêm. Phòng này bố trí đặc biệt.

Trên tường treo một số vũ khí trong và ngoài nước, rất nhiều loại dao có vỏ bao, và không vỏ, những con vật săn bắn được.

- Việc này chắc đồng chí quen thuộc nhỉ, đồng chí thượng sĩ?

- Dạ, đúng thế ạ!- Tôi rất thích thú vũ khí.

- Vậy thì hãy đánh giá bộ sưu tập của tôi. Giờ thì ngày càng hiếm có điều kiện để bút đi xa, nơi rừng rậm, được nghe tiếng gà rừng gọi mái, được đón ánh bình minh sắp lên, thật chả còn gì thú hơn!

Tôi lại đồng tình:

- Dạ, đúng thế ạ!

Nguyên soái lằm bằm thân thiết:

- Đúng thế, này... Đồng chí quê vùng nào?

- Altai ạ! Tôi ở vùng giáp ranh rừng Taiga và thảo nguyên.

- Vùng đó thật tuyệt vời!- Nguyên soái khăng đĩnh – Tuyệt vời!... Tôi đã ở cách đây không xa. – Ông

khóat rộng tay chỉ lên cặp sừng nai, chiếc đầu lợn lòi nhe nanh và những con thú nhồi treo trên tường và trên giá đỡ – Xem đây!... Mỗi vật này chứa đựng trong đó có một câu chuyện kỳ thú nhất. Đồng chí còn trẻ, chưa có bộ sưu tập của mình, nhưng những câu chuyện kể thì chắc phải có hàng đống.

Ông cứ nói với giọng tâm tình, thuận tiện ấy, nên từ lúc nào không rõ tôi không còn đáp theo điều lệnh “đúng như thế” nữa, mà chỉ gật đầu trả lời và thở dài lấy hơi như đứa trẻ.

- Thế đấy! – Ông nói – Giờ thì chúng ta phải ở đây để nói cho nhau nghe nhưng câu chuyện này. Mà, giá như đồng chí không phải là nhà sáng chế tiểu liên mà là súng săn nhỉ?... Nhưng bây giờ thì không phải lúc... vì hoàng hôn và bình minh giờ thì đều ở đây, trong phòng này. Và đồng chí thì... tiểu liên. Tôi có theo dõi công việc của đồng chí, kết quả tốt. Đồng chí Glukhốp có báo cáo về thành tích của đồng chí. Hãy cố gắng giữ vững. Còn bây giờ đồng chí hãy báo cáo, công việc thế nào, đã làm được những gì, kế hoạch tương lai ra sao.

Khi ấy tôi làm việc ở nhà máy Cavoróp. Mọi người đều có quan hệ thiện cảm với tôi, tập thể cán bộ nhân viên kỹ thuật – kỹ sư cũng rất quan tâm giúp đỡ tôi.

- Báo cáo đồng chí nguyên soái, thiếu nguyên vật liệu cần thiết để kết thúc việc chế tạo mẫu thử vì không còn kinh phí, chúng tôi hết tiền.

Lúc này chúng tôi đã quay lại phòng làm việc. Nguyên soái quay lại hỏi trưởng phòng sáng chế:

- Vương mắc ở đây, đồng chí đã làm rõ chưa?

- Báo cáo đồng chí nguyên soái, đã làm rõ rồi ạ. Bên tài vụ họ nói rằng phòng thiết kế không đứng ra nhận tiền chung nên họ không thể cấp lệ phân tán cho từng mẫu riêng một. Tiếc rằng tôi không thể thuyết phục được họ.

- Không thuyết phục được, thế là không được đồng chí đại tá ạ, – Nguyên soái lẩm bẩm – Phải ép các tướng tài vụ đầu óc thiên cận ấy mạnh vào chứ. – Ông bất ngờ mỉm cười và quay lại phía tôi: – Thế cần bao nhiêu, đồng chí thượng sĩ? Hãy nêu con số cụ thể đi.

Chúng tôi đã cùng với Glukhốp, Đêikin tính toán trước mọi chi phí sẵn nên tôi trả lời ngay.

- Thôi được, để tôi sẽ giúp. – Nguyên soái cầm ống điện thoại. Nghe thấy giọng trả lời, ông hỏi: – Thế nào đồng chí thiếu tướng, đừng làm phật lòng đồng chí thượng sĩ Kalashnicốp nhé, sao đồng chí không tạo điều kiện cung cấp vật tư để đồng chí ấy hoàn thành chế tạo mẫu thử?

Nghe xong đầu dây kia trả lời, nét mặt nguyên soái căng cứng. Ông nói, giọng cứng rắn:

- Thế này nhé, đồng chí thiếu tướng, lúc nào tôi cũng thấy đồng chí cứ một mực “Phát cho tập thể”, sao không nghĩ là mỗi một mẫu gắn liền vào một người thiết kế cụ thể nào đó à? Tôi cho rằng cần phải cấp riêng cho từng mẫu, vì có những trường hợp “tập thể” lĩnh tiền mà sản phẩm lại không có. Đồng chí hãy báo cáo khi nào cấp đủ số tiền cần thiết!

Có lẽ vì câu trả lời đạt yêu cầu, nguyên soái nói tiếp:

- Cứ thế nhé!

- Có vấn đề gì hỏi tôi nữa không? – Nguyên soái chờ tôi trả lời.

- Dạ hết ạ. Xin cảm ơn nguyên soái đã giúp đỡ.

- Tất nhiên tôi cũng muốn xem cậu sẵn bản thể nào. – Nguyên soái cười, khi chúng tôi chia tay. – Nhưng để khi khác. Còn giờ thì hãy làm tiếp công việc. Chúng ta đang cần loại vũ khí tốt. Vậy nên, xin chúc đồng chí thượng sĩ thành công, may mắn.

Và, bây giờ tôi lại được gặp chánh nguyên soái pháo binh N.N. Vônônốp. Tôi ngồi cạnh ông, bên bàn ăn, trong toa công vụ. Bát đĩa đã được dọn. Chúng tôi nói chuyện nhàn nhai trong tiếng va đập của bánh xe hỏa.

Tôi không giấu nguyên soái chuyện chúng tôi đã cải tiến khẩu tiểu liên sau lần bắn thử so sánh lần thứ nhất như thế nào, đã thay thế hẳn nhiều chi tiết và cụm chi tiết, bố trí lại mẫu... Chính nhờ có nguồn vật tư được cung cấp kịp thời, do có sự can thiệp của nguyên soái mà chúng tôi mới hoàn thành được các công việc bổ sung ấy.

- À, các cậu khôn khéo nhỉ, – Nguyên soái đồng tình với tôi – Giờ đồng chí hãy phân tích kỹ mọi nhận xét, yêu cầu của anh em dưới đơn vị. Họ sẽ giúp đồng chí hoàn thiện một cách cơ bản cấu tạo của khẩu súng. Cần cố gắng có mặt thường xuyên hơn trong các lần bắn chiến đấu, cũng như trong diễn tập, huấn luyện, gắn bó với chiến sĩ thành một khối. Đồng chí Đêôchiarép và Ximônốp làm việc này khó hơn đồng chí. – Nguyên soái bỗng nhiên lấy lòng bay tay xoa đi xoa lại mặt bàn như là phẳng các nếp gấp của chiếc

khăn trải rồi tiếp tục. – Với một thượng sĩ anh em sẽ dễ góp ý thẳng thắn và chân thành hơn, nên chớ có phật lòng, nếu có những nhận xét chạm lòng tự ái và cũng không được vênh mặt tự cao.

Cần nói rằng đây là một cuộc nói chuyện đầy tin cậy của cấp trên với cấp dưới. Sau đây cuộc đời còn run rủi cho tôi được gặp nguyên soái nhiều lần nữa. Mà lần cuối là ở nhà ông, tại Mátxcova, trước khi ông mất không lâu.

Lần ấy, ông tặng tôi cuốn hồi ký chiến tranh, trao đổi với tôi về các dự định sáng tác mới của ông. Ông nhắc lại dự định đi săn cùng với tôi, nhưng rồi chẳng sắp xếp được thời gian để ông xem tôi sử dụng khẩu súng săn trong tay như thế nào.

Tôi rất muốn viết về cuộc gặp gỡ cuối cùng này vì cảm thấy đó là nghĩa vụ.

Còn bây giờ thì chúng tôi cùng ông xuống đơn vị. Chính vì có sự tin cậy, nên nguyên soái đã chuyển hướng câu chuyện từ vũ khí sang những sự kiện mà ông đã trực tiếp tham gia trước đó không lâu, trong cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha và trong cuộc chiến tranh Ái quốc vĩ đại.

Đến bây giờ tôi mới hiểu, trong những lời nói của ông ẩn chứa bao điều chưa nói hết bao suy tư sâu nặng không thể chia sẻ với bất cứ ai... Trong khi ngồi đối diện với ông là một thượng sĩ, tóc còn xanh, tuổi còn trẻ. Giá như bây giờ mà được nói chuyện với ông thì tôi cũng sẽ được mở mang ra nhiều điều.

Chính cuộc nói chuyện với nguyên soái trong toa xe đã để lại trong tôi ấn tượng không thể xóa nhòa... Tôi có thể khẳng định rằng trong vị nguyên soái, người có quyền định đoạt số phận nhiều người khác, là một trái tim mẫn cảm, biết yêu thương, sẽ chia đau đớn, biết khoan dung, đôn hậu với mọi người, nhưng lại biết nghiêm khắc, hồ thẹn với chính bản thân.

Ngày hôm sau chúng tôi đã xuống tới đơn vị. Mỗi nhà thiết kế được dành riêng một phòng vừa có thể làm việc, vừa có thể nghỉ ngơi được. Nguyên soái Vôrônốp tự mình giới thiệu các nhà thiết kế với cán bộ, chiến sĩ tham gia vào chương trình thử mẫu vũ khí mới.

Chúng tôi đi ra bãi tập. Đi đầu là nguyên soái, theo sau là Điochiarép, Xiimônốp, cuối cùng là tôi.

Lần đầu tiên trong đời, tôi được đi trong một đội ngũ nổi tiếng đến thế. Không thể nói hết được tâm trạng tôi lúc đó... Đây có phải là sự thật hay là trong mơ.

Chúng tôi dừng lại, nguyên soái bắt đầu nói: - Trước mặt các đồng chí là những nhà thiết kế vũ khí mới. Thiếu tướng Điochiarép, người mà các đồng chí đã quen biết qua nhiều loại vũ khí đã được thử thách trong chiến đấu và đã được yêu mến như những người bạn trung thành. Bây giờ đây các đồng chí sẽ thử nghiệm mẫu trung liên mới của ông.

Nguyên soái cầm tay Xiimônốp giới thiệu với mọi người:

- Đây là nhà thiết kế Xiimônốp mà các đồng chí đã biết là nhà sáng chế ra khẩu súng trường tự động, súng chống tăng và nhiều mẫu vũ khí tuyệt vời khác. Hôm nay, ông mang đến thử loạt súng cácbin tự động đã được hoàn thiện về thiết kế.

Rồi, nguyên soái dùng lời một lúc, tiến đến phía tôi. Động tác tiếp theo của ông thật bất ngờ, không chỉ đối với toàn thể đơn vị, mà đặc biệt còn với cả tôi. Nguyên soái lấy hai tay nâng tôi, rồi bất thành linh nhắc bổng hẳn lên:

- Còn đây là thượng sĩ Kalasnhicốp, một nhà sáng chế với đầy đủ ý nghĩa của từ này, đến đây lắng nghe ý kiến nguyện vọng của các đồng chí để tiếp tục hoàn thiện khẩu tiểu liên của mình!

Sự khác nhau về chiều cao và trọng lượng, nguyên soái không khó khăn gì “nhấc bổng tôi lên”.

Thú thật là tôi bị sững sốt và ngượng đến chín cả người. Dưới hàng quân vang dội tràng vỗ tay làm không khí lắng dịu hẳn đi. Các chiến sĩ và hạ sĩ quan vỗ tay hoan hô mạnh nhất, theo tôi hiểu, để tỏ rõ sự đồng tình, tán thưởng: Hóa ra trong số những nhà thiết kế, cũng có người cùng cấp với họ. Có thể do chính sự kiện này sau đó đã giúp tôi nhanh chóng tìm được tiếng nói chung với những người thử súng.

Ngay từ ngày làm việc đầu tiên ở đơn vị, suốt ngày tôi không rời cây bút chì và quyển sổ. Nhìn thấy tôi ngoài trường bắn, nguyên soái nhắc nhở tôi:

- Hãy ghi chép thật chi tiết vào nhé, đừng y vào trí nhớ của tuổi trẻ nhé, có thể nhầm lẫn đấy!

Việc bắn thử được tiến hành ở các cự ly khác nhau. Đâu đó thì thoảng lại có một viên đạn lửa vạch đường quy đạo trên trời, cảnh tượng trông thật đẹp mắt! Như là ngày hội... Nếu như chỉ dùng đạn lửa không, cho các khẩu tiểu liên tự động này thì chà... phải biết

Nguyên soái đi từ cự ly bắn này sang cự ly bắn khác. Ông quan tâm đến từng chi tiết nhỏ liên quan đến đặc tính của vũ khí mới. Mọi việc diễn ra tốt đẹp. Nhưng, bỗng nhiên ở một cự ly có một chiến sĩ chạy về

phía tôi. Thấy thế, nguyên soái gọi cả hai đến gặp ông:

- Thế nào, con trai, hãy nói rõ xem, khẩu tiểu liên mới có gì không hài lòng.

Người chiến sĩ quay về phía nguyên soái định nói.

- Không, không nói với tôi mà nói với người thiết kế. Anh ta cần phải biết việc này. – Nguyên soái giải thích.

- Vâng, có thể điều tôi nói, – Người chiến sĩ không được tự tin – Chẳng quan trọng gì. Tôi không thích khẩu tiểu liên này. Khi bắn liên thanh tiếng của nó đập vào tai quá mạnh. Sau lần bắn như thế này, phải ù tai mất ba ngày. Nên tôi đề nghị, nếu có thể giảm bớt âm thanh được không ạ?

- Ý kiến đồng chí thiết kế thế nào? Tôi cho rằng nhận xét này rất quan trọng đấy. Người lính chỉ có một đôi tai, cần phải bảo vệ chúng, – Nguyên soái nhìn tôi thăm dò, đợi câu trả lời.

Về phía mình, tôi cũng biết nhược điểm này và cũng biết phải giảm âm thanh tới mức nhỏ nhất có thể. Thế nhưng, có vô vàn những điểm hạn chế về cấu tạo, nên tôi không thể đưa những thay đổi cần thiết, theo quan điểm của tôi, vào thiết kế. Và, bỗng nhiên xuất hiện tình huống này.

- Đề nghị đồng chí ra lệnh mang lại cho tôi ba khẩu tiểu liên, – Tôi quay sang đồng chí chỉ huy đơn vị.

- Quyết định của tôi, là cắt bỏ bộ phận giảm chấn ở nòng súng, – Tôi báo cáo nguyên soái.

- H-a-y đ-á-y, – Nguyên soái kéo dài giọng – Cậu là nhà người thiết kế, quyền hạn trong tay cậu, hãy thí nghiệm thử đi. Phương pháp giải quyết tốt nhất, là nếu có thể thì xử lý khắc phục thiếu sót tại chỗ.

Chúng tôi mang ba khẩu tiểu liên xuống xưởng trung đoàn. Thợ cả quân khí cho rằng bỏ giảm chấn nòng sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng vũ khí. Có lẽ nguyên soái cũng nghĩ như vậy. Nhưng chúng tôi vẫn cắt bỏ giảm chấn nòng. Ngoài bãi bắn, một trong ba khẩu tiểu liên được giao cho người chiến sĩ có ý kiến nhân xét. Anh ta lập tức bắn thử ngay. Đứng dậy, anh ta nhận xét về thỏa mãn:

- Đấy, giờ thì khác hẳn.

Hai người khác cũng cho cùng một kết luận như vậy. Âm thanh đã giảm đi nhiều, bắn dễ dàng hơn. Sau lần thử này, những khẩu súng tiểu liên được sản xuất hàng loạt không có bộ giảm chấn nòng. Chỉ khi hiện đại hóa lắp thêm vào một bộ bù đặc biệt cơ nhỏ.

Còn một số bổ sung nữa vào cấu tạo của khẩu tiểu liên, dựa trên cơ sở nhận xét của một trung sĩ. Tiểu đội trưởng một tiểu đội đang hướng dẫn anh em lau chùi vũ khí sau khi bắn. Đúng lúc chúng tôi đi qua thì nghe thấy tiếng anh ta nói giọng không hài lòng:

- Lách thế nào đến được cái cục sắt chết tiệt này...

- Sao thế? – Tôi dừng lại hỏi người trung sĩ. Anh ta không hề lúng túng:

- Vâng, báo cáo các đồng chí, trong khẩu tiểu liên có chỗ rất khó lau chùi và bôi dầu mỡ. Chẳng hạn cơ cấu cò là bộ phận không tháo ra được, có những chi tiết rất khó tiếp xúc.

Người tiểu đội trưởng chứng minh bằng hành động thực tế, để giải thích việc lau chùi các chi tiết này phức tạp thế nào.

- Và tôi cũng hoàn toàn không hiểu cái lỗ khoan ở tay gạt khung khóa nòng súng dùng để làm làm gì. – Người trung sĩ vung tay về phân vân – Và lau nó bằng cái gì. Chịu không thể hiểu nổi. Muốn lau chùi thì phải có dụng cụ riêng.

Tôi định tìm cách bào chữa, nhưng lại tự kiểm chế, dừng lại. Trong lời nói của người tiểu đội trưởng, tôi nhận ra một cái nhân hợp lý. Lúc này một chiến sĩ trong nhóm đã lau xong vũ khí, đến chỗ chúng tôi nghe chuyện.

- Đồng chí thiết kế hãy chú ý đến tay gạt. Khi ta vừa mới bắt đầu tháo nó, thì cái lò xo lập tức văng ra ngoài. Đây, cái chi tiết nhỏ này, sau đó tìm rất khó. Thế là khi tháo phải nhờ người thứ hai, lấy mũ chắn, sẵn sàng tóm lấy chi tiết văng ra.

Lại có đề nghị nữa, lại phát hiện ra thiếu sót nữa...

Buổi tối chúng tôi tập trung tại phòng V.A Điochiarép bắt đầu phân tích những đề nghị mọi người nêu ra. C.G Ximônốp nhìn thấy tôi lật các trang ghi chép viết kín, nhận xét:

- Minh thấy cậu làm việc khá đấy, viết kín đến một quyển sổ rồi còn gì. Chắc anh em nêu ra nhiều vấn đề thú vị lắm.

- Vâng, có nhiều nhận xét tôi không hề nghĩ tới. Đôi khi thật đáng ngạc nhiên sao mình lại bỏ qua những khiếm khuyết mà anh em chiến sĩ phát hiện ra ngay. Thí dụ như cái lỗ trong tay gạt khung khóa nòng. Lỗ

này sinh ra thuần túy từ ý tưởng công nghệ chứ nó không hề chịu một tải trọng chức năng nào. Do vậy tôi sẽ giải quyết bằng cách khác.

- Đối với những nhà thiết kế chúng ta, không có việc gì đem lại nhiều lợi ích hơn việc giao tiếp với người lính – V.A Đitôchiarép tham gia vào câu chuyện.

Tôi xúc động đến nghẹt thở bởi những từ ngạc nhiên đến thế đối với tôi. Những nhà thiết kế chúng ta. Mà người nói là ai kia chứ!

Ông vẫn tiếp tục:

- Không ai đánh giá ưu khuyết điểm vũ khí của chúng ta tốt hơn người lính. Vì vậy, tôi đã và đang quan tâm tới mọi ý kiến nhận xét từ đơn vị. Tôi vẫn thường xuyên có mặt trực tiếp ở các đại đội. Nhân đây, tôi muốn khuyên Mikhail Timôphêvich, đồng chí hãy liên lạc thư từ thường xuyên với những nhà sáng kiến, cải tiến, hợp lý hóa trong quân đội. Họ có thể gợi ý cho ta nhiều điều trong việc hoàn thiện cấu tạo vũ khí. Điều đó được khẳng định bằng kinh nghiệm riêng của bản thân tôi.

- Thế khẩu trung liên của đồng chí được đánh giá thế nào ạ? – tôi hỏi V.A Đitôchiarép.

- Có không ít những yêu cầu đã được đề đạt. Đa số đó là những đề nghị thú vị. Vì thế khi về đến Cavorôp sẽ có nhiều điều phải suy nghĩ, phải làm việc.

Thế là câu chuyện đã gắn bó chúng tôi lại với nhau. Được nghe những chuyên gia vũ khí tài năng như V.A Điochiarép và C.G Ximônốp nói chuyện thật chẳng dễ dàng gì. Mà ở đây lại ở trong cùng một phòng, chuyện dài dài không có điểm kết thúc.

- Nhất định tôi sẽ làm cơ cấu tháo rời được, và thay đổi cấu tạo tay gạt – tôi chia sẻ những dự định của mình với các nhà thiết kế tên tuổi. Tôi đã cải tiến tay gạt khung khóa nòng, có lẽ phải làm mẫu mới...

- Hãy tư duy, và tư duy một cách kỹ lưỡng đi, đồng chí Mikhain. Sau chuyến đi xuống đơn vị, đồng chí hãy tháo hàng chục lần nữa khẩu súng của mình, xem xét tỉ mỉ từng cái đinh vít một, tìm mọi cách để đơn giản hóa từng chi tiết, làm sao chúng bền chắc hơn và thuận tiện hơn khi sử dụng. Và cũng chính là để giảm nhẹ công việc trong sản xuất hàng loạt và hạ giá thành – Ximônốp ủng hộ ý kiến của tôi – Cả khẩu cácbin của tôi cũng thế, còn phải làm việc với nó. Cứ tưởng đã cải tiến, đã hoàn thiện mà xong được đâu...

Thế mà cả hai ông đều đã ở đỉnh cao vinh quang của nghề thiết kế? Các ông không bao giờ thiếu cẩn trọng trong công việc, luôn cân nhắc kỹ lưỡng mọi nhận xét cho các mẫu đã hoàn thiện bất kỳ của ai, từ người lính cho đến người thử súng, từ vị tướng cho đến chuyên gia đầu ngành. Cách làm việc như thế đã thành luật lệ trong hoạt động sáng tạo kỹ thuật của các ông. Tôi học hỏi được nhiều điều ở họ.

Buổi tối hôm ấy, chúng tôi nói chuyện về nhiều đề tài. Tôi đặc biệt chú ý nghe Điochiarép, trước đây tôi chưa từng được nghe ông nói chuyện tâm tình và cởi mở đến thế bao giờ.

- Công tác thiết kế của chúng ta là một loại hình công việc, thực tế không khi nào biết nghỉ ngơi, – V.A Điochiarép đứng dậy. Đầu ông bạc trắng, gọn gàng trong bộ quân phục cấp tướng ôm chặt lấy người, trông ông giống một nhà giáo từng rai, thấy nhiều trong đời hơn là một quân nhân. – Này nhé, – Điochiarép tiếp tục – Đôi khi cậu đi dạo trong thành phố cũng có ghé vào chỗ nào đó, cũng gặp gỡ nói chuyện với ai đó, thế nhưng khi về đến nhà vợ hỏi có thấy gì hay không khi đi dạo, có nói chuyện với ai không thì đành chịu không nhớ lại nổi. Bởi ý nghĩ ta nằm ở hướng khác: Chẳng hạn, làm thế nào để chiếc lò xo kim hỏa bật về không bị nóng khi bắn?

- Chắc mọi người còn nhớ thời gian hoàn thiện súng máy ДП – Ximônốp tham gia vào câu chuyện.

- Đúng, kinh nghiệm sử dụng ДП ngoài mặt trận phát hiện ra nhiều điều lắm. Cần nâng cao độ bền cho cơ cấu tự động... thế là đành phải suy nghĩ liên tục. Rồi, chính anh em sử dụng ngoài đơn vị đã gợi ý để tìm ra cách giải quyết, – V.A Điochiarép đến cạnh tôi – Vì thế, nếu ta nắm được, các chiến sĩ ngoài đơn vị nghĩ gì về vũ khí của ta là một việc rất quan trọng.

- Ông đã áp dụng những biện pháp gì sau khi có những nhận xét của các chiến sĩ ngoài mặt trận? – Tôi quan tâm hỏi Điochiarép.

- Thật không vô ích chút nào. Trong cuộc dạo chơi đó tôi đã chẳng thấy gì, và không nhớ gặp ai, – ông cười, nói – Tôi đã tìm ra được giải pháp rất đơn giản. Chuyển lò xo kim hỏa từ dưới nòng sang hộp nòng. Đây là giải pháp “một công đôi việc”: Lò xo không những không bị nóng mà còn khỏi bị lún trong quá trình bắn. Súng bắn không bị trễ nữa.

- Thì bây giờ, ngay đây, chúng ta cũng đang thực hiện “một công đôi việc” rồi còn gì! – Ximônốp cười vang. – Có khác gì chúng ta đang ngồi sau bàn làm việc.

Điochiarép cũng cười theo.

- Nhưng tôi biết sau đó anh vẫn tiếp tục cải tiến? – Ximônốp lại hỏi.

- Đúng thế. Nhân thể chúng tôi cải tiến cơ cấu có bền hơn, tránh bị cướp cò. Áp dụng tay gạt kiểu súng lục và thay đổi hình dáng báng súng, cải thiện điều kiện ngắm bắn. Làm càng súng liền, cấu tạo mới. Tóm lại là, thay đổi nhiều.

- Và trong một thời gian ngắn...

- Nhưng, sao ta cứ nói mãi về mẫu của mình thế? Điochiarép quay về phía tôi – Anh bạn trẻ, đã chán ngấy chuyện của chúng tôi chưa?

- Dạ, bác nói gì thế ạ, – Tôi đứng dậy khỏi ghế, - Nghe mọi chuyện này thú vị lắm chứ ạ!

Đó là sự thật. Và Điochiarép cũng tin như vậy.

- Thế thì tôi sẽ kể tiếp để anh nghe, chúng tôi đã tổ chức trưng bày vũ khí chiến lợi phẩm ở nhà máy chúng tôi như thế nào. Chắc ông có lẽ đã nghe nói về cuộc trưng bày này? – Điochiarép hỏi Ximônốp, – Chúng tôi mở cửa trưng bày vào tháng 10 năm 1943 và kéo dài khá lâu.

- Có, tất nhiên tôi có biết. Cuộc trưng bày không chỉ thu hút sự chú ý của mọi người trong nhà máy, – Ximônốp hưởng ứng câu chuyện. – Tôi nhớ, một kỹ sư thiết kế đi cô tác Cavoróp về đã kể cho nghe những



ấn tượng của cuộc trưng bày để lại. Anh đã đặc biệt ngạc nhiên khi biết ở nhà máy đã tổ chức các buổi lên lớp lý thuyết rất hấp dẫn do các kỹ sư thiết kế chủ chốt phòng thiết kế nhà máy Cavorôp chủ trì. Anh đã dự mấy buổi lên lớp đó.

- Vâng, vâng đã có những buổi lên lớp, nói chuyện, tọa đàm. – Điôchiarép tiếp tục sôi nổi – Đã tổ chức các buổi nói chuyện về tính năng kỹ chiến thuật đối chiếu giữa vũ khí của ta và vũ khí của địch thu được một cách sinh động, trực quan. Chúng tôi muốn không chỉ so sánh quân Đức có những vũ khí gì, chúng ta có những mẫu nào, mà còn muốn hiểu rõ, chúng ta có thể bổ sung thêm những gì, cần tìm ra những giải pháp thiết kế tốt nhất nào.

Điôchiarép sửa lại chiếc áo, như muốn làm phẳng hai bên vai đã gù xuống rõ rệt, dịch chiếc ghế gần bàn, rồi ngồi xuống.

- Cuộc trưng bày, có thể nói, đã trở thành một địa điểm học tập và là một hình thức học tập mới. Số người đến tham quan đã lên đến vài ba ngàn người. Mà lại tổ chức trong thời chiến, nên người ta quý thời gian rồi đến từng phút một.

Nên chăng, vào thời điểm đó, Điôchiarép có thể tự hào nói rằng cuộc trưng bày đã chứng minh ưu thế tuyệt đối về vũ khí bộ binh của Liên Xô so với vũ khí tương tự của phát xít Đức và chư hầu. Sau này, theo tôi biết, thì cuộc trưng bày cũng có cả ý đồ đó. Nhưng Điôchiarép lại chú tâm đến khía cạnh khác. Học cả ở kẻ thù, là điều không có gì xấu hổ. Mặc dù ông biết rất rõ: Về tính năng chiến đấu, vũ khí của ông trong thực tế hơn hẳn vũ khí tương tự của kẻ thù. Điều này ngay cả phía địch cũng đã nhiều lần thừa nhận. Về phía ta thì nhiều chiến sĩ ngoài mặt trận đã viết thư cảm ơn tới nhà thiết kế lừng danh của chúng ta.

Ở đây, cụ thể tôi muốn nói về khẩu trung liên xách tay ДП – “Điôchiarép – Bộ binh”, – được trang bị năm 1927 và trong gần hai chục năm đã trở thành loại vũ khí bộ binh tự động chủ chốt của chúng ta. Câu chuyện về sự hoàn thiện mẫu trung liên trong thời chiến mà ông đã kể lại cho ta nghe chính là về khẩu ДП này.

... Chuyến công tác của chúng tôi ở đơn vị đã kết thúc. Đêm ấy, khi về khuya rồi, người sĩ quan liên lạc gõ cửa phòng tôi, truyền mệnh lệnh gọi tôi gặp chánh nguyên soái pháo binh Vôrônốp. Toa công vụ của ông đứng ở đường phụ. Tôi phải chạy về phía ga.

Lệnh gọi thật bất ngờ. Nguyên soái tập trung chúng tôi lại để tổng kết lần cuối kết quả của chương trình thử ở đơn vị; sau đó chúng tôi sẽ giải tán để tiếp tục hoàn thiện mẫu, trước khi đưa đi sản xuất hàng loạt.

Tôi bước vào toa. Trong toa ngoài nguyên soái, còn có hơn chục sĩ quan chỉ huy đại diện cho binh đoàn nơi tiến hành thử. Theo tôi hiểu, nguyên soái đã ra những chỉ thị cuối cùng liên quan tới việc sử dụng tiếp khí tài mới.

- Vào đi, nhà thiết kế, mạnh dạn ngồi vào bàn đi, – Thấy tôi nguyên soái nói. – Các đồng chí sĩ quan muốn quen biết gần gũi với đồng chí. Còn đối với Điôchiarép và Ximônốp thì họ đã gặp nhiều, riêng đồng chí là nhân vật mới. – Nguyên soái mỉm cười. – Đồng chí hãy kể về bản thân, quê quán, quân đội, kê thoai mái lần lượt như kể chuyện thân tình.

Thế là tôi buộc “phải báo cáo” tiểu sử của mình. Sau đó là hàng loạt những câu hỏi. Cuộc gặp gỡ chính thức đầu tiên trong đời tôi với mọi người, kiểu như họp báo này, là do sáng kiến của nguyên soái Vôrônốp. Hóa ra, các đồng chí sĩ quan muốn biết về quá trình chế tạo vũ khí và về người sáng chế ra nó.

Tôi đã cố gắng hết sức làm thỏa mãn tính hiếu kỳ vừa có tính chất nghề nghiệp vừa có tính đời thường của họ. Rồi tôi bỗng chợt hiểu rằng, nếu mình không nói gì về sự quan tâm giúp đỡ của nguyên soái thì thật là vô ơn. Đây là một sự thật thiêng liêng, và cũng chính là “câu chuyện tâm tình” mà biết nó thế nào cho xứng đáng đầy đủ, trước cả một tập thể sĩ quan?

- Xin các đồng chí hãy tha thứ cho tôi, nếu như có gì thái quá khi tôi nói về sự giúp đỡ như tình cha con của nguyên soái...

Chưa nghe hết câu, nguyên soái lấy ngón tay dứ dứ dọa tôi, nói, cố lấy giọng nghiêm khắc:

- Ủ, thế thì hãy cùng với bố đi về Mátxcova. Đồ đạc sẵn sàng đây rồi.

Tôi cứ đoán già đoán non mãi, tại sao nguyên soái bảo tôi ở lại toa công vụ. Cùng với ý nghĩ này tôi thiếp đi trong tiếng đập đều đều của bánh xe.

Sáng sớm khi gặp nguyên soái, câu đầu tiên ông hỏi tôi là:

- Đồng chí định sắp xếp cuộc sống sắp tới như thế nào?

Tôi biết trả lời ông thế nào? Mà, nói chung tôi cũng hoàn toàn chưa nghĩ tới điều này.

- Báo cáo nguyên soái, tôi là một quân nhân có hơn mười năm phục vụ ngoài niên hạn, mọi quyết định tùy thuộc vào nguyên soái... – Sau một chút yên lặng, tôi nói.

Và đây là lần đầu tiên tôi nhận thấy Vôrônốp cau mặt. Có lẽ ông không hài lòng với câu trả lời của tôi:

- Nhưng, nếu ta đưa ra cho cháu hai đề nghị: Một là, ở lại phục vụ quân đội sẽ được phong quân hàm sĩ quan, hai là phục viên ra ngoài dân sự, tiếp tục công việc thiết kế. Cháu sẽ chọn phương án nào?

Tôi không biết nguyên soái muốn nghe câu trả lời nào của tôi. Có lẽ ông nghĩ rằng tôi sẽ đi theo con đường của Diôchiarép đã chọn. Vừa là một quân nhân chuyên nghiệp vừa là một nhà thiết kế. Nhưng, thú thật, từ lâu tôi đã muốn trút bỏ bộ quân phục. Lúc ấy tôi đã có vợ và hai con... Ngoài ra, trước tôi là tấm gương của Tôcarép và Ximônốp, những người thuần túy dân sự, nhưng vẫn được giới quân sự vị nể là những người làm công việc nghiên cứu chế tạo mẫu vũ khí kính trọng.

- Báo cáo đồng chí nguyên soái, tôi muốn được phục viên, Tôi thờ dài một hơi.

- Đó là tùy cháu. Điều chủ yếu là cháu đừng để mai một nghề thiết kế. Về đến Mátxcova, tôi sẽ nêu vấn đề này trên cơ sở thực tế. – Và thật đột ngột, ông nói: – Cháu tặng bác một tấm ảnh làm kỷ niệm. Diôchiarép và Ximônốp đã để lại cho bác ảnh và bút tích, còn cháu thì chưa.

Nguyên soái có thể cho gọi thợ ảnh đến, chụp ảnh đại lễ, như người ta vẫn thường làm, để lưu giữ về sau: ông và trung sĩ-thiết kế đứng bên cạnh. Nhưng, có thể vì ông đã chán chụp ảnh tập thể, nên đã quyết định giữ ảnh của chúng tôi để làm kỷ niệm.

- Dạ, cháu chỉ có một tấm ảnh này, – Tôi rút từ túi chiếc áo varoi tấm ảnh tôi mặc quân phục đứng bên bản vẽ.

- Được, thế là tốt. Nhìn biết ngay là nhà thiết kế đang làm việc, – Vôrônốp tán thành... – Nét mặt dăm chiêu trong nỗi thông khổ của sáng tạo.

Về đến Mátxcova, trưởng phòng sáng chế, đại tá V.V Glukhốp, giao cho tôi giấy công tác do nguyên soái ký, cử tôi đi Uran để tổ chức sản xuất hàng loạt súng tiểu liên mới. Đại tá Glukhốp thông báo:

- Toàn bộ tài liệu kỹ thuật từ nhà máy sản xuất loạt đầu để thử ngoài đơn vị đã được giao cho các xí nghiệp bên cạnh. Đồng chí sẽ làm việc ở một xí nghiệp mà trong những năm chiến tranh đã sản xuất nhiều loại vũ khí khác nhau, có nhiều kinh nghiệm, trong việc tổ chức các dây chuyền công nghệ, cơ động, thích ứng với những thay đổi.

- Bao giờ đi ạ?

- Ít ngày nữa. Khi nào đến nơi thì báo cáo về. Giờ thì tham quan thủ đô đã. Thăm viện bảo tàng, thăm nhà hát. – Ông nhìn chằm chằm vào mắt tôi

- Thế nào? Không thích đi à?

- Đề nghị đó tôi thích thật. Chỉ có điều là, đến giờ tôi vẫn chưa rõ, đã giải quyết xong vấn đề công tác thiết kế tài liệu của tôi chưa?

Tôi không phải vô cơ mà lo lắng tới vấn đề này. Qua việc thiết kế và chế tạo khẩu tiểu liên mới thấy rằng: Cần phải có một phòng thiết kế bao gồm những nhà công nghệ, thiết kế, luyện kim, chế tạo dụng cụ có kinh nghiệm và những huyền gia đầu ngành khác.

Một mình tôi không thể đảm đương nổi. và, nếu như ở Cavorốp, một số kỹ sư, công nhân được tạm thời qua để giúp đỡ công việc cho tôi, thì ở chỗ mới lại phải tổ chức thành một đội, gồm những người đồng lòng nhất trí, cùng chung một ý tưởng sáng tạo sẵn sàng cùng tôi lao vào giải quyết những nhiệm vụ kỹ thuật khó khăn, phức tạp. Tôi trình bày những băng khoản của tôi với đại tá Glukhốp.

- Lo lắng của đồng chí là dễ hiểu. – Đại tá đi đi lại lại trong phòng làm việc. – Tôi xin thông báo: Vấn đề thành lập phòng thiết kế mới đang ở giai đoạn quyết định. Tôi cho rằng, sau khi sản xuất tiểu liên ổn định, và được giao cho quân đội, đồng chí có thể tập trung một đội riêng của mình. Giờ thì cứ chuẩn bị sẵn danh sách trong đầu đi đã. Còn nhiệm vụ chính bây giờ là nắm vững, ổn định sản xuất khẩu tiểu liên, đưa con cung của đồng chí. Còn vấn đề gì nữa không?

Không còn vấn đề gì nữa, nhưng ý nghĩ lo lắng thì không buông tha tôi. Trước mắt, tôi sẽ tiếp tục công tác ở một cương vị mới, với những người mới, chuẩn bị tài liệu kỹ thuật để sản xuất hàng loạt loại tiểu liên AK-47.

Nhà máy động cơ Igiepxk sản xuất loạt AK-47 đầu tiên. Sau đó toàn bộ tài liệu chuyển sang nhà máy chế tạo máy- nơi từ đầu thế kỷ trước đã chế tạo vũ khí – hồi ấy nó được gọi là Nhà máy vũ khí Igiep.

Ngần ấy năm đã trôi qua. Và ngày hôm nay, tôi biết khó mà chất lọc kiến thức riêng thời trẻ của mình

khỏi bề dày lịch sử và truyền thống lâu đời của nhà máy... Hơn nữa ta lại càng khó biết, khi thời gian mà đang nói tới lịch sử nhà máy vũ khí Igiepxk 140 năm rồi, giờ đây đã sắp sang năm thứ 190. Nghĩa là tôi có 50 năm lịch sử chung với nhà máy này, nơi đây đã trở thành ngôi nhà quen thuộc từ lâu đối với tôi. Một nửa thế kỷ!

Thế mà lúc đó, năm thì mười họa tôi mới tranh thủ được ít phút để ghé vào một căn phòng rộng thoáng, nơi đó là bảo tàng trực thuộc phòng thiết kế. Quản lý phòng bảo tàng này là một thương binh, cựu sĩ quan, một người rất yêu lịch sử tổ quốc... Thật tiếc là, tôi chỉ nhận ra được những điều trên khi mà ông không còn nữa để mà thốt ra câu: Xin cảm ơn cha!... Thấy tôi ngắm nghía bức tượng đá cũ vào phút rảnh rang, thoát khỏi những ý nghĩ bận rộn, ông nói: Igiepxk!... Đó là cả một sự nghiệp đặc biệt. Trong ba năm sản xuất được 17 khẩu. Thế mà sau đó chỉ trong một tháng làm được 500 khẩu. Có biết tại sao không?... Bởi vì cuộc chiến với quân Pháp bắt đầu, vũ khí của chúng ta đã được dùng ở Bôrôđinô. Thế rồi, nhà máy tiếp tục, tiếp tục cho ra những lô vũ khí! Khi thì cho vào kho, khi thì thẳng ra chiến hào, chiến tuyến. Năm 1891 súng trường MOXIN ra đời mà chỉ sau vài năm, một ngày đêm đã sản xuất ra được 1000 khẩu đủ để cho cả một sư đoàn! Mỗi ngày một sư đoàn đi qua cổng nhà máy, cái cổng mà anh mới bước vào đó. Còn khi chiến tranh ác liệt thì 2000 khẩu mỗi ngày đêm! Hai sư đoàn! Hiểu không?

Trong suốt thời gian chiến tranh, tại nhà máy chế tạo Igiepxk đã sản xuất được hơn 11 triệu súng trường, một triệu súng lục, hàng ngàn súng máy trên máy bay, gần 100 ngàn súng chống tăng Ximônốp và hơn 40 ngàn súng chống tăng Điôchiarép, hơn 80 ngàn súng máy lắp trên xe tăng...

- Nhớ chưa? – Ông hỏi giọng nghiêm khắc. Và tiếp tục ra lệnh nghiêm khắc hơn – Giờ thì hãy quên đi. Những con số bí mật. Bí mật quân sự đấy, hiểu chưa?

Không nghi ngờ gì, vào năm đó, tôi là người đầu tiên đến nhà máy và cũng là người cuối cùng rời khỏi nhà máy. Cạnh con đường đi qua đã chẳng còn một bóng người, trên con đường dọc bờ sông cũng vắng ngắt. Có thể chính vì thế mà, hình như bức tượng đồng bán thân của Andrei Phêđôrôvich Đirabin, người sáng lập ra nhà máy Igiepxk, từ trên bục cao đối diện với cửa tòa nhà chính nhà máy, đứng kiêu hãnh, vẻ ngăm giễu cợt, chẳng còn ai mà nhìn nữa, nên nhìn vào chính anh... Vâng, ông nói, chính tôi đã xây dựng nhà máy có một không hai này vào thời đó. Khi ấy, ở Nga các tòa nhà công nghiệp hai tầng còn chưa xây, thế mà ở đây lập tức xây dựng những tòa nhà bốn tầng – Vâng, chính tôi đã xây dựng. Còn anh bạn, anh định hiến tặng gì cho Tổ quốc.

Sau mấy năm, khi mọi gian nan thử thách đã lui về sau và công việc đã trôi chảy, vào lúc tâm hồn lâng lâng tôi đã sáng tác bốn câu thơ. Bốn câu thơ đã sai ý, mà vì nó tôi đã bị phê phán. Bốn câu thơ đó là:

Đirabin, nào hãy dịch ra,

Cho tôi cùng đứng bên hồ cạnh ông.

Xây nhà máy, ông cậy có Trời,

Còn tôi dựa vào người mẹ hiền – Tổ quốc!

Tôi đã giữ kín khổ thơ này, chỉ mãi về sau, khi đã ngoài sáu mươi tuổi, vào cái tuổi đã biết tự nhìn nhận chính bản thân mình một cách phê phán, kèm theo chút tự giễu mình một cách thân ái – chỉ có đến lúc ấy tôi mới “công bố” bài thơ trên. Mỗi khi có dịp vui vẻ cùng bạn bè, năm thì mười họa tôi cũng có nói tới bài thơ, rằng, các bạn thấy thế nào?... Sau đó bài thơ này một lần nữa làm tôi phải sửng sốt vì một ý kiến nhận xét của một bạn trẻ trước công chúng, rằng tác giả phải tự cao đến mức nào mới dám trò chuyện ngang hàng gần gũi như vậy với Đirabin?

Nhưng, thực ra để hiểu đúng bài thơ này có lẽ cần phải trải qua cảnh thiếu thốn vật chất: đói rét, làm việc căng thẳng ngày đêm, thiếu ngủ nhưng vẫn khát khao khẳng định bản thân vì công việc chứ không phải vì cá nhân mình...

Không như ai đó biết rất ít sau chiến tranh chúng tôi sống như thế nào, bức tượng đồng có lẽ còn nhớ rõ một lần khi tôi đi ra công thì kiệt sức, đôi chân độn bông có lẽ đến bệ đài. Có lẽ người tôi đã đổ, nếu vai không kịp tựa vào đó. Tôi cứ đứng cạnh tượng như vậy cho đỡ mệt... Chúng tôi bên nhau!

Dần dần tôi đã hình thành được đội công tác đúng như tôi từng mơ ước.

Có thể nói biết bao nhiêu về từng thành viên của đội! Vôlôđia Grubin – một người đầy hào hứng trong công việc, Vladimir Vaxilievich – một kỹ sư xuất sắc, một người có thể đốt cháy ngọn lửa nhiệt tình của cả những cái đầu hầu như đã nguội lạnh, vô vọng nhất. Alecxêi Dmitrievich Kracusin một người có tính tự lập cao, hồi ấy chúng tôi gọi là “anh chàng quê mùa”, bất cứ chuyện gì anh cũng đều có ý kiến riêng của mình, hăng hái bảo vệ bằng được ý kiến ấy. Valêri Alêxandrôvich Kharcốp về đội muộn hơn một thời gian, anh là “bộ bách khoa toàn thư sống” của chúng tôi; Vatali Nhicôlaevich Pusin một người điềm tĩnh, cởi mở và

chắc chắn. Đôi lúc, bất chợt tôi nghĩ rằng không nên đưa nhiều nhân vật quá vào cuốn sách là từ một thời đã qua lâu rồi.... Nhưng... ta hãy dành cho mỗi người một dòng ngắn ngủi, ân tình làm kỷ niệm tốt lành. Cho cả những phụ nữ đáng yêu trong đội của chúng ta, đó là Phaina Beloglazova kỹ thuật viên thiết kế và Valentina Zinoviera nhân viên can vẽ. Những kỷ niệm về những người thợ Uran chân chính nhất sẽ còn lại mãi mãi với con cháu. Phải nói rằng thời ấy họ được coi trọng hơn là thời buổi đây biến động bậy giờ.

Ở đầu ngôi nhà ở, cạnh Hội đồng bộ trưởng, có một hình vẽ toàn thân một người đàn ông râu tóc, lực lưỡng mặc chiếc áo dài Sa hoàng thời cổ kết ngũ kim tuyến. Chiếc áo dài đó, là sự biểu hiện lòng kính trọng của một cường quốc đối với những người thợ tài ba, sự biểu hiện lòng biết ơn của đồng bào. Tất cả chúng tôi từ lâu đã quen với hình tượng người thợ râu tóc, nhưng đôi lúc dừng lại và nghĩ: Phải chăng người thợ phay tinh xảo Gali, người thợ tiện vạn năng Nhicôlai hay người thợ nguội vĩ đại Paven Epghênhi... không xứng đáng với hình tượng này chăng? Không, tất cả họ đều rất xứng đáng với tấm áo tượng trưng cao quý này, không chỉ riêng họ mà cả nhiều người thợ khác nữa của nhà máy “chế tạo máy Igiepxk” cũng có quyền đó. Thế nhưng ngày nay, do sản xuất suy giảm, do những biến động hỗn loạn, do nợ lương triền miên mà từ lâu họ đã phải mặc chiếc áo khác: Chiếc áo “giặt gấu vá vai”.

Nhưng thôi, ta hãy trở về năm mươi năm trước. Đội công tác, người nợ kế tiếp người kia dần dần cũng được lựa chọn đủ. Đôi khi cả đội đều phải ở lại làm việc cho đến quá nửa đêm, nhưng thường thì tôi cho anh em về sớm hơn. Lúc ấy tôi với bức tượng đồng Đirabin lại nhập hội với nhau... nếu là mùa hè, tôi ngồi bên bờ hồ, ngắm nhìn mãi làn nước phẳng lặng mà phía dưới là nắm mồ vĩnh viễn của con đại bàng hai đầu vốn đặt trên tháp, nóc tòa nhà chính của nhà máy. Năm 1919 công nhân cách mạng đã tháo nó xuống và cho chìm dưới hồ một cách trọng thể.

Lúc bấy giờ, tôi đâu có thể tượng tượng được rằng, sau gần năm mươi năm vào dịp tôi thọ 75 tuổi, đích thân tổng thống đã về Igiepxk choàng vào ngực tôi chiếc băng đô có hình con đại bàng hai đầu, bên cạnh hai ngôi sao Anh hùng lao động Xã hội chủ nghĩa Liên Xô, ông gắn vào áo tôi chiếc huân chương lớn, của thời cũ, “Có công trạng với Tổ quốc” trên đó có khắc dòng chữ “Nghĩa vụ. Trung thành. Công ích”

Đương nhiên, tôi đâu có mơ ước về điều này... tôi cứ hình dung ra, cả một sư đoàn rầm rập bước chân từ cổng nhà máy tiến qua tượng Đirabin, trên vai mỗi người lính lấp lánh ánh thép của khẩu AK-47. Và chính Đirabin chứ không phải ai khác là người đầu tiên duyệt cuộc diễu binh vô hình này... chúng tôi, trong thực tế, từ lâu đã là của nhau!

Tôi sửa lại câu đầu bài thơ cũ: “Thưa Đirabin, xin hãy dịch ra...”

Điều này tôi đã hiểu từ lâu: Đối với lịch sử cần phải tôn trọng, nên tôi phải xưng hô tôn trọng với Đirabin! Hơn nữa với lịch sử nước Nga, thì lại càng phải tôn trọng.

Ngày nay, bất hạnh thay, nhiều người không hiểu điều này...

Việc hoàn thiện khẩu AK-47 theo nhận xét sau khi thử ở đơn vị chẳng dễ dàng gì, và thường là không tìm ra giải pháp kỹ thuật. Có những trường hợp do qua cẩn thận, một chuyên gia nào đó nhất định không cho thử nghiệm một thay đổi nào đó, viện cớ “đã quyết và đã ký” thì cứ thế mà làm. Thế là lúc ấy, để đạt được mục đích, chúng tôi không chỉ kiên trì thuyết phục mà có khi còn phải dùng đến cả mẹo vặt nữa.

Chẳng hạn có một trường hợp thế này. Chúng tôi dự định thay đổi ổ khóa nòng – một trong những chi tiết chủ yếu của khẩu tiểu liên. Nó không đạt yêu cầu về kiểu thiết kế. Việc thay đổi này kéo theo phải thay đổi hàng loạt các chi tiết lắp vào nó. Chúng tôi làm mẫu, sau đó thử đạt kết quả tốt. Nhưng Xukhitxki kiên quyết phản đối, không cho áp dụng. Chúng tôi không thể thuyết phục nổi ông. Chúng tôi đợi ông nghĩ phép, liền đưa bản vẽ sang bên công nghệ. Vốn từ lâu họ đã ủng hộ kế hoạch của chúng tôi và chỉ chờ thời điểm bắt đầu. Họ làm rất nhanh, các chi tiết mới đã được sản xuất. Khi hết phép, trở về đơn vị thì đại diện quân sự đã ở vào thế việc đã rồi. Biện pháp này là bất đắc dĩ, nhưng người ta nói: Mục đích biện hộ cho phương tiện.

Tôi không muốn nói rằng đại diện quân đội không có những luận cứ cơ bản của mình. Ông cho rằng kết luận của ủy ban nghiệm thu nói rất rõ ràng, mọi mặt đã được giải quyết đầy đủ và không cần phải thay đổi gì. Tuy thế, tôi vẫn yêu quý ông như một người bạn và kính trọng ông như một chuyên gia vũ khí thành thạo, mặc cho bao lần nổi nóng và tranh luận với nhau!

Một lần vì cạn kiệt vốn “văn xuôi”, tôi đành nhắc nhở ông qua mấy vần thơ vui:

Nếu kế hoạch bị đứt,  
Trái tim anh thế nào  
Không xót xa đau nhức  
Nhà máy bị sốt cao  
Thần kinh anh co giật.

Xukhixki trả lời bài thơ này bằng một đề nghị “buổi tối liên hoan tập trung”... Dù có thể nào chẳng nữa, thì chúng tôi vẫn mãi mãi là bạn bè, kể cả sau khi ông về hưu cũng thế.

Lao động của chúng tôi đã đạt được kết quả – tập thể nhà máy vũ khí lâu đời nhất trong một thời gian ngắn đã bắt đầu sản xuất tiểu liên AK-47 với một trình độ kỹ thuật cao vào thời đó.

Đầu năm 1949 do có thành tích lao động tôi được nhận giải thưởng Xtalin. Tôi biết tin này từ báo chí. Đến bây giờ tôi vẫn nhớ rõ khi ấy tôi đã xúc động biết bao, khi đọc những dòng này: “Giải thưởng Xtalin hạng nhất được tặng cho thượng sĩ Kalasnhicốp Mikhain Timôphêêvich do việc sáng chế mẫu vũ khí”. Giải thưởng này cũng được trao cho các đồng nghiệp của tôi: Điôchiarép và Ximônốp do đã sáng chế được các mẫu mới vũ khí bộ binh.

Tôi nhận được biết bao lời chúc mừng từ gia đình, bạn bè, đồng chí, đồng nghiệp. Rất nhiều người đã ngạc nhiên vì một người thiết kế trẻ tuổi và quân hàm thấp như tôi mà được nhận một giải thưởng cao quý đến thế. Mọi người đã giúp đỡ, động viên cổ vũ tôi đã chia sẻ cùng tôi niềm vui sướng này. Giải thưởng đó công nhận thành quả lao động không chỉ của riêng tôi mà còn của cả những người đã tham gia vào quá trình hình thành nên nhà thiết kế-vũ khí. Tất cả những điều này nói lên rằng qua quá trình lao động nhiều năm, một nét đặc điểm riêng của tôi đã được xác định. Bây giờ trước mặt tôi không còn vấn đề: “Làm gì tiếp theo! Tiếp theo như thế nào?”. Con đường đi đã rõ. Trong năm đó tôi được làm thủ tục xuất ngũ.

Igiepxk trở thành nơi ở cố định của gia đình tôi. Trước đây việc thay đổi chỗ ở của tôi giống như đổi buồng trong khách sạn hay ký túc xá. Còn bây giờ, chúng tôi lại chuyển từ trường bắn ngoại ô Mátxcova về Igiepxk. Cần phải ổn định cuộc sống và kinh tế gia đình. Lúc này chúng tôi đã có hai con gái. Vợ tôi lo lắng mọi chuyện để thu xếp ổn thỏa chỗ ở mới. Nói chung là công việc gia đình từ nội trợ đến giáo dục con cái, một mình cô ấy gánh vác tất cả, vì tôi thường bị các vấn đề mới trong công việc cuốn hút, mãi tận đêm khuya với về nhà.

Khi tiến hành sản xuất hàng loạt, không có nghĩa là không còn phải làm các công việc về thiết kế. Các kỹ sư công nghệ và thiết kế phải thường xuyên làm việc để nâng cao quy trình công nghệ, sử dụng các phôi chi tiết tiên bộ hơn, nâng cao chất lượng sử dụng của vũ khí và còn nhiều vấn đề khác nữa. ngoài ra còn phải làm các mẫu cho tương lai.

Dần dần, trước những nhà thiết kế vũ khí chúng tôi nảy sinh một nhiệm vụ mới – nhất thể hóa các loại vũ khí. Vũ khí bộ binh trang bị cho quân đội có ba mẫu hoàn toàn khác nhau: khẩu AK-47 của tôi, khẩu trung liên xách tay của Điôchiarép và khẩu cácbin của Ximônốp. ba loại chung một loại đạn nhưng về cấu tạo lại không có gì chung cả. Cả vấn đề nạp đạn cũng giải quyết khác nhau. Trung liên dùng băng, cácbin hộp đạn liền mười viên còn tiểu liên hộp đạn ba mươi viên tháo rời được. Cả ba mẫu nay đều có mặt trong một tiểu đội và cấu tạo khác nhau của chúng làm cho việc học tập, nghiên cứu và sử dụng chúng trong chiến đấu gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Các nhà thiết kế vũ khí quân sự phải khắc phục, giải quyết vấn đề này.

Tổng cục pháo binh đã tuyên bố cuộc thi chế tạo mẫu súng thống nhất dùng đạn trung liên. Tất cả các phòng thiết kế đều tham gia công việc này.

Phòng thiết kế Đôchiarép dự định giải quyết vấn đề đặt ra trên cơ sở khẩu trung liên.

Ximônốp cũng bắt đầu triển khai công việc.

Đã có một số thiết kế mới. Một trong những thiết kế khá nhất là của nhà thiết kế nổi tiếng Tula Carabốp.

Chúng tôi thiết kế mẫu mới trên cơ sở khẩu AK-47 của tôi. Không phải vì chúng tôi không thể thiết kế mẫu mới, việc đó chúng tôi đã thường làm. Mà bởi, đến thời gian này khẩu tiểu liên của chúng tôi đã chứng minh được có độ bền cao và có cấu tạo đơn giản.

Điều kiện cuộc thi nêu ra là ngoài sự đồng nhất còn phải giảm được trọng lượng của mẫu và nâng cao độ chụm khi bắn. Vấn đề nhất thể hóa luôn là mơ ước thiết tha của các nhà vũ khí. Nhưng thực hiện ước mơ đó như thế nào? Vì mỗi một loại mẫu đều có những đặc điểm, chức năng riêng của nó...

Tuổi thọ của tiểu liên hầu như nhỏ hơn hai lần so với tuổi thọ súng máy, do vậy nên không cải tiến một số chi tiết thì không thể đồng nhất với các chi tiết đó của súng máy. Chúng tôi đã tìm ra các giải pháp thiết kế khác nhau để tìm con đường đi đến mục tiêu đã định. Chúng tôi làm một chiếc máy thử đặc biệt để thử nhanh các chi tiết này mà không phải bắn. Sau khi kiểm tra trên máy, các chi tiết đó mới lắp vào súng để bắn thử, bắn không tiếc đạn. Đôi khi kết quả trên máy thử và bắn thật cho những kết quả trái ngược nhau. Do vậy kết quả cuối cùng chỉ được đưa ra sau khi bắn thử.

Không dễ gì giải quyết được vấn đề nạp đạn chung cho hai loại súng khác nhau về công dụng chiến đấu. Băng đạn và hộp đạn thật khó mà chung nhau làm một, rồi hộp đạn cố định và tháo rời cũng thế. Chúng tôi

bắt đầu nghiên cứu luôn một số phương án hộp đạn có dung tích lớn hơn cho khẩu trung liên tương lai. Điều này là cần thiết bởi trong hộp là băng 100 viên đạn, còn đối với chúng tôi nếu có ít hơn thì cũng chẳng đáng kể. Nếu làm khác, băng sẽ bị gạt ra. Chúng tôi cũng đã thử phương án làm hộp đạn tròn chứa được 75 viên đạn. Làm xong, chạy đi thử. Kết quả tốt, không bị hóc. Độ bền đạt yêu cầu. Kết luận mẫu thỏa mãn các yêu cầu đề ra.

Hộp nòng của tiểu liên được sản xuất bằng loại máy phay hay bằng phương pháp hàn – dập bằng thép lá, sau đó tán bằng các chi tiết khác. Bộ giảm tốc đặc biệt thời gian giữa các chu kỳ được lắp thêm vào đã làm tăng đáng kể độ chụm khi bắn. Bắn trên tay – mà chúng tôi gọi là bắn ở “tư thế không ổn định” đã được cải tiến tốt hơn nhờ có lắp thêm bộ bù ở miệng nòng. Tất cả các chi tiết buộc phải tháo lắp ở đơn vị, đều được làm thống nhất để có thể lắp lẫn cho trung liên và tiểu liên.

Khi kể về điều này, tôi luôn nghĩ rằng, số phận và lịch sử đã giao phó cho nhà máy chế tạo cơ khí Igiepxk (IZOMAS) trở thành nơi khai sáng ra phương pháp nhất thể hóa trong nước và nói chung cả trên quốc tế. Tại sao nói như vậy?

Người kế tục kỹ sư Đirabin là tướng Êronôlai Gren tổ tiên từ nước Xcôtlen xa xôi đã rất quan tâm tới việc phát triển nghề thủ công chế tạo vũ khí của dân địa phương. Với mục đích này, ông lập ra một bảng ghi công đặc biệt, trong đó ghi rõ: Bao nhiêu khẩu do thợ nước ngoài làm ra, bao nhiêu khẩu do thợ Nga làm ra. Sau đó kế tiếp là chuyên gia chế tạo vũ khí Đức Philip Bôđê. Ông là một người thợ tài ba. Năm 1824 khi Hoàng đế Alêcxanđr I đến thăm Igiepxk ông đã tặng hoàng đế hai khẩu súng lục chạm hoa văn bằng vàng do chính ông làm ra. Hiện nay hai khẩu súng này được lưu giữ trong kho vũ khí của bảo tàng Eromitagê. Đây không phải là công tích chính của ông. Điều cốt yếu là ông đã nhất thể hóa được các chi tiết do những người thợ Igiepxk làm ra.

Ở kho vũ khí Igiepxk có một tiết mục thường được trình diễn cho các vị “khách cao cấp” hoặc cho các kỹ sư đồng nghiệp xem: Khoảng hai ba chục khẩu súng được tháo tung ra, để ngổn ngang lẫn lộn như quân cờ domino, sau đó tiến hành lắp lại. Người xem thật ngạc nhiên khi thấy chi tiết nào chi tiết nấy lần lượt được lắp bằng hết!

Tiến sĩ lịch sử Epghênhil Sumilôp, tác giả cuốn sách viết về những người đồng hương khá hay “Thành phố trên sông Igiơ” kể rằng: “Trên tấm biển bằng đồng từ cây thập tự của người Đức từ trần ở đây năm 1841 có khắc dòng chữ: “Đã phục vụ Tổ quốc tại nhà máy vũ khí Igiepxk 34 năm, 4 tháng 17 ngày”.

Từ bấy đến nay tổ quốc chúng ta đã có nhiều đổi thay!... Lòng trung thành trước kia được coi như niềm vinh dự, còn ngày nay đối với nhiều người, đó chỉ là công việc, hay theo cách hiểu đúng một nhất, đó là doanh nghiệp. Và vì thế tôi rất muốn kính cẩn nghiêng mình với lòng biết ơn và tưởng nhớ những bậc tiền nhân mà chính cuộc đời họ là một tấm gương của những phẩm giá nghĩa hiệp.

... Khẩu tiểu liên mới làm ra có một trọng lượng nhẹ hơn nhiều. Và độ chụm cũng khá hơn. Chiếc lưỡi lê hai cạnh sắc được thay thế bằng lưỡi lê ngắn kiểu dao găm, thuận tiện trong sử dụng. Mỗi người lính có thể dùng con dao này để cắt dây thép gai một cách dễ dàng, kể cả khi nó có dòng điện chạy qua.

Giai đoạn cải tiến mẫu mới ở nhà máy đã kết thúc, chỉ còn chờ cuộc thi. Giống như các cuộc thi khác nó sẽ được tiến hành theo các vòng để dần dần loại bớt các đầu thủ cạnh tranh. Và tất nhiên, sẽ căn cứ theo kết quả thi của từng nhóm và tiến hành hoàn thiện tiếp theo. Vị trí thi là trường bắn ngoại ô Mátxcova.

Ở vòng thi cuối cùng chúng tôi chạm trán với nhà thiết kế Tula Carabôp. Ông mang đến cuộc thi các mẫu tiểu liên và trung liên xách tay đã cải tiến tốt. Ông là người đầu tiên chế tạo vũ khí có khóa rãnh máng nửa tự do, khuôn dập các chi tiết của ông thuộc loại cô điển. Carabôp đương nhiên là một kỹ sư rất mạnh và một nghệ nhân của nghề vũ khí. Tôi còn được gặp ông nhiều lần sau này, và mỗi lần gặp ông đều để lại cho tôi những ấn tượng tốt đẹp nhất về con người và công việc của ông.

Nhiều người đã dự tính rằng ông sẽ là người chiến thắng trong vòng thi cuối cùng. Quả thật cuộc thi đua diễn ra ngang sức và chỉ do chúng tôi áp dụng giải pháp thiết kế nên mới vượt qua được mẫu của ông.

Thế là từ năm 1959 quân đội được trang bị tiểu liên AKM và trung liên RPK dùng chung loại đạn cỡ 7,62mm. Chữ “M” đứng sau tên khẩu súng AKM của tôi nghĩa là “hiện đại hóa”. Khẩu tiểu liên mới cũng đạt được các phẩm chất chủ yếu của khẩu cábin, cho nên không sản xuất loạt súng này nữa.

Bây giờ trong một tiểu đội quân đội chỉ trang bị hai loại súng, chung nhau một loại đạn, thay vì ba loại khác nhau trước kia. Nếu chỉ kể các chi tiết và cụm chi tiết chủ yếu, thì 100% chúng có thể lắp lẫn cho nhau, còn lại 1% là không lắp lẫn được đó là các chi tiết nhỏ. Nhờ vậy việc sử dụng vũ khí trong quân đội được nhẹ nhàng hơn và đem lại hiệu quả kinh tế lớn.

Một nhóm lớn công nhân, nhân viên kỹ thuật đã được Chính phủ tặng thưởng vì “có thành tích cùng cố

sức mạnh của đất nước chúng ta”. Còn tôi thì được tặng danh hiệu “Anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa”.

Các mẫu vũ khí mới xuất hiện trong quân đội ta đã được hoan nghênh nhiệt liệt. Khi có mặt ở các đơn vị quân đội và khi gặp gỡ với cán bộ, chiến sĩ, tôi đã nhiều lần được chứng kiến điều này. Mỗi chuyến đi như vậy là một lần tận mắt được thấy anh em chiến sĩ giữ gìn cẩn thận và yêu mến vũ khí bộ binh của tổ quốc đến nhường nào. Mỗi cuộc gặp gỡ như vậy là một lần được nạp thêm năng lượng mạnh mẽ để tiếp tục hoàn thiện những mẫu vũ khí, khí tài quốc phòng mạnh hơn nữa.

Tất nhiên kỹ thuật tên lửa bắt đầu phát triển, thì việc đánh giá giá trị lao động của chúng tôi, những nhà thiết kế vũ khí bộ binh có thay đổi nhiều. Điều đó luôn là như vậy: Hướng mới sẽ phát triển ồ ạt và hình như là muốn lấn át những người đi trước. Và chỉ sau một thời gian “đua tranh” mới thấy rõ ràng, cả hai hướng cần phải phát triển song song, bổ sung cho nhau, không lấn lướt và không loại trừ lẫn nhau. Nhưng để hiểu được điều này thì đã phải trải qua hàng năm, nhiều năm. Và trong những năm này đã có biết bao điều đã được nghe thấy, trải qua.

Tôi muốn kể một câu chuyện để khẳng định điều đang buồn này. Đây là vào những năm 60. Chúng tôi, những nhà thiết kế – chế tạo vũ khí gồm tôi, Ximônốp, Vladimir, Xtrenxkin, Macarốp được mời tới khóa huấn luyện sĩ quan cao cấp “Xạ kích” để gặp gỡ với các học viên và giáo viên của khóa học. Mỗi chúng tôi đều kể tóm tắt về công việc của mình. Sau đó là các giáo viên phát biểu. Một trong số giáo viên hướng về phía chúng tôi nói: “Cảm ơn các đồng chí đã kể cho chúng tôi nghe về các công việc của mình. Nhưng xin các đồng chí hãy trả lời chúng tôi trong điều kiện hiện nay, có ai cần đến “kỹ thuật hang động” của các đồng chí đâu?”.

Thậm chí chúng tôi chưa tìm ngay được câu trả lời. Sự thật là, diễn giả tiếp theo định sửa chữa tình huống cho rằng lời phát biểu của bạn mình là sai lầm, nhưng từ “hang động” là bằng chứng của lối tư duy mới hình thành trong những sĩ quan trẻ, và của cả các sĩ quan không còn trẻ nữa. Sau trường hợp này không lâu, trong một lần Bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô Đơmitri Phêđrôvich Uxchinnốp đến thăm nhà máy chúng tôi, chúng tôi đã kể cho ông nghe câu chuyện về “kỹ thuật hang động” ở khóa học nọ. Ông mỉm cười, và hướng về phía những người có mặt, ông nói: “Tất nhiên đây là một thí dụ về thái độ hết sức sai lầm của người giáo viên đối với loại hình vũ khí quan trọng này. Anh ta không hiểu được rằng, trong khi chỉ thích một loại vũ khí nào đó thì chính anh ta đã bị đánh bằng một loại vũ khí khác! Cần phải sửa sai cho những sĩ quan có quan niệm như thế, nhất là là giáo viên sĩ quan!”

Lời nói của ông đã động viên tôi, xóa bỏ dấu ấn “không có tương lai” trong nghề nghiệp sáng tạo của tôi. Vì chính vào thời gian này, một số lượng lớn các chuyên gia giỏi trong lĩnh vực vũ khí bộ binh chúng tôi đã chuyển đi. Người thì sang ngành chế tạo ô tô, người thì sang ngành chế tạo tên lửa, điện tử... Họ đã tìm cho mình một cách lựa chọn, thuyết phục họ chỉ vô ích. Nhưng để mất những người bạn chiến đấu có trình độ thì thật là tiếc! Chỉ còn lại những người thật sự nhiệt tình với sự nghiệp của chúng tôi và lớp thanh niên trẻ sẽ được bổ sung cho phòng thiết kế trong thời gian tới. Lớp trẻ đó ngày nay đã trở thành những nhà thiết kế giỏi.

Sau khi kết thúc công việc nhất thể hóa vũ khí bộ binh, một hướng mới trong hoạt động của chúng tôi đã được mở ra – đó là giai đoạn hai, hoàn thiện hệ thống vũ khí bộ binh. Các nhà quân sự đã hoàn thiện các yêu cầu kỹ-chiến thuật để chế tạo kiểu súng máy duy nhất dùng đạn súng trường. Loại mới sẽ thay thế tất cả các loại đang tồn tại trong các quân binh chủng của quân đội. Đây là một nhiệm vụ cực kỳ phức tạp, khẩu súng máy mới phải hội tụ được tất cả những phẩm chất chủ yếu của các loại súng máy xe tăng, xe bọc thép, súng máy trang bị cho đại đội và cả súng đại liên nữa.

Khi các tập thể thiết kế của các nhà máy chế tạo vũ khí bắt đầu chế tạo khẩu trung liên đồng nhất thì ở phòng thiết kế nhỏ của chúng tôi cũng tiến hành hoàn thiện khẩu trung liên cỡ đạn trung gian vốn đã có từ trước. Đương nhiên, chúng tôi vẫn nắm vững công việc chế tạo mới của các đơn vị khác. Chúng tôi được biết rằng nhà máy vũ khí Tula đã làm được nhiều việc theo hướng này và đã bắt tay vào sản xuất một lô lớn trung liên đồng nhất. Người thiết kế chính khẩu trung liên đồng nhất của Tula là Grigôri Ivanôvich Nhikitin, một nhà chế tạo vũ khí có kinh nghiệm mà chúng tôi từng quen biết. Khẩu trung liên đồng nhất của ông đã qua thử nghiệm nhiều lần và cho kết quả tốt. Nhưng phát hiện ra một đặc điểm “nhỏ” của mẫu: sau khi bắn, phải nhúng súng vào nước, sau đó lại tiếp tục bắn như lần đầu, bắn phát một hai ba viên. Đồng thời, sau mỗi lần bắn lại phải lên cò, hai ba lần liên tục. rồi sau đó khẩu trung liên mới làm việc bình thường. Vậy thì thiếu sót này là nghiêm trọng hay không nghiêm trọng? Các nhà quân sự cho rằng thiếu sót này là nghiêm trọng, không thể bỏ qua được và yêu cầu phải khắc phục. Nhưng các nhà thiết kế Tula lại không quan tâm đúng mức tới nhận xét này, vì vậy các nhà quân sự quyết định đưa tập thể chúng tôi vào cuộc. Họ cho rằng điều này sẽ có tác động tới các nhà vũ khí Tula: “Nếu Tula biết các anh bắt tay vào việc thì họ cũng sẽ nghiêm túc, khẩn trương khắc phục thiếu sót của khẩu trung liên của họ”.

Chúng tôi làm việc trong phòng thiết kế của nhà máy thành một nhóm riêng. Tất cả đều còn trẻ. Tôi già nhất, đã là “nhà vũ khí” lão thành cũng chưa đến bốn mươi tuổi. Một tập thể trẻ, khỏe, vững mạnh, có học thức, có tinh thần chiến đấu, tất cả thành một khối thống nhất. Bên cạnh những cựu binh nhiệt thành của nhà máy mà tôi đã nói tới: Crupin, Pusin, Criacusin, gờ thêm những gương mặt mới: Xtarsép, Camzôlốp, Côriacôpsép, Iuphêrêp. Còn ở phân xưởng thí nghiệm, những công nhân có kinh nghiệm nhất: Bukharin, Boocđanốp, Gabra, Khmanốp vẫn tiếp tục làm việc sáng tạo. Tất nhiên đây chỉ là một số rất ít những người đã làm việc với tôi., họ là hạt nhân, là màu sắc của đội. Đó là những người cùng làm việc với tôi từ nhất thể hóa tiểu liên đến khi nhất thể hóa trung liên. Chúng tôi suy nghĩ nhiều về việc phải bắt đầu tư khâu nào. Đây là một nhiệm vụ mới.

Khi biết được mẫu trung liên của Nhikitin có hộp nòng phay từ phơi rèn nặng, chúng tôi quyết định dập bằng thép lá, sau đó hàn và tán khung giống như cách làm hộp nòng tiểu liên. Những cơ cấu, bộ phận chủ yếu quyết định tới chất lượng làm việc, chúng tôi cũng bắt đầu làm theo phương pháp tương tự đã được



kiểm nghiệm ở các khâu khác. Đồng thời vẫn tìm tòi những giải pháp mới mà trước đó chưa được dùng tới. Chúng tôi kiểm tra kỹ các phương pháp này, và lập tức loại bỏ, nếu không thỏa mãn ở khâu nào đó. Cứ thế thời gian trôi qua. Mãi mê với các phương án mẫu trung liên thống nhất chúng tôi thường xuyên làm việc cho đến bình minh của một ngày mới.

Khẩu trung liên thống nhất đã được chế tạo nhanh chưa từng thấy. Chỉ chưa đầy một năm, nó đã được hoàn thành. Chúng tôi tiến hành bắn thử tương đối phức tạp, đồng thời còn thử cả độ bền.

Tôi gọi điện về Mátxcova xin phép được chế tạo một loạt lớn để tiến hành thử so sánh với mẫu của Nihikittin. Trên đồng ý.

Một ủy ban kiểm tra đặc biệt được thành lập, có chức năng tiến hành kiểm tra so sánh trong điều kiện khí hậu khác nhau ở các quân khu và các binh chủng. Các chương trình đặc biệt có tính đến phương pháp thử nặng nề nhất đã được chuẩn bị. Mỗi phòng thiết kế được cử ra số lượng đại diện ngang nhau. Đặc biệt, trong khi thử luôn được nhắc tới việc đảm bảo nguyên tắc công bằng, không cho phép sự khác biệt.

Cuộc thử bắt đầu. Tất cả nhân viên nòng cốt của tôi tản đi các quân khu. Tôi ở lại Igiepxk làm công việc được gọi là “tác chiến”; nhận tin tức về quá trình thử các nơi gửi về, cho ý kiến giải quyết và gợi ý, và trong những trường hợp đặc biệt thì xuống quân khu “có vấn đề” đó. Đã thống nhất mật khẩu kín khi trao đổi trên điện thoại, đảm bảo nguyên tắc thông tin bí mật, không được để lọt vào các cơ quan phản gián đặc biệt... tôi nghĩ ra cốt mật mã đặc biệt riêng và đã được sử dụng. Như vậy là tôi hoàn toàn nắm vững được quá trình tiến hành thử. Nhưng cũng phải xuống quân khu nhiều lần. Lúc thì có điều chưa tính đến, lúc thì phải giải quyết cách khác... Mà cũng phải thôi, không thể tạo ra các điều kiện khí hậu và các điều kiện sử dụng khác nhau ở trong nhà máy. Thí dụ: Nước kênh đào đục, cát và nóng. Thế là, tôi và Nihikittin cho đến khi kết thúc cuộc thử, cứ phải di chuyển từ quân khu nọ sang quân khu kia: Lúc thì ở vùng sa mạc Trung Á, lúc thì ở vùng nước biển mặn. Nhiều lần anh em Igiepxk và Tula chúng tôi phải giết thời gian ở các sân bay, nhà ga, chờ di chuyển.

Những khẩu trung liên của chúng tôi đã làm việc tốt trong điều kiện miền trung Nga, bắt đầu trở chứng ở Uzobêkixtan. Phòng thiết kế đã cử Crupin, kỹ sư chủ chốt của phòng và kỹ thuật viên chính súng giàu kinh nghiệm đến địa điểm thử. Hàng ngày, tôi đều nhận được thông báo kết quả thử.

Trong giai đoạn thử, đã phát hiện ra một trục trặc có tính quy luật: Khi bắn liên tục, nòng súng bị nóng đỏ, dính vào hộp, phải lấy búa đập mới tách ra được. Người tiến hành thử của chúng tôi đã cố gắng hết sức nhưng không khắc phục được tình trạng này, bèn đánh điện cho tôi: “Đã làm mọi việc, nhưng không đạt kết quả. Hãy đến gấp.”

Một ngày sau tôi đã có mặt tại trường bắn Xamarcan. Chúng tôi cùng nhau giải quyết nhiệm vụ không dễ dàng này. Vẫn ủng hộ công vô ích. Và sau khi nhận thấy rằng trong điều kiện đã chiến không thể khắc phục được thiếu sót này, tôi viết đơn đề nghị ban kiểm tra cấp cho chúng tôi một số nòng để cải tiến – điều kiện cuộc thi cho phép các bên tham gia can thiệp kịp thời những trường hợp tương tự như vậy.

Tôi nhận được nòng súng cùng với nhân viên ủy ban và nhân viên nghiệm thu quân sự, trung tá Malinốp tìm vào xưởng cơ khí quân sự trong thành phố. Hôm ấy là ngày cuối tuần, may mà chúng tôi còn kịp gặp anh em đang làm việc. Trước tình thế khó khăn này, tôi đã khẩn khoản nhờ anh em ở lại cùng làm việc với chúng tôi buổi tối, và nếu có thể, thì cả ngày mai để mạ bằng crôm những khúc thép của nòng súng. Tất nhiên công việc không đơn giản. Nhưng anh em thợ đã đồng ý giúp đỡ nhà thiết kế còn trẻ nhưng đã khá nổi tiếng. Ngay buổi tối hôm đó mọi việc đã được làm xong. Gần sáng ngày hôm sau chúng tôi trở về chỗ thử, nâng niu trên tay những chiếc nòng súng đã được cải tiến, giải pháp cho một trong những vấn đề bất ngờ đối với chúng tôi.

Chúng tôi bắt tay vào thử lại. Tôi nghĩ rằng, phần lớn thành viên ủy ban và tất cả những người dự thi không tin rằng chúng tôi lại khắc phục thiếu sót nhanh thế. Và tất cả mọi nghi ngờ đều tiêu tan hết ngay sau lần kiểm tra thứ nhất: Nòng súng tách ra một cách nhẹ nhàng! Cứ như là trước đó không có vấn đề gì. Rõ ràng lớp mạ crôm đã chống sét vĩnh viễn cho lỗ lắp nòng.

Cuộc thử vẫn tiếp tục được tiến hành, còn chúng tôi thì thờ phào nhẹ nhõm... Tất nhiên sau những công việc căng thẳng như thế ai chả muốn nghỉ ngơi thư giãn, làm dịu thần kinh. Nhất là vào thời gian nóng nực khủng khiếp của vùng Trung Á ở đây... Thế là chúng tôi cùng với Malinốp quyết định sau khi làm việc xong sẽ đi ra sông Đêrápsan để tắm và nghỉ ngơi. Khi đi qua chợ chúng tôi mua một quả dưa hấu to, cứ khắp khơi trong bụng là vừa được tắm mát lại vừa được ăn dưa. Nhưng chúng tôi đã không được thưởng thức cả hai...

Trước khi xe đi vào cầu, thì từ lùm cây bờ sông một người đi xe đạp lao ra, chú chiến sĩ lái xe đánh tay lái gấp quá, xe bị lao xuống vệ đường, trong nháy mắt bạt xe vương cây rách toi tả hai cái pàđrôốc vênh

vào, xe dừng lại dưới đường đến mười mét. Chúng tôi chẳng kịp hiểu ra làm sao cả, nhưng lạ trời lạ đất, tất cả mọi người đều bình an vô sự. Quả dưa hấu vỡ tan, hạt bắn tung tóe vào tất cả chúng tôi.

Malinốp nhặt một miếng dưa còn nguyên, cắn một miếng rồi đưa tôi: “Quả dưa ngọt lắm, thật không uổng công chọn lâu đến thế!” Câu nói đùa đã làm vợi đi hẳn cơn choáng mà chúng tôi vừa trải qua.

Đương nhiên cuộc đi nghỉ của chúng tôi chấm dứt ở đây... Thật ra, ngày hôm sau bay chỉ huy đơn vị biết chúng tôi sắp về nhà và cuộc đi chơi hôm trước không thành nên đã quyết định tổ chức lại cuộc đi. Quả thật con sông Đêrápsan thật xứng với ước ao được đến nghỉ ngơi tắm mát của chúng tôi!

Về đến nhà tôi lại gặp một rũi ro nữa. Tôi kể câu chuyện không vui này chỉ với một mục đích để mọi người không ấn tượng là hình như tôi luôn gặp mọi chuyện thật dễ dàng không có kẻ ghen, người ghét.

Câu chuyện xảy ra vào thời kỳ chống súng bãi cá nhân, khi mà người ta không chỉ chống Xtalin mà còn tìm ra cả những người có tác phong này ở mỗi gia đình. Đã thành lệ, cứ mỗi cuộc họp công nhân hay họp đảng là phải có ai đó bị vạch mặt, chỉ tên, hoặc là lạm dụng chức quyền hoặc vi phạm, hoặc thói hư tật xấu...

Tôi cũng không thoát khỏi bị “phê bình” theo kiểu ấy. Sau khi thử trung liên ở Xamarcan trở về, tôi phát hiện ngay rằng, đồng đội cư xử không bình thường khi nói chuyện với tôi. Tôi hỏi mọi người có điều gì xảy ra vậy, trong khi tôi đi vắng, thì được đưa cho xem tờ báo của nhà máy.

Dưới đầu đề “Về việc khắc phục chủ nghĩa cá nhân và hậu quả của nó” bài báo là bản tổng kết cuộc họp ở tập thể đội chúng tôi. Nghĩa là trong cuộc họp này, một trong những nhà thiết kế đã phê bình dữ dội Kalasnhicốp đã coi thường ý kiến của các nhà thiết kế bình thường, xem nhẹ những đề nghị của họ, vân vân... Đã nêu ra nhiều thí dụ về sự “độc đoán” của tôi. Và bài báo kết luận đại thể thế này: tôi chỉ khá hơn Xtalin là kẻ đã sinh ra tệ súng bãi cá nhân. Xtalin còn xấu hơn tôi và nguy hiểm hơn đối với “xã hội xã hội chủ nghĩa”.

Đó là bây giờ thì tôi mới dám đùa tí chút, chứ khi đó, tôi mất ăn mất ngủ không chỉ một ngày, thiếu gì điều mà tôi không nghĩ đi, nghĩ lại mãi!... “Khắc phục thiếu sót sau kết quả thử” là như thế nào? Khẩu trung liên “đồng nhất” để làm gì?... Phải chăng tất cả những việc đó chỉ là sự nối tiếp của công việc làm cho cá nhân tôi, cho chính sự “độc đoán” ấy?

Tôi luôn luôn cho rằng, tôi lao động là vì tổ quốc, vì sự nghiệp củng cố sức mạnh quốc phòng của tổ quốc. Nhưng mọi người, hóa ra, không hiểu tôi. Như thế là thế nào, và cho đến tận bây giờ hơn một lần xảy ra như thế. Giờ đến lượt tôi...

Tôi lại tìm lối thoát trong sáng tác thơ, những câu thơ bỗng nhiên mang nặng nỗi “suy sụp tinh thần”!

Giờ tôi chẳng có ai cần  
Người cần thì đã mất dần còn đâu?  
Cuộc đời chà nát đờn đau  
Như áo ông nội bạc màu thời gian.

Để tự làm lành vết thương, ý nghĩ của tôi thường quay về thời thơ ấu xa xôi, tưởng như hạnh phúc ấy... Bỗng nhiên, tôi đọc liền một mạch cả bài thơ của Nhêcraxốp cứ như để tự khích lệ mình: “Hãy làm việc, và đừng run sợ!”

Nhưng câu thần chú trước kia đã có tác dụng, nay chẳng còn sức mạnh như xưa nữa.

Sau khi thông báo về sự hiểu lầm đã xảy ra, tôi nói với nhà máy rằng những lời buộc tội tôi đã được công bố không thể cho phép tôi làm việc như cũ. Tôi sẽ chỉ làm những việc thường kỳ. Việc thử khẩu trung liên nhất thể hóa đã kết thúc. Tất cả mọi việc vẫn diễn ra bình thường và theo chức trách thì tôi vẫn tiếp tục làm công tác lãnh đạo, mặc dù tôi vẫn cảm thấy mình là người bị buộc tội mà không có tội. Tôi làm sao mà thanh minh được điều đó trước từng cán bộ, công nhân viên của nhà máy rộng lớn này...

Tôi rất muốn được kể thêm chi tiết hơn về tất cả những điều này ngay bây giờ, nhưng thôi sẽ có dịp...

Điều này thường xảy ra khi ta về già, khi trong đời có những kẻ mưu mô, thủ đoạn mà về sau ta mới hiểu rõ, lúc đó họ đã ân hận, hối lỗi và thế là chúng tôi lại tay bắt mặt mừng, ôm hôn nhau.

Còn lúc bấy giờ tôi vẫn tiếp tục phải trả giá vì những mưu mô đó. Bài thơ bắt đầu bằng một nhịp tim đập loạn xạ dữ dội.

Tôi cân nhắc kỹ cả rồi  
Chỗ dựa vững chắc trong đời còn đâu  
Trái tim nhịp đập không đều

Động cơ mòn, cả tiếng kêu phập phù  
Xe tang bên cửa đứng chờ  
Có thể đây là giờ của tôi  
Còn tôi đã lên đường rồi  
Vương quốc tắm tối là nơi tận cùng.

Tôi trích những câu thơ trên chẳng phải để làm chuyện làm dáng, chẳng phải để phô diễn thanh tự thơ ca, hy vọng bạn đọc hiểu cho điều này và bỏ qua cho sự thiếu hoàn hảo của chúng.

Khoảng mấy tháng sau, lại có cuộc họp đáng sợ, nhưng với chương trình khác: “Giải thích nghị quyết Ban chấp hành Trung ương đảng về cách nhìn nhận vấn đề không chính xác của các địa phương về súng bái cá nhân”. Trong cuộc họp, bí thư đảng ủy nhà máy trở lại trường họp của tôi, nhưng với những từ hoàn toàn khác. Hướng tới người kỹ sư thiết kế đã buộc tội tôi, ông nói: “Thế còn đồng chí hay làm dù chỉ một phần những gì Kalasnhicốp đã làm được thì sẽ là sự đóng góp lớn lao của đồng chí vào việc giải quyết các nhiệm vụ của tập thể đội thiết kế rồi!” Vâng, đây là phần kết thúc của câu chuyện này.

Cuộc thử súng đã đến phần cuối. Tất cả các đại diện của đội tôi đều đã về nhà, giờ chúng tôi chỉ còn đợi thông báo kết quả từ Ủy ban kiểm tra. Chúng tôi chờ đợi khá lâu trong nhà máy, thảo luận mọi trường hợp trực tắc đã xảy ra của mẫu trung liên trong khi bắn thử và những yêu cầu đưa ra của thành viên ủy ban, cũng như các thành viên đại diện quân đội và người thử.

Còn ủy ban thì tính kết quả thử, viết báo cáo, rút ra kết luận, đưa ra đề nghị...

Năm 1961, quân đội Xô Viết được trang bị khẩu trung liên PK mới thống nhất với nhiều dạng khác nhau. Như vậy hệ thống vũ khí bộ binh nhất thể hóa thứ hai dùng đạn súng trường đã được thành lập.

Sau hai năm, chúng tôi được biết công trình của chúng tôi được đề nghị tặng giải thưởng Lênin. Khi tất cả tài liệu đã được gửi về ủy ban giải thưởng thì tôi được gọi về Mátxcova. Tôi có nhiệm vụ kể lại quá trình chế tạo các bộ vũ khí của đội, nhấn mạnh tới những điểm mới, hiện đại trong đó. Tôi mang theo tất cả các mẫu để trưng bày.

Ngày hôm đó là ngày xem xét đề nghị tặng thưởng cho một số tác giả, vì vậy tôi phải ngồi chờ trong phòng khách lớn trước phòng họp của ủy ban. Trong phòng khá đông người. Mọi người trao đổi khe khẽ, nói chuyện vui. Nhưng thực ra ai cũng hồi hộp, nóng lòng chờ đợi công bố chính thức vì đây là một giải thưởng lớn hồi đó. Tôi cũng bắt đầu căng thẳng thần kinh: Liệu mình có giành được thắng lợi không? Vừa lúc ấy thì tôi được gọi vào.

Tôi không nhớ rõ căn phòng này lắm. Chỉ nhớ có một chiếc bàn dài. Sau bàn là các thành viên của ủy ban. Tôi để các mẫu vũ khí lên bàn. Động tác của tôi lóng ngóng, không tự nhiên. Nhưng rồi, tôi cũng lấy lại bình tĩnh, tập trung tinh thần trình bày báo cáo, trả lời các câu hỏi của các thành viên ủy ban, giới thiệu các sản phẩm. Mỗi một lúc, khi đã bình tĩnh trở lại, ngược mắt lên, tôi thấy một người có tuổi, dáng không cao, mặc bộ quần áo màu xám, tiến đến bên tôi.

Và đột nhiên trước mắt tôi hiện ra một cái bàn hoàn toàn khác... Trong phòng làm việc của tướng Blagônvarốp ở Xamarcan. Và trên bàn chỉ có duy nhất một khẩu “trung liên nhẹ số một”. Tôi reo lên:

- Anatôli Acadierich!

Vị tướng ôm chặt tôi nói:

- A... Anh bạn cũ của tôi. Trang bị đầy đủ quá nhỉ?

Tôi lấy tay khoanh vòng các mẫu trên chiếc bàn dài:

- Vâng, một bộ đầy đủ. Cả một gia đình nhà súng!

- Hóa ra tôi đã là người cha đỡ đầu của chúng? – Blagônvarốp mỉm cười.

Tất nhiên ông già đi nhiều, nhưng chính điều đó lại làm ông dịu dàng hơn và tế nhị hơn.

- Tôi luôn coi thiếu tướng là người đỡ đầu, tôi luôn nhớ ạ?

- Cứ lắm! – Ông nói xúc động – Cừ lắm... Tôi thực sự vui sướng và được an ủi: Xin cảm ơn anh.

Cuộc gặp bất ngờ này mới cần thiết và quan trọng làm sao đối với tôi! Má lại sau ngần ấy năm trời, cái ngày xa xôi ấy ai đã tạo thuận lợi cho tôi, đã chúc phúc tôi lên đường may mắn. Nhiều năm về trước ai đã từng chỉ bảo tôi bước chân vào con đường hôm nay.

Thật kỳ diệu: Hơi ấm tỏa từ từ cuộc gặp này đến nay vẫn còn trong tôi và khi tôi viết những dòng này thì hình như ánh sáng rọi chiếu cả hai chúng tôi ngày ấy vẫn còn đây, không mất đi vô tăm tích.

Về đến nhà, tôi tập hợp tất cả đồng đội, bạn bè để kể lại nội dung tôi đã trình bày trước ủy ban giải thưởng và cuộc gặp bất ngờ với viện sĩ nổi tiếng, người anh cả của ngành vũ khí, và dự đoán rằng mọi việc sẽ kết thúc tốt đẹp, chúng ta sẽ được tặng thưởng.

Sự linh cảm đã không đánh lừa tôi: Năm 1964 ấy, do có công chế tạo tổ hợp vũ khí đó, chúng tôi đã được tặng giải thưởng Lênin.

Nhiều người hỏi tôi: “Ông luôn cạnh tranh với các phòng thiết kế khác, cùng làm một việc như nhau. Vậy cạnh tranh có ý nghĩa và ích lợi không?”. Tôi luôn trả lời rằng, đương nhiên là có cả hai – cả ý nghĩa và ích lợi. Mà trước hết là để tạo điều kiện cho các chuyên gia quân sự lựa chọn được cái tốt nhất, trong số những cái đưa ra chọn. Cái đó quan trọng lắm chứ! Và trong thi đua công việc sẽ được tiến hành nhanh hơn, chất lượng hơn.

Sau những giải thích như thế, thường có người lại hỏi: “Các anh là người chiến thắng, đương nhiên là sung sướng rồi. Thế còn những người cạnh tranh thua cuộc thì thế nào? Họ có trở thành kinh địch của anh không?”. Để trả lời câu hỏi này, tôi thường dẫn ra câu chuyện sau:

Phần lớn những người cạnh tranh với chúng tôi là những nhà vũ khí Tula. Họ có một tập thể vững mạnh, có trường phái chế tạo vũ khí riêng rất lớn, xuất sắc và nhiều thủ lĩnh nổi tiếng. Không phải một lần chúng tôi đã chạm trán nhau ở vòng chung kết. Chọn lấy một trong hai đối thủ mạnh nhất: Tula hay Igiepxk?... Và khi chúng tôi được lựa chọn thì họ cư xử rất xứng đáng và lịch thiệp. Tất nhiên chịu thất bại cách xứng đáng, có thể khó hơn là giành chiến thắng. Còn chúng tôi chẳng bao giờ đưa ra đòi hỏi gì với những người cạnh tranh cả. Hơn thế nữa, có một sự kiện khẳng định sự độ lượng và khoáng đạt của người Tula là, chính trường đại học Bách khoa Tula đưa ra đề nghị phong cho tôi học vị tiến sĩ khoa học kỹ thuật, không tuân theo quy định thông thường, tức là không cần bảo vệ như thường lệ, chỉ hạn chế trong phạm vi báo cáo công việc và trưng bày kết quả đạt được... Tôi được phong học vị tiến sĩ kỹ thuật vào năm 1971.

Và còn một thí dụ nữa, thuộc lĩnh vực khác. Tới dự lễ mừng sinh nhật lần thứ năm mươi của tôi hầu như là đại biểu của tất cả các trường phái vũ khí từ Igiepxk, Cavorôp, Tula.

Ít lâu, sau ngày kỷ niệm này, lại bắt đầu những ngày làm việc sôi nổi cải tiến vũ khí theo hướng dùng đạn cỡ nhỏ hơn. Ý tưởng này các nhà vũ khí đồng nghiệp nước ngoài đã làm và nay lãnh đạo quân sự chúng ta cũng quyết định bắt tay vào làm công việc này. Tất nhiên, tôi cũng không thể đứng ngoài cuộc, thỏa mãn với thành tích đã đạt được. Bởi vì, ở một mức độ nào đó, tiếng tăm anh giành được không cho phép anh dừng lại, mà nếu còn sức lực thì anh phải tham gia vào công việc thiết kế mới. Tôi không phải là ngoại lệ. Tất cả những người đi trước tôi cũng đều như thế, họ tiếp tục làm công việc sáng tạo cho đến hơi thở cuối cùng. Miễn là anh có thể sáng tạo ra được cái gì đó đứng vững. Cuối cùng thì tất cả chúng ta đều cùng chung một số mệnh: Lốp mới trẻ hơn, tài năng hơn và vượt chúng ta, họ sẽ đến thay thế. Chúng ta sẽ ra đi thật mãn nguyện, vì thế để lại cho thế hệ trẻ một tấm gương để họ noi theo, học tập, thông qua những công trình lao động, sáng tạo của chúng ta.

Khi chúng tôi làm quen với các yêu cầu mới đề ra, cho loại vũ khí sẽ được chế tạo, thì thấy rằng, những yêu cầu này không thể thực hiện nổi. Tôi có cảm tưởng rằng, khối lượng công việc cần phải làm là vô cùng lớn. Để giải quyết có hiệu quả hơn nhiệm vụ này, trước hết phải bắt tay vào vẽ phác thảo. Chúng tôi quyết định thành lập một số tổ làm việc theo các hướng khác nhau. Làm như thế để sau này sẽ xác định một trong các hướng đó làm cơ sở.

Trong giai đoạn chuẩn bị đã được tiến hành nhiều thí nghiệm lớn. Giảm cỡ đạn không có nghĩa đơn giản là “làm lại nòng”, chuyển từ nòng to sang nòng nhỏ hơn, như một số người suy nghĩ. Hoàn toàn không phải như vậy. Cỡ đạn nhỏ ẩn giấu trong mình nhiều điều đặc biệt không thể lường trước, đôi khi buộc phải xem xét lại toàn bộ công việc. Chẳng hạn, ta đổ đầy nước vào nòng, thì ngay phát bắn đầu, mẩu đã bị hỏng, và có thể vỡ thành mảnh bất ngờ nhất, tức là gây nguy hiểm cho người bắn. Do vậy, đã phải bỏ ra bao nhiêu công sức để đảm bảo độ bền cho nòng. Sau khi tiến hành nhiều lần thí nghiệm và áp dụng thay đổi mới trong cấu tạo của mẩu, chúng tôi mới khắc phục được nhược điểm của nòng cỡ nhỏ.

Các định mức quy định về độ chụm không đảm bảo được nếu không thiết kế cơ cấu nòng đặc biệt.

Công việc thiết kế sau đó chỉ ra rằng: Tất cả những gì mà trước đó cho là đơn giản, lại rất phức tạp và đôi khi không thể thực hiện nổi. Nếu giảm nhẹ được trọng lượng vũ khí, thì cảm sẽ dễ hơn, và bắn chính xác hơn. Và có lẽ hiệu quả chiến đấu sẽ cao hơn nhiều so với sơ đồ cũ, cổ điển. Song, chúng tôi cho rằng, vũ khí theo sơ đồ cũ phục vụ nhiều năm, được coi là đơn giản nhất về cấu tạo, có độ tin cậy cao, được các chuyên gia đánh giá là loại vũ khí “tốt nhất trong thực tiễn thế giới”. Do vậy, nếu bỏ qua, không tính đến vũ khí đó sẽ là một thiếu sót.

Các thí nghiệm tiến hành đã chỉ ra rằng, cơ sở của khẩu tiểu liên AKM chứng tỏ được mặt mạnh của nó.

Sơ đồ cổ điển có thể đứng vững và cạnh tranh xứng đáng với tất cả các mẫu mới.

Đương nhiên, trong lĩnh vực này cũng không tránh khỏi có sự phê phán. Đã có nhiều ý kiến chỉ trích từ bên ngoài cả của đồng đội và cả của những người đi theo con đường khác để giải quyết vấn đề phức tạp này. Căn cứ để người ta chỉ trích là sơ đồ của AKM già cỗi rồi, nó bị vất kiệt chẳng còn gì nữa: “Sơ đồ thiết kế của ông từ lâu đã như quả chanh bị vắt kiệt và chẳng mang lại thần dược gì nữa!” Những ý kiến đó không làm nguội lạnh, mà ngược lại làm tăng niềm tin của tập thể chúng tôi vào sự đúng đắn của sự nghiệp đã bắt đầu.

Sau khi tiến hành thử nghiệm sơ bộ và thăm dò đạt kết quả tốt, chúng tôi kiên quyết theo hướng đồng nhất hóa sơ đồ. Trên cơ sở này, chúng tôi mới bắt tay vào nghiên cứu toàn bộ mẫu vũ khí bộ binh cỡ đạn nhỏ. Chúng tôi không phải là đơn vị duy nhất thực hiện công việc này. Còn có các phòng thiết kế khác cũng giải quyết vấn đề này song song với chúng tôi. Trong vòng vài năm, chúng tôi đã chế tạo và thử nhiều lần những giải pháp thiết kế độc đáo khác nhau. Những người tham gia công việc này đã bổ sung cho nhau bằng các phương pháp khác nhau để giải quyết cùng một nhiệm vụ đề ra.

Trong từng giai đoạn một, có các cuộc họp chung được tổ chức để tiến hành sơ kết công việc đã làm được trong giai đoạn đó. Chúng tôi đã nhận được những ý kiến nhận xét, giới thiệu nhằm tiếp tục hoàn thiện mẫu, nhờ đó mà chúng tôi từng bước tiến tới mục tiêu đã định. Trong các cuộc họp, lời khen rất ít, chủ yếu là phê phán và đề đạt nguyện vọng. Không tránh khỏi những phán xét cho một “hướng” nào đó: “Tính đến khả năng mẫu tiểu liên và trung liên không có triển vọng được đi thử, nên việc hoàn thiện tiếp là vô ích”. Vòng đua ngày càng khép hẹp lại.

Thông thường các cuộc thử so sánh được tiến hành thành nhiều vòng. Vòng cuối, còn lại hai đơn vị tham gia, được phép sản xuất số lượng tiểu và trung liên bằng nhau để tiếp tục thử lần cuối ở đơn vị.

Lần này, ở vòng đích, đối thủ của chúng tôi là trường phái vũ khí Cavorốp. Ký ức tôi còn trân trọng lưu giữ những kỷ niệm của một thời xa xăm, khi tôi chập chững bước đi đầu tiên của người thiết kế vũ khí ở trường phái này. Tôi mãi mang ơn những đồng nghiệp của tôi và tất cả mọi người Cavorốp đã tham gia tích cực để cho sự ra đời khẩu tiểu liên AK-47 đầu tiên.

Và giờ đây, sau gần 25 năm – một phần tư thế kỷ! – chúng tôi lại gặp nhau, nhưng với tư cách là hai đối thủ cạnh tranh chính. Phải nói một cách công bằng rằng, mặc dù các điều kiện cạnh tranh rất quyết liệt, nhưng trong suốt thời gian hoàn thiện mẫu và thử ở đơn vị, các đại diện của Cavorốp đã tỏ ra là các đối thủ rất xứng đáng. Tất cả mọi người, từ người thợ nguội đến nhà thiết kế chính đều rất lịch thiệp và tốt bụng. Không xảy ra trường hợp nghi ngờ, tranh cãi kết quả thử. Tóm lại, thật là dễ chịu khi được gặp gỡ với những đối thủ hiểu biết công việc vũ khí tường tận và cư xử nghiêm túc, đúng đắn như thế. Mà nhất là gặp gỡ ở vòng cuối – vòng quyết định. Tất nhiên, nói thế không có nghĩa là họ chấp thuận với mọi điều và đồng ý với mọi người. Không, khi cần thiết họ vẫn có thể bảo vệ quyền lợi, danh dự của trường phái Cavorốp, của nhà máy mình. Nhưng với thái độ bình tĩnh, không căng thẳng. Giữa tôi và nhà thiết kế chính Cônxtantinốp đã có quan hệ bạn bè rất tốt đẹp. Ông là nhà thiết kế vũ khí nổi tiếng, đầy tài năng, học vấn sâu sắc và nhiều kinh nghiệm. Trong thời gian thử ở đơn vị, cả hai chúng tôi nhiều lần hỏi hớp, lo lắng cho số phận mẫu sản phẩm của mình. Nhìn chúng tôi ngồi bên nhau, không ai nghĩ đó là hai đối thủ cạnh tranh nhau mà là những người bạn chiến đấu... Mỗi chúng tôi đều nói lời khen bạn nhiều hơn là tự khen mình.

Cũng như trước kia, cuộc thử ở đơn vị được tiến hành trong điều kiện khí hậu khác nhau để xác định chính xác hơn những khả năng nào tiềm ẩn trong mỗi phương án đưa ra. Tất nhiên là trong ủy ban không có những ý kiến nhất trí hoàn toàn cho mỗi phương án. Vì mỗi phương án đều có ưu điểm và nhược điểm, có người bảo vệ và có người phản bác. Người thì thích phương án của chúng tôi. Người khác lại bảo vệ phương án Cavorốp. Và chỉ có kết quả thử ngoài trường bắn, mới định ra người chiến thắng. Vì vậy ở mỗi quân khu, có tiến hành thử, sẽ giới thiệu những mẫu nào mà trong quá trình thử, cũng theo trung cầu ý kiến của cán bộ chiến sĩ, được xác định là tốt nhất. Tất nhiên là các nhà thiết kế, chúng tôi và các đại diện không được phép tuyên truyền có lợi cho sản phẩm của mình, đó là sự vi phạm lớn nhất luật lệ cuộc thi.

Trong thời gian làm việc ở trường bắn, tôi thường được các đơn vị quân đội, không liên quan đến việc thử mẫu mới và ở nơi khá xa mời đến. Ủy ban kiểm tra không phản đối các cuộc đi của tôi, còn tôi cũng không thể từ chối đơn vị mời, nhưng tôi luôn mời ai đó bên Cavorốp đi cùng, để tránh tiếng tôi đi tuyên truyền cho mẫu của mình.

Vào thời gian này, vũ khí của tôi đã được khẳng định vị trí trong quân đội, nên khi các cán bộ chỉ huy muốn giới thiệu “Kalashnicốp sống” với toàn bộ cán bộ và chiến sĩ đơn vị thì cũng là điều dễ hiểu.

Không khi nào tôi quên được “cuộc đời chiến sĩ gian truân”. Tôi kính trọng và thông cảm với cuộc sống của người chiến sĩ. Tôi rất muốn giúp những người lính trẻ sống xa gia đình hình thành tính cách tốt, tôi

luyện tinh thần họ để trở thành người chiến sĩ với đúng nghĩa cao cả của từ này. Tôi thông cảm với cuộc sống tại ngũ không dễ dàng gì của sĩ quan và với khả năng có thể tôi luôn cố gắng giúp đỡ các sĩ quan chỉ huy: Vào những năm ấy, trong tôi luôn có một tình cảm tự hào đặc biệt gắn bó chặt chẽ với số phận của quân đội, cũng là gắn bó với số phận của nhân dân mình.

Tôi còn nhớ, một lần đến thăm đơn vị nọ, viên tướng trẻ mở đầu cuộc gặp mặt như thế này: “Trước khi bắt đầu cuộc gặp gỡ của chúng ta, tôi muốn hỏi một câu, và trả lời không cần theo điều lệnh, mà theo lương tâm... Các đồng chí hãy nghĩ lại xem, có bao giờ Kalasnhicóp phụ lòng tin của chúng ta không?”

Tiếng hét vang thật phấn khích: “Khô-ông!...”

“Và hôm nay Kalasnhicóp cũng không phụ lòng tin, ông đã đến với chúng ta!” – Viên tướng nói.

Thời gian đầu, tất nhiên tôi không quen nghe ai đó nói “Sao lau chùi Kalasnhicóp bản thể” hoặc “giữ gìn Kalasnhicóp thiếu cẩn thận”. Một lần ở Xakhalin tôi được nghe kể rằng, có một chú lính mới tò te đi lạc trong rừng, nhiều người đi tìm nhưng không thấy, cuối cùng phải dùng đến trực thăng mới tìm được. “Có một mình à?” – Tổ trưởng tỏ lải hỏi. “Một mình là thế nào? – Chú lính ngạc nhiên đáp: – Hai chứ!” Chiếc máy bay định cất cánh tìm tiếp thì chú lính kịp hiểu ra, vội chạy đến giải thích, rằng không phải tìm nữa, rằng người thứ hai vẫn luôn luôn bên cạnh. Đây này, nó chính là khẩu Kalasnhicóp.

Nhà sáng chế đem lại cuộc sống cho khẩu súng, còn anh tiếp tục sống một cuộc đời đầy những công việc và lo âu đời thường... Khẩu súng mang tên “Kalasnhicóp” tồn tại riêng, thường nằm trong những bàn tay đáng tin cậy. Trong khi đó, có lẽ, tôi không biết, liệu có người nào giải thích được cho tôi rằng đến một lúc nào đó khẩu súng sẽ có một cuộc sống riêng, độc lập hay không?

Nhưng còn lâu mới đến cái lúc đó. Còn giờ đây, tôi đang lo lắng những vấn đề đơn giản hơn: Cavoróp thắng hay Igiepxk thắng. Chúng tôi chưa trải qua cuộc cạnh tranh nào căng thẳng như lần này. Giờ thì mọi việc đã xong xuôi, chỉ còn chờ quyết định của ủy ban.

Tổng cục Pháo binh quyết định giới thiệu bộ vũ khí bộ binh mới của chúng tôi để trang bị cho quân đội. Chiến thắng này không chỉ của chúng tôi, những người thiết kế, mà còn là sự cố gắng lớn lao của các bộ phận “nhà máy chế tạo Izomas”. Thậm chí ở giai đoạn thử, các chi tiết được làm với một điều kiện bắt buộc là theo khuôn khổ sản xuất hàng loạt. Thật tốt khi các nhà công nghệ đã giải quyết thành công nhiệm vụ này. Chính nhờ vậy mà sau này khi nhà máy sản xuất loạt lớn đầu tiên hai mẫu tiểu liên và trung liên mới đã tiến hành một cách thuận lợi. Tất nhiên ở giai đoạn soạn thảo tài liệu kỹ thuật không thể tính toán tuyệt đối chính xác được, và trong quá trình nắm vững công nghệ chế tạo loại vũ khí mới đã gặp không ít khó khăn. Khi soạn thảo tài liệu, mọi người đều cố gắng hạn chế tối thiểu những khó khăn đó, cũng lưu ý đến những đặc điểm công nghệ sản xuất hàng loạt, nhưng không được hạ thấp chất lượng chiến đấu cao của sản phẩm. Kinh nghiệm lâu năm và truyền thống lâu đời của nhà máy vũ khí Igiepxk đã giúp chúng tôi thực hiện nhiệm vụ quan trọng này.

Ngay sau khi các mẫu mới được trang bị cho quân đội, chúng tôi nhận được những nhận xét đánh giá tốt từ phía các nhà quân sự. Thậm chí cả những người nghi ngờ rằng ủy ban quyết định thiếu chính xác cũng phải chấp nhận. Mức độ đồng nhất cao của các mẫu đã được quân đội ta tiếp nhận như một điều kiện cần phải có trong kỹ thuật vũ khí.

Thế là bộ vũ khí bộ binh mới đã được bắt đầu sản xuất hàng loạt và sử dụng rộng rãi trong quân đội. Cuối cùng tập thể chúng tôi xứng đáng được nhận phần thưởng của chính phủ. Riêng tôi, lần thứ hai được phong tặng danh hiệu “Anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa” và được tặng huân chương Lênin.

## CHUYỆN RIÊNG TỰ NATASA

Tôi muốn kể về Natasa từ khi vợ tôi thông báo rằng trong gia đình vốn đã phức tạp của chúng tôi chẳng bao lâu nữa sẽ có “quân bổ sung”.

Sự phức tạp của gia đình tôi là ở chỗ, khi tôi lấy nhà tôi, thì cô ấy đã có cháu gái Nhita năm tuổi. Vợ tôi cũng biết rằng ở Kazácxtan tôi có cháu trai Victor.

Năm 1918 chúng tôi sinh cháu gái Elecna. Và câu chuyện về “quân bổ sung” là vào đầu năm 1953.

Chúng tôi thường phỏng đoán rằng: “Cháu thứ ba sẽ là trai hay gái?”

Tôi vẫn hay nói đùa: Căn cứ theo mọi dấu hiệu thì dứt khoát phải là con trai. Lúc tiễn vợ đi nhà hộ sinh, tôi ôm hôn cô ấy và nói: “Nếu đẻ con trai, tôi mang ô tô đến đón – ô tô thời ấy rất hiếm – Còn đẻ con gái thì tôi cưỡi con ngựa gầy đến nhà hộ sinh”. Đến nơi, vợ tôi kể chuyện này cho các cô y tá. Họ ngạc nhiên: “Chồng chị dữ thế à, không lẽ lại ích kỷ đến thế?”. Thế thì chị cứ đẻ cho anh ấy toàn con trai giống bố nào!”

Ngày 30 tháng 1 năm 1954 cháu gái chúng tôi đặt tên trước là Natasa chào đời. Đến giờ, vợ tôi gọi điện: “Anh đến đón hai mẹ con!”

Tôi đứng chờ ngoài hành lang nhà hộ sinh. Các cô hộ lý trao cho tôi một sinh linh bé bỏng được quấn cẩn thận trong một chiếc khăn nhỏ. Tôi nâng niu trong đôi bàn tay sinh linh bé nhỏ ấy, lắng nghe tiếng “oa, oa”, dấu hiệu của cuộc sống, khe khẽ bắt đầu. Tôi ru cháu bé, cố ý nói to: “Vaxia, Vaxenca, con trai của bố yêu nào! Bố con mình về nhà thôi. Bố sắm sẵn khẩu súng săn cho con rồi, mau lớn để bố con mình đi săn!”

Tôi nghe thấy các cô y tá nói nhỏ với nhau: “Không lẽ chị ấy chưa nói là mình đẻ con gái à?”

Natasa là cháu gái thứ ba trong gia đình chúng tôi.

Sau đây vài năm, tôi nhận được bức điện từ Kazácxtan: “Mẹ mất, con ở một mình”

Gia đình tôi bàn luận kỹ lưỡng. Làm thế nào đây?

Cuối cùng mọi người quyết định mang ngay cháu về Igiepxk. Cháu còn ít tuổi phải chịu tang mẹ, trong hoàn cảnh đó có thể thành miếng mồi ngon cho kẻ không tốt. Những tập tục hủ lậu tiếp thu thì dễ, nhưng loại bỏ có khi cả đời không được.

Đường đi Kazácxtan chẳng dễ chút nào, mọi việc thật phức tạp cả ở đó và cả ở Igiepxk.

Thế là gia đình tôi có ba con gái, một con trai. Cháu trai đi theo con đường của tôi. Cầu trời cho cháu thành đạt trong sự nghiệp khó khăn của chúng tôi và không phải lúc nào cũng có ích này. Con trai tôi sinh được hai cháu trai – cháu nội tôi Vasa và Misa. Nhưng giờ tôi không kể về chúng.

Cháu Natasa tính tình rất dịu dàng, mềm mại, khác với các chị. Cháu tốt nghiệp trường múa Pecmơ và sau đó là trường đại học cơ khí Igiepxk. Natasa có nhiều bạn tốt cả trai lẫn gái, cháu như là cục nam châm luôn thu hút bạn bè đến với mình. Chúng tôi thường đi xem các tiết mục nghệ thuật có cháu tham gia biểu diễn. Những động tác uyển chuyển, nhẹ nhàng của cháu trên sân diễn kể cả những người ít hiểu biết về múa cũng cảm thụ được đây là những nét riêng chỉ có ở cháu, không chỉ trên sân khấu mà cả trong cuộc sống hàng ngày cũng vậy. Tất cả cái đó, hình như cháu sinh ra đã có sẵn.

Có một lần, sau khi đi xem ở nhà hát về, tôi viết vào cuốn anbum tặng cháu những dòng sau:

Natasa mến thương

Con gái yêu của bố!

Ngay từ khi lọt lòng

Đã là diễn viên múa!

Cháu bật cười và nói:

- Tất nhiên đây không phải là Nhêcraxốp yêu quý của bố, nhưng ở đây có một cái gì đó.

Tôi không chịu: “Con hãy nói rõ cái gì đó là cái gì?”

Cháu đổi giọng, nói rất nghiêm túc và cũng rất mềm mại:

- Là cái bố rất yêu con, bố ạ!

Đối với tôi, cháu luôn rất đổi dịu dàng, và chân thành hết mực.

Năm 1977 sau một thời gian dài bị bệnh nặng, Cachia Êcatorina Vichtorôpna, vợ tôi từ trần, bao nhiêu công việc nặng nhọc, bận bịu trong nhà đều dồn lên đôi vai múa mạnh mẽ của cháu. Và cháu lại càng

quan tâm hơn đối với tôi. Tôi biết và thầm cảm ơn cháu.

Tôi còn nhớ, năm ấy tôi khuyên can cháu không mời bè bạn tôi đến dự sinh nhật tôi và bao nhiêu là lý do: nào là không phải năm tròn, nào là năm ngoài tổ chức rồi, để cách năm, sang năm hẵng hay. Nhưng cháu vẫn tổ chức. Cháu ngoại tôi, cháu Igor mười một tuổi con Lêna thì giúp dì Natasa nấu nướng. Tôi thấy Natasa yêu cháu Igor không kém gì mẹ cháu, mà có thể nói tôi không sợ khi nói rằng, còn hơn cả mẹ nó nữa. Nhiều người thấy dì cháu nó quần quýt nhau thân mật mà phát ghen.

Hai dì cháu làm bao nhiêu là bánh: gatô, bánh rán, bánh hình số 8, bánh sanhes (wareneke)... Rồi lại bao nhiêu món ngon khác.

Buổi tối hôm ấy trôi qua thật vui vẻ. Natasa biểu diễn trích đoạn từ các vở ba lê khác nhau, mọi người yêu cầu, cháu lại biểu diễn tiếp, cháu muốn đem lại niềm vui cho mọi người! Hôm sau cháu phải trở về Mátxcova. Thời tiết vào những ngày đó thường xấu không bay được. Hai lần cháu Igor đi tiễn dì, khi về lần nào cũng nói: “Thế nào ngày mai dì cháu cũng bay được”.

Trong gia đình chúng tôi có một quy ước: nếu ai đi xa, trước khi đi ra khỏi nhà, nhất thiết phải ngồi lại một chút trước lúc đường. Hai ngày liền chúng tôi làm như thế, đến ngày thứ ba, Natasa đi ra mở cửa ngay, cùng Igor bước nhanh xuống dưới. Natasa vai đeo túi, Igor cũng mang theo cái gì đó.

Trước kia tôi không bao giờ bước qua ngưỡng cửa trước lúc người đi xa bước qua. Lần này cửa đã mở sẵn, tôi đứng đó nhìn theo sau hai dì cháu đang vội vàng chạy đi. Bỗng nhiên, không hiểu sao một ý nghĩ gàn dở thoáng qua trong đầu tôi: Đây là lần cuối cùng mình nhìn thấy con?

Hôm ấy là ngày chủ nhật, tôi xuống nhà bếp nhìn qua cửa sổ ra ngoài; kia, hai dì cháu đang vào tắcxi, xe chuyên bánh. Và trong đầu tôi lại xuất hiện ý nghĩ ban nãy: Phải chăng đây là lần cuối nhìn thấy con?

Tôi đến phòng làm việc, lật đi lật lại giấy tờ một cách vắn vơ, vô nghĩa, ngóng chờ tiếng chuông điện thoại. Vì Natasa đã hứa khi chuyển bay được thông báo chính thức, thì cháu sẽ cho Igor lên tắcxi, và sẽ gọi điện thoại về ngay.

Tiếng chuông điện thoại réo gắt phá tan sự tĩnh lặng trong phòng. Tôi cầm ống nghe và nghe thấy giọng Natasa; “Bố ơi, thời tiết xấu, vẫn không bay được, con sẽ trả vé, ngày mai con đi tàu hỏa” “Ừ, cũng được, thì đi tàu hỏa”.

Trên đường về nhà, Natasa ngồi ghé trên bên cạnh người lái xe tắc xi, Igor cùng đồ đạc ngồi ở ghế sau. Lái xe là bạn học cũ và cùng tuổi với Natasa. Khi xe đi ra đường chính từ Đavilốp thì lái xe cua gấp sang phải, xe không ăn tay lái hay bay thẳng vào dải phân cách phía trước văng ra đâm ngang vào chiếc xe tải hạng nặng. Đứng vào chỗ Natasa ngồi... Cú va mạnh, bắn chiếc xe ra mép đường. Người lái xe theo quán tính chân vẫn đạp ga, tiếng động cơ rú ầm ĩ. Người trong xe bị choáng còn xung quanh thì tíu tít lo lắng. Tiếp theo sau là chiếc xe chở người đi dự cưới về. Khách trên xe nhẩy xuống đường tìm cách mở cửa tắcxi bị kẹt. Thêm người tiếp sức từ các xe khác, mở được cửa, đưa Natasa ra ngoài, giữ xe đi qua đưa ngay vào thành phố. Chiếc mũ trên đầu Natasa rơi ra, được nhặt lên và úp sụp sâu vào trán.

Igor và đồ đạc được đưa vào xe tắcxi đi sau. Sau này Igor kể lại: Hai dì cháu và có một đôi nam nữ trẻ đến điểm đỗ tắcxi cùng một lúc, hai bên lịch sự nhường nhau chọn xe mất hàng phút. Thế mà bây giờ chỉ có mình cháu về, không thấy dì Natasa đâu.

Tiếng chuông điện trong nhà vang lên. Tôi ra mở cửa và chỉ thấy mình Igor cùng đồ đạc. Tôi vội vàng hỏi: Thế còn Natasa đâu?... Cháu hoảng quá chỉ nói lí nhí: “Chúng cháu bị tai nạn. Có lẽ người ta chở dì Natasa đi bệnh viện”.

Bắt đầu những phút chờ đợi sốt ruột, sốt gan: Kia kia, con nó sắp về rồi, phải thế chứ sao khác được?

Lúc thì tôi chạy xuống nhà bếp nhìn qua cửa sổ ra ngoài đường, rồi lại chạy vội ra cửa, khép hờ để con có về thì khỏi phải bấm chuông chờ. Natasa sẽ về bây giờ mà!

Nhưng chẳng thấy bóng dáng con đâu... Tôi bắt đầu gọi điện dò hỏi các bệnh viện. Người ta giải thích rằng, hôm nay là ngày nghỉ chỉ có bệnh viện “Igromas” trực. Đây là bệnh viện của nhà máy chúng tôi, nó ở ngay cạnh đường đi sân bay... Thế nhưng gọi hai lần đến hỏi đều được trả lời là cháu không có ở đây.

Tôi gọi điện cho Vichia, con trai và các bạn bè hỏi xem phải làm gì bây giờ? Ai đó khuyên tôi: Gọi điện ngay hỏi công an!

Tôi quay 02 và được nghe câu trả lời: “Con gái ông trong nhà xác bệnh viện IZMAS”. Đầu tôi tưởng như vỡ tung ra, bàn tay như chết trên đĩa điện thoại. Igor tự gọi điện cho Vichtor sau đó cho người bạn cũ của tôi, tướng Nheverốp Nhicôlai Ivanôvích, ông ơi, hãy đến nhà cháu.

Ba chúng tôi phóng đến bệnh viện, suốt thời gian trên đường tôi nghe tiếng họ cứ nói như tận đâu vắng



lại: “Cứ bình tĩnh... đây là một sự nhầm lẫn... chính anh cũng biết là nhầm lẫn”.

Đến bệnh viện, người ta dẫn chúng tôi đi lòng vòng, rồi tới nhà xác, trong đó có những xác chết không còn nhận dạng được nữa. Tất cả trong tôi như cứng lại, như muốn kêu to lên: Chúng ta đến đâu thế này? Đến để làm gì!... Và tôi đã nhìn thấy Natasa ở đây... Sao họ lại mang nó đến đây? Sao họ lại để con một mình ở đây – giữa các xác chết?!

Tôi chạy lại ôm chầm lấy Natasa và lặp đi lặp lại mãi một câu: “Natasa con ơi, con vẫn sống sao con lại ở đây?... Giờ chúng ta sẽ đi khỏi đây, con ơi...?”. Tiếng con trai và người bạn không lọt được vào tai tôi. Chỉ loáng thoáng, đứt đoạn từ rất xa vọng tới rồi rạc: anh... bình tâm... Natasa không còn... làm sao được... anh nghe thấy không? Không còn nữa...

Sao lại không còn?

Gì thế nhi, phải chăng tất cả chúng tôi: Natasa tội nghiệp, tôi, Vichtor và Nhicôlai, các bác sĩ, y tá, tất cả thành phố, mọi vật xung quanh đang ở trong con ác mộng chẳng?

Khi Natasa nằm ở nhà, xung quanh là những bó hoa, người y tá già nức nở: “Bác quý con lắm... Bác nhớ con lắm, con ơi!... Lúc nào gặp bác, con cũng chào hỏi – con rực sáng như mặt trời sưởi ấm... thế mà giờ đây bóng đen lại mang mất con thế này!

Người qua đường đã chở cháu vào thành phố, đến bệnh viện, tìm bác sĩ trực. Người y tá già, người quen của chúng tôi chạy ra kiểm tra.

Đến cạnh xe, người y tá vành mắt Natasa ra và trút một hơi thở theo thói quen: “Chúng tôi không thể làm gì được nữa. Cậu bé đã chết. Giờ phải chờ người dự thảm”. Những người đưa cháu nói với người y tá: “Sao lại thế? Suốt đường đi tôi vẫn còn nghe cháu rên mà”. Có thể rên – người y tá nói – Nhưng bây giờ thì nó hết khổ rồi.

Natasa đáng vóc nhỏ bé, hôm ấy lại mặc quần và áo sẫm đây, đội mũ lông đàn ông hai lớp, chân đi ủng.

Khi cháu sinh ra tôi đã gọi đùa là Vaxenca con trai của bố, và giờ đây cháu ra đi là “một cậu bé không còn nhận ra”.

Chúng tôi chôn cất Natasa bên cạnh mẹ cháu. Bên tấm bia kỷ niệm trên mộ cháu luôn có hoa tươi... Khi còn sống cháu đã dành tình cảm ấm áp cho tất cả mọi người. Tình cảm đó, thật quý giá vô cùng, nhất là đối với tôi, người suốt cả cuộc đời theo đuổi một mục đích, tuân thủ một ý chí, bỏ ra bao sức lực trong phòng thiết kế, trong nhà máy, ngoài thao trường, phòng làm việc, họp hành – hội nghị.

Cái mục đích ấy, ngay cả hôm nay tôi vẫn coi là vĩ đại... Thế nhưng khi thiếu vắng nụ cười của Natasa, mục đích ấy hình như trở nên lu mờ và tẻ nhạt.

Trên tấm bia của Natasa có khắc dòng chữ số “30.1.1954 – 13.11.1983”. Trong dân gian quan niệm ngày 13 là ngày xấu... Thế nhưng đối với tôi, hình như con số đó lại là con số may. Suốt gần ấy năm trời, cứ mẩu sừng nào mang số 13 là khi thử toàn diện đều trôi chảy, hầu như không có nhận xét về khuyết tật.

Đi đường tôi cũng thích chọn con số 13, mọi người biết điều đó. Nhiều lần các đại biểu Xô viết Utmuri đi Mátxcova họp, khi lên tàu ở Igiepxk, thế nào cũng có ai đó nói to: “Đừng ngồi vào ghế số 13 nhé! Số này suốt đời dành riêng cho nhà thiết kế đấy!”

Tôi quen nghĩ thế, nên thỉnh thoảng phải ghi ngày sinh 10.11 thì tôi lại viết thành 13.11. Nhưng lần này, chính con số 13 chứ không phải con số nào khác lại trở thành nỗi bất hạnh cho tất cả chúng tôi: Ngày Natasa vĩnh viễn rời bỏ cuộc đời. Và nỗi đau ấy hòa cùng với những hồi ức hạnh phúc – tất cả giờ đây trong thực tế đã “gắn liền” suốt đời với tôi...

Mỗi năm vào ngày sinh Natasa, bạn bè của cháu lại tập trung ở nhà tôi. Sau này có người kể với tôi rằng: Một lần người lái xe tắcxi cũng đến và ngồi khóc lặng lẽ.

Ở ngoại vi thành phố, trên bờ cái hồ lớn của nhà máy, mà từ xa xưa Đirabin đã xây dựng, có một khu nhà nghỉ nhỏ của chính phủ Utmuri. Hàng năm tôi tới đây nghỉ, nhưng ngôi nhà dành cho tôi lại ở nơi ồn ã nhất. Không thể tập trung làm việc được, không thể nghỉ ngơi được gì, vì cũng phải chào hỏi nhau qua lại vào câu với người đi qua, ghé vào.

Và cuối cùng người ta làm cho tôi một hàng rào chắn riêng, thế là nhà tôi ở ngoài hàng rào chung, ngôi nhà nhỏ đặc biệt bằng gỗ ván. Xung quanh là rừng, vốn từ trước vẫn thế. Nhưng từ khi tôi chuyển về đây, tôi trồng thêm cây cối nên vườn trông rậm hơn.

Khi đi câu cá hay đi săn về tôi thường mang theo cây con về trồng. Tôi thấy cây con nào mọc ở những chỗ khó khăn nguy hiểm, khả năng không tồn tại được lâu là tôi cẩn thận đào lên và mang về khu vực xung quanh nhà ở trồng lại. Tôi trồng, chăm sóc và bắt đầu lo lắng: Liệu thân cây non nớt kia có bén rễ ở nơi

mới không?... Tôi trò chuyện với chúng, động viên an ủi chúng: rằng, không sau đâu, rồi mọi việc sẽ qua đi tốt đẹp, mi có thấy không, ta đã già lắm rồi? Hãy gắng lên! Và những thân cây nhỏ bé dường như hiểu hết lời tôi, đáp lại sự chăm sóc của tôi, lớn lên như thổi, dường như ra sức để làm cho tôi và chúng cùng vui chung. Cứ thế chúng lớn lên, tự biến đổi, xum xuê hơn, cân đối hơn. Có những cây cong queo, xấu xí trong rừng, chẳng hiểu sao tôi thấy thương hại, nên mang về trồng, rồi nó lớn lên, và thật bất ngờ trở thành một cây xinh đẹp.

Còn cây bạch dương này, nhìn thấy ngay dáng thon thả xinh đẹp tuyệt vời của nó. Nhưng kể liền bên, thấy rõ vết hằn sâu của xích sắt máy kéo... Liệu nó còn đứng đây được lâu không?

Tôi đào lên, cho vào túi xách mang về trồng bên cạnh công. Tôi gọi tên cây bạch dương này là Natasa. Nó thật hồ hởi và vui thích nhận cái tên này!

Tôi chăm sóc nó đặc biệt cẩn thận. Vào mùa khô, những ngày nóng bức, tôi đi từ thành phố ra để tưới nước cho nó, và nó lớn lên không phải từng ngày mà từng giờ. Sau ba năm đã thành một cây cao và cân đối! “Hãy lớn lên – Tôi vỗ về nó – hãy lớn lên đi, Natasa!”

Kể liền, phía bên kia đường là một cánh rừng dày đặc, có biết bao nhiêu là bạch dương và các loại cây khác, nhưng vì cây này tôi mang từ xa về, đem lại cuộc sống mới cho nó ở nơi an toàn, nên giờ đây nó mới dịu dàng và xinh đẹp làm sao.

Nhưng rồi một hôm, vào mùa xuân, tôi đến thăm cây bạch dương thân thiết ấy, thì thật không tin vào mắt mình nữa. Nó đâu rồi, cây bạch dương xinh đẹp? Đâu rồi Natasa?!

Tôi lao đến công... Không còn nữa. Bàn tay nhẵn tâm nào nữ chặt cây sát tận gốc.

Cháu Igor thấy tôi phẫn nộ đến nghẹt thở, bèn tiến đến gần gốc cây, lấy tay xoa xoa mặt gốc rồi chia lòng bàn tay cho tôi: “Ông ơi, nhìn này!... Bao nhiêu là nhựa, có lẽ nó mới bị chặt”.

Tôi trả lời cháu: “Đây không phải là nhựa bạch dương, mà là nước mắt Natasa đấy”. Tôi đã bật khóc. Đó là những giọt nước mắt của tôi dành cho Natasa yêu quý.

## BỨC THƯ CỦA GASA

Tôi nhận được thư từ Curia, lúc đầu đọc còn thấy vui, đọc xong thấy trong lòng trĩu nặng: Gasa chị cả tôi – nữ mẫu của tôi, kể lể lắm chuyện lời thôi quá. Bà đã chín mươi hai tuổi. Ở một gia đình đông con như gia đình chúng tôi, đứa lớn trông đứa bé, thì chị thật tội nghiệp, phải trông coi tất cả. Có lần trên tivi tôi thấy cảnh người kéo chuông cùng một lúc phải kéo mười quả chuông, bất giác tôi nhớ lại ngày mình còn thơ bé chị đã phải đưa đẩy hai cái nôi treo một lúc. Thường thì dùng hai tay để đưa, mỗi tay thì dùng chân để đỡ, cốt làm sao để cho tụi em hay kêu thét ấy im cho. Còn chị Gasa thì qua tay bao nhiêu là đứa em, bao nhiêu là trường hợp để mà hồi tưởng lại.

Tôi bảo cháu Igor quay lại cuộn băng mà cháu đã ghi ở Curia năm năm trước: Khi Anhia còn sống, chị hay cùng Gasa cười đùa, gọi vui nhau là “cô gái”: “Này, cô gái, cô còn nhớ đã đánh đổ chai dầu, chảy mất phần tư chai, nhưng lại nói...”. Gasa vẫn còn nhớ hết những câu thơ mà chị đọc thuộc lòng cho chúng tôi nghe khi bé, đang đọc chị phải dừng lại, vì đứng lâu, đọc nhiều mệt, thế nhưng ngồi đọc thì lại không muốn.

Sau đó trên màn hình xuất hiện mảnh vườn nhỏ trước nhà Gasa. Trong vườn rực sáng bao nhiêu là hoa đình hương và cẩm chướng đang độ nở! Và lại nghe thấy tiếng nói: “Mọi người nói với tôi rằng “cô” như thiếu nữ ấy. Vẫn còn thích trồng hoa. Tôi cũng rất yêu cái đẹp, nên tôi rất thích trồng hoa. Dù sau đó có bị ốm, phải nằm, tôi vẫn cuốc xới, trồng tía, tưới tắm, chăm sóc... “Khoai tây tôi cũng tự trồng, chăm sóc như vậy... nhiều lúc chân thì đau – mà đôi khi lại cảm thấy như “không có chân”, thôi thì đau gối, đau đau chân các kiểu nhưng vẫn cố! Nếu có nhờ thì thế nào mợ ấy chả đến giúp. Nhưng không muốn lụy, sự thể là tính nhà “Kalasnhicóp” vẫn thế mà. Thôi thì có ốm o, mệt mỏi tự mình làm vẫn hơn đi nhờ. Thế còn tự mình giúp đỡ ai việc gì thì lại khác. Chả cần phải đến gọi, người nhà Kalasnhicóp vẫn thế, thấy họ hàng hay hàng xóm láng giềng có việc gì làm không nổi thì lặng lẽ đến giúp. Chẳng ai hỏi chúng tôi cũng đến.

Đêm đã khuya tôi mới viết lời chúc sức khỏe chị Gasa, nhưng nằm mãi không ngủ được, rồi bỗng nhiên nhớ lại một câu chuyện đã lâu: Cũng về hoa.

Khi ấy, tôi mới được bầu làm đại biểu Xô Viết, trong một lần đến công tác ở một huyện phía bắc, sau cuộc họp, chúng tôi ra đứng ở bậc thềm, tôi nói với người bí thư huyện ủy: Sao ở ngay trước cửa mà lại để cỏ dại mọc hoang thế, ở đây khó trồng hoa lắm à?

Hôm sau tôi sang huyện khác. Tôi thấy trước câu lạc bộ có một vườn hoa rực rỡ làm sao!... Tôi lấy làm lạ, song vì công việc bận bịu nên tôi quên không hỏi tới!

Sau đó khoảng ba tháng, tôi lại về chính huyện này công tác, lúc đó đã có tuyết đầu mùa. Tôi ngắm vườn hoa, vẫn thấy rực màu. Tôi nghĩ thầm: Hoa gì thế?... giống đặc biệt chịu rét?

Đến gần, lấy tay cầm lấy một cành hoa thì thấy cả cành lẫn hoa tụt ra khỏi đất... hóa ra là hoa giấy, dây sắt giả làm thân!

Thế là tôi đã hiểu ra chuyện: huyện láng giềng đã gọi điện báo: Ông đại biểu đã hỏi sao lại không trồng hoa?... Vậy là cỏ lập tức được nhổ đi và cắm hoa cúc giấy vào đấy, sau nhìn thấy quen, để luôn vậy.

Tôi giấu bông cúc giấy trên tay và hỏi bí thư huyện ủy ra chiều chưa biết: “Này, sao các anh không lấy hạt để giống?... Bỏ phí mất loại hoa đặc biệt!”

Anh ta nhìn tôi với đôi mắt chân thật và nói sôi nổi “Giờ thì chưa rét lắm đâu ạ, thế nào chúng tôi cũng kịp thu hoạch...”

Tôi thật chết lặng người: Hay, hay!

Thế rồi, tôi lại có dịp trở lại huyện, lần này vào mùa hè... Các bạn có biết không? Trong đời tôi, thực chưa thấy có vườn hoa nào đẹp hơn, rực rỡ hơn vườn hoa trước cơ quan huyện ủy.

Tôi phát hiện thấy mắt người bí thư huyện ủy long lanh ra chiều muốn tôi hỏi về vườn hoa. Biết thế, tôi hỏi với giọng buồn buồn: Thế ra hồi ấy anh vẫn kịp thu hoạch hạt giống hoa?

“Vâng, chính đồng chí thấy đây” – anh ta trả lời giọng ráo hoảnh.

“Những bông hoa tuyết vùi!” – tôi nói.

Anh ta cười rất thoải mái: “Đất tốt lắm ạ, Mikhin Timôpheevích! Đất Umorechia mà!” “Nhớ lại chuyện này, tôi cười thầm trong bụng, nhưng rồi vẫn không ngủ được và lại nghĩ tiếp: Lúc gia đình chúng tôi chuyển từ Cuban đến Antai, Gasa mới là một cô bé on. Bà vẫn cứ nhắc lại mãi rằng, bà phải lẻo đẻo “như anh lính tốt đen” theo sau xe ngựa kéo chở chiếc máy đập lúa “từ Nôvônhicôlaepxk”... Sau đó tôi được sinh ra ở làng Curia, và khi còn bé xíu tôi đã được chuyển đến lên phía bắc hẻo lánh, trên chiếc xe trượt tuyết vào mùa đông. Sau nhiều năm, tôi về hẳn với Curia không phải bằng xương bằng thịt mà “bằng

đồng” – trên một chiếc xe tải lớn, theo sau là chiếc xe cẩu; Tôi được dựng tượng bán thân ở chính quê hương mình.

Ở đó chị Gasa đang sống nốt quãng đời của mình – bức tượng bán thân kia sẽ ở bên chị và có thể lâu hơn! Họ hàng tôi ở đây còn nhiều người lắm.

Nhưng, giờ đây, mảnh đất nào là quý giá nhất, gần gũi nhất đối với tôi... Antai? Xibêri? Kazácxtan?... Hay Umurchia, nơi tôi đã ở nhiều năm?

Cũng có lẽ – một Umurchia lao động, thân ái, ranh mãnh một chút, nơi mà có cả những bông hoa giấy cũng bùng lên rực rỡ...

## MƠ VÀ THỰC

Giờ tôi không thể nói chính xác được tôi đã mơ thấy giấc mơ này từ khi nào, nhưng dường như là, tôi luôn luôn mơ thấy nó. Tôi nhớ được bao nhiêu, thì mơ thấy bấy nhiêu: Buổi chiều, tôi đang đi trên con đường lạ, biết rằng còn xa mới có nhà ở, mà trời đang tối dần. Tôi vội rảo bước chân, sau đó chạy, nhưng ngày đã tàn, tôi làm sao đuổi kịp, xung quanh tối đen, không một đốm lửa... Có lẽ phải ngủ lại dọc đường, nhưng có một điều gì đó nhắc tôi rằng không thể ngủ lại được, trong lòng tôi không hề lo lắng mà tràn ngập một nỗi buồn cay đắng vì bất lực; Phải chăng ta không đủ sức để đi tới đích?

Tôi đã nhiều lần tìm cách giải nghĩa giấc mơ thường đến này, tìm mối liên hệ nó với cuộc sống thực tại, mà tôi cho rằng nhất định nó có thực.

Ngay cả bây giờ tôi cũng không có thiên hướng nghiêng về thần học, mà lúc đó thì lại càng không, nhưng tôi vẫn muốn khám phá nguyên nhân, kết quả đúng đắn nào đó, tháo gỡ không phải các khối sắt thép mà là một cơ chế rất lạ, phức tạp hơn nhiều đó là cơ chế sinh học. Và các bạn có lẽ sẽ hiểu tôi.

Có một thời kỳ giấc mơ này cứ ám ảnh tôi mãi và tôi đặt thề nhủ: Do quá căng thẳng! Tất cả nguyên nhân là ở đó.

Nhưng giấc mơ cũ vẫn cứ ám ảnh tôi cho đến tận bây giờ. Một lần, tôi hài hước buồn bã nghĩ rằng ở một ý nghĩa nào đó giấc mơ ấy giống như “sản phẩm” AK-47 đầu tiên của tôi mà bây giờ người ta cải tiến, sản xuất tràn ngập cả thế giới: Các chi tiết nhỏ được thay đổi, còn cấu tạo và nguyên tắc làm việc thì vẫn như cũ. Thế là, giống như trong giấc mơ kia, sản phẩm của tôi cũng đang rong ruổi trên con đường dài vô định, biết là về đâu.

Có một lần, lâu rồi, tôi kể giấc mơ kỳ lạ của mình cho Climtencô, người bạn tâm tình vốn là thợ nguội ở Minsk nghe. Ông cũng như tôi, là đại biểu Xô Viết lâu năm. Quan hệ giữa chúng tôi gần gũi và thân thiết, chúng tôi rất hiểu nhau. Nghe xong câu chuyện ông nói:

- Có thể đây là giấc mơ tổ tiên truyền lại từ các đời cụ kỵ xa xưa, những người đầu tiên đến vùng Cuban từ một vùng xa lạ nào đó, phải chăng là như vậy? Rồi quyết định, rồi lại nghi ngờ, phải chuyển đi khỏi vùng đất đã quen thuộc từ lâu. Con đường dài xa hút mang bao là cây số trên đường sắt. Tất cả những nỗi lo âu, sợ hãi từ bao đời ấy giờ di truyền sang cậu – như là phần bổ khuyết cần thiết vào toàn bộ cái thiện trong ta, và chính vì thế mà ta mang ơn những người đã sinh thành ra ta... Đây, cậu có nghĩ thế không? Rồi chính cậu đã vượt qua bao đường đất trên những con đường to, nhỏ khác nhau. Ngay cả khi còn niên thiếu, cậu đã dám dấn chân vào cuộc hành trình xa xôi, trong rừng Taiga, mà cả đến người lớn, cũng chưa chắc dám liều thế. Rồi vượt vòng vây ngoài mặt trận, chuyển đi công tác về các quân khu, các trường bắn, mà cậu còn nói, đã đi dọc hết được biên giới. Chiếc đồng hồ ghi cây số riêng của cậu đã chỉ đến con số bao nhiêu? Tất, tất những điều đó cộng hưởng với giấc mơ di truyền dòng họ của cậu. Có lẽ không phải thế?... Cậu hãy nghĩ đi.

Nhưng lúc đó tôi chưa thật để ý đến lời nói của người bạn nay đã quá cố; câu chuyện ấy ban đầu tôi đã quên và gần đây tôi mới bỗng nhớ lại rõ ràng, chi tiết và sâu sắc hơn so với trước kia? Điều này không chỉ chứng minh rằng: Lứa tuổi làm ta vừa “lắm cảm” hơn nhưng cũng thông thái hơn. Và còn bởi những suy nghĩ căng thẳng dành cho cuốn sách, trong đó tôi đã nhắc tới biết bao nhiêu đường đi lối lại khác nhau.

Lúc ấy, tôi lại thức giấc vào nửa đêm, do giấc mơ quen thuộc từ lâu, với tay sờ tay nắm trên cánh cửa tủ đầu giường, lấy ra cuốn sổ tay. Không bật đèn, tôi bắt đầu viết tên gọi cuốn sách vừa đến trong đầu: “Từ ngưỡng cửa ngôi nhà khác đến cánh cổng tháp Xpaxki”... Bạn đọc sẽ hiểu rõ suy nghĩ: Phải chăng giấc mơ về con đường dài vô tận – là giấc mơ truyền kiếp của nước Nga chúng ta?... Có thể cả một đất nước có một giấc mơ như thế?

Ngày nay đất nước ấy đang bước đi một cách rất khó khăn, và trở nên mệt mỏi hơn bao giờ hết. Trời sập tối nhanh chóng... tiếng chó sủa xa ở phía sau và hai bên. Còn phía trước – không một đốm lửa.

Nhưng, cho dù phải chịu đựng những khổ ải đón đầu, cay đắng cực hình thì vẫn còn tốt hơn, còn xứng đáng hơn là trùm chặn tự mãn trong giấc ngủ ngọt ngào.

Như người xưa vẫn nói: núi cao thì mặc núi cao... ta không thể tránh, cần tiếp bước!

## CHIẾC “HỘP ĐEN” CỦA TÔI

Năm 1930, khi còn đang học phổ thông, một sự kiện xảy ra trong làng chúng tôi đều rõ cả. Vào những năm xa xôi ấy, phải nói thật rằng, đối với một số hộ nông dân thực sự là một thảm họa. Liên tục có các cán bộ được ủy quyền đến làng tổ chức họp “bản cố nông” – như hồi đó vẫn gọi thế. Trong các cuộc họp này, tiến hành phân lại các hộ thành ba thành phần: bản cố nông, trung nông và kulác. Hộ nào thuộc thành phần thứ ba thì bị tịch thu tài sản, còn người thì bị đi đày Xibêri xa xôi.

Các cuộc họp thường diễn ra sôi sục, đôi khi kéo dài suốt đêm từ tối đến sáng.

Nếu bạn phát biểu tranh cãi, không tán thành khi ai đó chưa tới mức “phú hào” mà đã bị liệt vào thành phần thứ ba, thì chính bạn sẽ bị quy là “kulác lớp dưới”.

Vậy bạn có dám liều, có thử bênh che cho cho người láng giềng của bạn?

Biết bao nhiêu nước mắt đã rơi, khi những người được lệnh tịch thu tài sản đến nhà. Những gì được coi là thừa đều bị lấy đi: gia súc, gia cầm, lúa mì, thậm chí cả khoai tây là nguồn thực phẩm chính của người nông dân cũng bị lấy. Họ khám xét kỹ xem anh ta có chôn giấu kỹ ở đâu đó không. Người nông dân không thể tưởng tượng được khi nghe nói: “cái này, cái kia mà thừa không được giữ”.

Bọn trẻ con biết rõ bố mẹ thằng nào tích cực ủng hộ việc tước quyền công dân và những ai có quá hai con ngựa và số lượng các gia súc khác quá quy định đầy đi Xibêri. Trong trường học bắt đầu phân hóa, hỗn loạn, ở đây, cũng phân rõ ra kẻ giàu người nghèo, thôi thì mắng nhiếc, lăng mạ các kiểu, đôi khi dẫn đến ẩu đả dữ dội. Các từ mới: kulác, kulác cấp dưới, địa chủ, bọn ăn bám... đã trở thành những từ thông dụng hàng ngày. Trong các trận ẩu đả “bọn ăn bám” luôn bị buộc tội, mặc dù chúng chẳng bao giờ gây sự trước mà chỉ tự vệ.

Thế còn khoảng cách giữa giàu và nghèo có lớn không? “Người giàu” thường là gia đình đông người nên phải nuôi gia súc, gia cầm nhiều hơn. Đây, ta thử phân tích ra mà xem.

Vào một ngày mùa đông, khi đến trường, chúng tôi được nghe tin rằng, đêm qua có bốn học sinh cùng cha mẹ bị đưa ra ga đường sắt để sau đó đưa tiếp đi Xibêri xa xôi. Cô giáo kể lại rằng, cả làng nghe thấy tiếng khóc của những người bị đi đày. Điều này đã tác động nặng nề đến nỗi, chúng tôi cảm thấy như mình có tội trước những người bạn đang ở trên con đường vô định

Một năm học kết thúc, người nông dân như thường lệ, chuẩn bị bắt tay vào vụ xuân ngoài đồng. Tôi lại được nhà hàng xóm thuê đất ngựa. Khi thỏa thuận với nhau, người chủ khen tôi vụ trước làm tốt, bố tôi thật hơi lòng, hơi dạ khi nghe tôi biết tiếp xúc với ngựa và chúng nghe tôi điều khiển.

Chỉ có ai đã từng làm vụ hè thu ngoài đồng mới hiểu biết nỗi khó nhọc của công việc nhà. Trong những ngày dài lê thê vô tận ấy, từng đàn ruồi, muỗi, nặng hấu ăn bay rào rào tấn công anh.

Anh phải đánh đuổi chúng không chỉ để bảo vệ mình... Anh vung roi quật vào những mảnh da ngựa rung rung đuổi ruồi, ruồi thì chẳng chế, vết roi hằn lên da, nhìn mà xót xa cho thân con ngựa và xót xa cho cả chính mình.

Tuy vậy, cuộc sống này trên mảnh đất ruột thịt nuôi sống ta vẫn được các nhà văn chúng ta mô tả thật là đẹp.

Vậy nên, tôi chuyển sang mô tả một năm nặng nề ấy: Năm ba mươi mốt.

Mấy tháng đã trôi qua, kể từ khi đợt đầu các hộ nông dân bị đưa đi đày ở Xibêri. Họ hàng thân thích đã nhận được những bức thư đầu tiên của người nhà đang dần ổn định nơi ở mới. Đã có biết bao dòng nước mắt rơi khi đọc những bức kể về nỗi gian nan, bất hạnh đổ xuống đầu những người di cư đợt đầu. Đường xá đi lại không có, sự đối xử thô bạo của những người phụ trách và quân lính hộ tống, sự nghi kỵ của những người dân Xibêri sống trong các làng heo hút, họ đề phòng người láng giềng bất đắc dĩ, đông con và thường là đói khổ.

Năm học mới bắt đầu, trong các lớp học, giữa học sinh với nhau lại bùng lên những trận cãi nhau, đánh nhau, thật khó mà hiểu nổi nguồn gốc sinh ra những vụ lộn xộn giữa những đứa vốn là bạn chí thiết của nhau ấy. Ai chịu trách nhiệm về tất cả những tội lỗi này? Và trẻ em như là một phong vũ biểu có độ nhạy cao, nó như đang báo trước, những cơn bão giữa những người lớn và mối đe dọa thực sự đối với tất cả chúng ta.

Lại như năm ngoái, đoàn cán bộ được ủy quyền đặc biệt đến làng để tổ chức giai đoạn hai đánh đổ kulác và chuẩn bị đưa người đi đày Xibêri đợt hai.

Lần này gia đình chúng tôi cũng nằm trong số đen, nghĩa là sẽ bị “loại bỏ kulác như là một giai cấp”. Bố tôi hiểu rõ rằng từ những xung đột của trẻ con có thể dẫn đến những hậu quả khó lường, nên đã gọi cả sáu

anh em chúng tôi đến rồi dọa; “Đứa nào mà tụ tập, gây gổ với bọn con nhà bản cổ nông thì tao sẽ vất đầu ngay lập tức!” Chúng tôi biết rõ, bố tôi không bao giờ nói suông cả. “Đứa nào cứng đầu” đã nhiều lần biết rõ thế nào là tính tình nghiệt ngã của người.

Vào một ngày mùa đông, người ta lùa vào chiếc sân rộng nhà tôi một số lượng lớn bò, cừu đã được tịch thu của các hộ nông dân bị đày đi Xibêri...

Bao nhiêu sức lực bố tôi đều tập trung vào làm kinh tế, chiếc nhà cũ của chúng tôi như đang run rẩy không chịu nổi trước tiếng kêu ầm ĩ đủ giọng của cả đàn gia súc lớn.

Qua cửa sổ, chúng tôi thấy những con bò mẹ cùng với những con bê, lợn, cừu và như là linh cảm thấy cái chết sắp tới, chúng cứ chạy quanh hàng rào để tìm lối thoát. Những con bò đực to lớn vốn tiếng rống của nó từ xa đã làm cho tim ta như muốn rung lên, thế mà giờ đây tiếng nó khè khè, tắc nghẹn, nặng nề quanh quần làm đất bắn tung tóe vào nhà kho, vào tường.

Bất ngờ có mấy người đàn ông khỏe mạnh trong tay cầm rìu và dao đi vào nhà chúng tôi. Và lần đầu tiên tôi được thấy cảnh chỉ cần đập một búa mà người ta có thể hạ gục con bò mộng to lớn, tưởng như không ai thắng nổi nó. Khi hai chân trước con bò vừa khụy gối xuống, đồ vật sang bên hông, người nông dân thứ hai nhanh chóng cắt cổ con vật. Nó như hồi tỉnh lại một chút sau cú đập, định nhôm đứng dậy, nhưng đã muộn, máu từ cổ phun tung tóe ra sân. Bắt đầu xả thịt, xương bò, cừu... Toàn bộ nội tạng được vất ra ngoài hàng rào thành một đống, trong đó nhìn thấy rõ những con bê và cừu non chưa hề đang cựa quậy... Mặc dù cảnh tượng thật là khủng khiếp, nhưng những người nông dân mình dính bê bết máu vẫn cười đùa thân nhiên: “Thế là ta giúp ông chủ khỏi phải trông nom tất cả chúng nhè, giúp các cháu nhỏ khỏi phải nghĩ ra trò: chăn nuôi khoa học.”

Về sau tôi mới hiểu ra! Những người nông dân này là bố của những đứa lóp tôi, nhà họ không có gia súc.

Họ giết sau cùng bò và cừu nhà tôi. Sau khi họ mang các súc thịt và da treo trên một chiếc sào gác ở sân đi khắp sân nhà tôi trông thật khủng khiếp. Bố tôi sai anh em tôi lấy xẻng hót tuyết lấp kín các vũng máu, nhưng xung quanh sân chỗ nào cũng có máu đọng, nên phải hót tuyết từ vườn vào, và thậm chí phải sang bên vườn nhà bên hắt sang – Đó là một gia đình bị quy là culắc một năm trước.

Nhà tôi ngoài sáu anh em trai còn có hai chị em gái. Các chị đã đi lấy chồng, và đã có gia đình riêng.

Chị cả Gasa đã có bốn cháu, còn chị Nhura mới lấy chồng được một năm, nhà chồng nghèo lắm nhưng hay lam hay làm. Chồng chị Gasa là người cộng sản đầu tiên trong làng. Ông biết gia đình tôi bị liệt vào danh sách đi đày từ lâu nên cấm tiệt chị Gasa đến nhà tôi. Biết làm thế nào được, chồng chị vẫn là chủ gia đình mà! Ông đặt Đảng lên trên hết. Và thế là chúng tôi cũng không đến nhà ông nữa.

Tôi nhớ có một lần, khi đi học về tôi nghe thấy tiếng người lảng mạ chế riều tôi từ một khe công túp lều xiêu vẹo. Tôi tức lắm, chỉ muốn đập cho nó một trận, nhưng nhớ tới lời cha tôi dặn, mà ông thì chẳng bao giờ nói suông cả... Tôi tức đến chảy nước mắt, đành chạy xa khỏi túp lều để cho thẳng đều lười chảy xác, thậm chí không dám đến gần ngựa ấy, khỏi nhìn thấy những giọt nước mắt của tôi. Bố nó cũng lười biếng như nó. Người nhà chúng tôi và nhà láng giềng gọi ông ta là “hãi cả tiếng kêu của xe ngựa kéo”.

Vài ngày trôi qua, trong tĩnh lặng khác thường, không nghe thấy cả lời nói to, không tiếng gà gáy. Hôm ấy, có hai xe trượt tuyết chứa đầy rom đến nhà chúng tôi. Ngày ra đi về nơi vô định của gia đình chúng tôi đã đến. Chúng tôi xếp trên xe tất cả những gì có thể mang theo được rồi vội vã ngồi lên xe. Những chiếc xe xa lạ đưa chúng tôi rời khỏi ngôi nhà thân yêu của mình.

Tiếng khóc nức nở của mẹ tôi trên xe, tiếng gào của Nhura chạy đuổi theo xe làm cho anh em trai chúng tôi cũng chảy nước mắt. Bố tôi chỉ nói đi nói lại một câu khô khốc: “Thôi, thế là đủ rồi”.

Anh trai cả Vichto mới cưới vợ vài ngày trước đó đã đi trốn ở nhà khác. Công an tìm kiếm ráo riết, nhưng không thấy, vì vậy chúng tôi lên đường không có anh ấy.

Sau đấy vài tuần, có một “người tốt bụng” chỉ cho công an biết nhà anh Vichto trốn. Việc này phải trả giá bằng bảy năm lao động trên kênh đào Bêlamôr. Bảy năm sau khi được tự do, Vichto hỏi người phụ trách: “Tại sao tôi phải cải tạo bảy năm?” Người phụ trách cười khẩy, nói: “Hà, mà không biết tại sao à?” Người phụ trách xé bỏ tờ giấy chứng nhận anh được tự do và bắt quay về nơi cũ. Thế là mất đứt hai năm nữa, anh mới được tuyên bố tự do. Lần này anh chẳng hỏi han gì nữa. Nhận xong giấy chứng nhận, anh lặng lẽ đi ra chẳng dám thốt ra nửa lời.

Đoàn người đi đày của huyện tôi trong cảnh nước mắt, khóc than của phụ nữ và con trẻ, cuối cùng cũng đến được ga đường sắt Pôxpelik.

Ở đây đã có đoàn tàu gồm các toa chở bò, chở chúng tôi.

Đối với bọn trẻ chúng tôi, ngay từ đầu đã cảm thấy các toa tàu mới tuyệt làm sao chứ! Vì chúng tôi có nhìn thấy toa tàu nào khác bao giờ.

Bắt đầu xếp lên toa. Làng tôi và làng bên vào chung một toa. Bố mẹ chúng tôi biết họ, còn chúng tôi nhìn họ cứ như là nhìn người ngoại quốc.

Những chiếc cửa sắt nặng nề luôn đóng. Khi nào dừng, ai muốn ra phải được phép của người chỉ huy đi hộ tống đoàn tàu.

Ánh sáng lọt vào toa qua các khe hở ở cửa và qua lỗ cửa sổ nhỏ xíu. Khi đoàn tàu chuyển bánh thì bố mẹ chúng tôi lấy chân chắn một góc toa lại, để chiếc xô sắt to vào đấy làm nơi đi vệ sinh. Nhờ có bóng tối trong toa và tiếng đập mạnh của bánh xe sắt nên có thể sử dụng nhà vệ sinh kiểu ấy được. Chỉ được phép đổ thùng khi tàu đỗ, lúc ấy cánh cửa được mở, hay nói đúng hơn, được đẩy ra một phía. Những người đàn ông có thể thực hiện thao tác này cả khi tàu đang chạy, để tránh mùi khó chịu bốc lên trong toa kín mít, có lò sưởi gang.

Đã đến ga cuối cùng, ga Taiga (rừng rậm). Mọi người vội vàng xuống toa, chất đồ đạc lên xe trượt tuyết.

Người lớn mang đồ đạc vào lán trại, chờ ở đó khi nào có xe ngựa đến đón thì đi tiếp.

Lán trại làm bằng gỗ, trong đó có sạp ván bốn tầng làm chỗ ngủ. Bọn trẻ chúng tôi chỉ trong nháy mắt đã trèo tốt lên tầng bốn, sát mái. Bố mẹ chúng tôi thì ở tầng dưới.

Sau hai ngày ở đây, được cấp một số thực phẩm, thì có một đoàn xe ngựa dài, đủ các kiểu khác nhau, do những người nông dân râu tóc rậm rạp đến đón chúng tôi tới huyện Bactraroxki. Huyện này ở đâu, nó như thế nào không ai biết. Nếu có hỏi sẽ được trả lời ngắn gọn: “Bí mật quốc gia”. Con đường đi này dài hun hút và đầy gian nan. Nhưng rồi vẫn đến được Bactraroxki. Những người đàn ông đánh xe phải vất vả cùng chúng tôi suốt chặng đường dài, vội vàng vớt đồ đạc chẳng có gì đáng giá của chúng tôi xuống những đồng tuyết sâu. Đến rồi.

Người chỉ huy đeo súng lục bên hông, chuyển danh sách đoàn chúng tôi cho người chỉ huy địa phương nơi chúng tôi thuộc quyền quản lý. Nhiệm vụ của người chỉ huy địa phương là phân chia chúng tôi đến các làng mạc trong rừng. Bắt đầu có những lời cầu xin ai đi cùng với ai, còn đi đâu thì không quan trọng. Tôi nghe thấy ai đó nói với người chỉ huy: “Thưa đồng chí chỉ huy”, nhưng anh ta chẳng cho nói tiếp lời yêu cầu. Anh ta nói to đùng đặc để cho mọi người đều nghe thấy: “Ở trong rừng Brian này, đồng chí của các người là chó sói, còn ta với các người là ông chỉ huy. Hãy nhớ suốt đời là chỉ được xưng hô với ta như thế.”

Ai đó không chịu nổi, nói nhỏ, như là lời cầu khẩn “Rõ khổ, gọi bằng đồng chí nó đơn giản dễ gọi hơn, chỉ có thể thôi”.

Người chỉ huy sửa lại bao súng lục, nói giọng giáo huấn: “Những gì mà các người có giờ không còn nữa. Trước mặt các người giờ chỉ là “ông chỉ huy”.

Sau sự việc này, trong óc trẻ thơ non nớt của tôi cứ phỏng đoán mãi sự khác nhau giữa đồng chí” và “ông, ngài” là ở chỗ nào? Những năm sau đó, nhiều lần có mặt ở các cuộc họp của làng, tôi còn được nghe đi nghe lại mãi những lời giáo huấn đầy đe nẹt này. Vẫn thế, tôi chẳng hiểu gì, và dần dần cũng quen: Tôi – cũng có thể gọi là ông công dân.

Đầu tiên, người ta dẫn chúng tôi đến những con đường gập ghềnh để đến làng Rêu Trên, nhưng được vài ngày lại bảo đi tiếp. Lần này chúng tôi đến làng Rêu Dưới. Ở đây chúng tôi được cấp một cái nhà bỏ không: tùy ý mà sắp xếp, tu bổ.

Láng giềng của chúng tôi là những tín đồ cựu giáo, người Kerogiác. Họ cư xử với chúng tôi không được thân thiện. Vâng, ai mà muốn thân với cả một đoàn quân đói rách có những năm tháng quý sứ chúng tôi. Nhưng người dân lương thiện Kerogiác sợ đến mùa hè tới, anh em chúng tôi sẽ “thu dọn sạch” vườn tược của họ chẳng?

Những lo ngại đó là vô ích. Vì bố tôi đã răn đe anh em chúng tôi nghiêm khắc đến mức, chúng tôi trở thành tấm gương tốt không chỉ ở làng mà còn ở cả toàn vùng người đi đây.

Sau này từ “người đi đây” được thay bằng từ “người di cư đặc biệt”.

Chúng tôi bắt đầu đi học ở trường phổ thông mới được thành lập. Mùa xuân đến, chúng tôi bắt đầu chuẩn bị công việc làm đồng. Công cụ lao động chính là rìu, cưa, xẻng. Trên các khoảnh đất rừng, chúng tôi phải đánh gốc cây, cuốc đất, gieo hạt và rào kín xung quanh. Lao động thật nặng nhọc cực khổ. Rồi lại còn bị ruồi, muỗi đông vô kể quấy nhiễu, hành hạ. Không có cách gì chống lại chúng được, kể cả màn quần vào đầu vào cổ.



Vào vụ xuân, tất cả đều ra đồng, từ đứa trẻ mới biết đi đến ông già, bà già ốm yếu. Một cuộc đấu tranh sinh tồn trong những điều kiện quá sức người của những người di cư bắt đầu.

Có một điều thật hiển nhiên là: muốn gieo hạt, muốn trồng rau, nhưng tìm đâu ra hạt giống?

Thôi thì gom góp mọi thứ có trong nhà đem đi đổi chác để lấy lương thực, thực phẩm làm giống và sống qua ngày. Tất cả mọi người, luôn hy vọng vào vụ tới, hay có thể nói, sống bằng hy vọng... Thật khó có thể diễn đạt bằng lời, cảnh chúng tôi hy vọng, chờ đợi vào vụ thu hoạch đầu tiên ở chỗ mới đến như thế nào.

Tôi còn nhớ rõ, vào một ngày mưa thu, chúng tôi đi gặt. Lúa đại mạch đã chín. Do chưa quen gặt tôi đã cứa liềm phải ngón tay trái một vết sâu. Ở nông thôn mọi việc thật đơn giản: lấy ít tàn thuốc lá cuốn rốc vào vết thương là xong. Cho đến giờ, trên ngón tay tôi vẫn còn vết sẹo nhắc tôi những ngày khó khăn ấy.

Chúng tôi chỉ vừa mới bắt đầu quen dần với nơi ở mới, kinh tế gia đình mới tạm ổn định một chút thì cảnh đau thương khủng khiếp đã đổ ập xuống gia đình chúng tôi: do làm việc quá sức cha tôi đã chết.

Người luôn làm gương cho chúng tôi noi theo. Hình như cho đến nay tôi vẫn còn nghe thấy giọng nói giễu cợt của người: “Không sợ bàn tay nhem nhuốc, không sợ – Trong bàn tay đen là đồng bạc trắng!” Phải như thế. Và người đã chờ đợi đồng bạc đó, tất cả vì chúng tôi, người đã ngã gục. Mẹ tôi phải gánh chịu nỗi đau quá sức nơi đất khách quê người.

Mùa đông năm ấy, mọi người đều cho rằng, đó là mùa đông khác thường và nhiều tuyết. Khi bố tôi hấp hối thì bão tuyết nổi mạnh, còn lúc người chết thì nó giảm rú càng dữ dội hơn. Không thể đi ra khỏi nhà được, mới lộ mặt ra ngoài, đã không chịu nổi. Thế là thi thể bố tôi được đặt vào phòng không sưởi ấm bên cạnh một tuần.

Ôi! Trước kia ở Curai, những ngày khi thời tiết như thế này chúng tôi mới hạnh phúc làm sao. Lò sưởi ấm rực, mẹ tôi ngồi chải len, các chị đan len, mấy anh em trai hí hoáy làm việc vặt gì đó, một người cầm cuốn sách đọc thơ, rồi bỗng nhiên, bố tôi cất tiếng hát.

Tôi run lên vì rét khi đến gần cửa phòng lạnh, nơi bố tôi nằm, tôi lắng tai nghe thật lâu, thật lâu, và dường như tôi nghe thấy đâu đây văng vẳng tiếng người vang lên trầm trầm... Nhưng không, người không còn ca ngợi “Baican thiêng liêng”, người không còn là kẻ lang thang chạy trên con đường mòn hẹp của thú rừng, không còn là hàng kỵ sĩ cưỡi ngựa vượt qua thảo nguyên – qua các miền xa xôi “vùng Kazaxstan”... Chỉ có cơn bão tuyết quái ác hoành hành quanh ngôi nhà cũ nát của chúng tôi, và bão giạt từng cơn như muốn hất bỏ mái nhà bằng vỏ bạch dương xuống đất. Tôi đứng mãi bên cửa, thật lâu đến nỗi mẹ tôi phải đến và nói: Con làm gì thế? Nước mắt đông cứng lại rồi.

Khi bão tuyết ngưng, thì ngựa lại không thể đi nổi, tuyết cao ngập mũi ngựa. Đành phải để quan tài bố tôi lên bàn trượt tuyết kiểu rừng taiga để kéo. Khi ra nghĩa địa, anh em chúng tôi bị tụt ngập đầu và khóc trong cái hố tuyết, mãi sau mới kéo nhau lên được và đi tiếp.

Nhà tôi trống vắng như nhà không chủ, thật khó tưởng tượng được chúng tôi sẽ sống ra sao sau khi mất bố. Người biết làm mọi việc, còn chúng tôi mới học được ở người không đáng bao nhiêu. Mọi việc đều hy vọng vào các anh lớn, còn tôi vẫn được đi học.

Ở làng tôi chỉ được học đến lớp bốn. Học tiếp phải đi xa mười lăm kilômét ở làng khác. Về mùa đông, khi thời tiết tốt, một tuần một lần vượt quãng đường này thì rất thoải mái. Còn về mùa xuân và mùa thu, khi những đồng tuyết dày tan hết hoặc chưa đóng băng cứng kịp, thì đi lại cực kỳ khổ sở. Suốt quãng đường đi phải dùng các cây gỗ để lót đường mới đi được. Không chỉ mỗi chân mà còn mỗi mắt. Phải chú ý nhìn từng bước đi để khỏi tụt xuống đầm lầy. Có những chỗ chúng bu đen lại thành một đồng trên cây gỗ, có chỗ chúng lại bay lượn thành cả một vùng dày đặc thật khó mà qua được. Và nếu chạy thì cứ phải xua liên tục và lấy tay đập vào mặt để đuổi và giết chúng rồi lại phải vung tay để lấy thăng bằng, lúc một tay, lúc cả hai tay. Được học ở trường phổ thông Vôrônkhikhin thật thích thú. Nhà trường có một tập thể giáo viên giỏi, họ cũng là những người di cư như chúng tôi. Và các thầy cô giáo muốn truyền lại cho chúng tôi tất cả những gì mà họ có thể. Hiện giờ, nhiều học sinh đã mất, huống hồ nói gì đến các thầy cô, nhưng tôi vẫn muốn, dù cho là muộn, cúi rạp đầu sát đất kính cẩn gửi đến các thầy cô lời cảm ơn muộn màng của một trong những học sinh giỏi nhất nhưng cũng nghịch ngợm nhất của trường.

Tôi vẫn hình dung rõ nét ngày ấy các thầy cô đã phải làm việc vất vả như thế nào: Tất cả học sinh đều ở phân tán ở các làng khác nhau, nếu muốn liên lạc với bố mẹ cũng đành chịu; rồi sách giáo khoa, vở viết, giấy bút đều không đủ. Chúng tôi lấy vỏ bạch dương làm giấy, vở. Ngày nay các nhà bác học ở thành phố Nôpôgôrot cổ vẫn giải mã chữ viết trên vỏ cây bạch dương, nhưng chính giấy bạch dương của trường Vôrônkhikhin chúng tôi cũng sẽ kể ra được nhiều điều. Nó thấm đượm mồ hôi, thấm các vết máu những con muỗi bị đập chết! Dần dần chúng tôi có cả sách giáo khoa trên vỏ cây: Tôi còn nhớ, theo yêu cầu của cô giáo, chính tôi đã khắc bảng cửu chương cho lớp một. Câu thành ngữ Nga thật chí lý: “cái khó không bó

cái khôn”. Nhưng tại vì sao mà cái nghèo, cái khó cứ bó mãi ta không dứt thế?

Những năm tiếp theo lại trôi qua, và mẹ chúng tôi quyết định gắn cuộc đời mình với người hàng xóm. Ông ta có ba con: hai gái, một trai. Ông là người Ucraina chăm chỉ, hay làm đã thuyết phục được mẹ chúng tôi gắn bó cuộc đời với ông...

Sự xuất hiện của ông trong nhà chúng tôi đã làm cho tôi cáu kỉnh, giận dữ. Nhưng với tính kiên trì, chịu đựng vô hạn và lòng tốt bụng, cuối cùng ông đã chinh phục được tất cả chúng tôi. Lúc thì chúng tôi chung nhựa từ gỗ trong rừng, lúc thì đốn gỗ, làm nhà mới, lúc thì xẻ ván lát trần và nền nhà, công việc nhà nông thiếu gì. Và tất cả mọi việc nay đều được làm dưới sự chỉ bảo vui vẻ, thân thiện của người bố dượng không biết mệt của chúng tôi. Ông gọi tôi là Misa lớn, còn con trai ông ít hơn tôi ba tuổi thì ông gọi là Misa bé. Các công việc nặng nhọc, ông cũng chia đều như nhau không giảm bớt cho Misa bé. Chính vì thế mà gia đình mới của chúng tôi luôn đoàn kết lại thành một khối. Nhưng vẫn có những giây phút cay đắng.

Thông thường nếu tất cả mọi người ở nhà chúng tôi vẫn ăn trưa cùng nhau, thế là xuất phát chính từ đây, tôi bắt đầu bị dày vò dần vặt: tôi phát hiện ra mẹ tôi đã tìm mọi cách cho tôi ăn thêm một cách thật khôn khéo!... Lúc thì cứ làm như vô tình mẹ tôi đặt lại cái chảo, cố ý quay phía có miếng thịt to hơn, béo hơn về phía tôi. Lúc thì cứ quấy cháo thật lâu và kỹ nhằm cho cục bơ cuối cùng tan đúng vào phía đối diện với tôi. Tất cả những việc làm ấy của mẹ, làm tôi bị mất thăng bằng, tôi không ăn tiếp, đứng dậy nói rằng tôi đã no. Những lúc như thế, mẹ tôi rất lo, nhưng mẹ không bao giờ nói gì về việc này cả.

Tôi bắt đầu áp ú ý tưởng trở về quê với các chị gái. Tôi cho rằng ở đó tôi sẽ sống yên ả hơn.

Cả mẹ tôi và cả bố dượng đều không tán thành, tìm mọi cách có thể để ngăn cản kế hoạch đó của tôi, nhưng cuối cùng thì họ cũng hiểu rằng, không thể ngăn tôi được, và chuẩn bị mọi thứ cần thiết trên đường đi và cùng các thứ mà khi ở nhà các chị đã cho tôi. Chuẩn bị thức ăn cho cả chuyến đường dài. Bố dượng tôi đặt vào túi tôi tờ giấy ghi các điểm dân cư mà tôi sẽ đi qua. Để có được mảnh giấy đó ông đã phải mất nhiều thời gian hỏi thăm những người đồng hương và cả những người Nga vốn thông thạo đường đi trong vùng và các con đường đi xa nữa.

Thế là, vào giữa mùa hè nóng nực, tôi tạm biệt người thân để tiến bước vào con đường xa xôi. Với trái tim đập rộn ràng, từ rừng taiga khắc nghiệt đến thảo nguyên mênh mông, từ cánh đồng đang cắt cỏ này đến cánh đồng cỏ kia, tôi chạy, tôi đi, tôi bay về phía Antai yêu dấu.

Lúc đầu tôi đã gặp may!

Trên đường đi, khi gặp tụi con trai cùng lứa hơn kém tuổi không đáng kể, chúng tôi trò chuyện thân mật với nhau, ai nhớ và thuộc bài thơ nào yêu thích thì đọc cho nhau nghe, thế là đã kết thành bạn và buổi tối lại tập trung ở nhà ai đó để cùng nhau tiếp tục “sinh hoạt văn thơ”. Giống như các buổi tối, chúng tôi gặp nhau trò chuyện ở Curia đã lâu rồi! Và cũng như tôi đang ở nhà mình: mọi người cho tôi ăn, sắp xếp cho tôi ngủ lại... Sao lại có sự tin cậy đến thế nhỉ? Giờ đây, liệu lòng tin đó có còn ở chúng ta hay không? Hay là đã bị mai một một xói mòn bởi những trò lừa đảo, lợi dụng lòng tin để cuỗm sạch sành sanh những gì ta có...

Còn lúc bấy giờ, khi tôi gặp cậu bé cùng trại tôi ở rìa làng, tôi chào hỏi lịch thiệp và lập tức đọc luôn:

- Pête đi chăn cừu

Sống trên đời cực khổ...

“Tớ không phải Pête, – Cậu bé người địa phương cười mỉm – mà là Paska!”

- Ủ thì Paska! – tôi nói.

- Paska chăn cừu

Sống trên đời cực khổ

Đàn cừu non vỗ tổ

Chạy tán loạn khắp rừng!

- Sao cậu biết? – Cậu bé ngạc nhiên một cách chân thành.

- Tớ biết hết! – Tôi nói mạnh dạn – Tớ là người như thế mà.

Một lần tôi được nghỉ lại ở một gia đình người Ucraina. Cả nhà nghe tôi nói chuyện, đọc thơ rất lâu, tỏ rõ lòng thương đối với tôi. Bà chủ nhà bảo tôi: “Này cháu, chày hãy đọc thơ Ucraina đi, thơ của Micôla về nhà trường ấy. Nhưng thằng Ivancô nhà bác nó lại không thích, rõ thật uống phí!”

Những câu thơ không bao giờ mất đi uống phí – tôi còn nhớ chúng mãi đến bây giờ. Có biết bao lần sau đó, trong các hoàn cảnh khác nhau, tôi lại có dịp “kê lại” những vần thơ Ucraina! Hôm ấy, trong căn nhà người Ucraina bị đầy biệt xứ tốt bụng, tôi đã học thuộc chúng, và lần đầu khi đọc thuộc lòng, trong tôi hình

như hoàn toàn biến mất những gì tăm tối, hoang sơ nhất, và bỗng bùng lên niềm hân hoan ấm áp. Nếu như còn gặp lại, tôi nghĩ, thế nào tôi cũng sẽ đọc bài thơ này cho mọi người thân thích, ruột thịt và nhất là cho cả mẹ và bố dựng tôi cùng nghe.

Sau đó tôi đã gặp tai họa.

Sang ngày thứ năm hay thứ sáu gì đó, tôi đi cùng đường với một người đàn ông trung tuổi, vai đeo túi, tay cầm một cái gậy to. Suốt ngày cho đến tận chiều tối, ông kể cho tôi nghe đủ các chuyện nổi tiếng trên đời, dần dà tôi tin ông ta. Có lẽ tôi đã vô thức đặt niềm tin chân thành vào ông ta như là tôi đối xử chân thành với mọi người tôi gặp.

Sớm tối ngày thứ bảy, chúng tôi đến gần một làng. Tôi đề nghị vào nhà xin ngủ nhờ theo phương cách mà tôi đã làm trước đó. Ông ta phân đối quyết liệt, giải thích rằng họ sẽ bắt và giải về đồn công an, sau đó chắc chắn sẽ bị giải về nơi xuất phát, rồi ông càng làm cho tôi thêm lo ngại và sợ hãi. Khi ông bảo, trước khi trời tối còn gì trong túi thì ăn nốt, tôi bèn sốt sắng đồng ý ngay: chả hiểu sao, lúc ấy tôi lại rất muốn ăn.

Sau đó, ông bảo tôi tốt nhất cứ ẩn náu đây đây đã để ông tự vào làng trinh sát. Tôi đợi mãi và lo lắng mong ông trở về. Cuối cùng, mãi mới nghe thấy tiếng chân bước thận trọng của ông trở về. Ông thông báo cho tôi biết, đã tìm được một chỗ an toàn lý tưởng. Tôi đi theo ông một cách tin cậy và... thật đáng sợ! Chúng tôi đứng cạnh một nhà tắm nhỏ ở mãi góc vườn sau của một nhà. “Sợ gì? – Ông ta bắt đầu thuyết phục tôi – Hơi ẩm vẫn còn đây này, chủ nhà là người chu đáo, nền cọ sạch sẽ lắm”. Không hiểu sao tôi không thích ngủ xa người và lại không hỏi qua chủ nhà, nhưng ông ta hích tôi đến cửa nhà tắm: Đây nhìn mà xem!

Quả thật, trong nhà tắm rất sạch sẽ, mùi lá bạch dương bốc lên thơm phức, nhưng tôi cứ thấy sờ sờ và nghi ngại. Nói vậy thôi, chứ biết làm gì bây giờ? Cứ ngủ đã. Tôi sửa lại túi đồ đạc cho phẳng phiu để làm gối đầu, có biết đâu sau đó tôi đã vĩnh viễn phải chia tay với nó.

Sáng sớm tôi ngồi bên cạnh cái nhà tắm rui ro, và suy nghĩ mông lung: Tôi biết làm gì tiếp đây?

Chủ nhà thấy tôi khóc sụt mướt liền hỏi: Sao lại ở đây? Làm sao mà khóc?... Nghe tôi kể xong, chủ nhà đưa tôi vào nhà, ông bà tỏ ra xót thương tôi hỏi lâu: Sao cháu lại tin người qua đường như thế được?... Bà chủ nhà bảo tôi ngồi xuống bàn ăn, múc cho một bát súp cải bắp to, lạnh và đưa cho tôi miếng thịt. Tôi cảm ơn chủ nhà và ăn hết ngon lành, rồi uống một cốc sữa tươi cuối cùng. Chủ nhà ngồi cạnh nhìn tôi ăn uống vẻ xót xa. Sau đó ông bà chủ nhà tốt bụng và thương người cung cấp cho tôi thức ăn đi đường và rửa mắt nước muối khuyên tôi: Vì Chúa Trời mà cẩn thận nhé, Misa!

Chẳng được bao lâu, thức ăn đã hết, mà đường đi thì xa lắc xa lơ. Tôi ngày càng bị đói dữ. Nhưng biết làm gì? Hay là ăn trộm? Tôi đâu biết ăn trộm mà tôi cũng không thể làm được việc này. Bỗng tôi nhớ lại cảnh những người nghèo khó đứng dưới cửa sổ nhà tôi, khi còn ở Curia xin bố thí. Mẹ tôi dặn chúng tôi rằng khi cho người ăn xin thì quay mặt vào tượng Chúa.

Còn đối với tôi phải nói thế nào cho người ta thương xót chứ? Và làm sao cho họ đừng coi khinh tôi?

Không, tôi thà chết đói chứ không thể nói được những câu này!

Lúc đó tôi có cảm giác hình như tất cả các làng mạc mà tôi đi qua hầu hết là nghèo, còn con người trong đó đều ác độc.

Nhiều lần, tôi thử chọn một nhà nào đó giàu hơn nhà khác, đến gần, định gõ cửa, giơ tay lên không nói, cánh tay như cứng lại. Bởi vì gõ cửa đã đành, chứ sau đó phải nói những câu nặng nề không chịu nổi, thì làm sao mà tôi thốt nên lời được. Và tôi lại rời chân khỏi ngôi nhà xa lạ.

Cứ thế mất đúng hai ngày. Đôi chân tôi đã khuyu xuống vì đói, trong đầu chỉ có duy nhất một ý nghĩ: phải kiếm cái gì để ăn, nhưng khi đến gần một nhà nào đó, thì hình như lại bị chính mình đẩy ra xa. Tôi lại thâm nhủ: Không, tôi không thể nói lời van xin được!... Nhưng lúc đó cái đói lại khẩn thiết yêu cầu: Hãy quên lương tâm đi. Thế nào là “cái tôi của riêng mình”, về điều này các thầy giáo bị đày ở Vônônhikhin đã nói cho anh nghe nhiều rồi còn gì!? Hãy quên nó đi. Cốc cần đến nó.

Tôi không biết sự thế sẽ như thế nào, nếu tôi không gặp được một bà có tuổi, nét mặt phúc hậu. Biết được cảnh khổ sở của tôi, bà ôm chầm lấy tôi mà nói: “Con ơi, đi ăn trộm mới nhục và xấu hổ, chứ đi xin khi sa cơ lỡ bước thì không phải xấu hổ. Hay là chưa có ai nói với con điều này bao giờ: lòng nhân từ của chúa Trời là bao la, sẽ có cả phần dành cho con. Tổ quốc ta không chỉ sống nhờ vào ơn Trời mà còn nhờ vào lòng nhân từ, bác ái của con người nữa. Con không phải là kẻ hành khất, mà là là một cậu bé thông minh, nên nếp, không phải lòng tự hào nhắc nhở con, mà chính là thói kiêu căng đã kim giữ con. Hãy vượt qua thói kiêu căng đó!”

Bà nói xong, đi khỏi.

Sau này, nhiều lần tôi trở lại với ý nghĩ: Sao chính bà lại không muốn cho ta một mẩu bánh mì? Đôi lúc tôi lại nghĩ: Biết đâu bà cũng chẳng có gì cả, hay có thể là từ nơi khác đến, không phải người làng này? Chắc đúng là không phải người vùng này! Có thể...

Những phỏng đoán ngày ấy, đến nay cũng vẫn chỉ là phỏng đoán. Nét mặt phúc hậu như thế, cái nhìn triu mến như thế, và giọng nói thâm thía đến thế. Bà đã cho tôi cái quý giá hơn bánh mì nhiều, cho tôi sự hiểu biết mà trước đó tôi không có và bây giờ tôi đã áp dụng ngay. Chính nhờ điều đó đã cứu sống tôi.

Thực ra, mãi về sau này tôi mới tư duy được như thế, và không hiểu sao cho đến tận bây giờ, tôi vẫn

thường nghĩ thế, còn lúc bấy giờ thì tôi ở trong trạng thái tinh thần hoàn toàn khác. Tôi không còn nhớ, tôi nói thế nào khi lần đầu, lần thứ hai đứng dưới cửa sổ nhà người ta để xin ăn. Tôi không nhớ người ta có nhìn tôi không. Thế nhưng điều này thì hẳn sâu trong ký ức tôi: trước khi nuốt miếng bánh mì, tôi đã nuốt hết nước mắt, và hình như nước mắt còn cứng hơn cả bánh mì.

Thú thật lúc đầu tôi định không nhắc đến điều này trong những trang viết của mình, nhưng nếu im lặng thì hóa ra không chân thành và thiếu công bằng.

Thế là tôi đến được ga Taiga và từ đây tôi có thể đi “lậu” trên tàu hàng đến Pôxpelik. Và từ Pôxpelik đến Curia đi bộ mất 65 km.

Ngày hôm ấy trời nóng, tôi tháo bỏ giày, đi chân không vượt một chặng đường xa. Chẳng bao lâu cơn khát hoành hành tôi dữ dội, tôi cứ thấy một ảo ảnh xuất hiện suốt trên đoạn đường phía trước: Kia rồi, nước – Nước kia rồi! nhưng làm gì có nước.

Đến khuya thì tôi về được đến nhà chị Nhura, còn cách Curia không xa mấy. Khi thấy tôi, chị không tin vào mắt mình nữa. Cứ nhắc đi nhắc lại mãi một câu “Có phải em Misa đây không?... Có phải em không?!” Rồi chị rên rỉ, than vãn; Làm sao mà em có thể vượt qua được chặng đường dài, gian nan vất vả, và nguy hiểm như thế được. Mẹ, anh em ra sao, ông bố dượng thế nào? Tôi bắt đầu kể hết mọi chuyện còn chị thì lại đặt ra bao nhiêu là câu hỏi mới, không biết lấy đâu ra mà lảm thế!... Thế còn chuyện ngủ trong nhà tắm và tôi bị đói như thế nào, tôi không kể ngay mà mãi tận mấy ngày sau chị đã ngời ngời tôi mới kể.

Sau khi nghỉ ngơi được hai tuần, tôi nghĩ đã đến lúc phải làm việc gì đó. Tôi quyết định xin đi đốn gỗ cùng với mấy ông nông dân trong làng. Họ đồng ý cho tôi đi nhưng họ nói trước là công việc rất nặng nhọc. Tôi sẵn sàng chịu đựng tất cả, miễn là không ăn bám gia đình vốn đã nghèo của chị.

Việc đốn gỗ trong rừng thật quá sức với tuổi tôi. Tôi được giao việc đốn cành. Quần áo rách rất nhanh. Giấy bị hỏng, không đi được. Thấy không thể làm tiếp được, tôi xin thanh toán tiền công. Họ trả tôi hai mươi nhăm rúp, tiện xe đi qua tôi về làng luôn.

Chị Gasa định giữ tôi ở nhà chị nhưng cảm thấy chồng chị không thân thiện với “thằng con culác”, nên tôi lại quay về nhà chị Nhura. Và, một lần nữa tôi lại cảm thấy mình như là người thừa trong cái gia đình nghèo khổ của chị Nhura.

Tôi quyết định, khi mùa hè còn chưa kết thúc, phải quay lại Xibêri: Ở đó tôi có bao nhiêu là bạn bè và người thân. Và lại, tôi còn phải tiếp tục đi học nữa.

Chị Nhura thuyết phục mãi tôi bỏ ý định này, nhưng tôi một mực không nghe. Và quyết định trở về Curia lần cuối để nhìn lại mảnh đất nơi chúng tôi đã ở ngày xưa.

Nhà cửa, rào giậu chẳng còn một tí dấu vết nào. Tôi đi vòng quanh, tưởng tượng ra vị trí của các công trình xa cũ. Những người làng giềng ngạc nhiên thấy tôi ngẩn ngơ, quanh quẩn ở khu đất cũ nhà tôi, sau này họ có nói với chị Gasa rằng: “Thằng Misa nhà chị tìm gì mãi ở chỗ cũ, hình như là tìm vàng”. Chị tôi trả lời rằng, khi bố mẹ tôi ra đi, chị đã xách xô đến định lấy một xô khoai tây dưới hầm chứa, nhưng người ta đã cuốc sạch hết, phá tan tành cả hầm cháy. Đây, vàng cho các người đấy, chứ vàng ở đâu. Lúc ra đi chúng tôi không hề nghĩ sự việc lại như thế.

Khi tôi đứng trên đồng hoang tàn của ngôi nhà xưa, tôi không nghĩ đến vàng mà nhớ lại những câu thơ của Xecgêi Ênhin, những câu thơ viết trên vỏ bạch dương, được truyền tay nhau ở trường Vôrônhikin “Ở đây tôi chẳng quen ai. Những người xưa cũ từ lâu đã quên rồi. Ngôi nhà cha mẹ còn đâu. Tàn tro bụi phủ một màu tang thương”.

Thế là tôi lại lên đường. Đến ga đường sắt Pôxpelik tôi đi nhờ xe ô tô qua đường, và đi tiếp một cách dễ dàng đến ga Taiga. Còn đoạn đường đi bộ mới cực kỳ vất vả. Trên đường phải vượt qua bao nhiêu là con suối to nhỏ, đang khát, tôi thả sức uống cho đã. Sang ngày thứ hai thì bị đau bụng quằn quại, không thể đi tiếp. Tôi cố lê bước đến gần được một ngôi nhà có người thì ngã vật xuống bờ đất cạnh nhà và thiếp đi. Tôi ngủ bao lâu, không biết, lúc mở mắt ra thấy xung quanh có các bà phụ nữ lớn tuổi đang tíu tít cạnh tôi: họ không hiểu tôi ở đâu ra, sao lại nằm đây. Hỏi han tôi vài câu, họ đã biết sự thể và mang lại cho tôi bát nước thuốc gì đấy bảo uống. Ôi, khủng khiếp, thuốc gì không biết mà khó nuốt thế! Đến tận bây giờ, qua bao nhiêu năm tôi vẫn thấy ghê trọng mồm. Nhưng đến tối, tôi vẫn phải uống thứ nước đó, rồi được ăn cháo và uống một bát nước chè. Tối đến, chủ nhà tốt bụng cho ngủ theo “kiểu địa chủ” trong kho cỏ khô. Sáng sớm bà cụ chủ nhà lại mang đến cho bát nước thuốc, cháo và nước chè. Nước chè được pha bằng các loại cỏ giấy, uống thật dễ chịu. Ăn uống xong tôi cảm ơn các cụ già tốt bụng và lại lên đường như đã định. Tôi cứ tiếc mãi sao mình không còn nhớ tên làng và tên những người dân tốt bụng ấy.

Lần này tôi đi thấy vất vả hơn lần trước nhiều, có cảm giác là cơ thể đã hoàn toàn bị suy yếu.

Đến làng Rêu Dưới thì trời còn sáng, tôi không dám đi qua làng vì ở đó ai cũng biết tôi. Đành ngồi lại, đốt lửa, chờ tối. Muối từng đản xông đến nhàu nhàu. Lấy cành cây đập, xua chúng vào khói vẫn thế. Cuối cùng trời tối hẳn, tôi mới lại bước qua ngưỡng cửa ngôi nhà gỗ của chúng tôi, mà từng vết rạn trên tấm ván sàn hay trên thân cây gỗ tường từ lâu tôi đã từng quen thuộc.

Mẹ tôi cho tôi ăn, nhưng bà chẳng ngồi lấy một phút, hết hỏi về Nhura, Gasa, lại đến Vichtor nghèo túng. Cuối cùng tôi leo lên trên nhà nơi ngủ vào mùa hè có căng màn chống muỗi cắn. Các bạn cùng lứa anh em trai xúm quanh tôi, chúng tôi trò chuyện đến quá đêm.

Thế là chuyến đi đầu tiên của tôi, chuyến đi đầy gian nan vất vả, chuyến đi không còn ấu trĩ nữa đã kết thúc... Bao nhiêu cây số tôi đã đi qua nhằm mục đích gì? Tôi nghĩ câu trả lời đang ở phía trước.

Tôi tiếp tục đi học ở trường Vôrônkhikhin. Tôi bắt đầu nghĩ lại rằng, chuyến đi đầu tiên về quê hương của tôi không được cân nhắc kỹ lưỡng và thực hiện hơi sớm. Đáng lẽ phải đợi đến khi đủ tuổi cấp chứng minh thư theo như quy định của luật pháp. Nhưng trong tôi lập tức xuất hiện câu hỏi: “Ai sẽ cấp chứng minh thư cho mình?”

Làm thế nào để có chứng minh thư, đó là câu hỏi thường xuyên tôi nghĩ đến và lo lắng. Và rồi ý tưởng trở về quê lần nữa lại xuất hiện chín muồi trong tôi. Lần này về mang theo giấy chứng nhận, xác định được quyền cấp chứng minh thư.

Nhưng làm thế nào để có giấy chứng nhận được? Vì giấy đó có mẫu sẵn và không phải do Xô Viết xã mà do Ủy ban khu ký... Vậy lấy chúng ở đâu? Đó là ý tưởng không thể thực hiện được, nhưng nó vẫn đeo bám vào cái đầu nhỏ bé, khốn khó của tôi. Thường thường bắt đầu việc gì tôi hay đem ra thảo luận với bạn bè. Nhưng việc này thì lạy Chúa, tôi đâu dám nói với ai. Chỉ một mình, mình biết. Tôi như sống biệt lập. Tâm trạng lo lắng của tôi, mẹ tôi biết, liền tra hỏi xem có việc gì xảy ra với tôi? Người gặng hỏi, nhưng tôi chỉ trả lời giọng mọt: Đến tuổi nó phải thế! Mẹ tôi bắt đầu giục mắt: Tuổi tác gì, hờ ông ranh con!

Tôi tìm cách nói đùa với mẹ tôi: “Thế, có lẽ mẹ coi con là trẻ con đến già chắc?”

Nhưng tôi không thể đánh lừa trái tim người mẹ được.

Tôi ngày càng xa lánh mọi người.

Mẹ tôi biết tôi là đứa khéo tay. Những vật dụng trong nhà do tôi tự làm như bát đĩa rất khó kiếm, có tiền cũng không mua được, mẹ tôi cứ khen tấm tắc, mà quả thật trông rất đẹp. Dùng làm quà tặng bạn bè hay hàng xóm láng giềng đều được cả, ai cũng thích. Nhưng lần này thì mẹ tôi thấy trong túi áo tôi có loại vật liệu hoàn toàn mới lạ, không phải đá và cũng không phải gỗ, chả hiểu là cái gì?

Đây chính là bí mật của tôi.

Trong nhiều tháng liền tôi lặng lẽ thu thập các bì thư từ khắp nơi gửi về làng Rêu Dưới chúng tôi và tôi tìm cách thử tái tạo lại các con dấu in trên bì thư. Trên trần nhà tôi từ lâu đã có một xưởng thực sự, trên đó tôi bố trí các chỗ giấu dụng cụ, vật liệu, đồ đạc, nơi nào ra nơi ấy, mà để nhớ được hết thì là cả một vấn đề. Và không một ai có thể biết được những thử nghiệm bạo gan tôi làm trên đó. Tôi làm thử hàng trăm lần! Tất cả các lần đó chưa có kết quả tôi mong muốn. Thất bại không ngăn tôi được, mà chỉ thôi thúc tôi, giục tôi tiếp tục thử lần nữa. Cứ thế, chậm chạp từng bước một tôi tiến dần đến mục đích đề ra. Thế rồi trên một loại vật liệu, tôi đã đạt được hình con dấu gần giống nguyên bản. Điều đó tạo cho tôi niềm tin, vì tôi đang đi đúng được.

Từ ngày hôm ấy, tôi lại càng hồ hởi tiếp tục công việc một cách kiên trì hơn. Đây là một việc làm thực sự nghiêm túc, chứ không phải trò chơi tiêu khiển.

Đến lúc con dấu đã hoàn toàn giống nguyên bản thì lại phải lo việc khác. Để đưa công việc đến đích phải có người tin cậy. Anh Gavori Bônđarencô hơn tôi hai tuổi, người quen thân của tôi, làm kế toán trưởng. Anh vẫn thường mời tôi đến văn phòng để giúp việc cho anh mỗi khi cần, tôi sẵn lòng giúp anh. Nhưng lần này thì tôi tự đến và nhờ anh xin cho tờ giấy, mẫu in sẵn có dấu của ủy ban khu. Lúc đầu anh tỏ ra ngạc nhiên, nhưng sau đó vẫn bảo: “Được, để anh thử hỏi xem”. Rồi một hôm, anh mang đến cho tôi tờ giấy giữ rất cẩn thận và báo trước: phải trả lại ngay đây! Tôi trả lời: Ừ, thì tất nhiên là trả lại rồi, nhưng xin anh cho vài tờ giấy trắng. Thế là anh cho ngay tờ giấy.

Giấu kín giấy tờ dưới áo, tôi quay trở lại xưởng kín của mình.

Trong nhiều ngày, tôi tiến hành làm giả chữ in sẵn và dấu của cơ quan quyền lực, kết quả đạt được rất khá. Tôi mang tờ giấy mẫu có chữ in sẵn cho Gavori xem, anh không tin là tôi làm được: “Này, nói thật đi cậu kiếm đâu được giấy mẫu này thế?”

Giờ thì phải nghĩ cách hành động tiếp theo. Chúng tôi biết có thể dùng các giấy này về quê để xin

chứng minh thư. Rồi sau đó sẽ tính tiếp việc xin đi làm ở đâu đó. Cốt là có chứng minh thư! Mơ ước, mơ ước ấy làm sao để thực hiện? Chúng tôi tìm cách kiếm tiền bằng chính các giấy tờ này, vì được trở về quê hương là ước mơ cháy bỏng của mỗi người đi đây.

Chúng tôi quyết định đến một làng ở đó không ai biết chúng tôi đề nghị phương án được tự do. Chúng tôi đã nghĩ nội dung viết trong giấy chứng nhận. Kết quả đạt yêu cầu. Khi nêu phương án với một vài người nông dân thì họ sợ bị lừa. Chúng tôi liền nhập vai và nói: “Các ông không muốn được tự do – thì thôi!” Nói rồi, chúng đi, ngoảnh lại thấy họ đã gần đuổi kịp. “Hơi dắt – họ nói – Nhưng thôi các anh hãy viết đi”. Chữ Gavori rất đẹp, anh điền vào mẫu thật tài nghệ đến nỗi họ phải thốt lên “Các cậu cừ thật, cừ thật đấy”. Góp được một ít tiền rồi, chúng tôi tự làm giấy cho mình và chuẩn bị lên đường.

Bố mẹ tôi lần này không có ý định thuyết phục tôi ở lại nữa, vì thấy chúng tôi quyết tâm ra đi. Nhưng bà mẹ nào chả thế, bà cứ bảo tôi: “Misa, lần đầu con khổ sở đến thế vẫn chưa đủ à, mà lại muốn lặp lại một lần nữa?”. Tôi trả lời: “Mẹ ơi, lần này con đi để được tự do, mẹ đừng khóc, đừng buồn”. Mẹ tôi vẫn khóc: “Mẹ biết thế nào là tự do rồi!”

Sáng sớm tinh mơ hôm ấy, khăn gói quả mướp trên vai, chúng tôi thận trọng đi khỏi làng theo đường vòng. Bên cạnh con đường chúng tôi đi là nghĩa địa, nơi mấy năm trước bố tôi được chôn ở đây. Tôi nói giọng buồn rầu: “Gavori, ta ghé vào đây tí đã”. Anh trả lời: “Nhất định rồi, mình nhớ rõ ông cụ lắm”. Chúng tôi phải đi một lúc lâu trên nghĩa địa mọc đầy cỏ dại mới tìm được cây thánh giá gỗ bạch dương, còn giữ được dòng chữ ghi tên người. Tôi đứng lặng một lúc, rồi nói qua nước mắt: “Bố ơi, hãy tha thứ cho con. Con phải tìm cuộc sống khác. Bố hãy chúc con lên đường may mắn, bố ơi!” Ra đến đường chúng tôi đi trong im lặng. Và lại biết nói gì vào giờ phút này?

Bất ngờ một con thỏ lao ra từ bụi cây, phá tan sự im lặng của chúng tôi. Nó chạy nhảy thân nhiên trên đường, khoe chiếc đuôi trắng chưa thay lông về phía chúng tôi, như cố ý diễu cợt, coi thường hai chúng tôi đang đeo súng săn hăm hoi trên vai đi sau nó. Cảnh tượng ngộ nghĩnh này làm cho chúng tôi vui hẳn lên. Chúng tôi thật thích thú được ngắm nhìn chú thỏ dũng cảm này ở phía trước mình. Nhưng đến chỗ ngoặt gấp của con đường vùng đầm lầy thì bỗng nhiên chú thỏ biến mất. Nó chạy đi đâu nhỉ? Đi bộ trăm mét nữa thì chúng tôi phát hiện ra dấu chân cáo. Thảo nào mà nó biến mất! Chúng tôi đi và bàn luận với nhau: Loài thú có tài đánh hơi tuyệt vời thật! Nếu không, thì chắc chắn là chết rồi. Con người mà có được cái linh cảm ấy nhỉ?... Mà chính chú thỏ vừa rồi chẳng đã nêu cho chúng tôi bài học hay về sự cẩn trọng đó là gì. Chúng tôi cũng sẽ nghĩ cách bảo vệ mình. Vì “cả chúa Trời cũng bảo vệ người biết giữ mình” như lời mẹ tôi dặn tôi trước lúc tôi đi. Đi được độ vài cây số sau khu rừng cây nõ đầu tiên, tôi thấy làn khói mỏng trên một ống khói và sau là ngôi nhà đầu tiên trên đường chúng tôi đi... Qua làng, chúng tôi giả bộ: tôi đóng vai người bị bắt đi trước, còn Gavori cao lớn đeo súng đi sau, như là người ta giải tội phạm.

Đi khỏi làng chúng tôi tạt vào trong bụi rậm cười đùa đến chảy cả nước mắt. Chúng tôi kêu nhỏ: “Qua rồi, qua rồi!” Tháo túi trên vai xuống lấy khoai tây nướng còn ấm, cải bắp dưa chuột muối, rồi bánh mì nướng đặc biệt không cho thêm rau muối. Mẹ tôi biết tôi thích bánh xèo, người đã nướng nhiều hơn, mỗi cái gấp làm bốn để đầy có ngọn gió con tét bằng vỏ bạch dương. Đây là cái giỏ đẹp nhất cuối cùng mà tôi biết. Cái giỏ cuối cùng của tôi...

Ăn uống nghỉ ngơi xong, người đã đỡ mệt, chúng tôi lại rảo bước tiếp trên con đường gian nan vất vả mà chỉ có hai chúng tôi biết với nhau. Lúc ấy chúng tôi đã vui vẻ hơn! Niềm vui này quả thật không nhiều: Vì ở mỗi điểm dân cư nào chúng tôi đi qua cũng có thể bị bắt. Khi đi chúng tôi vạch ra một kế hoạch thế này: ít nhất là hai ba ngày đầu không một ai ở làng, ở nông trường được biết chúng tôi ra đi, mọi người trong nhà được dặn trước là không được nói với ai một lời. Chúng tôi đã mua được khẩu súng săn cũ với giá rẻ để đóng vai giải người bị bắt đưa về làng nào đó phía trước.

Thì thoảng gặp người đi ngược chiều, nhất là phụ nữ, cứ la toáng lên: Thành ấy trẻ thế mà đã sinh sự, chả hiểu ra làm sao cả, lạ thế?

Chính vì còn trẻ nên chúng tôi rất thích thú cái trò diễu hành này. Nhưng khi đi qua một ủy ban quân quản thì có mấy người cưỡi ngựa, đang thảo luận sôi nổi về việc gì đó, nhìn thấy chúng tôi. Một người trong bọn họ gọi to; Dẫn thành ăn cướp lại đây! Chúng tôi đi nhanh. Khi đến gần khu rừng rậm, nơi con đường chúng tôi sẽ đi qua, thì nghe thấy tiếng hô to đằng sau: Hãy giữ chúng nó lại, kiểm tra xem chúng là ai! Bọn người cưỡi ngựa phi thẳng về phía sau chúng tôi, nhưng chúng tôi đã kịp chui vào khu rừng rậm rịt: biến cho nhanh, cho xa! Nhưng vẫn còn nghe thấy tiếng chó nhà sủa và tiếng chửi xa xa; “Đồ súc sinh – Nó lừa ta”.

Chúng tôi lẩn trong rừng đến đêm khuya thì lại lẩn ra đường cái và lạy Trời, co giò mà chạy!

Ngày hôm sau để tránh tai họa chúng tôi quyết định sẽ bỏ súng. Khi đi qua chiếc cầu bắc qua con sông

nhỏ chầy xiết, chúng tôi ném xuống giữa sông cái vật đã từng cứu giúp chúng tôi nhiều lần, nhưng chỉ thiếu chút nữa cũng đã hại chúng tôi.

Đến ngay thứ năm thì chúng tôi đã đến được làng trước kia gia đình Gavori đã ở. Họ hàng ôm lấy anh mà khóc lóc, kể lể: “Ôi! Gavori, cháu lớn quá rồi! Cháu không nói thì chả biết cháu là ai!”

Buổi tối, thôi thì không thiếu gì các loại câu hỏi: “Sống ở đây thế nào? Ai còn ai mất? Thăng em trai thế nào, nó vẫn còn bé lắm mà.”

Gavori là người kể chuyện hay, anh kể chi tiết đủ chuyện, và tôi đã bị cuốn hút và câu chuyện của một gia đình nữa bị đi đây... Sáng sớm, ăn sáng xong Gavori đến công an xin cấp chứng minh thư.

Còn tôi thì chẳng biết trốn đi đâu. Trong lòng cứ lo ngay ngáy!... Chợt sợ ngay lúc này Gavori xuất hiện, và nói từ ngưỡng cửa: Chúng mình đã bị lộ!

Nhưng điều đó đã không xảy ra. Cảnh cửa sổ bật mở, Gavori xồng xộc bước vào nhà, tay đập bồm bộp vào ngực, như reo lên: “Ngày mai trong túi này sẽ có chứng minh thư!”

Mắt tôi bỗng cay xè – tự nhiên nước mắt chảy ròng ròng vì quá sung sướng. Nhưng ngay tức thời, như có dòng nước lạnh giá tràn qua tim mang theo câu hỏi đầy lo lắng: Tại sao lại là ngày mai mà không phải hôm nay?

Nếu bỗng nhiên là để kiểm tra...

Một đêm mất ngủ, mệt mỏi, căng thẳng: sớm mai điều gì sẽ xảy ra. Tôi nhẩm tính các phương án trong đầu: Nếu xảy ra điều gì thì phải làm thế nào, phải nói gì, giải thích mọi việc như thế nào?

Nhưng không cần điều này. Chẳng bao lâu Gavori đã có chứng minh thư tạm thời trong túi. Chúng tôi chuẩn bị về quê tôi. Ở đó người ta sẽ nói gì? Chúng tôi vượt quãng đường này thật nhanh chóng và tôi, giống như Gavori, sau một ngày đã có giấy chứng minh thư tạm thời.

Ở làng Gavori sống, do một sự ngẫu nhiên kỳ diệu nào đó, anh có được khẩu súng lục “braoning”, chúng tôi mang theo nó về làng, khẩu súng nằm dưới đáy vali tôi. Ở làng Curia chúng tôi được thu xếp việc là ở trạm máy kéo – Gavori làm kế toán còn tôi làm nhân viên tính toán, chăm công. Có người đánh hơi biết tôi có khẩu súng, và tôi đánh phải đem giấu ở nhà chị Nhura...

Đã nhiều lần tôi định kể về những ngày đầu đời, những ngày tuổi trẻ này của tôi, nhưng bàn tay lại không muốn viết. Vào thời cởi mở hiện nay tôi đã có thể nói ra cái phần cái bí mật này trong đời tôi chưa? Tất nhiên điều này sẽ được phản ánh trong quan hệ với các cấp chính quyền. Vì nếu khi xưa mà chính quyền biết được những điều “chân thành cởi mở” của tôi thì, đứng trên quan điểm chính trị tư tưởng mà xét chắc tôi sẽ không được như ngày nay. Chẳng ai cho tôi làm việc trong một lĩnh vực bí mật, lĩnh vực vũ khí quân sự như thế.

Trong sự việc này, tất nhiên, có điều gì đó để mà suy ngẫm và cũng có điều gì đó để mà nở nụ cười buồn. Xung quanh Kalashnicốp bao bọc một bức màn bí mật, không thể xuyên qua nổi.

Và chính ông Kalashnicốp, người có đầy mình bí mật quốc gia được giữ gìn chắc chắn ấy, hóa ra lại giấu bí mật riêng của mình ngàn ấy năm trời mà không một ai hay biết kể cả bí thư đảng ủy, đại diện KGB (Ủy ban an ninh quốc gia), bộ trưởng quốc phòng, cục tình báo... và thậm chí cả dì Masa suốt ngày, từ sáng đến tối ngồi trên chiếc ghế trước cầu thang với bạn bè, cái gì cũng biết, ai cũng biết nhưng lại không biết cái điều bí mật ấy.

Ta cũng nhớ lại những câu chuyện cổ tích Nga: giữa “biển” có đảo, trên đảo có cây trên cây có tổ chim, trong tổ chim có chim mẹ, trong chim mẹ có quả trứng, và cuối cùng trong quả trứng có cái kim, đó là câu đố lớn nhất... Vậy thì xét từ mặt khác, câu chuyện giấu kín của tôi nó là một việc thường tình! Lạy trời thế là mọi chuyện đã ổn thỏa. Và cầu mong bí mật của con người không ai và không bao giờ có thể bị tước mất và dò la xét hỏi.

Còn tôi ngày ấy đã giấu kín bí mật riêng, theo như tôi nghĩ, là vì công việc. Nếu ai biết được những chi tiết này của đời tôi, thì chắc chắn tôi đã bị vắt ra ngoài lề đường, không còn được tham gia vào việc chế tạo các tổ hợp quốc phòng. Có nhiều kẻ suốt đời đã quy lụy trước thế lực mạnh một thời, nay lại đập vào mặt họ, có những kẻ đã từng bợ đỡ luôn cúi bọ nhà giàu có của... những bọn ấy đã chẳng bỏ lỡ cơ hội để mà “cắn” thật đau người nào dám nói sự thật về mình... Chính sự thật của bọn chúng còn khủng khiếp hơn sự thật về bản thân tôi nhiều, nhưng cái nguy hiểm hơn cả là chúng lại cứ bói nhọ người khác.

Không hiểu bạn đọc có ngạc nhiên không, khi đọc những dòng tôi viết này: Tôi không nói là không một ai trong số những họ hàng gần gũi nhất của tôi, không ai trong số con cháu tôi biết những sự kiện trên khi tôi chưa viết ra trong cuốn sách này. Cầu Trời, hãy để cho sự thật này, sẽ là điều cởi mở chân thành đối với



những người thân thích của tôi.

Trong “Hộp đen” câu chuyện về con đường đầy gian nan vất vả không tưởng tượng nổi mà tôi đã trải qua hồi còn trẻ, không chỉ hiểu ở nghĩa đen. Hiểu theo nghĩa bóng, có lẽ sẽ khó hơn nhiều và nguy hiểm hơn nhiều.

Nhưng khi tôi khóc vì xấu hổ, vì giận dữ, khi tôi đứng gơ tay xin ăn dưới cửa sổ nhà khác, có lẽ lúc ấy tôi không xin mẩu bánh mì...

Tôi đã được nhiều: tôi xin cảm tạ số phận về những điều đó.

Và tôi luôn luôn thiết tha yêu Tổ quốc mình, cho dù phải trả qua biết bao cay đắng, phức tạp.

Những năm trước đây, tôi luôn được nhắc nhở điều này: Đừng nói tôi, mà hãy nói Chúng Tôi.

Tôi không tự mãn và tôi sẽ tổng kết những năm tháng đã qua bằng câu nói nổi tiếng: “Tôi đã làm những gì có thể làm. Người nào có thể, thì hãy làm tốt hơn”

## SAU “PHÁT SÚNG TRONG ĐÊM TỐI”

Bạn hãy tưởng tượng rằng câu chuyện đang xảy ra từ năm 1988 xa xôi ấy. Người nhà tôi nói: Ông có thư. Tôi cầm trong tay chiếc phong bì và sững sờ ngạc nhiên. Tôi là người được bảo vệ bí mật đến nỗi, những tin tức từ người hàng xóm ngày ngày có thể va mặt nhau hai lượt, đầu tiên được gửi về Mátxcova, cho Xô Viết tối cao, rồi sau đó qua hệ thống liên lạc đặc biệt mới gửi trở lại Igiepck cho tôi. Thế mà bỗng dưng lại có chiếc phong bì từ nước ngoài màu xanh, viền mép đỏ từ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ gửi tới!

Vị thế của người được bảo vệ, nhắc tôi một điều: Phải báo cho KGB biết. Có cái hay và dễ cho tôi là: Nhicôlai Ivanôvich Nheverôp chủ tịch ủy ban an ninh quốc gia tỉnh là bạn cũ của tôi.

Tôi gọi điện trước, đến gặp và đưa bức thư ra. Ông nhìn tôi đầy ý nghĩa đến nỗi tôi, không có ý, vung hai tay phân trần:

- Ông nói gì vậy?... Tôi viết thư sang Mỹ để làm gì?

- Vậy thì, – Nhicôlai Ivanôvich nói ý tứ – Anh, tiểu sử tự đến với ông ta. Mẫu súng đang thử có lẽ ông ta chưa quyết định xin, chắc sau này mới hỏi nhỉ?

Ông bạn tôi rút thuốc hút và đăm chiêu...

- Ông ta muốn viết sách? – Như là tự nói với mình, Nhicôlai Ivanôvich tiếp tục trầm ngâm. – Nhà văn à?

Đừng vội nghĩ rằng bạn tôi thuộc dạng “cây đa cây đề” mà người ta thường mô tả về các nhân viên an ninh của ta, ông là người lập dị. Tiếp xúc với ông ta thấy thích thú. Thế còn những gì mà ông cố tạo ra cho hợp với chính hình tượng mà ông đại diện, thì đây là do cuộc sống của chúng tôi đôi khi không chỉ phức tạp mà còn cay đắng, buộc mỗi con người có trí thông minh phải tìm ra cho riêng mình phương pháp tự cứu lấy bản thân.

Tôi còn nhớ một lần, chúng tôi ngồi trong phòng làm việc của ông, tôi nhắc lại rằng, người ta không cho tôi ra nước ngoài.

- Tội nghiệp nhỉ, thế ông chưa ra khỏi biên giới bao giờ à? – Ông ta hỏi tôi giọng xoi mói và cố ý cau mặt lại, rút từ tủ ra một cặp giấy. – Có chứng cứ ngược lại điều đó... Đây là thông báo của các đồng nghiệp, lảng giềng gửi cho tôi. Trong khi đi săn ông đã vượt biên giới hành chính của Utmurin vào sâu lãnh thổ Tataria bảy mươi kilômét... Có không? Rồi đi săn tiếp sâu vào lãnh thổ Baskiria một trăm kilômét... Thế mà ông còn phàn nàn!

Câu chuyện lần ấy kết thúc bằng một lời đề nghị thân ái: Ông hãy sang hỏi ý kiến tỉnh ủy. Tôi “hỏi ý kiến” bên đó khá lâu, cuối cùng bí thư thứ nhất nói: “Thế anh có biết rằng, phải nói chuyện với ủy ban an ninh quốc gia không?”. Tôi trả lời rằng tôi đã ở bên đó, ông bí thư tỉnh ủy thờ dài: “Thế thì, có thể, phải chờ ít nữa?”

Cái “ít nữa” kéo dài đến mức một năm sau từ bộ Ngoại giao gọi điện về tỉnh ủy hỏi: Nhà thiết kế Kalasnhicôp đã nhận được bức thư của nhà nghiên cứu lịch sử vũ khí Izel từ Mỹ gửi sang chưa?... Nếu nhận được rồi – sao đến nay vẫn im lặng?

“Giống như phát súng bắn vào đêm tối, tôi viết bức thư gửi Kalasnhicôp với lời đề nghị cho biết thông tin về con đường sự nghiệp, công danh của ông. Đúng 13 tháng sau, ông mới trả lời bức thư của tôi kèm theo bức ảnh có bút tích”. Đây là lời trong cuốn sách “Lịch sử khẩu AK-47” của tác giả Etvar Clinton Izel.

Gần 15 tháng sau, vào tháng 8 năm 1986 tôi nhận được cuốn sách in đẹp, minh họa lộng lẫy, lời đề tựa chân thành của tác giả. Và từ đây, những gì liên quan đến cuốn sách, liên quan đến sự làm quen riêng với tiến sĩ Izel đã mở ra một thời kỳ mới trong đời tôi. Một thời kỳ mới.

Sau đó tôi được vinh dự viết lời mở đầu cho lần xuất bản thứ hai của cuốn sách ở Mỹ và tôi sẵn sàng viết nữa, viết nữa: “Căn cứ và các sự kiện đã xảy ra và phát triển kế tiếp sau đó, có thể khẳng định rằng “phát súng trong đêm tối” là mũi tên bay trúng đích. Đọc các chương sách, tôi vô cùng ngạc nhiên bởi sự hiểu biết kỹ diệu của tác giả về vũ khí bộ binh của đế chế Nga từ năm 1917. Ông đã soi sáng một cách chi tiết quá trình cải tổ nền công nghiệp quân sự trong và sau cuộc nội chiến. Ông kể một cách tỉ mỉ về những nhà chế tạo vũ khí bộ binh ở Nga, và về các cuộc thi đua, cạnh tranh giữa các nhà thiết kế đã diễn ra như thế nào và trong các điều kiện gì. Ta sẽ thực sự ngạc nhiên bởi sự chính xác của tư liệu nêu ra như: Ngày tháng vũ khí được trang bị cho quân đội; số lượng mà ngành công nghiệp sản xuất ra bao nhiêu, rồi tính năng chi tiết trong chiến đấu. Trong kho tàng sách quân sự trong nước, khó mà tìm được cuốn sách nào chỉ rõ ai và khi nào lãnh đạo các vấn đề phát triển kỹ thuật quân sự, thế mà trong cuốn sách của Izel lại có tất cả những điều này. Các bạn hãy cầm lấy cuốn sách, hãy đọc nó! Tôi tin rằng nếu cuốn sách này được in bằng tiếng Nga thì sẽ là nguồn cung cấp thông tin lớn cho bạn đọc.

Tác giả đặt tên cuốn sách là “Lịch sử khẩu tiêu liên AK-47” nhưng công trình này bao gồm cả sự phát triển, hình thành vũ khí bộ binh của nước Nga kể từ khi khởi thủy, cho đến những năm gần đây. Đây là cuốn từ điển Bách khoa về vũ khí bộ binh Nga từ năm 1812 cho đến nay.

Sau khi cho ra đời cuốn sách này, tiến sĩ Izel đề nghị tôi tham gia vào việc xây dựng một bộ phim video về các nhà thiết kế vũ khí bộ binh của thế kỷ XX. Kể từ đó chúng tôi thường xuyên trao đổi thư từ thăm hỏi công việc. Tháng 7 năm 1989 chúng tôi gặp nhau lần đầu ở Mátxcova. Tiến sĩ đi cùng với một tổ quay phim. Đến nơi ông bắt tay ngay vào việc thực hiện chương trình đã định. Bốn ngày cùng làm việc thân ái với ông đã in đậm mãi trong ký ức tôi. Sau đó một năm tôi vượt đại dương bay sang Mỹ để tiếp tục công việc đang làm dở ở Mátxcova.

Ở sân bay tôi đã nhận ra ngay những khuôn mặt thân quen của những người ra đón và nụ cười hiền hậu của Izel giờ đã là bạn tôi. Chúng tôi ôm lấy nhau như những người bạn cũ. Izel giới thiệu tôi với Viêcinhia người vợ yêu quý của ông, người giúp việc trung thành trong sự nghiệp lao động không mấy nhẹ nhàng của một nhà sử học quân sự như ông. Tôi không bao giờ quên được những ngày ở trường đại học Xuitxônốp, được gặp gỡ với nhiều chuyên gia và những người yêu thích vũ khí bộ binh.

Vào một ngày ở Oasinhton, tôi nóng lòng chờ gặp người thiết kế khẩu súng trường M-16 và các loại vũ khí bộ binh khác. Và tôi đã gặp Iutzin Xtuner, người mà tôi biết từ lâu trong sách. Chúng tôi gặp nhau ở khách sạn “Oasinhton” như là những người bạn cũ thân thiết.

Tôi không thể ngờ được rằng tôi có ngày hôm đó. Thế mà nó đã đến!

Tôi muốn nói lời cảm ơn gửi đến những người đã tổ chức cho tôi tới thăm những nhà máy vũ khí và các bảo tàng vũ khí, trong thời gian tôi là khách của nhà thiết kế Mỹ Bil Riuger. Trong thời gian này, tôi gặp lại tiến sĩ Izel, ông giới thiệu với tôi về những kế hoạch sáng tạo tiếp theo của ông. Tôi vô cùng ngạc nhiên và sung sướng nhận thấy rằng, ông đã muốn làm thật nhiều để cho lịch sử vũ khí thế giới được đưa ra với độ chuẩn xác cao và để cho các thế hệ chế tạo vũ khí mới có thể tiếp thu được. Không phải ai khác, mà chính ông có thể làm việc này. Tôi biết ông ốm, yếu, nhưng tôi tin rằng ông sẽ mạnh hơn những căn bệnh đã đổ lên vai ông.

Tôi thật đau đớn trong lòng khi được biết qua điện thoại rằng, ông – người chép tiểu sử đời tôi, người bạn tôi đã qua đời. Trong căn hộ tôi ở, còn lưu giữ nhiều cuốn sách của ông, và hàng trăm bức ảnh ông, điều đó luôn gợi cho tôi nhớ rằng, ông vẫn còn tiếp tục ở bên tôi.

Có những người có biệt tài trong việc gây thiện cảm với người khác: theo tôi Izel, là một trong những người thuộc số đó... Một lần ông ấy viết trong thư riêng gửi tôi: “Với tư cách là một nhà lịch sử vũ khí bộ binh, tôi không xu nịnh và nói quá lên rằng, ông đã có ảnh hưởng quyết định đến việc phát triển loại vũ khí này vào cuối thế kỷ XX. Tôi cho rằng, trên thế giới không ai phủ định về điều này. Vì thế chúng tôi đã quan tâm đặc biệt đến hoạt động sáng tạo của ông. Hoạt động này đã đóng một vai trò quan trọng nhất trong việc hình thành một con người nổi tiếng thế giới như ông. Cũng chính vì vậy, chúng tôi rất mong muốn được giới thiệu ông với mọi người từ những đặc điểm trong quá trình sáng tạo, để hình thành nhà thiết kế, những phong cách, phương pháp, điều kiện làm việc quyết định đến khuynh hướng tư duy và khả năng làm việc mà ông đã từng áp dụng. Sự quan tâm trên không chỉ có ý nghĩa đối với những người làm khoa học, mà nó còn có giá trị lớn về giáo dục, học vấn đối với thế hệ trẻ và thúc đẩy phát triển mối quan hệ hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc của hai nước chúng ta.

Izel không chỉ chinh phục tôi mà có lẽ ông còn chinh phục tất cả nhưng ai mà ông đã gặp ở nước Nga. Một lần, ông ghé thăm khóa học “Xạ kích” ở trường bắn ngoại ô Mátxcova, mọi người rất ngạc nhiên khi phát hiện ra ông là một xạ thủ xuất sắc. Các sĩ quan đến bắt tay chúc mừng ông, họ giơ ngón tay cái cho nhau biểu hiện sự vui mừng thán phục.

Có một khía cạnh nữa trong hoạt động của Izel làm tôi bị cuốn hút đó là sứ mạng đặc biệt của ông. Một lần tôi bỗng nhớ ra là ông không chỉ là một nhà lịch sử... mà ông còn giữ chức trưởng phòng lịch sử của các lực lượng vũ trang, người phụ trách bảo tồn bộ sưu tập hỏa khí quốc gia, thuộc viện bảo tàng lịch sử quân đội quốc gia trực thuộc trường đại học Ximitxônốp Mỹ. Etvar Clinton Izel còn là một nhà triết học vũ khí... có thể như thế chăng? Tiếc rằng tất cả những điều nói trên đều ở vào thời quá khứ!

Tôi không nói về cuốn sách sâu sắc của ông, hoặc về những cuộc phỏng vấn trên truyền hình rất chính xác và thành thạo trong thời gian quay phim – tôi có cảm tưởng rằng chỉ cần một nụ cười thân ái của ông, đôi khi cũng nói lên được nhiều điều hơn hẳn các bài nghiên cứu trang giảng đại hải... Tầm bao quát trong sáng tạo của Izel chính là điểm khác biệt của ông so với những cố gắng tìm hiểu, nắm vững những tài sản của nước Nga. Những vấn đề này ngay trong nước, chúng ta nghiên cứu còn dè dặt.

Chúng tôi kết bạn với nhau thật nồng thắm và sôi nổi như các cậu bé mới lớn. Tình bạn này đã cổ vũ tôi

một cách lạ thường. Thậm chí tôi còn có ý định thế nào tôi cũng sẽ học tiếng Anh, đầu tiên để viết nhật ký, sau đó sẽ viết quyển sách không chỉ nói về vũ khí. Tóm lại tôi sẽ bắt đầu cuộc sống mới.

Tôi bắt đầu viết một cách thật thường những ghi chép ngắn, lúc thì ở phòng làm việc trong nhà máy, lúc thì ở trên máy bay, trong tàu hỏa, trong khách sạn ở Mátxcova, và ở nước ngoài... Nhưng trước khi cho trình làng chúng, tôi muốn dẫn ra toàn bộ một cuộc phỏng vấn mà tôi cùng với Izel đã tiến hành cùng nhau khi ông ở thăm Nga. Cuộc phỏng vấn này đã đăng trong tờ “Sao đỏ”.

“Phóng viên; Thưa ngài Izel, trong lời nói đầu của cuốn sách “Lịch sử khẩu tiểu liên AK-47” có câu: “Hơn mười năm nhà sử học quân sự Etvar Clinton đã tiến hành công việc do thám, thâm nhập vào vỏ bọc bí mật bao quanh cuộc đời Kalasnhicốp”. Chuyển đến thăm lần nay có liên quan gì đến nhiệm vụ cũ không?”

E.K.Izel: Có thể nói rằng, ông đã đoán trúng. Vấn đề này xuất hiện một phần do tính tò mò đặc trưng của những người sinh ra ở phương tây, khi có quan hệ với những người hoạt động trong tổ hợp công nghiệp quân sự của Liên Xô được bảo vệ trong màn bí mật. Còn một nguyên nhân nữa là, khi nghiên cứu và giới thiệu lịch sử “Kalasnhicốp”, chúng tôi có điều kiện biết rõ hơn rằng bằng cách nào Liên Xô không phụ thuộc vào thiết kế và công nghiệp sản xuất của nước ngoài mà vẫn hoàn toàn chủ động được trong các lĩnh vực này. Nhưng có lẽ cái chính nhất là để biết nhiều hơn nữa về một con người, người đã trở thành anh hùng của nhân dân Xô Viết trong lĩnh vực kỹ thuật.

M.T.Kalasnhicốp: Điều đó xét theo quan điểm lịch sử, còn những nhà thiết kế – đồng nghiệp của tôi có thể nghĩ khác. Hơn nữa, sự hoàn thiện là không có giới hạn, nên trên thế giới sẽ tồn tại nhiều mẫu vũ khí xứng đáng.

E.K.Izel: Để khẳng định cho lời tôi nói trên, xin dẫn ra những lời nhận định của nhiều nhà vũ khí xuất sắc, trong đó có Xtônner và Galili-Blanshicốp mà ông đã biết, những người đã nghiên cứu rất kỹ các hệ thống vũ khí của Giônson, Khôlik “UZI” và của ông. Họ đã coi hệ thống vũ khí của ông là tốt nhất thế giới. Cả hai nhà vũ khí nói trên gửi lời chào thân ái tới ông!

M.T.Kalasnhicốp: Xin cảm ơn.

E.K.Izel: Xin nói thêm, ngoài công việc thiết kế, ông và họ còn có một điểm chung nữa.

M.T.Kalasnhicốp: Điểm chung nào nữa?

E.K.Izel: Hai người Xtônner và Galili cũng như ông, đã từng là người lính ngoài mặt trận của thế chiến thứ hai. Một người trong quân đội Mỹ, một người trong quân đội Anh.

Phóng viên: Đây là một sự kiện thú vị. cuộc đấu tranh chống phát xít đối với cả ba nhà thiết kế Xtônner, Galili, Kalasnhicốp là xuất phát điểm độc đáo để họ vươn tới chế tạo một loại vũ khí bộ binh hoàn toàn mới, nhằm nhanh chóng chiến thắng kẻ thù chung.

E.K.Izel: Vâng, có lẽ, sự kiện này đã đóng một vai trò không nhỏ trong số phận tiếp theo sau đó đối với họ. Tôi cho rằng có một điều không kém phần thú vị đối với bạn đọc Xô Viết, đó là Xtuner cũng như Kalasnhicốp đều là những thiên tài bẩm sinh, họ không có học vấn chuyên ngành cũng như không có trình độ đại học.

M.T.Kalasnhicốp: Vâng, cái gì không biết, là không biết. Chúng tôi biết về các hệ thống vũ khí mà chúng tôi chế tạo nhiều hơn là biết về nhau.

E.K.Izel; Để bổ khuyết chỗ trống này đối với người Mỹ về mặt cuộc đời và hoạt động của ông, từ lâu tôi đã chờ cuộc gặp này với ông. Nhóm quay phim đi cùng tôi sẽ ghi hình cuộc nói chuyện của chúng ta, và bộ phim sẽ trở thành một phần của chương trình phim khoa học – thời sự Xmitxônốp dành cho những nhà chế tạo kỹ thuật hiện đại.

Phóng viên: Nói một cách khác là, ông muốn vén toàn bộ bí mật che kín cuộc đời Kalasnhicốp?

E.K.Izel: Theo sự đánh giá của tôi như đã nói trong cuốn “Lịch sử AK-47” thì sự ra đời của khẩu tiểu liên Kalasnhicốp trên trường quốc tế là một trong những dấu hiệu chứng tỏ rằng, Liên Xô đã bước sang một kỷ nguyên kỹ thuật mới. Khẩu tiểu liên AK-47 và những phương án ứng dụng của nó là loại vũ khí bộ binh thông dụng nhất và nổi tiếng nhất sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Sự thực thì có một số chuyên gia phương Tây bác bỏ ý kiến này, họ cho rằng, sự đánh giá đó cũng xứng đáng với cả khẩu súng trường M.16 được trang bị cho quân đội Mỹ. Riêng tôi không nghĩ thế. Và không phải chỉ có tôi yêu thích khẩu tiểu liên Kalasnhicốp. Chúng ta nhìn thấy nó trong các chương trình thời sự trên tivi, trong các phóng sự ảnh từ Beirut, từ sa mạc Iran, từ rừng rậm En-Xanvador và từ vùng núi Apganixtan. Tình hình đó buộc người Mỹ chúng tôi phải đặc biệt chú ý đến hoạt động sáng tạo và cá nhân Mikhain Timôphêvich Kalasnhicốp.

Tôi nhấn mạnh thêm một điều nữa là, ngoài mối quan tâm về khoa học và về con người, thì sự làm quen với các nhà vũ khí xuất sắc của thời đại có một giá trị giáo dục lớn đối với thanh niên Mỹ. Vâng, vâng xin các vị đừng ngạc nhiên. Chúng tôi là những người biết đánh giá, biết khâm phục các thành tựu cao cả của người phác.

Phóng viên: Nhân dịp này, tôi muốn nghe ngài giới thiệu về trường đại học Xmitxônốp. Vai trò của nó là gì?

E.K.Izel: Trường đại học Xmitxônốp là một cơ quan nhà nước của Mỹ, có nhiệm vụ thu thập, bảo quản và phổ biến các thành tựu văn hóa, khoa học, kỹ thuật của nền văn minh con người, đến toàn thể nhân dân Mỹ, cũng như đến các vị khách nước ngoài đa chủng tộc của chúng tôi. Viện có một mạng lưới rộng khắp các viện bảo tàng lớn nhất, các kho lưu trữ, các xưởng, các trạm, các phòng thí nghiệm, các tổ chức khảo học và giáo dục. Tôi hy vọng trong thời gian tới ông Kalasnhicóp sẽ có chuyến thăm đáp lại chúng tôi và tôi sẽ có vinh dự được đón tiếp và giới thiệu với ông những bộ sưu tập và các tài liệu mà ông quan tâm.

M.T. Kalasnhicóp: Xin cảm ơn tiến sĩ Izel về lời mời. Khi mà chúng ta có điều kiện gặp gỡ, tôi nghĩ rằng sẽ giúp chúng ta hiểu và gần gũi nhau hơn. Về phần mình, tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng, tôi đánh giá cao các thành tựu của các nhà thiết kế Mỹ, đặc biệt là ngày Garand, người đã chế tạo ra khẩu súng trường tự động có sơ đồ cấu tạo cơ cấu khá rãnh rờng và hệ thống nạp đạn độc đáo.

Còn riêng về cuốn sách của ông, thưa tiến sĩ Izel, tôi phải thừa nhận rằng, nó làm tôi rất ngạc nhiên. Tôi không ngờ rằng quan điểm từ phía “bên kia” về quá trình phát triển của ngành vũ khí bộ binh chúng tôi trong thời kỳ cách mạng, cũng như trong thời kỳ Xô Viết lại được đánh giá khách quan và sâu sắc đến thế.

E.K.Izel: Làm việc này không đơn giản chút nào. Việc thu thập từng mẩu tin một về lịch sử phát triển vũ khí ở Nga và các sự kiện trong đời tư của ông, quả thật giống như việc làm của một thám tử. Những thông tin viết về ông bằng tiếng Anh rất ít đã đành, mà cả các nguồn tư liệu Xô Viết cũng thế.

M.T.Kalasnhicóp: Tôi nghĩ rằng không lâu nữa, lỗ hồng này sẽ được lấp kín. Nhà xuất bản quân sự Bộ Quốc phòng Liên Xô đang chuẩn bị xuất bản cuốn sách của tôi. Tôi sẽ kể về con đường tôi đã đi qua. Sau một quãng đường dài đã trải qua, tôi đã thấy con đường ấy như thế nào, và hiện nay cách tôi nhìn nhận, hiểu biết nó ra làm sao.

E.K.Izel: Cuốn sách của ông? Đối với tôi đây là một bất ngờ thú vị. Có lẽ trong cuốn sách này ông sẽ tiết lộ ra Kalasnhicóp, không chỉ là một nhà thiết kế đơn thuần mà còn là thầy của các nhà thiết kế.

M.T.Kalasnhicóp: Trong điều kiện hiện đại hóa, nhà thiết kế vũ khí không thể làm việc đơn độc – thủ công. Trong các phòng thiết kế có các tập thể lớn làm việc bao gồm các nhà phân tích, các nhà công nghệ, các nhà kim loại và cả các xạ thủ nữa. Đương nhiên trong phòng thiết kế có cả những học sinh của tôi làm việc cùng. Tôi muốn truyền đạt kinh nghiệm của mình về công việc thiết kế, chế tạo các hệ thống vũ khí cho họ. Và tôi cũng có một người con trai là kỹ sư thiết kế. E.K.Izel: À ra thế? Lại thêm một Kalasnhicóp – chế tạo vũ khí nữa?

M.T.Kalasnhicóp: Vâng. Có lẽ con sẽ hơn cha.

E.K.Izel: Theo dự báo của tôi, trên phương diện là nhà nghiên cứu lịch sử và công nghệ chế tạo vũ khí, tôi có thể nói chắc rằng nếu Liên Xô bất ngờ có một phát minh lớn trong lĩnh vực vũ khí bộ binh, các hệ thống vũ khí mới sẽ thay thế các hệ thống cũ thì các hệ thống của ông vẫn còn được sử dụng cho đến năm 2005. Tuy nhiên, tôi cho rằng phát minh đó ít có khả năng xảy ra, nên hệ thống vũ khí của Kalasnhicóp – bố sẽ còn được sử dụng lâu hơn. Nhưng, dù thế, tôi vẫn muốn chúc Kalasnhicóp – con đạt nhiều thắng lợi trong công việc thiết kế vũ khí.

Phóng viên: Thưa tiến sĩ Izel, vậy ngài cho rằng vũ khí bộ binh vẫn còn có tương lai, và nó sẽ sống lâu nữa?

E.K.Izel: Vũ khí bộ binh – là một trong những loại hình vũ khí tối thiểu cần được trang bị. Có lẽ nó sẽ biến mất sau cùng và nó sẽ sống lâu hơn so với các loại vũ khí khác. Ở Mỹ, chúng tôi đã bỏ ra một khoản chi phí lớn cho lĩnh vực này, nhưng thành tựu thì chưa nhiều. Hiện nay trong các đơn vị bộ binh chúng tôi đang tiến hành thử bốn loại mẫu mới. Nhưng tôi cho rằng đến năm 2000 vũ khí bộ binh của chúng tôi, vẫn chỉ tiến hành hiện đại hóa khẩu M.16”.

Đánh giá cuộc gặp mặt của chúng tôi ở Nga, Rôbe Adamx thư ký Viện Xmitxônốp, viết cho tôi thế này:

“... Các thành viên của nhóm chúng tôi sẽ không bao giờ quên chuyến đi Liên Xô và mối quan hệ bè bạn thân ái của đất nước ông. Các công việc mà chúng ta đã tiến hành, phản ánh một cách tốt nhất những cố gắng của hai nước chúng ta, để đạt được một nền hòa bình và hữu nghị bền vững”.

Tôi phải mạnh dạn nói rằng, sau cuộc gặp mặt đầu tiên không quên ấy, giữa chúng tôi đã hình thành nên

mối quan hệ tin cậy lẫn nhau. Chúng tôi bắt đầu nhận được những lời chúc mừng lẫn nhau và đặt hy vọng vào cuộc gặp mới.

Vào dịp sinh nhật lần thứ 70, tiến sĩ Izel tặng tôi một món quà kèm theo bức thư ngắn: “Tôi xin gửi tặng ông mẫu tiêu liên M.16A2 lê M.9 mới được trang bị cho quân đội. Nhân kỷ niệm về cuộc gặp mặt có thể coi là lịch sử vào năm 1989. Tôi nghĩ rằng nó đem lại ít nhiều thú vị cho ông”. Vật kỷ niệm đúng là dành cho chúng tôi, những nhà làm vũ khí! Tôi rất cảm ơn vì món quà và treo nó trong phòng làm việc ở nhà của tôi trên chỗ dễ thấy nhất.

Đầu năm 1990, sự cộng tác chặt chẽ giữa hai bên đã đem lại kết quả. Ngày 30 tháng 3 năm 1990 tôi chính thức được Viện Xmitxonốp thông báo mời sang tham gia vào chương trình phim tài liệu từ ngày 15 đến 23 tháng 5. Trong thư, tiến sĩ Izel viết: Chúng tôi muốn tiếp tục làm cuốn phim thời sự về con đường công danh của ông và của ngài Xtuner. Xin ông hay báo cho biết, ông có thể sang Mỹ vào thời hạn trên được không. Tôi hy vọng rằng, chúng ta sẽ tiếp tục một các có kết quả dự kiến của chúng ta về các cuộc họp báo và phỏng vấn đề quay video. Chúng tôi đã chuẩn bị cuộc thăm thú vị cho các bạn – những người bạn Xô Viết của chúng tôi.

Đọc chương trình cuộc thăm Mỹ sắp tới, tôi thực sự ngạc nhiên vì sự tính toán vô cùng chính xác, cho đến từng phút một! Mỗi một biện pháp tổ chức đều có người chịu trách nhiệm cụ thể, trong đó có người phụ trách thật cao. Đại diện cho chương trình “picnic” – người chịu trách nhiệm – Ông Trời. Chúng tôi cầu Trời đừng mưa!!!

Lời cầu khẩn trước ấy đã thấu đến Trời thật, thời tiết hôm ấy thật đẹp, trời nắng xanh thắm, không một bóng mây.

Sau khi điện báo đồng ý cuộc thăm, tôi lại được đọc những lời tốt đẹp của tiến sĩ Izel: Tôi và Xtunner nóng lòng chờ ông hạ cánh ở Oasinhton”.

Và cuối cùng chúng tôi lên đường. Tôi đi cùng với con gái Êlena và người phiên dịch Alêchxandr Morôđốp. Sau ba tiếng bay chúng tôi hạ cánh ở Phracuốc-na-Mainơ. Bay tiếp bảy tiếng nữa thì đến sân bay Đalétx.

Thật dễ chịu khi được gặp những bộ mặt đã quen hoặc chưa quen nhưng ai cũng tươi cười sung sướng. Sau khi ôm hôn thân thiết với bạn bè, chúng tôi được làm quen với bà Viêcgionhia dễ mến, vợ tiến sĩ Izel. Vợ chồng Côxtelo say này cũng trở thành những người bạn tốt của chúng tôi.

Sau những lời chào hỏi, chúng tôi lên ô tô về Oasinhton. Nghỉ ngơi chút ít, chúng tôi vội vã đến viện Xmitxonốp. Đây là một ngôi nhà đồ sộ, đã để lại trong tôi những ấn tượng không phai mờ. Về hoạt động khoa học và văn hóa giáo dục của viện thì lại càng lớn và rộng khắp. Trong viện bảo tàng của viện, tôi bắt ngờ được làm quen với nhà lịch sử Nhật, Maxami Tôcôi, và Têruxi Dzimbô sang Viện chuẩn bị tài liệu nghiên cứu các mẫu vũ khí bộ binh khác nhau. Họ tặng tôi cuốn sách của họ về vũ khí, trong đó có cuốn “AK-47 và các phương án của Kalasnhicốp”.

Khi xem bộ sưu tập vũ khí trong bảo tàng và sau đó là các bộ sưu tập tư nhân, tôi nhận ra rằng ở Mỹ không những người ta biết đánh giá hiện tại mà còn biết giữ gìn xứng đáng quá khứ của mình. Thật khó mà tưởng tượng được, ở đây có bao nhiêu loại vũ khí đã được chế tạo và giữ gìn một cách cẩn thận.

Buổi tối hôm ấy, chúng tôi được mời đi ăn tối trong một khách sạn ở thành phố Alêchxandria, ngoại ô Oasinhton, nghe nói, khi sinh thời tổng thống Oasinhton vẫn thích đến ăn trưa ở đây. Sáng hôm sau tôi đến gặp nhà thiết kế Mỹ nổi tiếng Xtôner trong khách sạn. Chúng tôi cùng ông đi thăm viện bảo tàng “Côsmôx” và đến thành phố Bantimor. Chuyến thăm thủy cung ở đây đã để lại cho tôi ấn tượng mạnh. Người phiên dịch cho chúng tôi trong cuộc đi này là anh Andrêax Tômberg – một người thạo tiếng Nga. Anh đề nghị tôi gặp gỡ với các đại diện của tổ chức “Bảo vệ môi trường”. Ngày 18 tháng 5, có cuộc gặp tại đại sứ quán Liên Xô sau đó thì đi thăm cơ sở của câu lạc bộ người đi săn “Nôvra”. Chúng tôi ăn tối xung quanh đồng lửa và ở lại đây chơi đến tối. Nhân viên đang chuẩn bị thịt cho ngày mai, vì khách và thành viên câu lạc bộ sẽ đến nhiều.

Người ta báo trước cho tôi biết rằng, sáng sớm mai tôi sẽ cùng đi săn với chủ tịch câu lạc bộ, ngài Mactin. Tôi dậy sớm một giờ trước khi đi và đợi Mactin đến sốt ruột. Và rồi chúng tôi đã ở trong rừng, súng đã nạp đạn. Mactin trong tay cầm còi nhưng lại không dùng đến mà dùng mồm huýt giả tiếng thú rừng rất điệu nghệ! Thật hay, ông không biết tiếng Nga, còn tôi không biết tiếng Anh, nhưng chúng tôi lại hiểu nhau rất tốt.

Khi chúng tôi đã mệt mỏi, ba lô rỗng không, trở về nơi tập trung, mọi người chỉ vào món thịt rán: Đây là kết quả đi săn của các ông phải không? Chúng tôi cười vang gật đầu và trả lời: Vâng, đây là chiến lợi phẩm thu được của chúng tôi! Cuộc đi chơi đã diễn ra trong bầu không khí thật ấm áp và thân ái. Chúng tôi phát

hiện ra người chuẩn bị món thịt nướng ngon tuyệt đêm ấy là Etvar Giônson – một nhà sưu tập đồ cổ và vũ khí các loại nổi tiếng ở Mỹ. Trong kho cất giữ của ông, thời thì không thiếu thứ vũ khí nào. Một ngày sau cuộc đi chơi, ông mời tôi đến ăn trưa tại trại của mình. Đến đây chúng tôi mới biết, ông còn một sở thích nữa, hồi phục và lưu giữ các loại ô tô cổ. Ông dùng một chiếc đã được hồi phục lại đưa tôi đi. Trên bộ tản nhiệt của chiếc ô tô có ghi năm sản xuất 1933.

Mong sao bạn đọc đừng nghĩ rằng chúng tôi chỉ có thăm bảo tàng, đi picnic, dự các bữa ăn trưa được mời. Không, chúng tôi vẫn nhớ mình đến Mỹ với mục đích gì. Công việc chính theo chương trình đã định được bố trí rất sát sao. Chẳng hạn, một số nhà sưu tập vũ khí của câu lạc bộ “Nôrva” mang đến các mẫu vũ khí bộ binh khác nhau đủ loại, kể cả trung liên đời cổ. Ai cũng muốn để Xtônner và tôi thể nào cũng phải bắn trúng để quay phim vì điều đó gây uy tín lớn cho các nhà sưu tập. Thực ra thì không phải mẫu nào cũng hoạt động được, vì nó quá cũ. Các hình thức bên ngoài của chúng thì vẫn được giữ gìn, bảo quản tốt.

Các công việc của chương trình video được tiến hành theo từng điểm một không vội vã. Tiến sĩ Izel xem xét công việc này rất kỹ lưỡng. Ông đã chỉ huy công việc rất chính xác, không để gián đoạn hay thay đổi bất cứ một điểm nào.

Những ngày ở Mỹ cùng với Xtunner đã in sâu mãi trong ký ức tôi.

Có lẽ sự tôn trọng lẫn nhau đã làm cho cuộc giao tiếp giữa chúng tôi được cởi mở hơn, xây dựng hơn và thú vị hơn. Nói chung, ở Mỹ người ta nói và viết rằng, Xtunner là một “ngươi-bí-ấn”. Ông luôn trốn chạy các nhà báo và sống ẩn dật. Ông sinh năm 1922 ở bang Indiana, kém tôi ba tuổi. Xuất thân từ một nhân viên về kỹ thuật trong công ty “Lôctrit” nổi tiếng. Đầu chiến tranh ông tham gia thiết kế đạn, sau đó mới thiết kế vũ khí bộ binh. Sáng chế hoàn thiện nhất của ông là khẩu súng trường M.16, đã kịp đem sử dụng trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Khác với khẩu AK của tôi, khẩu M16 được cấp bằng sáng chế và từ bấy đến nay, Xtunner được nhận một đôla cho mỗi khẩu sản xuất ra. Cho đến thời điểm này ông đã có được một gia sản lớn, như trong báo chí đã viết rằng, nó đủ để đảm bảo một “cuộc sống không nghèo cho con, cháu”. Ông có gần một trăm sáng chế khác nhau, trong đó nhiều sáng chế đem lại lợi nhuận, và nói chung ông là người của công việc, một nhà kinh doanh.

Báo chí Mỹ viết khá nhiều về chuyến đi của chúng tôi. Một lần, Lêna, con gái tôi chỉ cho tôi một bài trong tờ báo và nói với tôi; Ở đây người ta viết rằng, Xtônner có một tài sản lớn nhưng không có lấy một huân chương... còn ngược lại ở bố thì có biết bao nhiêu là huân huy chương, còn tiền thì... Bố ơi, bố hãy nói, giả sử nêu đời được, thì liệu bố...” Tôi trả lời hoàn toàn chân thành “Không”. Tôi rất hài lòng khi thấy Lêna cũng sung sướng hồn nhiên trước câu trả lời của tôi. Dù sao chẳng nữa, thì chúng ta vẫn thuộc một lớp người khác. Tôi nói điều này không phải theo hệ tư tưởng cộng sản, mà tôi muốn nói về mối quan hệ thuần túy người Nga của chúng ta đối với Tổ quốc thân yêu của mình. Vâng, chúng tôi là những con người như thế.

Cả Bộ quốc phòng Nga và Bộ quốc phòng Mỹ đều không hay biết gì về chuyến đi của chúng tôi, kể cả việc tôi và Xtônner được mời đến thăm một trong những căn cứ quân sự Covônticô cách Oasinhton 36 dặm. Chỉ huy trưởng căn cứ, tướng Cồpphin giới thiệu chúng tôi với đơn vị lính thủy bộ binh, và xem tiểu đoàn huấn luyện chiến đấu luyện tập. Có một điều thú vị là, ở căn cứ “lính thủy bộ binh” này, người ta tiến hành thử súng quân dụng và súng thể thao nhận từ nhà máy sản xuất về và tiến hành chỉnh ngay tại chỗ để đạt được các thông số cần thiết. Độ chụm khi bắn được đặc biệt quan tâm. Việc xử lý các thông tin trong khi bắn được tiến hành bằng hệ thống máy tính, cho nên rất nhanh và chuẩn xác. Những sai sót của nhà máy được khắc phục bằng tay ngay tại chỗ. Phải nói rằng sự kết hợp giữa kỹ thuật điện tử mới nhất và tài nghệ của bàn tay con người thật là ấn tượng.

Sau đó tướng Cồpphin mỉm cười nói: “Bây giờ chúng tôi muốn để những nhà sáng chế vũ khí hiển lộ tài năng sử dụng vũ khí... Tôi hy vọng là các ngài không phản đối sang phóng bắn tập?”

Trong phòng bắn tập, chỉ huy trưởng căn cứ đã gài sẵn “cái bẫy” chờ chúng tôi. “Có một yêu cầu đối với các ngài – Tướng Cồpphin cười cười mở hơn. – Ngài Xtunner sẽ bắn AKM còn ngài Kalasnhicôp bắn M.16. Hy vọng là đề nghị của chúng tôi được chấp thuận?”

Chúng tôi và Xtunner cùng cười: Có gì mà không chấp thuận được?

Bắn xong, chúng tôi trao đổi súng cho nhau, xem kết quả. Hóa ra kết quả bắn đều làm hài lòng mọi người, gần như nhau, cả hai nhà thiết kế và cả hai mẫu đều không thua kém nhau chút nào.

Tướng Cồpphin nhận khẩu súng từ tay tôi, tung nhẹ lên cao, rồi khéo léo bắt lấy. Có thể chính ông ta cũng là một xạ thủ xuất sắc.

- Phải thừa nhận rằng – Ông ta nói – Trong chiến đấu tôi thích khẩu AK của ngài hơn, ngài Kalasnhicóp. Tôi đã từng chiến đấu ở Việt Nam, chỉ huy một phân đội. Tôi luôn muốn có khẩu tiểu liên của ngài: Kalasnhicóp. Kalasnhicóp, tôi muốn nói một điều: So với M.16, tốc độ bắn AK khác, tiếng nổ khác. Nếu tôi mà bắn AK thì lính của tôi sẽ bắn vào tôi tức khắc, vì họ cho rằng bên cạnh tôi có Việt cộng, rằng tôi bị nguy hiểm. Vì vậy chỉ đành ngắm nhìn khẩu tiểu liên của ngài.

Xtunner gật đầu tán thành, các sĩ quan cao cấp đứng cạnh chỉ huy trưởng căn cứ cũng gật đầu đồng tình, tỏ ra hiểu biết và tán thưởng. Rõ ràng, không cần nói ta cũng biết, không chỉ có một mình tướng Cốpphin đã từng có mặt ở Việt Nam.

Tôi viết điều này không phải để một lần nữa nhấn mạnh tính hơn hẳn của khẩu AK so với vũ khí tương tự nước ngoài... Mà tôi muốn nói về một điều khác, về người thợ khéo tay, về những người có bàn tay vàng và về những nhà sáng chế chúng tôi... Bao giờ ta mới hồi phục được một tiềm năng vĩ đại còn ẩn chìm trong bóng tối để, để làm cho mọi người chúng ta đều phải say mê cuốn hút vào tất cả các sản phẩm có ghi dòng chữ "mêdin"... Đến bao giờ chúng tôi mới tự hào, rằng sản phẩm đó được sản xuất tại Nga.

Cũng vào ngày 22 tháng 5 hôm đó, lúc 19 giờ 30 phút, trong bảo tàng thủy quân lục chiến, một bữa tiệc chia tay đã được tổ chức. Những người dự tiệc đã phát biểu chân thành nồng hậu về cuộc thăm của chúng tôi và sự cần thiết củng cố tình hữu nghị giữa hai nước. Tôi còn giữ làm kỷ niệm một tờ giấy lớn trên đó có hình khẩu AK-47 của tôi và hình khẩu M.16 của Xtunner, dưới hình hai khẩu súng là bút tích của những người dự tiệc.

Để kết thúc câu chuyện về chuyến đi của chúng tôi, tôi muốn nhấn mạnh rằng, trong khuôn khổ thời gian của chuyến thăm, chúng tôi đã kết bạn được với nhiều các bạn mới, tốt. Và tất cả những điều tốt đẹp mà tôi đã kể ra ở chương này trước hết thuộc về một người đã đứng ra tổ chức thành công cuộc thăm trong một thời gian ngắn và khó khăn như thế. Tôi không biết dùng lời cảm ơn nào cho xứng đáng với những công sức mà bạn tôi, tiến sĩ Ețvar Clonton Izel đã thành công cho việc này.



## CHUYẾN THĂM TRUNG QUỐC

Ngày 2 tháng 4 năm 1991, tôi nhận được bức thư tay của tiến sĩ Izel, trong đó viết: Trong cuộc đến thăm năm ngoái, ngài Lai Xzin Le, chủ tịch tập đoàn công nghiệp phương Bắc đã gặp ông và mời ông sang thăm Trung Quốc. Giờ tôi được phép mời ông sang thăm xí nghiệp sản xuất vũ khí bộ binh. Thời gian cuộc thăm thống nhất với ông là từ 19 tháng 8 đến 2 tháng 9 năm 1991.

“Gôsivan, Tổng thư ký tập đoàn công nghiệp phương Bắc”.

Trong thư đáp, tôi cảm ơn lời mời và thông báo những người tham dự chuyến đi có Vichtor con trai tôi, và nhà công nghệ Epghênhi Sumcốp.

Sau khi làm xong thủ tục giấy tờ đi Trung Quốc, chúng tôi về Mátxcova trước chuyến bay một ngày. Vào ngày bay, ở khách sạn bỗng nhiên nghe thấy trên radiô phát đi lời kêu gọi của “ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp”. Chúng tôi liên lạc với sân bay hỏi xem liệu chuyến bay có bị hủy không? Hóa ra không có gì thay đổi. Chúng tôi lên đường ra sân bay. Suốt quãng đường đi, tôi luôn trong tâm trạng nặng nề, vì không hay biết gì về tình hình mới. Bay trên trời, mà lòng thì hướng về một điều ở dưới đất: điều gì đang xảy ra ở nhà? Sau tám tiếng bay, chúng tôi hạ cánh xuống sân bay Bắc Kinh. Nhìn nét mặt những người ra đón, tôi có cảm giác là họ cũng muốn hỏi: Thế nào, tình hình các anh bên đó thế nào? Và chính chúng tôi cũng đang nghĩ về điều mà chúng tôi không biết gì.

Phiên dịch viên Sen-Uunsai nói rất sôi nổi tiếng Nga đón chúng tôi. Anh ta giới thiệu chúng tôi với nhóm người đi đón, chúng tôi lên xe về Bắc Kinh để sắp xếp chỗ ở trong khách sạn.

Nghỉ ngơi hai tiếng đồng hồ, chúng tôi đến phòng họp của Hiệp hội để đọc báo cáo trước các chuyên gia đầu ngành công nghiệp quốc phòng.

Ngày 21 tháng 8 thăm viện bảo tàng Gugun (cung hoàng đế), buổi chiều tiếp tục đọc báo cáo và trả lời câu hỏi. Tôi để ý thấy trong hai ngày tôi đọc báo cáo, mọi người tham dự đều tập trung cao độ ghi chép lời dịch bài phát biểu của tôi.

Cuộc gặp hôm sau là ở viện Vũ khí nhẹ. Khuôn viên của Viện rộng thoáng, được chăm sóc kỹ càng. Trong các phòng thí nghiệm được trang bị các thiết bị hiện đại nhất. Hầu như các cán bộ công nhân viên ở đây đều có trình độ chuyên môn cao. Cuộc gặp giữa chúng tôi diễn ra trong tinh thần cùng quan tâm lẫn nhau. Trong phòng bắn tập chúng tôi được đề nghị bắn một số mẫu vũ khí khác nhau.

Và ở đây đã diễn ra một sự kiện nhỏ làm tôi rơi và tình thế rất khó chịu. Tôi bắn khẩu tiểu liên cỡ nhỏ, ngắn nòng và không có bộ phận giảm thanh. Tôi đã đeo cái che tai, nhưng người quay camera cảm thấy không ổn, – có lẽ anh ta cần hình ảnh “Kalasnicốp không che tai”. Anh ta đến gần tôi và tháo cái che tai ra... Tất nhiên tôi có thể không đồng ý! Cứ giả thử là anh ta không biết hậu quả sẽ ra sao nếu bắn không che tai, thì tôi phải thừa hiểu điều đó chứ. Nhưng do đầu óc lúc đó thế nào ấy, có thể là do kiêu hãnh, cũng có thể do ngang bướng nghề nghiệp không để ý gì đến việc dùng bắn mà cứ tiếp tục xiết cò.

Lúc bắn xong, tôi bắt đầu nghe thấy tiếng ù tai. Tiếng người nói trực tiếp cạnh mình nghe cứ như ở đâu từ xa vọng tới. và thế là tôi hiểu rằng tính ương bướng của mình đã gây ra tác hại... Thật đáng tiếc cái giá phải trả quá lớn: từ bấy đến nay tôi nghe kém hẳn.

Ngày hôm sau, chúng tôi đến nhà máy chế tạo vũ khí bộ binh ở thành phố Trùng Khánh. Ở đây chúng tôi thấy lại môi trường quen thuộc cũ của mình, có điều là nó còn đang ở “thời kỳ thai nghén”. Các phân xưởng nằm trong các đường hầm ngầm trong núi có rất nhiều thiết bị của những năm 50. Nhiều các chi tiết được gia công bằng tay. Do thừa nhân công nên các phân xưởng chỉ làm việc có bốn giờ một ngày.

Chúng tôi còn có mặt ở hai thành phố khác, nơi đó có nhà máy chế tạo vũ khí. Ở đây chúng tôi thấy các tòa nhà sáng sủa của các phân xưởng hiện đại được trang bị các thiết bị hiện đại có năng suất cao. Sản phẩm chế tạo ra, như bây giờ ta thường nói, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

Mặc dù ngày làm việc được bố trí rất sát sao, người Trung Quốc vẫn quan tâm đến việc tổ chức nghỉ ngơi một cách có ý nghĩa... Chúng tôi đã đi thăm Vạn Lý Trường Thành, thăm khu rừng Đá, một kỳ quan của tự nhiên... Sau đó chúng tôi trở về Bắc Kinh chuẩn bị về nước.

Ở Bắc Kinh, Tổng biên tập tạp chí Quân sự Lý Hùng đề nghị tôi trả lời phỏng vấn. Sau đây là một đoạn trích trong buổi phỏng vấn đó: “Viện nghiên cứu mà chúng tôi đến thăm quan có trình độ kỹ thuật cao. Ở đó đã tiến hành nghiên cứu nhiều sản phẩm mới. Tuy nhiên trong thời gian thăm quan các nhà máy chúng tôi phát hiện thấy một số nhà máy thiết bị đã quá lạc hậu. Các công việc nặng nhọc làm bằng tay còn nhiều. Tuy nhiên, trong những điều kiện không thuận lợi đó, sản phẩm được sản xuất ra vẫn có chất lượng cao. Điều đó đã làm chúng tôi ngạc nhiên. Vũ khí được sản xuất với những loạt nhỏ như vậy, công nghệ như thế có thể đảm bảo được. Lần đầu tiên tôi đến Trung Quốc, tôi cho rằng cuộc đi đã đem lại nhiều ích lợi.

Mặc dù thời gian đi thăm trôi qua nhanh chóng, nhưng tôi vẫn kịp nhận ra rằng nhân dân Trung Quốc lao động rất cần cù. Điều đó đã để lại cho tôi những ấn tượng sâu sắc. Còn một điều nữa tôi muốn nói là: Xin chúng ta hãy nhớ lại những khẩu hiệu cũ: Chúc cho tình hữu nghị giữa hai nước chúng ta đời đời bền vững! Tôi muốn thông qua tạp chí của các bạn gửi lời cảm ơn tới Hiệp hội các chuyên gia của ngành công nghiệp quốc phòng đã mời tôi sang thăm, và cảm ơn các bạn vì lòng mến khách, tình cảm bè bạn, thân ái, nồng nhiệt.

## BAY SANG ACHENTINA

Việc tôi được cử tham gia vào thành phần đoàn đại biểu đi dự triển lãm “Vũ khí 91” ở Achentina, đối với tôi là một bất ngờ lớn. Đa số thành viên của đoàn là các nhà quân sự. Ý tưởng tham gia cuộc triển lãm này là của chính họ và được Bộ Công nghiệp Quốc phòng ủng hộ. Mặc dù vẫn biết là mọi mối quan tâm đều do họ giải quyết, nhưng tôi vẫn thấy lo lo. Ở đất nước xa xôi mà ta còn ít biết đến kia liệu sẽ tiếp chúng tôi như thế nào? Hơn nữa, tôi cũng chưa thật hiểu rõ vai trò của mình trong cuộc triển lãm này... Nhưng, như một nhà quân sự nổi tiếng đã từng nói – hãy cứ vào trận đã.

Bắt đầu chuẩn bị tặng phẩm... Thật bực mình đến đau xót trong lòng. Lịch sử ngành vũ khí của chúng ta bắt đầu từ rất sớm, nhưng tài liệu về nó hầu như rất ít. Thật đáng tiếc là chúng ta luôn đề cao các nhà chế tạo vũ khí nước ngoài, còn đối với những người trong nước thì tỏ ra nghi ngờ. Trong ký ức chúng ta có đầy rẫy những thí dụ đã xảy ra trong quá khứ xa xưa. Chúng ta đã chiến thắng trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai cực kỳ gian khổ, vũ khí chiến thắng đã được chế tạo trong những điều kiện vô cùng khó khăn. Nhưng ta biết tìm đọc ở đâu về những nhà thiết kế như Gorulóp, Xudaép, Spangin, Nhikitin? Vì họ không chỉ xứng đáng được nhắc tới – nếu được thế thì cũng đã tốt – mà phải có từng câu chuyện kể, nói về họ và phân tích đầy đủ những hoạt động có hiệu quả và to lớn của họ. Tôi muốn làm sao có được những cuốn sách viết về họ được minh họa đẹp đến thế! Họ xứng đáng được như thế.

Đã đến ngày chúng tôi lên đường. Ở Mátxcova thời tiết mát. Thế còn thời tiết ở Achentina xa xôi như thế nào? Nơi mà vào thời điểm ấy tôi chỉ biết ở đó có điệu nhảy tango nổi tiếng mà thôi.

Toàn bộ đoàn đại biểu chúng tôi tập trung ở sân bay Trcalóp. Tất cả chúng tôi đều biết nhau, điều đó rất vui mừng: Đây là các bạn chiến đấu cũ!... Ghi tờ khai hải quan xong, 16 giờ 30 phút giờ Mátxcova ngày 5 tháng 10 năm 1991 chiếc IL62M cất cánh lên đường đi Achentina.

18 giờ 30 phút chúng tôi bay qua biên giới.

20 giờ 15 phút bắt đầu đến thành phố Xiilia, có rất nhiều ánh lửa nhấp nháy – giống như những ngôi nhà lớn ở ta ánh đèn nhấp nháy sáng trong thời gian lễ hội.

20 giờ 25 phút, Manta. Những ánh lửa dài liên tiếp dọc theo các tuyến đường. Chỉ có hai phút bay, Manta đã ở phía sau.

Trong khoang máy bay thông báo, đại tá Muamar Cadaphi cho phép chúng tôi bay qua lãnh thổ Libi. Vào lúc 20 giờ 30 phút tổ trưởng tổ lái Zakharovich mời tôi vào buồng lái. Tổ lái hải lòng, vui vẻ, tất cả đều tươi cười. Mọi người đều tỏ ra quan tâm và chú ý đến tôi. Máy bay bay ở chế độ tự động lái nên họ có thể làm thế được. Ngồi ở khoang lái nhìn xuống đất, thấy khác hẳn – trước mặt tôi hình như cả vũ trụ trải dài ra phía trước.

“Ông có biết tại sao đại tá Cadaphi cho phép chúng ta bay qua lãnh thổ Libi không/ – Zakharovich hỏi tôi – Thường thì chúng tôi phải bay vòng...”

Tôi trả lời rằng “không biết vì sao?”

- Sau khi được biết rằng trong máy bay có nhà thiết kế Kalasnhicóp, thế là ông ra lệnh cho phép bay qua, đây là sự biểu hiện kính trọng đối với riêng ông!

Làm cách nào có thể đáp lại dấu hiệu tỏ rõ tình hữu nghị này của nhà lãnh đạo Libi?... Tôi nhờ Zakharovich liên lạc bằng vô tuyến, chuyển lời cảm ơn cử chỉ này. Tiếc rằng không nghĩ ra ngay từ đầu đành phải viết ra trên giấy vào lúc này, bởi Libi một đất nước kiêu hãnh và đầy bí ẩn đã lùi về phía sau.

Vào lúc 1 giờ 10 phút, được lệnh cài dây bảo hiểm. Chúng tôi bay gần đến thủ đô Ghinê Cônacri. Ở đây chúng tôi phải nạp thêm nhiên liệu trước khi vượt đại dương. Máy bay hạ cánh ban đêm trong điều kiện thời tiết phức tạp mưa, giông. Nhưng tổ lái có kinh nghiệm đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc – chúng tôi hạ cánh an toàn.

1 giờ 50 phút, mưa rào. Thang máy bay kín được đưa tới. Nào, ta hãy đứng một chút trên lục địa châu phi và ngó nhìn xung quanh một lần nữa... Có một thượng úy người da đen tiến đến gần tôi, nói tiếng Nga khá sôi. Hóa ra anh đã được học ở Phrunze. Anh có ba vợ và mười tám người con. Tôi hỏi: Anh có vất vả với một gia đình lớn thế không? Anh trầm ngâm giây lát rồi thờ dãi: Nếu biết trước được tôi có khả năng như hiện nay thì khi ở Phrunze về thế nào tôi cũng mang theo về người vợ thứ tư... Thế giới được sắp đặt kể ra cũng hay thật! Tôi bỗng nhiên suy nghĩ: không biết cô nào được anh ta chăm vai vợ thứ tư?... Chắc cô ấy không thể nào đoán được rằng, ở mãi tận nơi xa xôi này, có hai người đàn ông đang nói chuyện về cô.

Chúng tôi chia tay nhau, khi tôi bắt đầu bước lên thang thì có một ai đó hỏi người thượng úy: Liệu anh

có biết vừa nó chuyện về gia đình với ai không? Đó là nhà thiết kế khẩu tiêu liên Kalasnhicóp!

Người quen cũ của tôi đã thay đổi nhiều quá! Giá như trở thành một người khác: người chiến sĩ!... Anh tay lầy tay bộp trán, như muốn nói rằng: Thế mà anh không biết, để nói toàn chuyện đồng dài uống phí mất bao thời gian, Anh úp bàn tay vào trái tim và từ từ cúi người xuống, sau đó chia cả hai bàn tay ra như muốn nói, muốn hỏi về một điều chính yếu nào đó và đáng về không nói của anh lại cảm động hơn nhiều lời nói.

Tôi đã vào khoang khách, ngồi vào chỗ cũ cạnh cửa sổ và bỗng nhiên nhìn thấy người thượng úy đang đi dọc theo chiếc “IL” của chúng tôi và nhìn vào cửa sổ. Tôi giơ tay chào anh, anh nhìn thấy và lại giơ cánh tay dài ra về phía tôi; anh ta muốn hỏi tôi về điều gì, điều chính yếu ấy? Nhưng tôi phải trả lời anh như thế nào? Và tôi cũng chưa sẵn sàng để trả lời điều ấy, không chỉ riêng người châu Phi biết tiếng Nga này, mà còn cho nhiều, nhiều người khác...

4 giờ 45 phút. Máy bay lặn ra đường băng.

Thật tiếc, khi máy bay qua đường xích đạo thì mọi người đều ngủ.

9 giờ 45 phút. Bình minh phía chân trời. Có thể nói, tôi đã tỉnh giấc trong bình minh.

10 giờ 30 phút (vẫn theo giờ Mátxcova). Chúng tôi bay qua Braxin.

Vào 10 giờ 50 phút. Phía phải máy bay là Riôđờ Gianêrô. Phong cảnh sáng sủa, một thành phố khổng lồ, tuyệt đẹp hiện ra trước mắt khoảng chừng bảy phút. Sau đó máy bay chui vào trong mây.

12 giờ 50. Gài dây bảo hiểm! Máy bay hạ độ cao. Tiếng loa thông báo nhiệt độ ở Buanôt-Airet là 7°C. Ở đây mùa xuân vừa mới bắt đầu.

Sau khi bố trí chỗ ở trong khách sạn xong, tôi và trưởng đoàn được mời đi ăn trưa: ở đây chúng tôi làm quen với các nhà tổ chức triển lãm... Có tất cả sáu người ăn trưa. Tôi cảm thấy mọi người rất quan tâm đến chúng tôi, đến ngành vũ khí của Nga, đến các mẫu súng của tôi mà ở đây trung bày khá nhiều.

Ngày hôm sau, chúng tôi bắt tay vào công việc: Trả lời phỏng vấn các nhà báo và vô tuyến truyền hình. Trả lời phỏng vấn các nhà lãnh đạo của các hãng vũ khí. Có ai đó đã hỏi tôi có phải mẫu súng của Đức năm 1943 là tiền thân của mẫu AK-47. Tôi trả lời rằng, vào thời gian đó tôi đã có một số mẫu của riêng mình rồi. Tôi kể về các mẫu đó và kể cả con đường thiết kế của mình. Tại cuộc phỏng vấn tôi được trao quả kỷ niệm: súng lục Achentina và đạn kèm theo.

Sang ngày thứ hai chúng tôi được giám đốc Viện Nghiên cứu khoa học quân đội Achentina tới thăm. Giám đốc Viện đã tiếp chúng tôi trong bầu không khí thiện chí, tốt đẹp cùng quan tâm lẫn nhau. Cuối buổi tiếp, Viện trưởng hỏi tôi một cách thân ái rằng: tôi đã kịp đi thăm những danh lam thắng cảnh nào ở Achentina. Tôi trả lời: chỉ mới kịp thăm hai nơi. Những nơi nào? Triển lãm vũ khí và khách sạn, nơi tôi ở. Giám đốc hứa: Ngày mai tình hình sẽ khác!

Hôm sau, theo chỉ thị của giám đốc, chúng tôi được tổ chức đi thăm khu vực thác nước nổi tiếng. Lúc đầu chúng tôi cứ nghĩ là gần, nhưng không phải. Sáng sớm chúng tôi lên một chiếc máy bay nhỏ, bay 1200km, sau khi hạ cánh chúng tôi đi tiếp trên một xe buýt nhỏ. Đường rất đẹp, hai bên là rừng với những cây lạ. Người hướng dẫn không chỉ giới thiệu về Achentina mà còn nói về các láng giềng. Bỗng nhiên anh thông báo rằng, chúng ta đang đi trên đất Braxin... Thế còn biên giới? Biên giới ở đây chỉ là quy ước. Thác nước nổi tiếng và vùng phụ cận thuộc về Braxin. Đây là một trong những cơ sở du lịch của Braxin.

Thác nước này đã để lại những ấn tượng hùng vĩ trong tôi. Các tầng nước khổng lồ như từ những bờ cao dựng đứng của một con sông rộng đổ xuống một vực sâu thăm thẳm. Nơi tầng nước mạnh nhất đổ xuống được gọi là “Họng quý”. Tự nhiên tôi nhớ lại vực nước sâu trên con sông tuổi thơ tôi ở Antai... Vâng, vực nước Braxin này có sâu hơn, nhưng qua màn sương mờ ảo của nó, bỗng nhiên tôi lại thấy bức tranh chưa bị xóa nhòa của tuổi niên thiếu ở quê nhà lại hiện về ở một vùng hoàn toàn xa lạ... Tạo hóa luôn xếp đặt chúng ta thế chẳng?

Để phục vụ đông đảo khách du lịch, những chiếc máy bay trực thăng sơn màu sắc sỡ bay dọc thác nước, nhưng tôi không thích dạo chơi trên không – ngay ở dưới đất nó cũng đủ ấn tượng rồi.

Ngày 20 tháng 10, ngay từ sáng sớm chúng tôi đã đi ra khu triển lãm. Trong khi chờ Tổng thống Achentina đến thăm, chúng tôi được mời đến xem các gian trưng bày của các hãng tham gia triển lãm. Những lời chúc tụng tốt đẹp, chụp ảnh, tặng phẩm, ghi lưu bút... Khi làm quen với các vật trưng bày, tôi rất thú vị khi thấy ở gian trưng bày, mẫu AK của chúng ta được để ở vị trí trang trọng nhất.

Khi tổng thống đến gian trưng bày của chúng tôi, tôi giới thiệu vật trưng bày với Tổng thống. Ông giữ tay tôi lâu, nói những lời khích lệ với tôi. Viết nhưng câu nói đó ra đây, tôi nghĩ là không khiêm tốn... Vì trong những trường hợp như thế này thì những nhân vật cấp cao thường không kiếm lời khen ngợi. Và sẽ

không đủ giấy bút để mà tái hiện hết nhưng lời tán tụng tương tự. Nhưng đôi lúc tôi lại nghĩ: điều này không phải chỉ dành riêng cho cá nhân tôi, mà cho tất cả chúng ta, nhân dân Nga, dành cho Tổ quốc chúng ta đang ở thời kỳ cực kỳ khó khăn này.

Tôi trao cho Tổng thống tám ảnh mẫu khẩu tiêu liên với lời đề tặng, và rồi lại gặp gỡ, chúc mừng lẫn nhau, nhưng giữa các cuộc gặp gỡ ấy còn có mối quan tâm nghề nghiệp thật sâu sắc tới các loại vũ khí có trong trưng bày và chúng tôi có một cảm giác sung sướng rằng, chúng ta không phải xấu hổ trước bè bạn, và riêng tôi cũng thế.

Báo chí Achentina và Brxin đánh giá cao sự tham gia của chúng tôi vào cuộc triển lãm. Đầu đề của các bài báo thật bất ngờ: “Kalasnhicóp – huyền thoại sống cuối cùng của kỹ thuật vũ khí.”; “Mikhain Kalasnhicóp người lính biết vẽ”. Tôi muốn dừng lại một chút để nói về bài báo thứ hai do bà Xudana Viau viết. Trong bài báo này có nhiều điều hoang tưởng, những điều không chỉ liên quan đến riêng tôi mà còn có sự nhầm lẫn. “Thực tế, tồn tại hai giả thuyết. Giả thuyết thứ nhất nói rằng, chủ nghĩa quốc xã Đức bắt đầu bị sụp đổ trên bờ biển Noocmãngđi, giả thuyết thứ hai cho rằng, nó bị chôn vùi trong các lớp tuyết dày cùng với các chiến sĩ Hồng quân trên mặt trận Nga. Tuy nhiên, cả hai giả thuyết ấy đều không đúng. Vào thời kỳ ấy, người này mới có 20 tuổi. Anh ta dáng người không cao, trông khỏe mạnh, có cánh tay vạm vỡ, tóc bạc gần hết, mặc quần áo màu kaki, sinh ra ở một làng cách Mátxcova 100 km về phía đông. Anh là một người nông dân, chiến sĩ xe tăng, quen vẽ máy kéo, vẫn chỉ là (theo lời tự kể) một trung sĩ đã từng phải chiến đấu một cách tuyệt vọng và phải trả bằng máu do thiếu vũ khí tự động. Bị ám ảnh bởi ý tưởng này anh đã quyết tâm tìm ra con đường, như trong tiểu thuyết hiệp sĩ, đến với AK-47; tiểu liên Kalasnhicóp năm 1947. Từ đó khác với Còlt, Braoning, Smít, Vêxon, tên tuổi Kalasnhicóp – tên tuổi người trung sĩ đó đã gắn liền với chính trị.

Ông ta mới ra nước ngoài có ba lần, một trong những lần đó là chuyên đi thăm triển lãm vũ khí ở Buanốt Airôt này. Một nhân vật chưa được báo chí địa phương biết tới, nhưng được giới trẻ bao quanh xin chữ ký, những người thợ và những người sưu tập vũ khí đặc biệt quan tâm đến và vũ khí của ông ta, đó chính là Kalasnhicóp, một nhân vật xuất chúng có chức vị và tên gọi rất dài...”

Tác giả bài báo còn dẫn ra cả câu chuyện truyền thuyết lâu đời rằng Kalasnhicóp là bí danh của một nhóm các nhà thiết kế “hợp lực dưới một cái tên nhân vật đáng yêu trong bài thơ của một thi sĩ dân tộc Nga”. Nếu chỉ có một mình ông ta, mà lại chỉ là một trung sĩ bình thường, thì ông không thể đủ sức để nghĩ ra được ngàn ấy mẫu vũ khí. Đúng là điều này đã rõ, vì từ lâu rồi tôi đã nghe câu chuyện hoang tưởng này. Tôi suy ngẫm và đọc bài thơ: “Bài ca về người lái buôn Kalasnhicóp” để tìm câu trả lời cho sự nghi ngờ của mình, một bài thơ của Mikhain Iurêich Lécmonôtóp, một trong những nhà thơ mà tôi yêu mến nhất.

Thế nhưng, điều làm tôi buồn cười hơn cả là dưới bức ảnh tôi trong bài báo ghi dòng: “Kalasnhicóp – tượng đài của huân chương và của niềm vinh quang trong chiến đấu”. Không hơn, không kém...

Ngày 21 tháng 10. Triển lãm đóng cửa. Các mẫu vũ khí đã được bán, giờ chúng không thuộc về chúng tôi nữa. Cảm thấy buồn buồn... Tôi ngồi trong phòng của khách sạn, cửa sổ để mở, tivi chỉ 9 giờ, nhiệt độ ngoài trời +18°C. Tôi xem tivi tắt bỏ tiếng chỉ xem hình thể mà cũng hiểu được nhiều ra phết. Trên màn hình, Tổng thống đi xem triển lãm. Lại thấy cảnh tôi cầm và ngắm những mẫu vũ khí các bạn tặng tôi, tôi rất ngạc nhiên: Sao ở đây mọi việc đơn giản thế? Các quà tặng đó giờ nằm ở đây: trên giá và trong valy. Hôm qua con số lại tăng thêm một, nghĩa là giờ tôi có tất cả tám khẩu súng lục. Mỗi khẩu đều gắn thêm một chiếc đèn pin nhỏ, chẳng hiểu để bắn thỏ hay chuột vào ban đêm. Cái giống ấy ở đây không hiếm, ban tối đi còn vấp phải vào chân. Đạn kèm theo các kiểu có 539 viên. Tất cả những thứ này giờ thuộc về tôi. Thật khó tưởng tượng nổi. Chắc mọi người không nghĩ rằng, tôi sẽ gặp bao nhiêu rắc rối khi đến biên giới, khi khai báo Hải quan... và nếu còn đi đâu tiếp nữa...?

Ở đây tôi bỗng nghĩ đến biết bao lo toan vất vả, biết bao khổ đau, tai họa đang chờ chúng tôi ở nhà, có biết bao bi kịch sẽ xảy ra trên toàn nước Nga, khi nào mà nó còn “mang căn bệnh” vũ khí, như một thời ở đây đã từng mang căn bệnh đó. Hay là, đây sẽ là một giá quá đắt? Mà cái chính là ta không hiểu nổi: Vì cái gì mà chúng ta phải trả giá cái đó.

Ngày 22 tháng 10. Từ sáng chúng tôi đã sắp xếp đồ đạc... và vũ khí. Đêm, một cơn giông đã nổi lên dữ dội. Người ta nói rằng, ở đây những cơn giông như vậy không hiếm. Lúc này là 12 giờ đêm. Trời mưa, ngoài phố nhiệt độ +19°C. Buổi tối tôi có cuộc nói chuyện lâu với kỹ sư trưởng nhà máy vũ khí Tula Cuzonbetxóp. Tất nhiên, ông cũng rất lo lắng về tương lai. Chính biến, điều này tốt thôi, nhưng làm thế nào để cho một nhà máy lớn như Tula với một tiềm năng, năng lực tích lũy lớn mạnh như vậy tồn tại...? Ôi, Tula! Tất cả sức mạnh đó bây giờ hướng về đâu? Rồi tình hình sẽ diễn biến thế nào? Cùng ngồi nói chuyện với chúng tôi còn có N.A. Bebôrôđóp và E.I. Nôvakhôtcô. Tất cả chúng tôi đều gặp nhau ở một điểm: Không thể từ bỏ những vị trí đã giành được, vì ngay ở đây, Buanốt Airét một lần nữa ta lại thấy rõ:

ngành vũ khí Nga đã được đánh giá cao thế nào.

Ngày 23 tháng 10. Thời tiết nắng ráo. Từ sáng đến trưa, tôi ở trong phòng, sau đó đi cùng Mactunóp ra vườn hoa nhỏ chụp ảnh. Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng, và chủ nhà rất mến khách, nhưng chúng tôi chưa kịp đi thăm nhiều nơi trong thành phố tuyệt vời này.... Sáng mai chúng tôi đã lên máy bay về nước.

Chụp ảnh xong, tôi trở về phòng. Sau đó lại phải đi cùng một cán bộ quân đội trong đoàn, rồi lại một người nữa. Và thế là xảy ra một câu chuyện kỳ lạ.

Chúng tôi thay nhau, người nọ chụp cho người kia, rồi tự nhiên chúng tôi ngó quanh, xem ai có thể nhờ bấm máy chụp cho chúng tôi. Có một chàng trai cao lớn đi giầy mũ nhọn, đôi mũ người đi chăn gia súc, cưỡi ngựa, đi qua, tôi gọi: “Amigô!” “Nghĩa là ‘bạn’”. Tôi cũng chỉ nói được thế, còn thì ra hiệu rồi quen mồm nói: “Đây, bấm vào đây, giúp cho tôi, đây!...” “Bác có phải người của ta không ạ?” – Chàng trai hỏi bằng tiếng Nga rất thạo. “Cháu là người Nga?” – Tôi ngạc nhiên hỏi. “Gần như thế ạ. – Chàng trai nói – Bố cháu là người Bạch Nga, mẹ cháu người Ucraina. Cháu là người Nga!” “Cháu sang đây bao giờ?”. “Cháu sinh ra ở đây bác ạ!” “Ở đâu? – tôi hỏi vì không hiểu – “Sao, sinh ra ở đây à?... “Ồ Airet! Còn bác, có lẽ không phải người ở đây, bác từ Nga đến? Bác ở đây bao lâu... Gần hai tuần à? Thế mà bác không biết rằng, cứ 10 triệu dân của Buainốt Airét, cứ ba người thì có một người của chúng ta?... Nếu không phải người Nga thì là người Ba Lan, không phải Ba Lan thì là Xecbi, nói tóm lại là người Xlavơ. Bác không hiểu à?... Thế bác làm gì ở đây ạ?”

Thực ra, chúng tôi làm gì nhỉ?

Có thể nói, thực sự lâu rồi, tôi chẳng làm gì cả.

Ngày 24 tháng 10. Thời tiết tuyệt đẹp. 14h20’ chúng tôi đã ngồi trong máy bay – mọi người vẫn ngồi vào chỗ cũ như khi bay đến đây. 14h45’ chúng tôi đã bay lên mây, vượt đại dương để đến châu Phi.

20h45’. Đường xích đạo! Lần này chúng tôi không bỏ qua mà ghi nhận thời điểm bay qua. 21h45’ ngoài máy bay trời đã tối. Chúng tôi hạ độ cao. Nhìn thấy mặt trăng và nhìn thấy rõ cả con giông đang vùn vủ trong các đám mây ở phía phải. Côncoi lại tiếp chúng tôi chẳng êm ái chút nào.

Lần này tôi không còn gặp người quen của tôi. Không biết bao giờ chúng tôi mới có dịp bay trở lại?

Đêm và sáng chúng tôi bay trên các tầng mây, và bên trên nữa là bầu trời quang đãng đầy sao.

10h30 theo đúng lịch bay chúng tôi đến Mátxcova.

## LẠI SANG MỸ

Tôi không hề nghĩ rằng, trong vài năm gần đây tôi đã có dịp đến ba nước: Mỹ, Trung Quốc, Argentina. Nhưng chưa hết. Lại thêm một điều bất ngờ nữa của tiến sĩ Izel, tôi nhận được telex báo rằng nhà thiết kế Mỹ nổi tiếng Bin Riugot mời tôi sang thăm hãng “Sturm Riugor và K”.

Từ hôm đó họ bắt đầu trao đổi thư từ với tôi thông qua người môi giới của hãng là Maicon Buxard. Ông ta đã gửi chương trình tham từ ngày 13 đến ngày 29 tháng 6 năm 1991. Sau một thời gian, ông ta gửi thư xin lỗi, do một số thay đổi, nên cuộc thăm sẽ chuyển sang cuối tháng chín đầu tháng mười. Buxard viết rằng: vào thời kỳ này rất thuận tiện, chúng tôi có thể đưa ông đi sẵn, và ông đang chuẩn bị kế hoạch mới. Nội dung thông tin này Buxard gửi ngày 11 tháng 4 thế mà ngày 22 tháng 4 ông đã gửi cho tôi kế hoạch chi tiết của cuộc thăm. Tôi viết trả lời rằng, cùng đi với tôi có con gái Êlena và người phiên dịch Valêri Silin.

Nhưng thời gian này cũng không thực hiện được cuộc thăm. Mãi đến ngày 18 tháng 2 Buxard mới thông báo rằng, ngài Riugor chủ hãng “Sturm Riugor và K” chính thức chân thành mời chúng tôi đến thăm Mỹ từ 19 tháng 4 đến 1 tháng 5 năm 1992. Trong thời gian thăm, tôi, Êlena và Silin sẽ là khách của ngài Riugor. Kèm theo giấy mời là một chương trình thăm rất nhiều nơi.

Mục đích chính chuyến đi của tôi là được gặp mặt với một trong những nhà thiết kế Mỹ nổi tiếng, người mà tên tuổi ông thường được nhắc tới khi nói về vũ khí. Cái tên Riugor tôi đã biết từ lâu, nhưng nếu được gặp mặt thì sẽ là một vinh dự lớn đối với tôi. Tôi rất thích thú khi thấy trong chương trình có những mục đi thăm các nhà máy sản xuất vũ khí bộ binh. Tôi muốn bắt chặt tay người đồng nghiệp – ngài Riugor để ủng hộ ý định của ông là cùng tôi thảo luận dự án hợp tác thiết kế súng thể thao. Tôi cũng rất hoan nghênh các mục khác của chương trình như: thăm Hiệp hội vũ khí quốc gia, thăm thành phố Prexcôt và Phênik thuộc bang Arizôna. Và ông, với tấm lòng đôn hậu, rộng mở đã bố trí cho chúng tôi chuyến đi đến Oasinhton để gặp gỡ với các bạn cũ của tôi trong chuyến thăm Mỹ lần trước.

Ngay từ khi nhận được chương trình thăm, chúng tôi đã nghĩ đến việc chuẩn bị tặng phẩm. Cuối cùng mọi người đều tán thành ý kiến: Chế tạo một mẫu AK thu nhỏ để trong chiếc hộp chế tạo đặc biệt, có trang trí những chữ lồng ghép với nhau. Trên đó có đề dòng chữ người tặng và tặng ai. Việc này những người thợ khéo tay đã tỏ rõ tài năng của mình. Tặng phẩm đã sản xuất xong, hình thức đẹp, trang trọng, không có cái gì thừa. Giờ thì phải chọn một ít tài liệu về vũ khí, tiếc rằng chúng ta có quá ít tài liệu về lĩnh vực này.

Công việc chuẩn bị đã xong xuôi, chúng tôi lên Mátxcova và một ngày sau thì sang Mỹ. Chuyến bay vượt đại dương không có gì trục trặc. Chúng tôi đã tới Boston. Ra sân bay đón chúng tôi là Maicon Buxard, người đã trao đổi thư từ với chúng tôi. Chúng tôi dừng lại một đêm ở khách sạn “Hinton” ngay cạnh sân bay.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi đi ô tô đến thành phố Phênik bang Arizôna. Chúng tôi được bố trí ở tại khách sạn “Sêratôn”. Người ta nói rằng phòng tôi ở là phòng thường dành cho Tổng thống. Khi bước vào phòng tôi thấy trên bàn có một bó hoa với dải băng vắt qua in biểu tượng hãng Riugor. Chúng tôi thống nhất với đại diện của hãng về việc tham quan nhà máy và cuộc gặp chính thức đầu tiên với Bin Riugor tại đó. Hiện ông đang đi vắng và sáng hôm sau mới về dinh thự của mình.

Sáng hôm sau, lướt qua thành phố một vòng, chúng tôi tiến ra vùng ngoại ô, nơi có nhà máy của hãng “Sturm Riugor và K”. Maicon Buxard cùng đi với chúng tôi đã kể chi tiết về cách vùng ngoại ô của thành phố. Chúng tôi đến nhà máy. Buxard dẫn chúng tôi vào phòng làm việc của ông, cạnh phòng làm việc của Riugor.

Người thư ký báo với chúng tôi rằng, ngài Riugor đang đợi chúng tôi. Chúng tôi sang phòng Riugor. Ông là một người cao lớn, vẻ đĩnh đạc đi về phía tôi với nụ cười kín đáo. Chúng tôi ôm hôn nhau. Tất cả đều đơn giản không một lời thừa.

Tôi sẽ không phải, nếu nói rằng trước con người này tôi không hồi hộp. Tất nhiên là có! Nhưng khi nhìn thấy nét mặt tươi cười đôn hậu, nghe thấy giọng nói nhẹ nhàng dễ chịu thì mọi hồi hộp đã biến mất.

Khi nói chuyện với ông, tôi cứ đinh ninh: như là chúng tôi quen nhau từ lâu rồi! Kết thúc cuộc nói chuyện, Bin Riugor mời chúng tôi tới nhà ông ăn tối. Trong không khí gia đình thoải mái ở đây, chúng tôi trò chuyện thân tình với nhau về cuộc sống của mỗi người. Ăn tối xong, ông chủ nhà tốt bụng bảo rằng, ngày mai chúng tôi sẽ đi ô tô thăm thành phố Gran Canon.

Trên đường về khách sạn, chúng tôi ngắm nhìn thành phố Prexcôt được chiếu sáng rực rỡ, nằm trên địa thế đồi núi. Khách sạn “Sêratôn” về đêm, nhìn từ ô tô trông như treo lơ lửng trong không trung. Vì nó được xây dựng ở một độ cao lớn so với thành phố. Con đường nhựa phẳng lý dẫn đến khách sạn như là cái dải

bao quanh quả núi.

Sáng sớm, Buxard vào phòng tôi và nói rằng, Riugor đã lên đường Gran Canôn. Chúng tôi rất ngạc nhiên, sao ông ấy đi mà không đợi tôi? Maicon cười, rồi kể rằng, ngoài vũ khí, Riugor còn có một đam mê nữa là ô tô cổ. Ông đi trên chiếc xe sản xuất từ năm 1932 do chính ông hồi phục, nên ông đã đi trước và nói rằng, chúng ta sẽ đuổi kịp ông trên đường.

Quả thật, đi được độ 100km chúng tôi đã đuổi kịp chiếc “Secrôn” cổ của ông. Từ trong xe Riugor tươi cười vẫy tay chào chúng tôi và nói to: tiến lên, chỉ có tiến lên! Cảnh tượng thật là khác thường. Chiếc xe đời cổ còn nguyên bản từ thời xa xưa ấy, nhưng các chi tiết mạ kền vẫn còn bóng loáng, sơn mới tươi rói, chúng tỏ là chủ nhân đã bỏ ra bao nhiêu công sức với nó.

Sau đó, Riugor đề nghị tôi đi bằng xe với ông. Tôi rất thích thú và lên xe cùng ông. Có rất nhiều người du lịch muốn chụp ảnh chiếc xe có “hai lần sinh” này.

Chúng tôi đến gần Goran Canôn... Thật khó nói rằng từ bao giờ và làm thế nào mà thiên nhiên đã tạo ra một nơi kỳ thú như thế này. Từ xa hàng mấy kilômét, vùng đất này đã như vỡ toạc ra làm thành hai phía tạo ra một cái hào sâu có muôn hình dáng vẻ. Không, từ “hào” có lẽ không đúng. Khi ta đứng ở một phía nhìn sang phía đối diện của thung lũng thì dường như, ta thấy những công trình nào đó nhấp nhô, những con vật và cả những bóng dáng người. Tóm lại là đủ hình dáng để cho bộ có ta thư giãn và trí tưởng tượng bay bổng. Để phục vụ khách du lịch ở đây có một mạng lưới đường nhựa rộng khắp, các nhà hàng, quán cà phê khắp nơi, dịch vụ chụp ảnh, cưỡi ngựa dạo chơi. Trở về khách sạn chúng tôi mệt nhoài, đầy ắp những ấn tượng.

Ngày mai 23 tháng 4, chúng tôi đến thành phố Phênic. Sau đó cùng với Riugor bay đến Xôn Leic Xity. Đến nơi chúng tôi dừng lại ở khách sạn “Clariôn”. Ở đây chúng tôi gặp lại tiến sĩ Izel. Cuộc thăm Hiệp hội Vũ khí quốc gia và gian trưng bày đã để lại cho tôi ấn tượng rất tốt đẹp. Bất cứ giá vũ khí nào trưng bày ở đây cũng đều đem lại thích thú rõ rệt cho các chuyên gia trong lĩnh vực này. Những người cùng chí hướng, những người ngưỡng mộ cứ vây quanh lấy Riugor. Các phóng viên báo chí, những người săn chữ ký cứ bủa vây lấy ông. Trong cuộc trưng bày này, chúng tôi đã có nhiều cuộc làm quen mới.

Theo chương trình của Hiệp hội, sẽ tổ chức một hội nghị trong đó có tôi tham dự với tư cách là khách danh dự của hãng “Riugor”. Chúng tôi bước vào phòng, trong đó có mặt đông đủ các chuyên gia ngành vũ khí. Mọi người có mặt chào đón tôi và Riugor bằng những tràng vỗ tay. Chúng tôi đi qua sân khấu nhỏ, cảm ơn về những lời chào, và ngồi xuống bàn kê trước mọi người trong phòng. Và bắt đầu cuộc họp báo. Người phiên dịch nói rằng ông Riugor mời tôi phát biểu. Tôi tiến đến micrô, kể về bản thân và về các loại vũ khí đã chế tạo. Tiếp đó, tôi nhận xét rằng các mẫu vũ khí của hệ thống Riugor, ngoài tính năng chiến đấu cao, còn có hình dáng đẹp. Điều đó là sự thật. Kết thúc bài phát biểu tôi cảm ơn hãng “Riugor” đã tạo điều kiện cho tôi được làm quen với ngành sản xuất vũ khí đa dạng và được thành công tốt.

Hội nghị kết thúc, chúng tôi sang phòng bên cạnh, ở đó có các món ăn được nấu nướng ngon lành đang chờ chúng tôi. Chiếc bàn ăn được bố trí rất khéo léo. Một phía có biểu tượng lớn của hãng Riugor, phía kia là biểu tượng cùng cỡ của nhà máy Igiepxk chúng tôi – (hình tam giác và mũi tên biểu tượng vũ khí chiến đấu). Buổi tối đã trôi qua trong bầu không khí thân ái tốt đẹp và rất chân thành.

Cũng như khi gặp Xtunner chúng tôi lại nói về việc cùng chung thiết kế vũ khí thể thao... Riugor đã nói rằng: “Thế là đủ, chúng ta không thể là kẻ thù của xã hội mãi được!”

Phải chăng đến lúc nào đó thực sự sẽ có những ngày như thế?



## CUỘC SĂN LỪNG KALASNHICÓP

Về đi săn và đi câu có rất nhiều câu nói vui từ cổ xưa, tất cả các câu nói đó đều trùng đích hơn nhiều so với các xạ thủ bắn các loại súng hiện đại nhất có kính ngắm, có thiết bị bắn đêm và, v.v... Nhưng có một câu tục ngữ tôi cho là hay hơn cả, ấy là câu: “Săn nai thì đi vào mùa thu và mùa đông, còn săn kẻ ngốc thì săn quanh năm”.

Tất nhiên cũng có khi hai mùa này trùng nhau, điều đó xảy ra trong trường hợp của tôi. Nhưng chẳng lẽ ta bắt đầu ngay câu chuyện từ một nốt nhạc buồn?...

Vì rất nhiều lần vai trò của tôi trong các hoạt động hữu nghị mang tính chất tự nguyện ấy, tự trung lại là để an ủi người dân lương thiện.

Thú thực chính tôi cũng thấy xót xa lắm.

Ta sẽ bỏ qua mất những năm tháng tuổi thơ, cái thời thật đẹp đẽ khi mà bạn ta chỉ ngón tay làm trời trong căn nhà ta mà cười thả sức, hay trong đám bạn bè tụ tập tự do đùa vui cười đến vỡ bụng... Ta sẽ bỏ quên một mảng tối trong đời tôi khi gà và thỏ rừng hầu như là nguồn thực phẩm duy nhất nuôi sống cả một gia đình lớn nhà tôi.

Ta sẽ bắt đầu từ những năm đầy hứa hẹn, khi tôi bắt đầu sống “trên toa xe” và làm việc trong phòng chính tại đoạn đường sắt ở ga Matai thân thiết ấy.

Lần ấy, vào cuối thu, chúng tôi chuẩn bị rất kỹ cho cuộc đi săn chim bay di cư. Chúng tôi thuê một chiếc xe ngựa kéo và bốn người đến vùng hồ lớn có những bãi cỏ mọc. Người ta bảo rằng vùng đó ngổng nhiều đến nỗi bay che kín cả mặt trời, vệt nhiều đến nỗi bay che kín cả ngỗng... Chúng tôi dừng lại bên một con sông nhỏ không tên, chuẩn bị chỗ ngủ đêm và quyết định trinh sát tình hình xung quanh lều cỏ của chúng tôi.

Gió lạnh thổi rất khó chịu. Ở những chỗ nước nóng, yên tĩnh, những lớp băng mỏng trong suốt đầu tiên đã xuất hiện. Cứ đi tiếp, đi mãi trong bãi cỏ tôi hoàn toàn mất phương hướng. Xung quanh tôi quang cảnh đơn điệu đến nỗi tôi có cảm tưởng mình đi vòng quanh. Và quả thế thật, tôi nhìn thấy vết ủng cao su của mình đã đi qua. Tôi đánh dấu chỗ mình đã đi qua bằng cách cắt mấy cây cỏ buộc túm vào cây cỏ lác, thế nhưng vẫn không tránh được con đường cũ vì chỗ thì nước đầy không đi được, chỗ thì bãi cỏ quá dày không qua nổi nên cứ phải đi vòng.

Rồi gọi, hú, bắn báo hiệu cũng không nghe thấy tiếng đáp lại của các bạn tôi đi cùng. Sau đó mới biết họ cũng bị lạc trong bãi cỏ như tôi.

Tôi đành quyết định táo bạo: cắt cỏ, nhóm lửa giết thời gian chờ sáng. Nhưng ngay lúc đó như là có người nào đó nhắc ngay: “Làm gì có diêm mà nhóm lửa”. Thế là bèn nghĩ ra cách cắt cỏ xếp thành đồng trèo lên đây ngủ qua đêm. Rồi có thể đứng trên đó để dễ quan sát xung quanh. Dùng dao mới cắt được vài cây cỏ, tôi chợt hiểu ra: ý tưởng này sẽ không thực hiện nổi. Cây cỏ cứng gần như cây lau, cao gần hai đầu người, phải có rìu mới chặt nổi, mà tôi đâu có rìu... .

Đạn dự trữ chỉ có ba viên mà thời gian thì còn suốt một đêm đầy những bắt trắc. Đi trong cỏ chỉ nhìn thấy một khoảng trời nhỏ xíu. Có thể chính trong những trường hợp đáng sợ như thế này, người ta hay nói câu: hôn vĩa lên chín tầng mây. Tôi đứng dậy giữa bãi cỏ, đơn độc như con diệc giữa đầm lầy và suy nghĩ: Giờ ta phải làm gì?... Có lẽ phải bắt chước con diệc, kêu to lên để cho cả một vùng nghe thấy tiếng; nhưng vẫn không hy vọng có ai đó nghe thấy, mà chỉ để khuấy khóa cho riêng mình.

Nhưng bỗng nhiên tôi nghe thấy tiếng súng từ xa vọng lại. Tôi bắn trả lời ngay. Tôi nóng lòng chờ. Tiếp tục lại có tiếng súng ngày càng gần hơn, gần hơn. Cuối cùng nghe thấy một loạt súng nổ làm định hướng cho tôi thoát khỏi vùng đầm cỏ.

Vượt qua vùng bãi cỏ tôi có cảm giác mình như con thú hoang suốt đời sinh sống ở vùng này. Tay bị đứt nhiều chỗ, mặt đỏ ửng vì bị cào xây xước, nhưng tôi đang hứng khởi, chẳng để ý gì đến những việc vật ấy! Tôi chỉ biết rằng, các bạn tôi đang ở đâu đó gần đây lắm!

Cuối cùng tôi vượt qua được bãi cỏ trống nhỏ trong rừng và nhận ra mùi khói dễ chịu từ đồng lửa các bạn tôi nhóm, lúc ấy cảm thấy mọi khó khăn đã lùi về sau... Không còn trong cảnh lạc như cũ nữa! Con lạch nhỏ đã ngăn cách chúng tôi làm hai. Trong cảnh chiều tối, mặt nước con lạch trông đáng sợ: cả một dải đen thẫm đe dọa ta.

Chúng tôi không nhìn thấy nhau, nhưng nói chuyện vẫn nghe thấy tiếng. Các bạn đồng thanh hô lên bảo tôi lội qua lạch, nhưng chỉ riêng cái mặt nước đen ngòm kia đã làm tôi đủ sợ rồi – tôi vốn không biết bơi. Trong khi đó tôi vẫn tưởng tượng rằng con lạch sâu không đáy. Thế nhưng không biết làm gì khác; sau một

hồi lưỡng lự, tôi đành liều lội xuống, nước sâu ngang ngực, rồi bỗng cảm thấy đôi chân đi ủng cứ nặng dần nặng dần và lún sâu xuống bùn. Tôi sợ quá vội vã quay lên bờ. Tôi không kêu mà gào to với các bạn “Thà chết trên bờ còn hơn chìm trong bùn”.

Cái lạnh ban đêm và quần áo ướt làm tôi run lên cầm cập và tôi lại xuống nước, chính trong nước lại ấm hơn trên bờ nhiều.

Các bạn quyết định dùng sợi dây để kéo tôi qua lạch. Nhưng không nghe theo lời khuyên của họ, vừa lội xuống đến chỗ nước sâu tôi lại bắt đầu sợ, vội thả đầu dây ra ngay.

Cuối cùng biết tôi không thể tự sang được, một người trong số họ cưỡi ngựa sang bờ bên tôi.

Tôi không muốn rời chỗ nước nông và để cho ẩm người cứ nhẩy lên nhẩy xuống mãi trong nước, thế là lập tức bị chửi rủa thậm tệ. Ngoài mặt trận sau này tôi không bị ai chửi, chỉ có một lần khi đã ở vùng hậu phương, bạn tôi, Đeikin, cũng đã chửi tôi. Nhưng lúc đó ông là cộng tác viên của Tổng cục Pháo binh!... Theo điều lệnh thì có thể chấp nhận được. Thế còn đây lại là cái chú bé miệng còn hơi sữa mà lại dám chửi tôi?

Thật khó khăn, người bạn mới giúp tôi leo lên lưng con ngựa cũng đang run lên bần bật vì rét và vì sợ tôi, trong khi trên bờ kia đang vang lên tiếng dọa dẫm chửi rủa đủ kiểu.

Cuối cùng các bạn giúp tôi cởi bỏ quần áo ướt, mặc lại đồ khô và mỗi người đưa cho tôi một phần bánh mì của mình.

Sau đó anh em rót cho tôi một cốc rượu bắt uống cạn và chạy xung quanh đống lửa. Dáng vẻ tôi có lẽ thật hết sức buồn cười, nên các bạn nửa nằm nửa ngồi trên đống cỏi vừa xem tôi biểu diễn điệu múa của thầy phù thủy vừa cười ầm ĩ, đến nỗi nghe thấy trên đầu tiếng kêu nặng nề và tiếng cánh vỗ của con vịt cuối cùng rời tổ, mà trước đó chúng tôi chưa thể làm nó thức dậy.

Trời rạng sáng, nhưng chính ánh bình minh chờ đợi lâu này đã tự nó làm xấu xí đi vẻ đẹp của nó. Đây là cảnh trở về của chúng tôi. Ba chàng trai trẻ ngồi trên xe ngựa kéo, bỏ thông chân ra ngoài, chạy lạch bạch sau xe la người thứ tư mặc quần áo không đúng cỡ, hai vai áo trễ xuống.

Các bạn tôi nhất định bắt tôi phải chạy bộ suốt quãng đường và chỉ khi sắp vào đến làng thì mới cho ngồi vào xe. Nói gì thì nói chứ và thời gian đó chúng tôi đã là những thợ săn nổi tiếng khắp vùng không muốn biến cuộc đi săn về không thành một trò cười cho mọi người...

dongadoan:

Cuộc đi săn chó sói lần sau của tôi cũng trở thành kỷ niệm.Đâu có phải cuộc săn thường, mà là cuộc săn có dùng tiếng lợn kêu như mời.

Đầu đuôi câu chuyện là thế này: một lần bên đống lửa đêm ngồi chờ sáng, một tay săn chó sói già đời đã mách tôi cách đi săn này. Đầu tiên anh ta bảo cho anh ta xem khẩu súng săn mới của tôi, đây là khẩu súng duy nhất mà tôi có được khi nhận giải thưởng Xtalín. Xoay xoay khẩu súng trong tay, anh ta nói một cách khinh rẻ: “Không ăn thua” Tôi vội hỏi: “Sao lại thế” “Bởi vì – Anh ta nói về dạy đời – Cậu chưa nghe câu chuyện này à?... Có một thợ săn kia, vừa ra khỏi làng thì thỏ mẹ bảo thỏ lớn: “Này, con chạy đi coi thử xem nó đeo cái gì ở vai? Thỏ con chạy đi một lúc, rồi báo cho thỏ mẹ: “mẹ ơi, nó đeo cái... thế này này... thế này, ... mới lắm, cứ sáng loáng lên...” Thỏ mẹ liền nói: “Rồi, các con hãy chơi đùa thoải mái, loại này chẳng bao giờ bắn trúng các con đâu”. Sau đó lại có tay thợ săn thứ hai đi ra khỏi làng, thỏ mẹ liền sai thỏ lớn: “Con lại chạy đi ngó xem”. Thỏ con về báo cáo: “Mẹ ơi, cóc sợ, nó mang cái đồ gỗ, cũ ơi là cũ, chỗ thì buộc giăng sắt, chỗ thì buộc bằng dây, bằng giẻ. Mẹ nó liền nói: “E hèm, các con ơi hãy nhớ, đây là tay thợ săn thiện xạ đấy!” Chê diều món quà tặng, có thể coi như thế được chứ, chán chê rồi, anh ta tiếp tục dạy khôn tôi: “Cậu chưa bao giờ đi săn chó sói à?... Chưa há? Cậu hãy đi thử mà xem. Việc bỏ dây, vợ bỏ dây... Úi dà!” Tôi ngạc nhiên cúi người xuống anh ta, nhưng anh ta cười nói: “Sói, nó không như cừu, nó không thế. Cậu có cái bóng đèn cháy nào sẵn trong nhà không?... Nếu có tớ sẽ dạy cách thổi: vu... vu... u! Cậu biết không, như thế là gọi chúng đến đấy. Có những con đến sát tận nơi, cứ như là sờ được mõm nó ấy, chỉ việc bắn. Thế cậu đi săn dùng lợn con như bao giờ chưa? Đố với loại sói, không có thứ nhạc nào ngọt ngào hơn là tiếng lợn kêu. Nếu vào mùa khi bắt đầu có sương giá, thì cách hàng chục cây số nó vẫn nghe thấy. Nó bỏ cả lợn rừng mà chạy bỏ đến nơi có tiếng lợn con nhà kêu! Chỉ có cái là kiếm đâu ra lợn con, há?”.

Nói chung tôi đã ngấm lời anh ta.

Không sao, không sao, tôi nghĩ, lần sau gặp nhau trong lúc đi săn, tôi sẽ hãnh diện nói với anh ta rằng: “Đây này, một phát ăn ngay, từ khẩu súng chẳng ra gì, bỏ đi đấy! Lão luyện chưa, sói đây mới là sói. Trúng chưa! Tiếng lợn con như đấy.”

Và sau một tuần, tôi đến trại nuôi lợn chia cái hóa đơn có đủ chữ ký cho các cô gái: “Đây nhá, trả tiền cho kế toán rồi nhá!” Các cô thật hào phóng!... Anh lấy con nào? Chọn đi. Tôi hơi bối rối: “Tôi muốn tìm con nào to mồm kêu hăng nhất”. Thế là một cô vung tay khoái trá; “Ôi, cuối cùng thì có người đến rước thằng Zurek rồi!”

Họ lao vào túm lấy một con vô phúc vào đó. Đích thực là tiếng kêu của nó dữ dội, và chói tai đến mức, tôi nghĩ là mình đáng lẽ phải mang theo cái bịt tai, giống như mỗi khi ra trường bắn.

Tôi phải lấy xe nhà máy để đi đón chú Zurek to mồm về, thế là trên đường hầu như cả thành phố Igiepxk đều biết, nhìn theo xe, bảo nhau:” Quái nhỉ chắc họ bắt lợn về mổ để đi săn chăng?”

Đêm ấy, ở nhà tôi chú Zurek đã trở tài hết cỡ như thế nào, thật khó mà diễn đạt nổi. Và đến quá trưa hôm sau thì mọi người không phải đi tiễn mà đồng loạt... đuổi tôi đi săn cho nhanh.

Tôi xách túi đựng con Zurek không im mồm lấy một giây để vào thùng hàng và kỳ lạ thay nó im bật. Lúc đầu tôi cũng thấy mừng: ừ, mày hãy nghỉ lấy tí chút mà tao cũng muốn nghỉ. Nhưng khi đi đến chỗ săn, sau khi buộc chân, tôi thả con Zurek ra, thì trông đáng vẻ của nó tôi ngờ ngợ... chẳng thấy kêu gì cả! Nó khịt khịt cái mũi đáng tình bơ, cứ như là chính nó, chứ không phải tôi bỏ trí cuộc gặp với sói và giờ đây đã hoàn toàn yên tâm; mọi việc ổn thỏa, đến đúng thời gian.

Tôi cũng phải nói thêm rằng, khi đi tôi có dừng lại ghé vào người quen ở gần một làng mà hôm trước đàn sói đã hoành hành, để kể về kế hoạch của mình, nghe xong câu chuyện, các bạn tôi dúi cho một mọt con chó con lạc và kheo, con này nó kêu phải nói tuyệt vời, không dùng đến lấy một phút. Lúc đầu thì nó sủa hăng thật, nhưng lúc đến đây thì im bật, không một tiếng sủa!... Tôi cứ băn khoăn suy nghĩ mãi, hay là chúng đã cấu kết với nhau trong thùng hàng để chống lại tôi?

Trước đó tôi đã hình dung rõ ràng buổi hòa nhạc đêm khuya do chúng biểu diễn, khúc song tấu nhịp nhàng làm sao và vang xa rộng khắp cả khu rừng xung quanh, thế mà bây giờ chúng chỉ ngửi nhau ra vẻ thích thú cứ như là trước đó chúng cùng sống chung trong một mái nhà, cùng ăn chung một chậu, bát vì lý do gì đó phải xa nhau, và giờ lại gặp nhau.

Trong khi tôi đang chỉnh cái vòng cổ cho con chó con thì chú Zurek cứ lấy mõm hích vào chiếc ủng của tôi rồi lại ngửi cửa chiếc xe “pôbetđa”: ra ý bảo: cho vào xe chứ?... Sắp đi chưa?... hay còn ở đây?

Cuối cùng thì tôi quyết định cho mỗi nhữ sống vào bụi cây, giơng dây vào trong xe, hạ kính cửa nhỏ, các nòng súng qua cửa và chăm chú lắng nghe. ... Chúng ngáy nghe mới đều làm sao! Thật im ắng!

Ban đầu tôi còn khe khe khê giật dây, các “bạn giúp việc” chẳng đáp lại gì. Tôi bắt đầu giật mạnh, rồi kéo, cả hai con lê sên sệt trên cỏ lạnh công, nhưng không con nào tỉnh dậy.

Nhiều năm sau tôi vẫn trần trụi với câu hỏi bí ẩn này: Sao con Zurek lại kiên trì yên lặng? Sao con chó con lại ngủ say sưa đến thế?... Mãi rồi tôi mới hiểu ra!

Tôi đã có dịp kể về chuyện tôi đưa chiếc “pôbetđa” từ Mátxcova về Igiepxk, tôi đã phải ngủ đêm dọc đường trong một ngôi nhà của người nông dân. Những con lợn của nhà chủ ra vẻ rất thích thú vật thể lạ mà kèn sáng láng và màu sơn mới tinh, nên suốt đêm chúng chen chúc nhau quanh chiếc xe, thì nhau kỳ cọ người vào xe rồi thả sức hít, ngửi vẻ thích thú, biết ơn... Sau đó dù tôi có cọ rửa chiếc xe thế nào đi nữa, có lau chùi ghé ngồi thế nào đi nữa thì cái mùi hôi của lợn vẫn còn giữ mãi trong nhiều năm, thế chả có gì lạ cả: có thể con Zurek đã rất thích thú khi ở trong chiếc “pôbetđa” của tôi?... Mùi thân thuộc y hệt như ở trại, thế mà lại sạch, khô, ấm được ru đung đưa nhẹ nhàng – cuộc sống như thế còn đòi hỏi gì? Rồi lại có cả chó, bảo vệ riêng đi cùng.

Giật, kéo mãi tôi đâm chán, ngủ như chết lúc nào không hay. Thời kỳ ấy chúng tôi làm việc từ 16 đến 18 tiếng một ngày, rất ít nghỉ ngơi nên tôi mới bày ra trò đi săn sói để cho tâm hồn được chút thanh thoi.

Tôi tỉnh dậy vì có ai đó lay lay vai tôi: “Này ông bạn. Ông bạn! Ông đem bán hay mua con lợn con đấy?”. May mà khẩu súng đã tự trượt xuống dưới chân. “Tôi mua!” – Tôi nói. Chỉ đến lúc này tôi mới nhìn thấy gần bờ gấu có đến một nửa làng đang tụ tập. người thì đứng, người thì tựa ngực vào các bờ cỏ khô, người thì chống khuỷu tay, còn trẻ con thì lập ló giữa cá bờ cỏ khô...

Đột nhiên con lợn con của tôi bắt đầu kêu rống lên tuyệt vọng. Chắc nó hiểu rằng đã bỏ qua mất cơ hội và giờ nó phải về trại lợn của nông trường?

Con chó con được tháo dây chạy vòng quanh rồi dừng lại và bắt đầu sủa ra bốn phía... Đấy, đấy bản song tấu chờ đợi bấy lâu nay mới bắt đầu!

Các cậu bé bên bờ dậu có tình bịt hai tai, những người phụ nữ thì cau mặt và lắc đầu và người nông dân đánh thức tôi thì bắt đầu hét to lên: “Này ông bạn, ông có bắt chúng đi không? Hay để tôi phải giúp ông?!”

Tôi dúm con lợn vào cái bao tải, quăng vào thùng hàng, còn con chó thì túm không được cuối cùng tôi lao vào xe, nổ máy. Con đường quá xấu, không thể tăng tốc độ nhanh được, con chó vừa chạy đuổi theo chiếc xe “pôbetđa” vừa sủa ngấu xi, chú Zurek cũng không kém, kêu đáp lại liên tục. Thế là tôi phải chịu đựng cảnh chia tay bất tận của chúng...

Sau đó là cuộc đi săn gấu, trong cánh đồng kiều mạch.

Tôi tin chắc rằng không chỉ mình tôi cảm thấy tội lỗi nặng nề và không yên lòng, khi cái hăng máu đã qua đi, đến lúc ta lột da con gấu bắt hạnh bản được, hiện ra một cơ thể, trông giống như con người! Không phải vô cớ mà người dân Xibêri và phương Bắc có một nghi lễ đặc biệt vỗ về an ủi và đánh lừa linh hồn con gấu bị giết!

Nhưng điều đó đã xảy ra, thì đã qua rồi.

Chúng tôi cùng đi với ông bạn Xôcôlốp, giờ đã là tiến sĩ khoa học, còn hồi đó chỉ mới là phó tiến sĩ – thú y. Cho dù ông có công tác ở lĩnh vực nào đi nữa; hoạt động khoa học hay giảng dạy hoặc là quan chức nhà nước thì ông vẫn là người say mê đi săn và là người hiểu biết nhất vùng: săn ở đâu, săn thú gì. Vào bao giờ thì có kết quả nhất. Vào thời gian đó, giữa chúng tôi hình như có sự phân công nhiệm vụ và tự nhiên: tôi chịu trách nhiệm súng và xe. Còn ông thì đảm bảo khâu cung cấp thông tin, và bản thật chuẩn, thường là phát bản quyết định.

Năm ấy, ông báo cho chúng tôi biết, không xa Igiepxk có một khu ruộng kiều mạch lớn trong rừng. Người ta gieo khá muộn, vào khoảng giữa mùa hè, nhưng giờ thì đúng lúc đang chín, đúng lúc các chú gấu chờ mong đến để tàn phá đùa nghịch, đúng lúc chúng thay lông, hoạt động tích cực. Chẳng còn gì hơn nữa vào lúc này: Cần phải lên đường thôi!

Chúng tôi đi cùng với một người săn gấu có kinh nghiệm nữa, đến nơi trời còn sáng, kịp làm một cái lều bằng cành thông cạnh ruộng lúa, chui vào đó và chờ.

Có thể hiểu được tại sao người ta khao khát đi săn đến thế, nếu ta được nhìn thấy cảnh tượng vàng trắng lười liềm màu vàng đang từ từ trôi trên cánh rừng đen thẫm, và cả khu rừng như một ánh đồng ám áp được sưởi ấm suốt ngày, rồi một làn sương mỏng rớt rề bốc lên và chẳng bao lâu khu rừng lại chìm trong lớp sương xanh, trong suốt mờ ảo... Mà đâu có phải rồi việc mà ta đến đây để ngắm cảnh này.

Một con gấu đã đến gần chỗ chúng tôi, và tiến vào ăn lúa. Cái đầu đen của nó quay sang bên này, rồi lại quay sang bên kia, thỉnh thoảng hát nhẹ lên, tiếng cây lúa kêu xào xạc, lào rào, tiếng nuốt ừng ực ngon lành... Đúng lúc ấy một tiếng súng nổ vang.

Con gấu ngã chúi xuống, nhưng lập tức lại nhồm dậy và lao xé qua những bụi cây gần đây. Tất cả ba chúng tôi chậm rãi đi theo nó từng bước, trông chừng bóng cây và gốc cây. “Nhìn thấy chưa? – Bạn tôi thì thâm – Cậu tiến gần và bắn, còn mình sẽ bảo hiểm...”. Nhưng chẳng cần đến thế nữa.

Bộ lông gấu đã kịp thay và mọc dày, ướt đẫm sương đêm. Chúng tôi cố lăm mới kéo lê nó tới được gần xe. Theo tục lệ đi săn, chúng tôi ngồi lên nó day nhẹ để sau đó lột da cho dễ. Nhà khoa học của chúng tôi, người bạn tôi vốn quen với việc phân loại thú, vui sướng như trẻ con: “Chúa tể của rừng xanh đấy nhé”. Tôi đáp lại “Vâng, chúa tể của rừng xanh...”.

Trời còn sớm, chúng tôi không ngủ lại trong rừng mà về nhà. Về tới nhà tôi bảo vợ và con tôi hãy xuống nhà mà xem con gấu thật dưới xe, nhưng vợ tôi chỉ bảo: “Gì thế hả ông? Làm gì có chuyện ấy. Gấu nào? Thôi hãy đi mà ngủ!”

Cả những người đến xem chúng tôi mổ thịt gấu ở bờ sông cũng không tin vào mắt mình nữa. Một người đàn ông đứng tuổi sốt sáng hơn cả: “Có thật không? Gấu thật chứ?... Phải thì xin các ông cái vuốt nhỏ có được không?”.

Bạn tôi mặc dù không muốn làm “khuyết” bộ da gấu nhưng vẫn rộng lòng lấy cái vuốt thứ mười tặng ông ta.

Một tuần sau chiếc vuốt này đã được để gọn trong phong bì và đặt lên bàn bí thư tỉnh ủy, trước mặt chúng tôi, đang sừng sốt: “Đây là cái gì thế?... Mặc dù các anh quả quyết không đi săn trong phạm vi lãnh thổ của thành phố, nhưng thanh tra nhân dân, một người cộng sản già, đã gửi cho chúng tôi vật chứng cụ thể này, nên chúng tôi phải tin ông ta”.

À, ra chính người van nài xin cái vuốt, là người “báo thù của nhân dân”! Giờ mới biết ông ta xin vuốt để làm gì!

Bí thư tỉnh ủy gõ gõ đầu ngón tay xuống chiếc bàn, trên đó có chiếc vuốt mà người “báo thù của nhân dân” đã nài xin bằng được với mục đích phản bội. Chẳng biết sự việc sẽ kết thúc ra sao, nếu không có tin

bào rằng, có vị khách quý là bí thư tỉnh ủy tỉnh láng giềng Kirôp đang ở phòng chờ... Khi ông ta vào, chúng tôi đã ôm hôn nhau như những người bạn tốt, và chỉ cần vài lời ông đã hiểu ý nghĩa của việc đã xảy ra. Ông nháy nháy mắt với tôi một cách thân thiện, rồi nói: “Mikhain Timôphêvích sao lại vậy? Cậu sai lầm to rồi đấy!... Nếu cậu gọi điện cho mình, thì mình đã chuẩn bị cho cậu cái giấy phép đi săn trong toàn tỉnh. Phải giữ lại danh dự chứ...”

Vài ngày sau, quả nhiên tôi nhận được giấy phép từ người bí thư tỉnh ủy Kirôp, nhưng không thể sử dụng nó: và tôi đã có kế hoạch cải tiến mẫu súng gáp, nên không đi săn được. Độ vài năm sau tôi mới hiểu được bí mật của việc xử lý quá nghiêm khắc của bí thư tỉnh ủy đối với chúng tôi hồi đó. Người bật mí chính là bí thư láng giềng tỉnh Kirôp, khi chúng tôi gặp nhau ở Mátxcova. “Thế nào đồng chí Kalasnhicôp? – Ông ta hỏi đùa tôi trong giờ nghỉ giải lao của một buổi gặp mặt quan trọng nào đó – Các anh cho rằng ruộng lúa kiều mạch gieo chậm à? Không đâu, chúng tôi gieo đúng thời gian đấy! Mọi việc đều đã tính để cho nó kịp chín khi bắt đầu lạnh! Lúc ấy chúng tôi đợi khách từ Mátxcova đến vào mùa thu – nên phải gieo vào giữa mùa hè. Khách “đặc biệt”, thích đi săn, rất thích đi săn. Điều chính yếu là ở chỗ đấy... Ly rượu đang giữ trong tay. Còn ông thì chẳng hỏi “hỏi cha hỏi mẹ” gì. Mikhain Timôphêvích! “Cha mẹ” phải được tôn trọng chứ. Kể cả những người nổi tiếng như ông cũng thế...”

Lạy trời, trên đời có những người tốt, khi nhớ lại thật thú vị!

Sau đó còn có một cuộc đi săn nữa mà tôi không bao giờ quên được. Lần đi săn ấy ở xa nhà, xa Igiepxk.

Khu rừng rậm Bôlavêgia ngày ấy thanh danh chỉ có một, rõ ràng và trong sáng không lắt léo như ngày nay.

Hôm ấy vừa mới nghe thông báo trên đài rằng Piôtr Mirônôvich Maserôp đã từ trần do bị tai nạn ô tô thì lúc đó tôi cũng nhận ngay được bức điện của Giênhia Klimentrncô “xin hãy bay đến”.

Tôi hiểu cả: trong hai chữ “xin hãy” ấy là biểu hiện của cả một con người tốt bụng nhất và lịch lãm nhất, ấy là Giênhia. Tôi hiểu nỗi đau buồn chung của Bêlarux và thậm chí cả bí mật bao trùm lên tai nạn rất kỳ lạ này...

Chi tiết của vụ tai nạn đó tôi không muốn nói tới cũng như không tìm cách bổ sung thêm điều gì, vì chẳng cần thế thì mọi chuyện xảy ra đã quá rõ ràng rồi. Thời đó người ta cười mỉa về câu chuyện một kỹ sư nông học vĩ đại đã có biệt tài “từ Miền đất nhỏ mà thu hoạch được một mùa bội thu”. Một thời đã thịnh hành những người anh hùng chân chính không được tôn vinh. Riêng tiếng đồn về Maserôp ngay thẳng, nhiệt tình, dù ở cương vị cao nhưng hàng ngày vẫn có những người bạn cũ cùng hoạt động trong phong trào du kích đến thăm đã vượt khỏi biên giới của nước Bêlarux nhỏ bé.

- Tôi sẽ đi săn cùng ông, – Giênhia nói với tôi một ngày sau đám táng – Chả lẽ ông về mà lại không ghé qua rừng Bêlavêgia chúng tôi? Maserôp là một người am hiểu, tôi nghĩ rằng ông sẽ tha thứ cho chúng ta điều này.

Thế là chúng tôi đã ở trong rừng, tôi nhìn vào đám bụi cây màu hung vàng phía trước... Giênhia vẫn như mọi khi không nói gì, không hỏi thẳng về vấn đề này mà từ lúc nào không hay đã để bàn tay một cách thân mật lên vai tôi; thậm chí Misa, đừng phụ lòng tin, chính bạn cũng biết rằng: anh em sẽ rất vui lòng khi thấy Kalasnhicôp chứng minh được rằng: Con nai không đi một mình! Hoặc là con nó ngẫu nhiên tụt lại sau một chút, hoặc là con mẹ cố ý đi vượt lên để ngó xung quanh xem có gì nguy hiểm không?

Tôi để hờ ngón tay lên cò súng và bỗng nhiên y như dự đoán, con nai con đã theo kịp mẹ, xuất hiện ở phía bên!... Con mẹ hơi quay đầu lại như muốn xác định chính xác rằng con nó đã theo kịp và hai mẹ con cùng đi hướng về phía khẩu súng.

Một ý nghĩ xoáy trong đầu tôi: Nếu có ai đó lại cho rằng tôi ngủ thiếp đi và để xổng con mồi? Và chính người ấy đang ngắm súng vào chúng... Thế là để cướp dịp, tôi nhắc súng nòng hướng lên trời cho nổ luôn cả hai nòng.

Con nai mẹ quay lại thật nhanh!... Tôi không kịp nhìn xem con nai con biến đi đâu? Hay là con nai mẹ, dù cho sợ hết hồn, vẫn còn kịp che chở nó trốn phía bên tôi?

Giênhia chạy đến cách bên phải tôi một ít, trong tay không có súng. Ông giơ tay lên về phía tôi nói to:

- Tôi biết mà, Misa, tôi biết mà!

Tôi để khẩu súng dựa vào gốc cây, chúng tôi ôm chặt lấy nhau dụi đầu vào vai nhau... Giênhia cứ lặp đi lặp lại mãi một câu “Tôi biết mà, Misa, tôi biết mà!”

Từ các hàng cây, từ các bụi rậm những người tham gia cuộc săn bước ra từ các vị trí khác nhau. Họ nhìn chúng tôi quay đi, dụi mắt.. “Tôi biết, tôi biết” – Giênhia nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần. Tôi

nghĩ cần phải nói với ông một lời nào đó, nhưng tôi rất sợ những lời nói to phát vào lúc này, nhưng vì đây là một sự thật đau buồn về đất nước Bêlarux của ông:

- Vì ở đây quá nhiều trẻ mồ côi, Giênhia ạ!- Tôi gắng gượng thốt qua giọt nước mắt vui sướng – Từ hồi chiến tranh, nên hãy để con nai con sổng yên ổn, hãy để con mẹ nó được vui sướng!”

Cuộc đi săn cuối cùng mà tôi muốn kể lại đã được chuẩn bị rất lâu... Thời gian cuộc đi săn định vào cuối tháng 11 đầu tháng 12 nhưng công việc chuẩn bị bắt đầu từ mùa hè. Đầu tiên là tiếng chuông điện thoại liên tục gọi về từ cơ quan đại diện của một phụ nữ nghe rất dễ chịu, hỏi tôi về cơ quan đại diện của hãng BBC ở Mátxcova: tiếng nhỏ nhẹ của một phụ nữ nghe rất dễ chịu, hỏi tôi về kế hoạch công việc vào cuối mùa thu. Người phụ nữ tiếp chuyện, nói tiếng Nga rành rẽ:

- Thưa ngài Kalasnhicốp, xin được gọi ngài theo tên – phụ danh như thế nào ạ? Vâng, xin cảm ơn ngài. Thế này ạ, thưa ngài Mikhain Timôphêêich, không chỉ chúng tôi mà mọi người đều biết ngài là một người say mê đi săn. Có phải không ạ?

- Tôi bỗng nhớ câu ngạn ngữ thời bố tôi vẫn nói: “Con thỏ nhất là thế mà vẫn đi săn lùng cái bấp!”

- Rất tuyệt, câu này ngài sẽ nói khi quay phim nhé!

- Phim nào? Quay cho ai và quay để làm gì?

Người phụ nữ trả lời:

- Quay cho người Anh. Một số người có tên tuổi, muốn quay một cuốn phim video với cái tên đại khái là “Nhà thiết kế Kalasnhicốp đi săn”... Đại loại là như thế. Mục đích là nhằm tạo hấp dẫn cho câu chuyện kể về một trong những nhà sáng chế lớn nhất của thế kỷ hai mươi; ông cũng là một con người không có gì khác lại. Có phải thế không ạ? Theo tôi hiểu, ông cũng không có gì nói dối. Bởi vì chính ông vừa mới nói rằng ông đích thực là người thích đi săn.

- Tôi không thể trả lời được rằng, tôi không thích đi săn. Chỉ riêng hai tiếng “đi săn” đã bao hàm bao nhiêu là ý nghĩa! Chẳng phải vô cớ mà người Nga nói rằng thiếu thú vui săn bắn con người hóa thành đàn độn.

- Ngài nói về những vấn đề ngày thật tuyệt vời! – Người phụ nữ thán phục. Bà ta hiểu tôi rất sâu sắc, rất chân thực và cũng rất Nga.

Có thể, chưa có ai hiểu tôi sâu sắc như thế bao giờ?

- Họ đang tập trung! – Người phụ nữ gọi điện cho tôi lần thứ hai, giờ đã thành người quen, thông báo cho tôi biết.

Tôi thử tỏ ra khó chịu:

- Nhưng chưa có sự đồng ý của tôi.

- Vâng, – Bà ta nói rất mềm mỏng, – Vâng, nhưng người Anh vẫn hy vọng vào sự mến khách truyền thống của người Nga!

Cuối cùng thì truyền thống cũ đã thắng thế... Nhưng nhóm quay phim trang bị những thiết bị nhấc không nổi, thế thì làm sao họ đi được trong rừng mau đông tuyết phủ. Nhóm có ba phụ nữ, kể cả người tôi quen từ đầu ở Mátxcova, và những nam giới dáng không khỏe lắm. Chia đều mỗi người mang ít hay sao? Và lại sẽ đi săn kiểu gì, khi trên người linh kinh hòm xiềng, chân chống?

Phải nói rằng vào lúc này mỗi người chúng tôi đã kịp phô diễn trước ống kính, và đã bắt đầu cuốn hút vào cuộc chơi và muốn hay không muốn cũng đều lo lắng đến kết quả của xí nghiệp làm phim... Sau này trong phim không có những cảnh ban đầu chúng tôi ngồi trước ống kính, cảnh các chàng “Tartaren từ Igiepxk tán chuyện huyền thuyên... tất cả các cảnh đó chỉ là để làm quen với người Anh, với ống kính.

Việc bắn nai từ trên xe chúng tôi coi là không xứng với chúng tôi. Ban đầu họ còn giải thích nhẹ nhàng, sau đó càng kiên trì và mạnh mẽ hơn.

Chúng tôi đến chỗ săn trên mấy chiếc xe con, sau đó tất cả chuyển sang chiếc xe tải chạy mọi địa hình.

Vị trí săn là khu rừng liễu hoàn diệp, nơi nai thường ở, hai bên nơi rậm, nơi thưa. Valentin Vladimiarovich cố vấn chính của chúng tôi tin rằng nai sẽ đợi chúng tôi ở đây. Và bắt đầu quay cảnh quay: chúng tôi ngó nghiêng xung quanh như là đang đi tìm con thú.

Tôi hiểu ngay rằng người Anh thích chiếc áo da lông cũ của tôi: ống kính của họ không rời chiếc áo, đặc tả từng chi tiết một, cứ như là để sau đó ở vùng “Albiôn sương mù” sẽ cắt may những chiếc áo y hệt như vậy, “kiểu Kalasnhicốp”. Thịnh thoảng tôi nghĩ, cái mũ lông rái cá nâu mà cố vấn chính chúng tôi đội sẽ cạnh tranh xứng đáng với chiếc áo của tôi. Chiếc mũ mới đến cả trong thành phố cũng không thấy có! Thế

nhưng người Anh lại không quan tâm đến vật mới.

Họ tiếp tục quay chiếc áo kỹ đến nỗi tôi nghĩ: Có khi chỉ cần cho mỗi chiếc áo đi săn?... Còn bản thân thì ngồi nhà để làm những việc không thể trì hoãn được nữa. Không sao cả, dù cho nó cũ, có thủng lỗ chỗ, có vết ố, có đứt cúc còn cụm chỉ trắng đấy, không sao! Thế là chiếc áo lông cũ đã “hạ gục” những nhà báo Anh? Khéo lại hạ gục cả con nai?

Chúng tôi phát hiện thấy con nai cái già khi trời đã chạng vạng tối, ai đó đã đập đập vào ca bin để cho xe dừng lại. Theo yêu cầu của khách, tôi bấm đầu tiên. Con nai cái ngã đổ xuống lớp tuyết dày. Lập tức mọi người tíu tít bắt tay vào việc, chúng tôi leo nhanh xuống xe dỡ các thiết bị công kênh cho khách, “tiếp đất” an toàn xong mọi người tiến nhanh vào trong rừng liễu. con nai nằm đấy, đầu hơi ngêch, rắng sức để đứng dậy, Valentin Vladimiarovich gọi Anatoli – người lái xe “công vụ” – của tôi đi đầu tiên lại rồi bảo:

- Nay Tôlia, cậu kết thúc đi để cho nó khỏi vật vã đau khổ... – Mikhail Timophêevich tiện hơn! – Tôilia đáp lại – Ông ấy ở xa hơn nhưng không vướng các bụi cây!

Người Anh đương nhiên cũng hiểu chúng tôi nói gì bèn kêu tôi đằng sau:

- Ngài Kalasnhicốp! Ngài Kalasnhicốp!

Cả giọng phụ nữ nhẹ nhàng tuyệt trần cũng vang theo: “Mikhail Timophêevich hãy ra tay đi!”

Biết ngã ở đâu mà lót rom trước.

Nhưng rồi tôi đã bắn. Nói gì thì nói đây là luật: phải giết chết hẳn con thú bị thương. Đó là một kiểu thương xót mang tính tàn khốc của người thợ săn.

Sẽ không vô ích nếu tôi cố gắng giải thích những điều này! Đó là kiểu tính trước con thú bắn được: ta giết cho nó hết hẳn, khỏi giãy giụa, coi như ta bắn được một con nữa tính vào sổ, sau đó mới thực hiện trong thực tế, đó là cách tính của người Nga.

- Con nai không còn răng! – Anatoli người chạy đến gần con nai đầu tiên thốt lên – Chúng ta bắn được con nai già...

Về sau tôi nói với Anatoli:

- Ma xui cậu kêu toáng lên thế à! – Nhưng cũng chính với câu hỏi y hệt như thế, có thể đặt ra với chính bản thân tôi: – Ma xui mà giết hẳn con thú à?

Nhưng tất cả những điều này lại lập lại mấy tháng sau đó, khi chúng tôi, những người thợ săn hạng bét tụ tập nhau lại quanh chiếc tivi để quay lại bộ phim đã chiếu trên màn ảnh thế giới mà nhân vật trong đó, lại là người được xem cuối cùng... Và ta lại được nghe cái câu không chỉ chối tai mà còn xé tim “chúng ta giết chết con nai già”.

Còn khi đó, ngay đầu mùa đông tất cả mọi việc đều tuyệt vời: mọi người ngồi quây quần thân mật quanh chiếc bàn lớn ở nhà tôi, chúng tôi đãi khách món lưỡi, môi của “nai già”, còn gan xào với táo, rồi món thịt băm viên, mọi người nâng cốc chúc mừng cuộc đi săn thành công, và chúc cho sự hồng vinh của hai nước, chúc cho sự hiểu biết lẫn nhau mà không cần biết tiếng.

-Món lưỡi đã xích gần nhau lại! – Một người Anh cứ nhắc lại mãi câu nói đùa ấy – Và cũng như mọi khi, chúc cho tình hữu nghị, hòa bình trên toàn thế giới, chúc cho Igiepxk, chỉ chế tạo toàn máy săn và chỉ nghe thấy tiếng súng trong những khu rừng sâu – tất nhiên là có giấy phép – và chúc cho những tiếng súng ấy không chia cắt con người mà hợp nhất như là chúng ta hợp nhất bên chiếc bàn nhiều món sang trọng này...

Những người Anh không rời chiếc Kamera.

Có thể tất cả những cảnh quay này, kèm theo những lời nói hữu nghị, những nụ cười thắm thiết vẫn còn trong kho lưu trữ của đài BBC và biết đâu sẽ có lúc xuất hiện trên màn hình ti vi.

Những gì mà chúng ta thấy trên màn hình có khác một ít so với kế hoạch mà các nhà báo Anh tuyên bố trước khi bắt đầu vào việc... Đầu tiên trên màn hình xuất hiện các cảnh quay ở Apganixtan... Trong một thung lũng hẹp quân phiến loạn bắn súng máy “của tôi” vào đoàn xe ô tô chúng ta và một phân chiến sĩ ta chết tại chỗ, phần còn lại bị bắt làm tù binh, tay giơ lên trời, đón họ là các vệ binh trong tay cũng là các khẩu “Kalasnhicốp”... Còn chính Kalasnhicốp vào lúc đó bắt đầu đi săn: mặc chiếc áo da lông rách, đứt cúc, đầu đội mũ lông chiến sĩ...

Lại có các cảnh quay chiến tranh: Cảnh xử bắn dã man các con trai ở Nicaragua, hàng đồng thân người, tiếng rên rỉ, tiếng kêu khóc...

... Và Kalasnhicốp trong chiếc áo da lông rách xuất hiện, có lẽ tượng trưng cho mức sống nguyên sơ,

đang chờ đợi tất cả những người còn lại trên trái đất và nếu “sự nghiệp Kalasnhicốp” chiến thắng... Kalasnhicốp, ánh mắt tinh tường nhìn vào cảnh tượng hoàng hôn chạng vạng: xem có con thú nào thoáng hiện ra không?

Lại có cảnh chiến tranh đẫm máu. Lần này là ở Nam Phi, và tiếp sau đó là cảnh “đi săn trong hòa bình”. Toàn là những cảnh thực, thật chi tiết: cái đầu rơi sau khi bị bắn, tiếng người chạy lạo xạo trong tuyết, lúc choạng vạng, tiếng người thờ nặng nhọc, và tiếng kêu của Anatôli: “Nó không có răng! Chúng ta giết phải con nai già!”

Phải chăng bọn giết người biết thương xót dù chỉ một người? Phải chăng chính Kalasnhicốp thương xót lấy một ai đó?

Tại sao ông trời lại tạo ra con người theo mẫu của mình, dạng như Kalasnhicốp để thiết kế ra một vật tàn nhẫn: khẩu tiêu liên.

Kia hãy xem: những bà già, những phụ nữ, trẻ con đang khóc trên khắp thế gian này!

Chúng tôi quán lại cuộn băng, xem lại lần nữa, lần nữa vì sợ có thể bỏ sót chỗ nào đó chẳng?... Có thể chưa hiểu điều gì đó chẳng?

Tôi lại nhớ đến người bạn quá cố của tôi, tiến sĩ Izel, một lần tại Mỹ ông đã che chở cho tôi thoát khỏi đám quay phim chụp ảnh bám chặt lấy tôi quá mức. Lúc đầu tôi không hiểu có việc gì xảy ra với ông: đang từ một người lịch lãm bậc nhất bỗng chốc ùng ùng nổi giận, gần như nổi khùng lên. Sau khi đám nhà báo đã đi xa, ông xin lỗi tôi và giải thích nhẹ nhàng: – Mikhain, tôi biết từ lâu rằng, ông hiểu rất rõ rừng Nga, rừng Taiga Xibêri và những quy luật khắc nghiệt của nó. Nhưng ở quanh chúng ta có những rừng rậm, trong đó không có một luật nào, ông bạn thân mến chân thành của tôi ạ. Thế nên, tôi không muốn để bạn phải đối mặt một mình với bọn thú dữ, bản năng chính duy nhất của chúng là: moi gan, mổ ruột.



## “VỊ TƯƠNG GIÀ ĐẦU BẠC VẪN CÀY VÀ CÀY...”

Trên đường từ Mátxcova về Igiepxk chạy qua các cánh rừng có một ga nhỏ với cái tên thật dễ thương: Vecôpca. Ga không lớn, nhưng khi đến gần bỗng nao nhiệt hẳn lên và những người có kinh nghiệm truyền lại cho người mới: hãy rút ví ra, chuẩn bị sẵn tiền. Ở đây dù không muốn, nhưng rồi vẫn phải cho... Vì sao? Không xa đây là xí nghiệp thủy tinh pha lê Gux. Đã lâu rồi công nhân không có lương phải nhận thay bằng sản phẩm và thế là mang ra đây... Chút nữa ta sẽ thấy!

Quang cảnh ngoài cửa sổ toa tàu chưa từng có bao giờ: sân ga chật cứng những người trong tay lấp lánh đồ pha lê và thủy tinh. Tôi thì không thiếu một thứ gì! Lọ hoa các kiểu, các cỡ khác nhau; bình đựng nước, các loại lọ có khắc mức nước, các loại cốc, ly để trong các hộp các tông, hay kẹp giữa các ngón tay đĩa đựng thức ăn, đế cắm nến, cốc và đèn thờ, con gà trống, con công, các chùm đèn treo, lọ hoa để sàn nhà... Tất cả các góc cạnh đều được khoe ra, tất cả đèn sáng lấp lánh, tiếng kêu leng keng hòa trong tiếng rao tuyệt vọng của phụ nữ: “Bác ơi, bác mua hộ đi, rẻ lắm mà, chúng cháu đã một năm rồi không biết đồng tiền là gì, lấy đâu ra tiền để mua bánh mì cho các cháu, nào bác, mua cho cháu nhé!...” Và những cặp mắt phụ nữ bỗng sáng rực lên hơn cả pha lê bởi những giọt lệ rung rung...

Một năm trước, qua ga Vecôpca tôi có xuồng và mua ngay một lọ hoa nhỏ của một người phụ nữ có tuổi, không mặc cả và cũng không nhìn xung quanh. Bà ta đi ra xa cất tiền và thờ dài nhẹ nhõm.

- Bà có hay đến đây bán không? – Tôi hỏi.

Bà ta trả lời:

- Biết làm thế nào? Giờ người ta không đuổi, thế là còn tốt, chắc người ta cũng hiểu, nếu không để chúng tôi bán thì chúng tôi sẽ chết. Trước kia ấy à, tàu một phía, còn phía kia là công an cầm dùi cui trong tay... Ôi, người ta đã đuổi chúng tôi như thế nào, ông có biết không! Mọi người vút bỏ hết, lấy tay che đầu, chạy... Nay ông thử ghé nhìn mà xem! – Bà ta cúi xuồng chỉ tay vào khe hở giữa các tấm bê tông lát sân ga, dưới đó đầy ắp những mảnh thủy tinh vỡ.

Tôi đứng bên cửa sổ toa tàu mà chẳng nhìn thấy gì lướt qua bên ngoài... Sao sự thế lại xảy ra với tất cả chúng ta thậm tệ đến như thế? Với tất cả mọi người, trong đó có cả tôi. Trước đó, họ vẫn còn nuôi những ước mơ lấp lánh như pha lê, mà giờ đây ước mơ đó đã vỡ tan tành và chôn vùi dưới bùn đen.

Hóa ra tôi đã trở thành một trong những kẻ phụng sự chinh thống nhất của tổ hợp công nghiệp quân sự của chúng ta. Chính tổ hợp này trong thực tế là chiếc lá chắn tin cậy của đất nước và trong một thời gian dài là đối tượng xứng đáng trước các mưu toan bá chủ toàn cầu của các nhà cầm quyền trên thế giới giấu mặt hay lộ mặt... Thế mà giờ đây trong thành phố, nơi tôi bước từ toa tàu, trong chính cái thành phố mà tôi đã cống hiến 50 năm của cuộc đời mình, không ai tiếp những người đại diện của nhà máy cơ khí Igiepxk đến kiên trì đề nghị mua sản phẩm cho họ. Họ không có lương vì sản phẩm của họ quá nguy hiểm. Không được cấp tiền, không được cấp khoản vật chất nào khác bù đắp tương ứng. Các phương tiện thông tin đại chúng nước ngoài, vốn hay dùng lối so sánh hoa mỹ, mới đây thôi còn gọi Igiepxk là “hòn ngọc trên vương miện” của tổ hợp công nghiệp quân sự (BIIK). Bây giờ thì chả còn BKII, chả còn vương miện, ngọc ngà gì nữa. Tôi muốn hỏi: có phải chúng tôi cố ý làm ra thế? Hay chúng tôi thực tế có thỏa thuận với nhau?

Tất cả những điều này là sự nghiệp của đời tôi, và tôi có thể khách quan. Để tránh nói suông, tôi xin dẫn chứng từ “phía ngoài”. Đây là đầu đề bài báo đăng trong số tháng hai năm 1992, báo Izvexchia: “Vũ khí thừa của Liên bang Nga trị giá gần 10 tỷ đôla”. Giá mà ta bán được số vũ khí này để thu ngoại tệ quốc tế về! Để khỏi phải cầu cạnh nhục nhã quỹ tiền tệ quốc tế. Tuy nhiên, mọi việc đâu đơn giản: “BIIK là con gà mái có thể đẻ trứng vàng. Nhưng... không phải dễ”. Tại sao vậy, tại sao?! “Tất cả các loại vũ khí sản xuất trong nước đều có khả năng cạnh tranh, – chủ tịch ủy ban Quốc gia về đổi mới trực thuộc Tổng thống tuyên bố như vậy, – Vũ khí bộ binh không có đối thủ cạnh tranh. Quả vậy, trong thời gian gần đây, loại vũ khí này đã được người Ba Lan, người Séc, người Đức, người Hungari tích cực buôn bán. Rất nhiều vũ khí đã bị lấy cắp từ các kho của quân đội ta ở Đức, chế độ kế toán cố ý nhầm lẫn và không thể kiểm kê được số lượng vũ khí còn giữ lại ở đó.

Hiện nay mới đang soạn thảo cơ chế buôn bán vũ khí. Một ủy ban kinh tế đối ngoại về xuất nhập khẩu vũ khí đã được thành lập, ủy ban này sẽ thực hiện và kiểm soát ngành kinh doanh đem lại lợi nhuận này, và tính cả đến các khía cạnh chính trị cũng như các vấn đề khác. Nhưng, nếu ta không tiến hành hoạt động này thì không nên, bởi vì thực tế đã chỉ ra rằng, chúng ta vừa ngừng cung cấp vũ khí cho khu vực nào đó, thì lập tức nhà cung cấp khác chiếm lĩnh ngay thị trường ấy”.

Tình trạng bất ổn làm cho cả tờ bao bên kia đại dương “Niu Oóc Taimơ” lo lắng: “Sau khi chính thức mở cửa với thế giới bên ngoài, nền kinh tế của Igiepxk ngấp nghé ở con số không. Các hợp đồng quân sự trước kia chiếm đến 70% nền công nghiệp ở đây, nay hầu như bị cắt hết”.

Dur luận ngày càng tăng lên cho rằng, nước Nga đã vội vàng từ bỏ vị trí công nghiệp quân sự, không tính đến một số những thành tựu mà chính quyền Xô viết đã đạt được đó là: “Kho tàng tài năng và kinh nghiệm công nghệ”.

Nước Nga nói chung, trong đó có Utmurchia nói riêng, đã trải qua một số năm nặng nề nhất.

Tôi ngồi vào bàn làm việc để viết bức thư tiếp theo: “Gửi ngài Wiliam Ioc, người gửi: Tiến sĩ Kalasnhicóp

Ngài Bil vô cùng kính mến!

Cho phép tôi bày tỏ lòng biết ơn chân thành về cử chỉ thiện chí – sự giúp đỡ nhân đạo đã dành cho tôi. Món quà này được phân cho những công nhân và nhân viên kỹ thuật đã tham gia chế tạo và cải tiến các loại vũ khí bộ binh dòng AK. Ngoài ra món quà này còn được phát cho các trẻ mồ côi, các học sinh và sinh viên nghèo. Thay mặt họ, tôi xin chuyển tới ông lòng biết ơn sâu sắc.

Lúc này đây, phải chăng vai trò của Kremli đã quá thừa chăng?

Kremlin đang đầu hàng, giờ chỉ còn biết làm cái việc là sản xuất lòng biết ơn sang phương Tây, để đòi lấy của bố thí thậm hại mà có ma quỷ mới biết được sau này cháu chắt chúng ta phải trả nợ với lãi suất bao nhiêu.

Còn tôi lại ngồi xuống bàn làm việc. Tôi lại viết những điều còn nặng nề hơn nữa... Vì đây là điều mà chúng ta thường gọi là tâm huyết.

“Các cụ chiến binh thân mến!

Các ông nhắc tôi có giúp gắn gũi với giới thân cận tổng thống – nhân dịp kỷ niệm ngày sinh của tôi, tổng thống Borix Enxin đến Igiepxk để trao cho tôi huân chương số một của nước Nga, thì hãy cố gắng để đạt để nhà nước dành cho những người công nhân lao động lão thành từ những năm chiến tranh gian khổ một số điều khoản ưu tiên, đáp ứng nguyện vọng của họ. Nếu được thế thì còn gì bằng!

Sau khi nhận được thư của các ông, tôi đã trực tiếp hỏi ban lãnh đạo thành phố và nước cộng hòa, nhưng ở đâu cũng chỉ nhận được một câu trả lời như nhau: Lấy đâu ra tiền để bù vào, đó chỉ là một phần ưu đãi mà đáng lẽ các bậc công nhân lão thành trong chiến tranh vệ quốc được hưởng.

Các ông chắc cũng xem tivi và nghe đâu, ai cũng biết rằng hiện nay các nhà máy chúng ta hầu như không làm việc. Không có sản phẩm tiêu thụ, thì không có lợi nhuận để trả lương cho công nhân nhà máy. Giá cả tăng vọt, tình trạng kinh tế của đa số dân cư giảm sút và không biết đến bao giờ mới tìm được tốc độ đi xuống. Phải nói một cách chân thành và thẳng thắn rằng, lớp người chúng tôi buồn nhớ khôn nguôi những thời đã qua. Thế hệ chúng tôi, những người đã trải qua cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại gian khổ nhất, người thì đã từng ở ngoài chiến hào, người thì đứng máy, nhưng ngày nay do Liên Xô đổ vỡ lại phải chịu bất bình nhất, thiệt thòi nhất. Của cải của toàn dân tích lũy được do lao động miệt mài của chúng ta bỗng chốc bị tàn phá, hủy hoại, vung phí bởi bọn kẻ cắp, tham nhũng và đồng bọn, cho đến nay vẫn còn đang tiếp tục bị tiêu tán...”

Tôi đã phải viết ra bao nhiêu bức thư gửi đi các địa chỉ khác nhau.

Dây chuyền chính của “ZMAS” đứng im. Các giá treo trống không. Trong các phân xưởng rộng mênh mông họa hoàn mới thấy thấp thoáng bóng dáng công nhân.

Một lần, cách đây không lâu, không biết lần thứ bao nhiêu tôi dẫn khách lãnh đạo từ thủ đô xuống thăm nhà máy. Khi gặp một công nhân có tuổi người quen cũ, tôi tự hào nói với vị khách:

- Xin giới thiệu, đây là một ông tổ của cả một thế hệ những người sản xuất vũ khí lao động ở nhà máy chúng tôi. Nhà ông có tất cả bao nhiêu người nhĩ, ông Pêtrôvích? – Và tôi gập ngón tay thử tính – Hai con trai. Đúng không?

Ông ta nhìn tôi và nhìn sang ông khách Mátxcova nói thăm hại:

- Con rể, con dâu. Cháu nội mới về. Thôi đủ rồi!... Đừng nói nữa. Cả thế hệ tốt hơn là đi bán hàng vặt, kéo cao su ngoài quán!... Còn ở đây lấy gì mà ăn!

- Cấp trên đến thăm chúng ta làm gì nhĩ, có lẽ để phân phối đơn đặt hàng chăng? – Phân xưởng trưởng đi cùng nói đỡ lời tôi – Có đơn đặt hàng chúng tôi sẽ dễ chịu hơn...

Quả thật vị khách cấp cao có “phân phối” đơn đặt hàng cho “Izmas” làm bằng tay một khẩu súng săn rất đắt tiền. Chỉ làm duy nhất một khẩu. Vâng, dù thế chúng tôi vẫn cảm ơn! Thậm chí những đơn đặt hàng nhỏ thế vẫn giúp những người thợ tài ba chúng tôi sống qua ngày. Và tôi muốn, giống như người rao hàng ở ngoài chợ phiên, kêu to lên cho toàn nước Nga nghe thấy: hãy xem đây, những khẩu súng săn của chúng

tôi, đứng tiếc tiền mua!

Ngày nay, đã có bán những khẩu súng săn cácbin, nhả nòng và xoắn nòng, chế tạo trên cơ sở sơ đồ thiết kế của AK. Đó là khẩu “Saiga7.62” lập tức chiếm được cảm tình của người đi săn, rồi tiếp sau nó là “Saiga-410”, “Saiga-20”. Việc sản xuất loại vũ khí này không cần phải chi phí phụ, không cần lắp đặt lại dây chuyền công nghệ. Vì nhiều chi tiết có thể lắp lẫn với AK, và hơn nữa có nhiều phụ tùng lắp ráp dùng từ dây chuyền quân sự cũ không dùng tới để lại.

... Buổi tối, cháu Igor đến chơi, chúng tôi cùng ngồi uống trà rồi xem thời sự trên tivi. Tôi không đeo tai nghe, thử nghe không như vậy. Trên màn hình, cảnh Grôdnui bị tàn phá, cảnh quân “không khoan nhượng” sau đó là quân đánh thuê. Người ta sẽ làm gì, nếu như chiến tranh vĩnh viễn chấm dứt? – Trong phim có cảnh phỏng vấn một người.

- Sống thế nào được? Tôi sẽ đi tìm điểm nóng ở nơi khác. – Người đó trả lời. Và anh ta đi đi lại lại, vuốt ve khẩu tiểu liên – như là muốn nựng nó: “Kalashinhcóp nuôi sống ta đây!”

Tôi cứ nghĩ là nghe nhầm, hỏi Igor: “Nó nói gì thế?”

- Nó nói rằng, ông nuôi nó đấy, nội ạ! – Igor vẻ khó chịu giải thích – Kia ông xem, cả một kho súng... Biết bao nhiêu mà kê! Thế mà ông lại sinh bệnh... Tay ông giờ ra sao?

Tôi thật không may: Ngón tay phải bị tê dại, chỗ giữa ngón tay cái và ngón tay trỏ tôi cảm thấy có vết lõm đáng nghi ngờ. Làm thế nào đây? Tôi gọi điện nhờ một giáo sư quen xem hộ. Ông khám kỹ bàn tay, lấy tay nắn toàn bộ cánh tay đến tận khớp tay và kết luận chung chung: “Không giúp gì được mây... Tuổi già mà!” Một lời an ủi thế thôi!

Tuy nhiên, giáo sư vẫn chỉ định biện pháp: đeo cái “cổ áo” đặc biệt và hứa sẽ tìm cho một loại thuốc nước ngoài nào đó, không rõ lắm... có thể chỉ mới ở giai đoạn đầu – không thể khác.

Thế là tôi sinh ra giận dữ: giận ông ấy, giận mình và giận cả trời lẫn đất. Tôi bắt đầu quở trách mình. Làm sau mà mày phải ủ dột đến thế? Mày không nhớ câu tục ngữ này à: “Đừng vội nhụt chí!”

Tôi mở cuốn “khoa học chiến thắng” của bá tước Alêchxandr Vaxilievich Xuvôrôp, để xem vị nguyên soái nói gì về trường hợp này?... Lòi chỉ dẫn hoàn toàn rõ ràng: “Hãy tránh xa nơi lười biếng! Thuốc của Đức từ xa xôi dễ bị hỏng, hoàn toàn mất tác dụng, lại vừa có hại. Ngồi lính Nga không quen dùng. Chúng ta có nhiều loại cây, rễ, lá, cỏ làm thuốc”.

Tôi nhớ, trong một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết về những người vùng núi, có những dòng đọc lên thật sừng sốt. Người ký sĩ già quở trách người ký sĩ trẻ: “Mày là kẻ lười nhác! Chỉ muốn kiếm bánh mì bằng mồ hôi chứ không chịu đổ máu!” Lúc đó tôi nghĩ: Chà chà, thời ấy khiếp thật.

Phải chăng, thời ấy đã trở lại? Không chỉ ở ta, mà trên khắp thế giới cũng vậy. Mong cho đất nước Môzâmbích có lá cờ in hình khẩu AK-47, cái cuốc và quyển sách mở được yên hàn một chút. Mong cho các nước khác ở khắp châu Phi, châu Á, ở Trung Đông thực sự quên đi rằng, súng không nuôi được người, mà chỉ có lao động và học tập mới nuôi sống được con người.

Một lần, đang suy ngẫm về tất cả những điều này, thì bỗng nhiên trong đầu tôi xuất hiện một từ nghề nghiệp chuyên môn, nhưng nó lại đúng những gì đã xảy ra với các nhà thiết kế vũ khí, đó là từ: “Bật trở lại”. Ít nhất cũng có ba người cùng tôi gồm Iutgin Xtônner, Uzin Galin – Blasnhicôp và tôi thiết kế ra các khẩu tiểu liên nhằm mục đích tiêu diệt nhanh chóng bọn phát xít... Nhưng những viên đạn bay ra từ khẩu M.16 là để rượt đuổi người Việt Nam đấu tranh thống nhất đất nước. Những loạt tiểu liên từ khẩu Uzi phá tan niềm hy vọng mong manh ở Palêxtin, và ở các nước láng giềng... Thế còn nói gì về khẩu AK của tôi? Đó là sự bật trở lại của lịch sử để lại những hậu quả đau buồn nhất: bắn giết lẫn nhau.

Mùa hè năm 96, vào một ngày chủ nhật tôi đi nghỉ, đến gần trung tâm thành phố, tôi dùng chiếc UAT trước đèn tín hiệu (chiếc xe này Bộ trưởng quốc phòng Uxtinôp cấp riêng cho tôi dùng để “nghỉ ngơi tích cực”). Ngó đi ngó lại, tôi nhìn thấy chiếc vỏ đạn AK lăn trên đường nhựa, có thể nó bị bánh xe đi qua trước mặt tôi hất văng ra, hoặc do gió thổi đẩy tới. Vô tình tôi đưa mắt nhìn xung quanh và bỗng nhiên, lại nhìn thấy cái thứ hai gần đây... Thế là rõ, đêm qua ở đây người ta đã bắn... Và tôi bỗng nhớ lại thời ở trường bắn, các chiến sĩ không được trở về doanh trại nếu chưa tìm thấy hết vỏ đạn trong bãi cỏ... nhưng việc phải thế! Còn bây giờ thì ở ngay ngã tư nhộn nhịp này, chẳng ai buồn nhặt vỏ đạn, cũng không động chạm đến ai: coi như là chuyện bình thường!

Tôi mãi nghĩ ngợi mông lung và cảm thấy cay đắng quá đến nỗi đèn xanh đã bật mà tôi vẫn không đi. Một chiến sĩ cảnh sát giao thông trẻ măng đến gần hỏi: “Có việc gì xảy ra vậy?”

- Không, không, – Tôi trả lời – Cảm ơn.

Người cảnh sát đi khỏi, cuối cùng tôi cũng cho xe chạy và lại tiếp tục dòng suy nghĩ: tai họa đã đến, với chúng ta với tất cả mọi người.

Vũ khí đáng ra phải dựng theo hình tháp, có người canh giữ nghiêm ngặt, phải để trong kho có bảy lần khóa cửa, nhưng thực tế lại trôi nổi, trao tay, hầu như tự do buôn bán. Thật là tai họa, tai họa khủng khiếp!!

Thế nhưng, tại sao người ta vẫn tiếp tục coi những nhà thiết kế chứ không phải những nhà chính trị là “kẻ thù của xã hội?”

Dưới đây là bức thư tôi mới nhận được.

“Kính thưa ông Mikhain Timôphêvich!

Thứ bảy tuần trước, trên tờ báo “Herald Sun” của Menbuốc có đăng bài báo về ông. Tôi nghĩ rằng tòa soạn, có thể không nghĩ tới việc gửi tờ báo cho ông, vì vậy tôi cắt ra đây để gửi cho ông. Chỉ dờ một điều là tôi không biết địa chỉ của ông, nên tôi gửi giống như Sêkhốp gửi cho “ông già ở quê”. Qua bài báo tôi biết rằng ông sống ở đâu đó thuộc Igiepxk. Hy vọng rằng ông sống không quá bí mật, nên người đưa thư sẽ chuyển tới được cho ông. Tôi rất hài lòng khi ông nói về nước Nga hiện đại. Tôi cũng gửi cho ông lời của bài hát về nước Nga hiện nay. Lời thơ này hình thành vào dịp gần đến năm mới, khi tôi nhìn thấy trên hình tivi bản đồ đất nước vĩ đại của chúng ta như đang bị gặm dần xung quanh.

Chúc ông mọi điều tốt lành!

Xin gửi lời chào từ nước Úc xa xôi!

Kính thư. Igor Megiacốp – Côriackin”

Kèm thơ bức thư là lời của “Bài hát về nước Nga”, đây là đoạn đầu của bài hát đó:

Như đàn chó núi gặm nước Nga

Bản đồ xưa cũ chẳng nhận ra

Tôi vẫn thế, nhưng dù thành nước khác

Có bao giờ nghèo đói thế, nước Nga

Gọi là “Nga” nhưng chẳng còn nước Nga

Kẻ thù chính phục? Chiến tranh tàn phá xót xa?

Có thể ta không tán thành với tác giả – nhưng điều ghi nhận là ở chỗ khác: về tình cảm sâu sắc đối với Tổ quốc mà điều đó ngày nay ở đây, trong nước Nga, người ta đang tìm cách xóa bỏ trong giới trẻ.

Gần đây, nhà văn người Ađugêi Innux Truiacô có gửi cho tôi cuốn tiểu thuyết của ông mang tên “Truyện thuyết về con Sói Sắt”. Diễn biến của câu chuyện bao trùm gần hai thế kỷ: Từ khi tướng Ermôlốp chinh phục Capcador ở đầu thế kỷ trước, cho đến tận những cuộc chiến tranh đau xót ngày nay ở Apkhadia và ở Treesnhia theo tôi nghĩ. Cuốn tiểu thuyết viết rất chân thực và sâu sắc, nhưng điều mà làm trái tim tôi day dứt hơn cả là đoạn mô tả ngày Chiến thắng ở Beclin vào năm 1945. Muốn hay không muốn, chiến tranh đã biến tôi thành người lính, và sẽ là người lính suốt đời cho dù bây giờ tôi mang quân hàm tướng. Truiacô viết rằng, trên quảng trường lớn trước nhà quốc hội Đức còn nóng rực tiếng nhạc vùng Ađugêi nổi lên, cuốn hút Capcador cứ đến với chúng tôi dần dần rất đông”. “Cậu ở đâu?” “Ở Lezgin” “Còn cậu?” “Tớ là người Apkhadia”. “Nhìn cậu thì nhận ra ngay là dân Acmêni!” “Còn cậu?” “Cumức!” “Còn cậu?” “Agiecbaidan!” Tôi là người Avari!” “Còn chúng tôi là người Oxêtin!” Cả vùng Capcador, toàn bộ Capcador đã có mặt ở đó! Có hai chàng Cadác vùng Cuban đến gần yêu cầu: Hãy chơi tiếp điệu này này nhé! Xong rồi! Anh em chúng tôi bắt đầu nhảy, các bạn Kadác hừng hực lửa nhiệt tình hòa vào, và thế là tất cả cùng nhảy. Và kia, con trai, có thấy gì ở đằng kia không? Đầu tiên là các chàng trai vùng Capcador nhảy, sau đó là tất cả ai có mặt trên quảng trường đều nhảy điệu “Ixlamêi” của chúng tôi. Tôi chuyên chiếc dù trống cho “đứa con” của trung đoàn người Bêlarux và cùng tham gia với các bạn trẻ. Thế là tất cả chúng tôi cùng nhảy, cùng cười và cùng khóc...”

Tôi cũng khóc: Vì sự thống nhất của chúng ta đã mất.

Không phải chúng ta tấn công nước Pháp: Mà Napôlêông đã tấn công nước Nga. Không phải Liên Xô tấn công nước Đức, Hítler đã ra lệnh cho các trung đoàn tấn công ta. Và ta đều rõ cả hai cuộc chiến tranh 1813 và 1945 kết cục thế nào. Vì khi đó các dân tộc của nước Nga tin tưởng thiêng liêng vào tình đoàn kết anh em không gì phá vỡ nổi... Vâng, mong cho tình cảm đó hồi sinh lại trong tâm hồn ta, trong trái tim ta, vì Tổ quốc đang chịu nhiều đau khổ.

Ngay trước khi năm mới, tôi kết thúc những dòng ghi chép này. Năm nay, mùa đông mãi không đến vùng chúng tôi, nhưng rồi cuối cùng những bông tuyết đã rơi, ở chỗ những chỗ đông người đã có bán cây

thông.

Tôi đứng trong nhà bếp, bên cửa sổ và nhìn thấy trên sân trường đối diện ông già Tuyết áo đỏ, mũ đỏ bước từ xe ra, còn những người giúp việc đi cùng thì bắt đầu dỡ các gói quà ra... Tôi nghĩ: Có sớm lắm không nhỉ? Hay là ông già Tuyết nhiều việc quá nên phải bắt đầu sớm. Lúc này, trong đầu tôi thoáng qua một ý nghĩ cay đắng: cầu mong cho ông ta khỏi phải mất việc trong thành phố chúng ta.

Nghe thấy tiếng chuông điện thoại, mà những người tốt bụng đã lắp thêm cho bộ khuếch đại công suất mạnh, tôi cầm lấy ống nghe. Tổng giám đốc nhà máy cơ khí Igiepxk Trugupxki một nhà vũ khí nhiệt tâm, có chuyên môn cao, một người lao động vĩ đại gọi cho tôi. “Tôi nhớ ra, vào tháng ba chúng ta sẽ kỷ niệm 50 năm ngày ra đời của khẩu tiểu liên Kalasnhicốp, tôi quyết định làm người đầu tiên chúc mừng...” “Thế là ông không kịp – Tôi trả lời cố ý tiếc rẻ. – Đã có người chúc trước...” Vốn là người hóm hỉnh, ông nói to giọng sôi nổi: “Hãy nói tên người đó cho tôi biết!” Tôi cầm chiếc phong bì để trên bàn cạnh điện thoại: “Raphic Xabirôvich Aizatulốp” – “Ông ấy là ai?” – Truguepxki hỏi. “Ông ấy là đồng nghiệp của ông: Tổng giám đốc nhà máy cơ khí tây Xibêri. Ông chúc mừng trước ngày kỷ niệm AK và mời tôi đến thành phố Nôvacuzônhetxk của ông. Ông nói rằng, tôi là điển hình của người lao động sống lâu...” Ông đỡ lời: “Vị tướng đầu bạc vẫn đi cày, đi cày”.

Đây là một câu trong bài thơ cùng tên của nhà thơ Igiepx Vladimir Trapkin tặng tôi. Bài thơ đã kịp phổ biến rộng rãi trong giới bạn bè đồng hương chúng tôi và tôi tin rằng nó sẽ được phổ biến rộng rãi hơn, không phải vì nhà thơ đã “đoán trúng” mối quan hệ của tôi. Không đơn giản là toàn thể nhân dân Nga chúng ta – nhân dân lao động và mọi người đã từ lâu chán không muốn nghe những lời ngược lại về họ, những lời chỉ trích họ. Và họ, cũng đã chán thành rồi rạc phân tán và không có những tấm gương tốt để noi theo. Mọi người đều rất muốn để tất cả chúng ta cùng lao động chung, và lao động trong môi trường xứng đáng để từ “vị tướng đầu bạc” cho đến em bé lau kính xe đứng trên ngã tư đường đầy khói ga, bụi.

Tuyết rơi ngoài cửa sổ. Qua màn tuyết, hiện ra những ngọn đèn trên cây thông tỏa sáng trong căn phòng đối diện của nhà trường.

Cuối năm: đã đến lúc tiến hành tổng kết. Cuối thế kỷ. Và cuối một nghìn năm. Từ nay đến lúc đó còn lại bao nhiêu thời gian nữa? – Và nếu như mỗi người “tổng kết năm” không khó khăn lắm thì chúng ta sẽ giải trình thế nào cho mười thế kỷ đã qua? Chúng ta sẽ bước vào thế kỷ mới – kỷ nguyên mới như thế nào?

Đã lâu rồi, từ khi còn trẻ, vào cái thời tranh chấp với kỹ sư Deriabik chỗ đứng bên hồ đối diện với tòa nhà cũ của “IMAS”, trong đau khổ tôi đã viết câu thơ sau:

Bằng lao động kiên cường tôi dựng tượng mình lên,

Bàn tay lính giơ cao cương trực.

Biểu tượng nước Nga, không bao giờ khuất phục

Là chính khẩu AK chiếm trọn vẹn niềm tin

Từ “nước Nga” hồi đó không một, mà nói chung tôi viết không phải để in mà chỉ cho bản thân. Thế nhưng vào tháng năm, khi tôi ở thăm Thụy Sĩ, đại sứ Xtêpanốp đã cho kéo cờ trước tòa nhà đại sứ ta. Ông nói với tôi:

- Chúng ta rất hiếm khi kéo cờ, chỉ khi nào có sự kiện đặc biệt nổi tiếng. Hôm nay kéo cờ là để chào mừng ông.

Ngay khi ở bên đó, tôi đã suy ngẫm: Cá nhân tôi là gì mà đại sứ lại làm như vậy? Chắc hẳn để ra đi như vậy ông đã cân nhắc kỹ, tin tưởng vào sự đúng đắn của quyết định, nhất là đối với giới ngoại giao vốn là những người thông minh, không có hành động thừa... Và trở về nhà, nghĩ đi nghĩ lại thì mới hiểu. Hóa ra là báo chí Thụy Sĩ đã kể về chuyến đi của tôi rất rộng rãi và thân tình – có thể chính họ đã thúc đẩy hành động ngoại giao trên.

Ở Thụy Sĩ, người ta rất trân trọng giữ gìn những kỷ niệm về Xuvôrôp và về những tráng sĩ diệp kỳ của ông, như chính Xuvôrôp vẫn gọi những chiến sĩ của mình như vậy. Trong vùng núi Xen-Gôtard người ta đã xây dựng khu tưởng niệm mới tuyệt vời làm sao! Và khi chúng tôi có mặt ở đó, những nhà bình luận và các nhà báo rỗi rãi đã bắt đầu nói và viết: Nhà thiết kế Nga nổi tiếng Kalasnhicốp rất giống đại nguyên soái Xuvôrôp. Khi bắt đầu nghe thấy câu này, thậm chí tôi đã đi đến gần gương soi, nhưng chỉ phát hiện ra sự ngạc nhiên trên mặt mình. Có thể nguyên nhân là do tôi thấp? Hoặc thể tạng khô cứng, không thể nào gọi khác đi được?

Giờ đây, khi năm mới đã cận kề, khi sắp kết thúc quyển sách của mình tôi lại nghĩ đến điều này. Và tôi cũng nghĩ rằng: “Bức tượng” của tôi cũng thế không chỉ dành cho riêng tôi mà còn để tưởng nhớ đến biết bao con người đã lao động quên mình để có được khẩu AK cho ngày nay, nhưng họ lại không được ai biết

đến và không được ở đâu nhắc tới... Cũng như vậy, lá quốc kỳ kéo lên trước sứ quán Nga ở Thụy Sĩ không chỉ để chào mừng riêng tôi mà còn dành niềm vinh quang ấy cho cả các bạn, những người giúp việc và bạn chiến đấu củ tôi. Hơn thế nữa, đó cũng là niềm vinh quang của tất cả đồng bào thân thiết của tôi, những người đang phải kiên gan chịu đựng nhiều đau khổ!

Cho dù những điều nói trên có hơi giống sự ban phát những lời chúc tụng huyền hoặc, thì lời nói chân thành, tốt đẹp hiện nay ở nước Nga chúng tôi vẫn được đánh giá cao hơn là tiền. Nhưng tôi vẫn muốn dành những lời nói đó gửi tới nhân dân vĩ đại chúng ta, những người đang phải sống trong những ngày khó khăn chung với mọi người hiện nay.

Cho dù bức màn che trên chiếc cửa sổ thiêng vẫn còn bung bít, không một đóm lửa lọt qua, thì chẳng bao lâu nữa nhất định nó sẽ xuất hiện từ xa. Và lúc ấy tất cả chúng ta sẽ thở phào nhẹ nhõm và cùng vui sướng rạo bước trên đường...

**HẾT.**

---